

TỦ SÁCH NOBEL VĂN CHƯƠNG

ANATOLE FRANCE



# THIÊN THẦN NỔI LOẠN



TAO ĐÀN



NHÀ XUẤT BẢN  
HỘI NHÀ VĂN





## THIÊN THẦN NỖI LOẠN

Anatole France

Đoàn Phú Tứ dịch

Nhà xuất bản Hội nhà văn - 2015



Scan & PDF: Anan Két, thanhbinhtran

Chuyển text & tạo ebook: Caruri

tve-4u.org

30/07/2019

Dù đã cố gắng nhưng ebook có thể còn sót một số lỗi chính tả, mong bạn đọc thông cảm! Ebook được thực hiện không nhằm mục đích kinh doanh.

*Caruri*

## CHƯƠNG THỨ NHẤT

### *Đôi ba dòng về lịch sử một dòng họ Pháp từ 1789 đến nay.*

Dưới bóng nhà thờ St. Sulpice, dinh thự của dòng họ d'Esparvieu sừng sững ba tầng cao khắc khoải giữa một cái sân xanh rêu và một khoảnh vườn, đời này qua đời khác, đã bị thu hẹp bởi những tòa nhà xây càng ngày càng cao hơn và sát hơn, và từ trong vườn đó hai cây dẻ lớn vẫn còn vươn lên những cái chòm heo hắt. Chính đó, từ 1825 đến 1857, là nhà ở của bậc danh nhân dòng họ, ngài Alexandre Bussart d'Esparvieu, phó chủ tịch Tham chính viện dưới Chính thể thánh Bấy, viện sĩ Học viện Khoa học nhân sinh và chính trị\*, tác giả bộ sách Khảo luận về các thiết chế dân sự và tôn giáo của các dân tộc, gồm ba tập in khổ 13 x 19, tác phẩm đáng tiếc là chưa hoàn thành.

Académie des Sciences morales et politiques - một trong năm học viện lớn, hợp lại thành *Pháp quốc Bác học viện* (Institut de France).

Nhà lý thuyết lỗi lạc, theo chế độ quân chủ tự do đó có người thừa kế cả về huyết thống, cơ nghiệp và vinh quang là Fulgence-Adolphe Bussart d'Esparvieu sau này là nguyên lão nghị viện\* dưới thời Đế nhị đế chế\*, đã làm phình to sản nghiệp của mình bằng cách tậu những khu đất sau này sẽ nằm hai bên đại lộ Nữ Hoàng và đã đọc một bài diễn văn xuất sắc bênh vực quyền lực thế tục của các Giáo Hoàng.

Nguyên lão nghị viện này, tên gọi là Nguyên lão nghị viện bảo thủ (Senat conservateur) được sáng lập ở Pháp năm 1799, đến 1811 bị phế bỏ, rồi đến 1852 được tái lập dưới thời Đế nhị Đế chế, và đến 1870 lại bị phế bỏ cùng với đế chế bị truất bãi, để đến năm 1875 được tổ chức lại thành Thượng nghị viện của Đế tam Cộng hòa.

Nền đế chế của Napoléon III.

Fulgence có ba con trai. Con cả, Marc-Alexandre nhập quân ngũ và làm nên sự nghiệp lớn: ông ta nói giỏi. Con thứ hai, Gaétan, không thấy biểu lộ một năng lực đặc biệt nào, thường sống nhiều ở nông thôn săn bắn, nuôi ngựa, chơi nhạc và vẽ tranh. Con thứ ba, René, từ tuổi thơ ấu đã được hưởng theo nghề pháp quan, đã từ chức phó biện lý để khởi dấn dáp vào việc thi hành những sắc lệnh của Ferry về các giáo đoàn, và, sau này, dưới thời tổng thống Fallières\* thấy đã trở lại thời kỳ đàn áp các tín đồ Cơ đốc giáo\* ông đã đem tài học và lòng nhiệt thành ra phục vụ cho Nhà thờ bị ngược đãi.

Fallières (1841-1931): chính khách người Pháp, Chủ tịch Thượng nghị viện (1899) và Tổng thống nước Cộng hòa Pháp từ 1906 đến 1913.

*Nguyên văn*: đã trở lại những ngày của Decius (249-251) và Dioclétien (284-305). Decius, Dioclétien - hai vị hoàng đế La Mã khét tiếng là ngược đãi tín đồ Cơ đốc giáo.

Kể từ thỏa ước năm 1801\* đến tận những năm cuối cùng Đế nhị đế chế, mọi người trong dòng họ d'Esparvieu đều đi lễ nhà thờ để làm gương. Tâm tâm họ hoài nghi, họ coi tôn giáo là một phương tiện trị dân. Các ông Marc và René là những người đầu tiên trong tầng lớp ấy đã tỏ ra có một niềm mộ đạo chân thành. Ông tướng thì khi còn là đại tá đã hiến dâng trung đoàn của ông cho nhà thờ Thánh Tâm\* và ông theo đạo với một niềm sốt sắng rõ rệt, dù là một quân nhân, tuy ai cũng biết rằng lòng sùng tín, con gái của Trời, đã chọn trái tim các tướng lĩnh Đế tam Cộng hòa làm nơi cư ngụ yêu thích hơn cả trên trái đất. Lòng tín mộ cũng có những bước thăng trầm. Dưới chế độ cũ, dân chúng tin đạo; giai cấp quý tộc thì không, cả giai cấp tư sản có học thức cũng không. Dưới Đế nhất đế chế, quân đội từ trên xuống dưới hết sức vô tín ngưỡng.

Concordat: thỏa ước kí kết giữa Bonaparte (hồi đó là Đệ nhất tổng tài) và Giáo Hoàng Pie VII ngày 15-7-1801, quy định các quan hệ giữa nước Pháp với Tòa thánh và giữa Nhà nước với Nhà thờ.

Sacré - Coeur: được xây ở Paris, trên ngọn đồi Montmartre, khởi công từ 1875, hoàn thành năm 1914, cao 80 mét, tháp chuông cao 100 mét, xây theo kiểu La Mã xưa, dùng làm pháp đình và phòng thương mại.

Ngày nay dân chúng chẳng tin cái gì cả. Giai cấp tư sản muốn tin và đôi khi đạt tới niềm tin, cũng như các ông Marc và René d'Esparvieu đã đạt được. Trái lại, người anh em ruột của họ, ông Gaétan nhà quý tộc nông thôn lại không đạt được cái đó: ông ta theo thuyết bất khả tri, như người ta thường nói trong chốn xã giao, để khỏi phải dùng các từ ngữ khả ố là tự do tư tưởng. Và ông tuyên bố rõ là theo thuyết bất khả tri, trái với phép lịch sự muốn chuyện đó phải kín đáo. Trong thời đại chúng ta đây, có biết bao nhiêu là cách tin và không tin, các sứ giả sau này khó mà lần được ra. Cũng như chúng ta, liệu có lần ra nổi tình trạng tín ngưỡng thời kỳ đa thần giáo hay không?

Là người Cơ đốc giáo nhiệt thành, René d'Esparvieu lại gắn bó chặt chẽ với những tư tưởng tự do mà tổ tiên ông đã truyền lại cho như một thứ hương hoa thiêng liêng. Bị dồn đến bước phải chống lại nền Cộng hòa vô thần và Dân chủ tiến bộ, ông ta vẫn còn tuyên bố là thuộc phái Cộng hòa. Chính là nhân danh tự do, mà ông đòi Nhà thờ phải có độc lập và chủ quyền. Trong thời gian có những cuộc tranh luận lớn về sự phân lập\* và những cuộc tranh chấp về các vụ Tổng kê\*, các hội nghị Giám mục và các hội đồng giáo hữu đều họp ở nhà ông ta.

Séparation: giữa Nhà thờ với Nhà nước, không bên nào dính líu đến công việc của bên nào.

Inventaires: tài sản của Nhà thờ, bị Nhà nước tịch thu.

Ở phòng khách lớn màu xanh lục, nơi các thủ lĩnh có uy tín nhất của phe đảng Thiên chúa giáo tụ hội lại, chủ giáo, tướng lĩnh, nghị viện, hạ nghị viện, nhà báo, mọi tâm hồn hiện diện đều hướng về La Mã với một niềm thuận phục dịu dàng hoặc một vẻ thuận lòng cưỡng ép, và ông d'Esparvieu, tỳ khuỷu tay trên tấm đá hoa mặt lò sưởi, đem giáo luật đối lập với dân luật và hùng hồn phản kháng sự cưỡng đoạt tài sản của Giáo hội nước Pháp, hai bức họa cổ cảm lạnh, bất động, ngó nhìn cuộc hội họp hiện đại. Bên phải lò sưởi là bức họa của David\*, vẽ ông Romain Bussart, dân cày ở Esparvieu, mặc áo ngắn và quần cụt bằng vải gai, vẻ mặt thô và láu, hơi chút ngạo nghễ. Ông ta có lý do để cười: ông lão đã xây nên cơ nghiệp của dòng họ bằng cách mua những tài sản của Nhà thờ. Bên trái là bức họa của Gérard\* vẽ chân dung nam tước Emile Bussart d'Esparvieu y phục đại khánh tiết, lờ lợt những huân chương, là con trai ông lão nông dân kia, đã từng là giám cung của đế chế\* và làm chưởng ấn đại thần dưới triều vua Charles X, chết năm 1837. Khi đương giữ chức vụ ủy viên quản lý tài sản giáo hội và khi chết vẫn lẩm nhẩm những câu thơ nhỏ nhỏ trong tác phẩm Nàng trinh nữ\*.

Jacques-Louis David (1748-1825): danh họa người Pháp, trong thời Đế chế, chuyên vẽ Napoléon.

Nam tước François Gérard (1770-1837): họa sĩ người Pháp, tác giả bức họa nổi tiếng Trận đánh Austerlitz (chiến thắng rực rỡ của Napoléon I).

Préfet de l'Empire: thời Đế nhất Đế chế của Napoléon I, đã tạo ra một mạng lưới bảo vệ chính quyền trung ương, gồm có một Tổng quản đại thần (gouverneur), những giám cung (préfets du palais) và những nội thần (chambellans) có quyền hành cao để ngăn chặn mọi hành vi có thể xúc phạm chính quyền, không kể các préfet khác (tỉnh trưởng) đại diện cho nhà nước và có uy quyền tuyệt đối ở địa phương.

La Pucelle: một vở kịch thơ, đề tài là chuyện nữ anh hùng dân tộc Pháp Jeanne d'Arc.

Năm 1888 René d'Esparvieu đã lấy Marie-Antoinette Coupelle, con gái

nam tước Goupelle, chủ xưởng luyện sắt ở Blainville trong tỉnh Haute Loire. Bà René d'Esparvieu, từ năm 1903, làm chủ tịch Hội những bà mẹ Cơ đốc giáo. Đôi vợ chồng tuyệt hảo đó đã gả chồng cho con gái lớn năm 1908, nay chỉ còn ba người con, một gái và hai trai, ở với họ.

Léon, cậu con út, lên sáu tuổi, có buồng riêng bên cạnh buồng của mẹ và của chị Berthe. Maurice con trai cả, ở trong một biệt thất nhỏ gần hai căn phòng ở cuối vườn. Ở đó chàng trai này được tự do, vì thế mà cuộc sống gia đình cũng thành dễ chịu. Anh chàng khá xinh trai, lịch sự, mà không có vẻ kiêu cách quá đáng, nụ cười mỉm của anh, chỉ nhếch một bên mép lên, cũng không phải là không có duyên. Mới hai mươi năm tuổi, Maurice đã có đủ cái khôn ngoan trong kinh Người truyền đạo\*. Không tin rằng mọi khổ cực tự chuốc lấy trên đời sẽ có lợi lộc gì cho con người nên anh không bao giờ chịu nhọc công một chút gì hết. Ngay từ hồi còn bé tí teo, anh chàng con nhà nòi đó đã chuyên tâm học cách lẩn tránh việc học hành, và chính do thờ ơ với sự dạy dỗ của nhà trường, mà anh ta đã có bằng tiến sĩ luật khoa và trở thành luật sư Tòa thượng thẩm.

Livre de l'Ecclésiaste: triết lý căn bản của kinh này là thế sự đều hư không. “Hư không của hư không, hư không của hư không, thấy đều hư không”. (*Vanitas vanitatum, vanitas vanitatum, et omnia vanitas*). Đó là câu mở đầu của sách. Câu thứ hai là câu mà Anatole France lấy lại nguyên văn cho tiếp theo câu trên: “bao nhiêu khổ cực... được lợi ích gì?”. Từ triết lý căn bản đó, tất phải rút ra cái đạo lý mà Maurice luôn luôn tuân theo, là hãy tiếp nhận mọi sự vật y nguyên như nó đến, coi đó là ý muốn của Thượng đế, và hãy hưởng thụ đi.

Anh không tranh tụng và cũng không làm tố tụng\*. Anh không biết gì hết, không muốn biết gì hết, bằng cách đó anh xử sự phù hợp với thiên tư của anh, cái thiên tư bé mọn đáng yêu anh không bắt nó phải chứa chất quá nặng nề, và may mắn sao bản năng cũng khuyên anh nên hiểu ít còn hơn là hiểu

sai.

Luật sư có hai loại hoạt động khác nhau, một là luật sư tranh tụng, hai là luật sư tố tụng.

Theo cách diễn đạt của linh mục Patouille, Maurice bẩm sinh đã thu nhận của trời những ơn huệ của một nền giáo dục Cơ đốc giáo. Từ hồi còn trẻ thơ, lòng sùng đạo của anh đã được hình thành nhờ những gương sáng ngay trong nhà, và khi học xong trung học rồi vào trường Luật, anh thấy học thuật của các bậc tiến sĩ, đạo hạnh của các cha nghe tội, đức kiên trinh của các phụ nữ đầy sức mạnh đều đã có nền nếp ở ngay gia đình bố mẹ anh. Nhưng được vào cuộc sống xã hội và chính trị vào thời kỳ giáo hội nước Pháp bị ngược đãi lớn, Maurice không vắng mặt trong một cuộc biểu tình nào của thanh niên Công giáo, hồi tiến hành những vụ tổng kê. Anh góp công đi dựng chướng ngại vật của giáo khu và cùng với các bạn đã tháo yên cương những con ngựa của vị tổng Giám mục bị đuổi ra khỏi dinh thự. Tuy nhiên, trong những trường hợp đó, anh tỏ ra sốt sắng vừa phải thôi: không bao giờ thấy anh đi hàng đầu đoàn người anh đứng kia, đang khích quân đội bất tuân thượng lệnh một cách vẻ vang và ném vào mặt bọn thu thuế những rác rưởi bẩn thỉu cùng những lời thóa mạ.

Anh chỉ làm bốn phận thế thôi, nếu anh có nổi bật, và trong vụ hành hương lớn năm 1911\* nếu anh có nổi bật trong bọn khiêng cáng ở Lourdes\* thì e rằng đó cũng chỉ là để được lòng bà de la Verdelière, là người thích cánh đàn ông lực lưỡng. Linh mục Patouille, bạn thân của gia đình, con người hiểu biết rất sành sỏi mọi tâm hồn, biết rằng tham vọng tử vì đạo ở Maurice rất chừng mực thôi. Ông chê trách lòng kém nhiệt thành của anh, và kéo tai anh, gọi anh là thằng lười nhác. Dù sao, Maurice cũng vẫn còn là kẻ tin đạo.



Trong các lầm lạc của tuổi trẻ, niềm tin của anh vẫn nguyên vẹn, vì anh có động gì đến nó đâu. Anh chưa hề xem xét kỹ điểm nào của niềm tin ấy. Anh cũng chẳng hề xem xét kỹ hơn các tư tưởng đạo đức ngự trị cái xã hội của anh. Anh tiếp nhận những tư tưởng đó y nguyên như khi chúng được đem đến cho anh, cho nên, trong mọi trường hợp, anh vẫn tỏ ra là một con người hoàn toàn trung thực, điều mà có lẽ anh không thể làm được nếu anh nghiên ngẫm về cơ sở của các phong tục. Anh dễ kích động, dễ nổi cáu, anh có danh dự và chăm chú tra dồi tình cảm danh dự. Anh không có tham vọng, cũng không thích hư vinh. Cũng như phần đông người Pháp, anh không thích tiêu pha; có lẽ anh chẳng cho phụ nữ cái gì cả, nếu họ không biết cách ép anh. Tưởng rằng khinh bỉ họ, thực ra anh lại tôn thờ họ, và bản tính dâm dục quá tự nhiên nên anh không nhận ra điều đó. Điều không ai biết và chính anh cũng mù mịt hoàn toàn, điều mà đáng lẽ mọi người có thể đoán được khi thấy một ánh sáng nhỏ ướm át thỉnh thoảng lấp lánh trong đôi mắt xinh đẹp màu hạt dẻ nhạt của anh, là anh vốn có tình cảm và dễ kết bạn; ngoài ra trong cuộc giao tiếp thường ngày với cuộc đời, anh cũng khá độc ác.

Cuộc hành hương đến nhà thờ Courdes nổi tiếng là linh thiêng.

Tổng lý trong tỉnh Hautes Pyrénées trên bờ dòng thác Pau. Nhà thờ Lourdes nổi tiếng về những phép màu của Đức Bà Đồng Trinh, là một nơi hành hương nổi tiếng - Khiêng cáng, có lẽ là để đưa bệnh nhân bị tê liệt đến xin phép màu của Đức bà.

## CHƯƠNG THỨ HAI

*Sẽ thấy ở chương này những chỉ dẫn bổ ích về một thư viện, nơi đó ít lâu sau sẽ xảy ra những biến cố lạ kỳ.*

Rất thèm khát bao quát được toàn bộ kiến thức của loài người và ước mong đem lại cho thiên tài bách khoa của mình một biểu tượng cụ thể và một thiết bị phù hợp với túi tiền, nam tước Alexandre d'Esparvieu đã thành lập một thư viện có ba trăm sáu mươi nghìn cuốn sách, vừa sách in vừa bản thảo, đại bộ phận là từ tu viện dòng thánh Benedictines ở Ligugé\* đến.

Ligugé: tên một xã ở tỉnh Vienne, quận Poitiers, miền tây nước Pháp, có tu viện dòng Thánh Benedictines sáng lập năm 361. François Rabelais hồi đầu đã là tu sĩ của tu viện đó.

Bằng một điều khoản đặc biệt trong chúc thư, ông đã quy định cho các người thừa kế sau này sẽ phải gia tặng cho thư viện của ông tất cả những sách xuất bản quan trọng về các môn khoa học tự nhiên, nhân sinh, chính trị, xã hội, triết lý và tôn giáo. Ông đã chỉ rõ những món tiền cần trích ở di sản của ông để dùng vào việc đó, và ủy thác cho con trai cả là Fulgence-Adolphe tiến hành công cuộc gia tặng này. Fulgence-Adolphe, với một niềm hiếu kính, thực hiện các ý muốn đã được người cha hiển danh bày tỏ.

Sau khi ông chết, cái thư viện mênh mông đáng giá hơn một phần thừa kế của con cái đó vẫn để nguyên chưa chia cho ba người con trai và hai người con gái của ông nguyên lão nghị viên; còn René d'Esparvieu được thừa hưởng tòa dinh thự ở phố Garancière, có trách nhiệm trông nom bộ sưu tập phong phú đó. Hai người chị em gái của ông ta, bà Paulet de Saint-Fain và bà Cuissart, nhiều lần đòi thanh lý một tài sản lớn lao mà chẳng sinh lợi chút

nào. Nhưng René và Gaétan đã mua lại phần của hai bà chị cùng thừa kế, và thế là thư viện được cứu vãn. René d'Esparvieu thậm chí gia tăng nó theo đúng những ý định của người sáng lập. Nhưng năm này qua năm khác, ông ta giảm bớt số sách mua cả về số lượng và chất lượng vì cho rằng sản phẩm trí tuệ ở châu Âu đương sút kém.

Song Gaétan lại dùng tiền túi để làm giàu thêm cho thư viện bằng những tác phẩm mới mà ông cho là hay, xuất bản cả ở Pháp cũng như ở nước ngoài; và xem chừng ông ta không thiếu trí phán đoán, mặc dầu anh em của ông không thừa nhận lấy một mảy may. Nhờ con người nhàn rỗi và hiếu kỳ đó, các bộ sưu tập của nam tước Alexandre hầu như được hoàn bị kịp thời.

Thư viện nhà d'Esparvieu hiện nay vẫn còn là một trong những thư viện tư khá nhất châu Âu về thần học, pháp học và sử học. Các bạn có thể đến đó nghiên cứu môn vật lý học hay nói cho đúng hơn, mọi ngành của vật lý học và nếu các bạn có đôi chút quan tâm, môn siêu hình học hoặc các khoa siêu hình học, nghĩa là những gì chắp vào các khoa vật lý và không có tên gọi khác, vì thật không thể nào gọi được bằng một danh từ chỉ vật chất\* cái gì vốn không có chất mà chỉ là mơ mộng và ảo tưởng. Các bạn có thể đến đó chiêm ngưỡng các nhà triết học tiến hành công việc hòa tan, phân hủy và phân tích cái tuyệt đối, xác định cái vô định và định ranh giới cho cái vô biên. Có đủ mọi thứ trong cái đồng chất chông những kinh điển lớn và kinh điển nhỏ thiêng liêng hay phàm tục đó, có đủ mọi thứ cho đến cả cái chủ nghĩa thực dụng mới toanh và trang nhã nhất hạng.

Substantif: trong tiếng Pháp, có hai tên để gọi danh từ: nom là danh từ chỉ tên các sự vật nói chung, và substantif vốn là danh từ chỉ tên các vật có chất (substance: chất) như cái bàn, hòn đá, cái cây, v.v... Về sau, trong các sách ngữ pháp, người ta hay dùng từ substantif (thay cho từ nom) để chỉ tên bất cứ cái gì,

có chất, hay không có chất (như cái đẹp, sự suy nghĩ, sự khởi thủy, cái kết cục, v.v...). Ở đây, Anatole France dí dỏm gọi khoa học siêu hình học là cái vốn không có chất (substance) cho nên không có tên gọi (substantif), nó chẳng qua “chỉ mơ mộng và ảo tưởng”.

Những thư viện khác có nhiều hơn những bộ sách đóng bìa cứng đáng tôn kính vì cổ kính, vì góc gác hiển hách, vì nét gân và màu sắc của da bọc dịu dàng, quý về nghệ thuật của người thợ thếp vàng đã ấn những mũi sắt thành những đường chỉ và những đường ren, thành những cành cây uốn và hoa lá, thành những biểu tượng, những huy hiệu và ánh ngời dịu dàng của chúng đã làm mê mẩn những con mắt sành sỏi; những thư viện khác có thể tích chứa với số lượng lớn hơn những bản thảo trang trí bằng những bức tiêu họa tinh tế và linh hoạt nhờ ngòi bút lông của xứ Venice, Flanders, hoặc Touraine\*.

Tên những thành phố (Venice nước Ý hoặc xứ Flanders hoặc tỉnh Touraine miền Tây Bắc nước Pháp) nổi tiếng về nghề vẽ những tranh nhỏ bằng sơn (minium) tinh xảo trên các bản thảo cổ kính.

Nhưng không một thư viện nào vượt được thư viện này về những xuất bản phẩm hình thức đẹp và nội dung hay của những tác giả cổ đại và hiện đại, thánh nhân hoặc phàm nhân.

Ở đó có tất cả những gì còn lại của thời cổ đại; tất cả các Cha của Giáo hội\*, các nhà biện giải cho Cơ đốc giáo và các nhà nghiên cứu thành thạo về giáo lệnh của các Giáo Hoàng xưa, tất cả các nhà nhân văn thời Phục hưng, tất cả các nhà bách khoa, toàn bộ triết học, toàn bộ khoa học.

Les Pères de l’Eglise: những nhà giảng dạy giáo lý (docteurs de la loi) trước thế kỉ XIII, những vấn đề tín ngưỡng đã được Giáo hội coi là khuôn phép cho mọi tín đồ.

Chính cái đó làm cho Hồng y giáo chủ Merlin, khi hạ cố đến thăm thư viện đó, đã phải thốt lên:



- Không một đầu óc nào đủ sức chứa tất cả kiến thức chứa đựng trên những giá sách kia. May thay, việc đó không cần thiết.

Đức cha Cachepot, khi còn là trợ tế ở Paris, đến làm việc ở đó, vẫn thường nói:

- Tôi thấy ở đó có đủ chất liệu để làm nên nhiều đại tác giả chính giáo và tà giáo\*, nếu tâm trí con người ta đã không mất đi cái cuồng nhiệt có tự xưa đối với thiện và ác, đó là điều không ai chối cãi. Phần phong phú nhất của bộ sưu tập đồ sộ kia là những bản thảo. Đáng kể nhất trong đó là những thư tín chưa hề in của Gassendi\*, của cha Mersenne\*, của Pascal\*, chúng rọi những ánh sáng mới lên tinh thần thế kỷ XVII. Cũng không được phép quên những kinh thánh Hebrew, những pháp điển Do Thái, những khảo luận về giáo lý Do Thái, hoặc in hoặc viết tay, những văn bản tiếng Aramée\* và tiếng Samaritan\* viết trên da cừu và trên những mảnh vỏ tước ở cây phong\*, rút cục là tất cả những bản sách cổ kính và quý báu được Moïse de Dina\* thu lượm được ở Ai Cập và Syrie và Alexandre d'Esparvieu đã chuốc được không mấy tổn kém khi nhà bác học chuyên nghiên cứu tiếng Hebrew đến Paris chết già và khốn cùng năm 1836.

(Nguyên văn: ... làm nên nhiều Thomas d'Aquin và nhiều Arius). Thomas d'Aquin thường được gọi là Thánh Thomas (1225-1271) - nhà thần học lớn nhất của đạo Thiên chúa, tác giả những sách Đại toàn thư chống những người ngoại đạo (Somme contre les gentils) và Đại toàn thư thần học (Somme théologique) v.v... đều là sách diễn đạt hoàn hảo nhất của triết lý Thiên chúa giáo. Arius (256-336) - giáo sĩ, sinh ở Alexandrie, hải cảng Ai Cập, trên bờ Địa Trung Hải, ông tổ nổi tiếng của một "tà giáo", sáng lập ra môn phái những người Ariens, nghĩa là những người theo học thuyết của Arius (Arianisme).

Gassendi (linh mục Pierre Gassend tức Gassendi) (1552-1655) - nhà toán học, triết học duy vật Pháp, nổi tiếng vì những cuộc công kích triết lý của Aristotle. Ông là người phóng đại vô tín ngưỡng trứ danh nhất của thế kỷ XVII.

Cha Mersenne (1588-1648) - nhà bác học, tu sĩ bạn thân thường trao đổi thư tín với Descartes, nhà triết học người Pháp nổi tiếng của thế kỉ XVII. Tác giả bộ sách Sự điều hòa của vũ trụ (Harmonie universelle).

Blaise Pascal (1623-1662): nhà hình học, vật lý học, triết học và nhà viết văn nổi tiếng của Pháp, có nhiều phát kiến về khoa học, và đứng hàng đầu những nhà viết văn xuôi Pháp thế kỷ XVII.

Tiếng Aramée - Aramée là tên trong Kinh thánh gọi chung hai nước Syrie và Lưỡng hà (Mésopotamie). Tiếng Aramée là thổ ngữ của dân Sémites du mục ở phía Tây sông Euphrate.

Tiếng Samaritan - Samaritan là một miền của xứ Palestin, giữa Galilee và Judaea.

Cây phong (sycomore), có thể là cây vông, có nơi dịch là cây sung, hoặc cây chỉ thảo, loại cây gỗ nhẹ và chắc, vỏ cây tước ra thành phiến để viết.

Moïse de Dina - tên nhân vật hư cấu.

Thư viện của dòng họ d'Esparvieu chiếm cả tầng gác thứ hai của tòa nhà cũ. Những tác phẩm xết là không thú vị gì mấy, như các sách có chú giải của phái Tin lành thế kỷ XIX và XX, do ông Gaétan tặng cho, bị liệt vào một xó tận cùng sâu thẳm của gác xếp dưới mái nhà, không đóng bìa cứng gì cả. Thư mục, với các phụ trương, gồm không kém mười tám quyển in gấp cuốn\*. Thư mục đó được hoàn bị kịp thời, và thư viện được sắp xếp nghiêm chỉnh. Ông Julien Sariette, nhà quản lý tàng thư chuyên về cổ tự học, vốn nghèo và giản dị, dạy học để sống, năm 1895 được Giám mục địa phận Agra giới thiệu, trở thành gia sư của chàng Maurice và hầu như đồng thời là người quản thư viện nhà d'Esparvieu. Bẩm sinh làm việc có phương pháp và kiên trì nhẫn nại, ông Sariette đã ra tay sắp xếp tất cả các bộ phận của cái toàn khối mênh mông đó. Cái phương thức rất đổi phức tạp do ông ta nghĩ ra và áp dụng, các ký hiệu ông ta đề vào các sách, gồm bao nhiêu là chữ hoa và chữ thường, La tinh và Hy Lạp, bao nhiêu là chữ số Ả Rập và La Mã, kèm theo những dấu một hoa thị, hai hoa thị, ba hoa thị và những ký hiệu số học chỉ các đại lượng và các

nghiệm, nghiên cứu những thứ đó còn tốn nhiều thì giờ và công sức hơn là để học đại số học cho hoàn hảo, và, vì không ai muốn tìm hiểu sâu các biểu tượng tối tăm kia bằng thì giờ tốt hơn là dùng để phát minh các định luật số học, cho nên ông Sariette vẫn là con người duy nhất có khả năng lần mò ra được trong các cách xếp đặt của ông ta, và kết quả là nếu không có sự giúp đỡ của ông, ta sẽ không thể lần tìm được cuốn sách mình cần trong số ba trăm sáu mươi nghìn quyển sách giao cho ông trông nom. Kết quả của bao nhiêu công phu bỏ ra là như vậy đó.

Tức in Folio - cỡ sách in to nhất, giấy nguyên tờ chỉ gấp ba hoặc gấp đôi, thành bốn hoặc sáu trang.

Ông ta chẳng những không phàn nàn tí nào, mà trái lại, ông ta thấy thỏa mãn vô cùng.

Ông Sariette yêu cái thư viện của ông. Ông yêu nó bằng một tình yêu thiết tha. Hằng ngày, ông tới đó từ bảy giờ sáng, và ở đó, trên một bàn giấy lớn bằng gỗ đào hoa tâm, ông liệt kê sách vào thư mục. Phiếu do ông viết tay ních đầy cái tủ hồ sơ đồ sộ dựng đứng gần bên ông và trên nóc có bức tượng bán thân bằng thạch cao Alexandre d'Esparvieu tóc bay lộng gió, con mắt nhìn uy nghi, hai chòm tóc nhô bên mang tai như Chateaubriand\*, miệng tròn xoe, ngực để trần. Đúng lúc chuông điểm mười hai giờ trưa, ông Sariette đi ăn bữa trưa ở phố Vịt Con\* chật hẹp và tối tăm, ở cửa hàng bán đồ ăn nhẹ Bốn Giám Mục, nơi mà Baudelaire\*, Théodore de Banville\*, Charles Asselineau\*, Louis Ménard\* và một đại nhân Tây Ban Nha người đã dịch Những bí mật thành Paris\* sang tiếng của những conquistador\*, thường hay lui tới. và những con vịt cái bì bõm đến xinh trên tấm biển cũ kỹ bằng đá đã thành tên cho cả dãy phố cũng nhận ra ông Sariette.

François-René de Chateaubriand (1768-1848): nhà văn người Pháp có ảnh hưởng rất lớn đến sự phát triển của văn học lãng mạn Châu Âu thế kỷ XIX. Trong các bức họa chân dung của ông được phổ biến, ông đều được vẽ có hai chòm tóc nhỏ ở mang tai và bộ tóc gió thổi lòa xòa.

Phố Vịt con (Rue des Canettes), đây dịch nghĩa từ Canettes (là những con vịt cái con) chứ không dịch âm, cũng như ở dưới, cửa hàng Bốn Giám Mục cũng là dịch nghĩa (Quatre Évêques), và phố Princesse dịch là phố Bà Chúa.

Charles Baudelaire (1821-1867): thi sĩ người Pháp.

Théodore de Banville (1823-1891): thi sĩ người Pháp.

Charles Asselineau (1820-1874): học giả uyên bác người Pháp.

Louis Ménard (1822-1901): nhà hóa học và nhà văn người Pháp đã phát minh ra chất collodion.

Những bí mật của Paris (Les Mystères de Paris) - tác phẩm nổi tiếng của Eugène Sue (1804-1857)

Conquistadors - tiếng Tây Ban Nha (có nghĩa là những người đi chinh phục), để chỉ những tay phiêu lưu Tây Ban Nha đi chinh phục châu Mỹ thế kỷ XV và XVI.

Đúng mười hai giờ bốn mươi lăm phút, ông trở về thư viện ở lì đó cho đến bảy giờ rồi lại đến quán Bốn Giám Mục ngồi trước cái bàn ăn đạm bạc, trên có bày những trái mận. Chiều tối nào cũng vậy, sau bữa ăn, người bạn của ông là Michel Guinardon, mọi người đều gọi là ông già Guinardon, họa sĩ trang trí, sửa chữa tranh, làm việc cho các nhà thờ, từ căn gác xép ở phố Bà Chúa đến quán Bốn Giám Mục để uống cà phê và rượu mạnh, và hai ông bạn chơi với nhau một ván domino. Ông già Guinardon, còn tráng kiện ra trò và đầy nhựa sống, thực tuổi già hơn người ta tưởng: ông ta đã quen biết Chenavard\*. Trình khiết đến mức hoang dại, ông ta luôn mồm tố cáo các trò nhơ nhớp của tân Đa thần giáo bằng một thứ ngôn ngữ tục tĩu ghê gớm. Ông ta thích nói. Ông Sariette sẵn lòng nghe. Ông già Guinardon ưa nói chuyện với ông bạn về điện thờ các Thiên sứ ở nhà thờ St. Sulpice, nơi đó các bức họa đã tróc lở từng chỗ, và ông ta sẽ phải phục chế khi nào Chúa ưng, vì từ ngày phân lập các nhà thờ chỉ còn thuộc về Chúa thôi và chẳng có ai lo



những công việc sửa chữa cấp bách nữa. Nhưng ông già Guinardon không đòi hỏi công sá gì hết.

Paul Chenavard (1807-1895): họa sĩ người Pháp sinh ở Lyon, tác giả bức họa Divina Tragedia, đối ứng với La Divina Commedia (Thần khúc) của Dante.

- Michel là thần bảo hộ của tôi, ông ta nói, và tôi có một lòng thành kính đặc biệt đối với các Thiên sứ.

Sau khi đã đánh xong một ván domino, ông Sariette bé loắt choắt, và ông già Guinardon lực lưỡng như một cây sồi, tóc bồm xồm như một con sư tử đực, cao lớn như một Thánh Christopher\*, hai người ra đi sát cạnh nhau, vừa đi vừa chuyện trò to nhỏ, qua quảng trường St. Sulpice, dưới bóng đêm bất kể tốt trời hay xấu trời. Ông Sariette thẳng đường trở về nhà riêng, làm cho nhà họa sĩ, vốn thích kể chuyện và lang thang ban đêm, rất lấy làm tiếc.

Thánh Christopher, sinh ra ở Syrie, tử vì đạo vào khoảng năm 250. Tên gọi do tiếng Hy Lạp Cristo - phoros, nghĩa là mang đức Chúa Cristo, ám chỉ huyền thoại kể rằng ông này vác hài nhi Jesus trên vai để đưa qua sông, như vậy chắc hẳn ông ta phải cao lớn lực lưỡng.

Ngày hôm sau, ông Sariette đúng lúc chuông điểm bảy giờ lại đến ngồi ở vị trí mình tại thư viện, và lại liệt kê thư mục. Song ngồi ở bàn giấy mà bất kỳ ai đến ông đều nhìn bằng con mắt của Medusa\*, sợ rằng đây lại là một kẻ đến mượn sách. Ông ta những muốn bằng cái nhìn đó, biến thành đá không những các quan tư pháp, các nhà chính khách, các chủ giáo cậ thế có thân tình với chủ nhà để đòi hỏi được trao cho một tác phẩm nào đó, mà cả đến ông Gaétan, là ân nhân của thư viện, đôi khi đến lấy một cuốn sách cổ lỗ nhằm nhí hoặc vô tín ngưỡng nào đó để đem về nông thôn đọc trong những ngày mưa, cả đến bà René d'Esparvieu, khi bà đến kiếm một cuốn sách để nhờ người đọc cho bệnh nhân trong bệnh viện của bà, và ngay cả chính ông René

d'Esparvieu nữa, tuy ông này thường chỉ cần đến quyển Dân luật và bộ Dalloz\* là đủ. Có ai mang đi một quyển sách nhỏ nhất nhất cũng như thể giằng xé tâm hồn ông. Để từ chối cho mượn sách ngay với những người có nhiều quyền hỏi mượn nhất, ông Sariette bịa ra hàng nghìn cách nói dối khôn khéo hoặc thô lỗ, và không ngại vu khống chính công việc quản trị của ông hoặc gây ra sự ngờ vực cần mật của ông, khi nói rằng đã lạc đâu mất, hay đã mất hẳn rồi, một cuốn sách mà mới một giây lát trước đó ông ta còn ấp úng bằng đôi mắt và ôm chặt vào trái tim. Và, khi rút cục nhất thiết ông phải xì ra một cuốn sách, thì ông lấy đi lấy lại hai chục lần ở tay người mượn, trước khi buông cho người đó.

Medusa - một trong ba nữ quái Gorgone, có phép làm cho kẻ nào nhìn họ, nhất là Medusa, hóa thành đá.

Dalloz - tên một bộ sách của Victor Dalloz (1795-1869), nhan đề là Vị tập (thường gọi là Vựng tập... do sự phiên âm sai lầm của mấy thế hệ nhà Nho của ta), Ấn lệ đại cương (Répertoire de la Jurisprudence générale).

Không lúc nào ông ngớt run sợ rằng một vật gì đó, trong những vật được giao phó cho ông chăm sóc, chẳng may lại lọt đi đâu mất chẳng. Là người quản thư ba trăm sáu mươi nghìn cuốn sách, ông thường xuyên có ba trăm sáu mươi nghìn lý do để mà lo sợ. Đôi khi ông thức dậy ban đêm, người ướt đẫm mồ hôi lạnh toát và hét lên một tiếng náo nùng, vì đã nằm mơ thấy một lỗ hổng trên một ngăn tủ.

Một quyển sách phải rời khỏi ngăn đối với ông quả là quái gở, vô lý và đau lòng. Sự keo kiệt cao quý của ông làm cho ông René d'Esparvieu điên tiết, ông này không nhận ra những đức tốt của người quản thư tuyệt hảo, lại gọi ông ta là lão già lẩm cẩm. Ông Sariette không biết tới điều bất công đó,

nhưng ví dù có phải đương đầu với những thất sủng cay độc nhất, có phải chịu đựng sự lăng nhục và thóa mạ để cứu vãn tính toàn vẹn của vật ký thác, thì ông cũng cam lòng. Nhờ ở đây đức cần mẫn, chu đáo, lòng nhiệt thành của ông, hay để nói gọn tất cả bằng một tiếng, nhờ ở tình yêu của ông ta, thư viện của dòng họ d'Esparvieu đã không mất một tờ nào dưới quyền quản trị của ông ta, trong mười sáu năm trời tính vừa tròn đến ngày mùng 9 tháng 9 năm 1912.

## CHƯƠNG THỨ BA

*Trong chương này ta đi vào chuyện bí mật.*

Tối hôm đó\*, lúc bảy giờ, sau khi như thường lệ đã đặt lại vào các ngăn tất cả các sách đã lấy ra, và đã chắc chắn là tất cả mọi thứ đều vào đấy cả rồi, ông ta ra khỏi thư viện và đóng cửa bằng hai vòng khóa.

Hôm đó, tức là ngày mùng 9 tháng chín năm 1912 nói ở câu cuối chương trên, ngày vừa tròn 16 năm công tác quản trị thư viện của ông Sariette, không hề để mất tờ sách nào.

Ông ta ăn bữa tối, như thường lệ ở quán ăn Bốn Giám Mục, đọc tờ nhật báo Thánh giá, và đến mười giờ, trở về căn nhà nhỏ ở phố Con Mắt Nhìn. Con người bình dị đó không có gì xao xuyến và không có linh cảm gì; giấc ngủ của ông yên tĩnh. Sáng hôm sau, đúng lúc bảy giờ, đi vào gian tiền sảnh thư viện, đúng như thói quen hàng ngày, ông trút bỏ chiếc áo ngoài đẹp đẽ và mặc một chiếc cũ kỹ treo trong một cái tủ ngàm trong tường bên trên bồn rửa mặt. Rồi ông đi sang phòng làm việc, nơi từ mười sáu năm nay, sáu ngày một tuần, ông vẫn liệt kê thư mục dưới con mắt uy nghi của Alexandre d'Esparvieu, và đi duyệt qua các gian phòng, bắt đầu từ gian phòng thứ nhất và lớn nhất, đựng sách Thần học và các Tôn giáo trong những cái tủ rộng, đầu tủ có những mép viền trên đó đặt những tượng bán thân bằng thạch cao màu đồng đen của các thi sĩ và các nhà hùng biện thời cổ đại. Hai hình cầu to lớn bày ở các khung cửa sổ, biểu tượng trái đất và bầu trời. Nhưng, vừa bước được bước đầu tiên, thì ông Sariette đứng khựng lại, sửng sờ, không thể ngờ vực mắt mình mà cũng không thể tin đó là sự thực. Trên tấm thảm xanh lơ của bàn làm việc, nhiều cuốn sách in bày ra bừa bãi cấu thả, quyen năm,



quyển đứng chống gáy lên trời. Nhiều quyển khổ nhờ chất thành một chồng ngất ngưỡng. Hai quyển tự vị Hy Lạp lồng vào nhau hợp thành một vật duy nhất, quái dị hơn những con người ghép đôi với nhau theo quan điểm lý tưởng trong trắng của triết gia Plato. Một quyển khổ lớn in gấp cuốn có mép mạ vàng há hốc ra, để lộ ba tờ sách xoắn góc nom đến tệ hại.

Lát sau, khi tình trạng sững sờ cao độ đã qua đi, viên quản thư lại gần bàn và nhận ra, trong đống hỗn độn kia, những kinh thánh Hebrew, Hy Lạp và La tinh quý giá nhất của ông, một quyển pháp điển Do Thái độc nhất, những khảo luận về giáo lý Do Thái in và viết tay, những văn bản bằng tiếng Aramée và Samaritan, những cuốn thư của giáo hội Do Thái, tóm lại, những công trình quý giá nhất của Israel chồng đống, lồng chống và tan tành.

Trước mặt ông Sariette là một cái gì không thể nào hiểu nổi, nhưng ông vẫn cố gắng để tự lý giải chuyện đó. Lẽ ra ông phải vỗ ngay lấy cái ý nghĩ rằng tác giả của sự hỗn độn kinh khủng này chính là ông Gaétan, người vốn không có nguyên tắc gì cả và vẫn cậy thế đã có những tặng phẩm tai hại hiến cho thư viện để đến đó vợ vét đầy tay những ngày ông ấy ở lại Paris. Nhưng ông Gaétan khi đó lại đương đi du lịch ở bên Ý. Sau vài giây lát suy nghĩ, ông Sariette giả thiết rằng lúc đêm đã khuya, ông René d'Esparvieu đã lấy chùm chìa khóa của bác hầu phòng Hippolyte, người hai mươi năm nay vẫn dọn dẹp các căn phòng tầng gác thứ hai và các gian buồng xếp áp mái. Ông René d'Esparvieu không bao giờ làm việc đêm và không đọc được tiếng Hebrew, nhưng, ông Sariette nghĩ, có thể ông ấy đã dẫn hoặc cho người dẫn vào phòng này một vị giáo sĩ nào đó, một tu sĩ nào đó ở Jérusalem ghé qua Paris, tay bác học Đông Phương học chuyên về phần chú giải sách thánh.

Ông Sariette lại tự hỏi, hay là linh mục Patouille, người hiếu kỳ tri thức và có thói quen hay vê xoắn góc những trang sách in đã lao vào những văn bản Thánh kinh và pháp điển Do Thái này trong một cơn nhiệt thành muốn khám phá tâm hồn của Shem. Đã có lúc ông ngờ hay chính bác hầu già Hippolyte, sau khi đã phẩy bụi và quét tước thư viện trong một phần tư thế kỷ, bị đầu độc lâu năm bởi một thứ bụi bác học và trở thành quá ham biết, đêm vừa qua, dưới một tia sáng trắng, lại chẳng hủy hoại đôi mắt và lý trí, đánh mất linh hồn trên những dấu hiệu không hiểu nổi ý nghĩa kia. Ông Sariette thậm chí tưởng tượng rằng, cậu Maurice, đi câu lạc bộ hoặc đi dự một cuộc họp nào đó của Đảng quốc gia về, có thể đã rút những sách Do Thái kia ra khỏi ngăn và vứt hỗn độn ở đó, do lòng căm thù ông Jacob\* cổ xưa và con cháu mới của ông ta, vì cậu con trai nhà nòi này vẫn tuyên bố là bài Sémites và chỉ giao du với những người Do Thái bài Sémites như cậu. Thật là quá thiên về giả thuyết, nhưng đầu óc của ông Sariette không sao rảnh rang được, cứ lang thang giữa đám giả thuyết hết sức kỳ cục. Nóng ruột muốn biết sự thật, người giữ sách sốt sắng bèn gọi bác hầu đến.

Jacob - một tộc trưởng Hebrew, con của Isaac và Rebecca, sinh được 12 con trai là thủy tổ của 12 bộ tộc Israel. Sau 14 năm lưu lạc để tránh sự giận dữ thù hằn của anh cả là Esau, ông ta trở về Canaan, dọc đường phải đánh nhau một trận với một thiên sứ (chính là Jehovah hiện thân) và đánh thắng, do đó được gọi tên là Israel (tiếng Hebrew có nghĩa là khỏe chống lại trời), (Kinh Thánh, Sáng thế ký XXII, 23-38).

Hippolyte không biết gì cả. Người gác cổng dinh thự khi được hỏi cũng không thể cung cấp một hình tích nào hết. Trong đám gia nhân, không có ai hay biết tí gì hết. Ông Sariette đành xuống phòng giấy của ông René d'Esparvieu, ông này mặc áo ngủ và đội mũ ngủ để tiếp ông, nghe ông kể với cái vẻ một người nghiêm nghị bị quấy rầy vì những chuyện nhảm nhí rồi tổng

tiền ông về, sau khi nói những lời để lộ ra một nỗi thương hại độc ác như sau:

- Đừng lo lắng làm gì, ông Sariette hiền hậu ơi, và ông hãy tin chắc rằng sách sáng hôm nay vẫn ở yên chỗ ông đặt hôm qua thôi.

Ông Sariette điem đi điem lại đến hai chục lần, không tìm ra cái gì cả và do đó cảm thấy lo âu đến nỗi mất ngủ. Hôm sau, đúng bảy giờ, khi bước vào căn phòng có những bức tượng bán thân và những hình cầu, ông thấy mọi thứ đều trật tự đâu vào đấy và thở dài một cái nhẹ nhõm. Rồi bỗng nhiên tim ông đập tưởng như đến vỡ mất, ông vừa mới thoáng thấy một cuốn sách khổ 13x19 khâu chỉ, một quyển sách hiện đại, có kẹp con dao bằng gỗ hoàng dương để rọc trang đặt nằm trên mặt đá lò sưởi. Đó là một thiên nghị luận về hai bản dịch liền nhau của kinh Sáng thế ký, tác phẩm bị ông Sariette liệt trên gác kho, chưa hề bao giờ được lôi ra, vì cho đến lúc đó chưa có ai chung quanh ông d'Esparvieu lại hiểu kỹ đã phân biệt đâu là tính chất độc thần chủ nghĩa và đa thần chủ nghĩa của người biên soạn trong cấu tạo quyển đầu\* các sách thánh. Quyển sách đó mang ký hiệu

và sự thật buồn lòng này bỗng làm cho ông Sariette nhận ra rằng cách đánh số khôn khéo đến đâu cũng không giúp ta tìm thấy một quyển sách không còn nằm nguyên chỗ nữa. Những ngày tiếp sau đó, trong một tháng ròn, trên bàn chất đầy những sách in tiếng Hy Lạp và tiếng La tinh lẫn lộn với tiếng Hebrew. Ông Sariette tự hỏi hay là những kẻ gian đã lọt vào phòng bằng cửa sổ trên mái nhà để ăn trộm những cuốn sách quý hiếm nhất đã gây ra những vụ xô dịch ban đêm đó. Nhưng ông không phát hiện được một tí dấu vết cạy phá nào và mặc dầu ra công soát xét rất kỹ vẫn không hề thấy mất một thứ gì. Đầu óc ông rối loạn khủng khiếp và ông tự hỏi hay là một

con khi nào đó của gã hàng xóm từ mái nhà tụt xuống qua ống khói lò sưởi đã đến đó làm những trò bắt chước nghiên cứu. Ông nghĩ, khi thường khéo nhại các hành động của loài người. Được biết phong cách những con vật đó, nhất là nhờ những bức họa của Watteau và Chardin\*, ông tưởng tượng chúng trong nghệ thuật bắt chước một cử chỉ hoặc mô phỏng một tính cách, đã thành những Arlequin, những Scaramouche, những Zerlines, những bác sĩ của hài kịch Ý\*; ông hình dung chúng sử dụng bảng màu và bút son, già thuốc trong cối hoặc lần giở từng trang một quyển khảo luận cũ về khoa luyện kim, bên cạnh có một cái lò âm i. Thế rồi vào một buổi sáng khốn khổ, thấy một vết mực lớn nhoè nhoét trên một tờ của tập thứ ba bộ Thánh kinh viết bằng nhiều thứ tiếng, đóng bìa da dê thuộc màu xanh lơ, có mang huy hiệu của bá tước de Mirabeau\*, ông không ngờ vực gì nữa; hẳn là có một con khi đã gây ra vài trò tai hại kia. Con khi đã giả bộ ghi chú và đã đánh đổ lọ mực. Chắc là con khi của một nhà bác học.

Quyển đầu Sáng thế ký là quyển thứ nhất trong 5 quyển đầu của Kinh Thánh.

Watteau, Chardin - hai họa sĩ Pháp nổi tiếng. Watteau (1684-1721), ưa vẽ những đề tài thôn dã; Chardin (1699-1779), sinh ra ở Paris, hay vẽ tĩnh vật và chân dung.

Arlequin, Scaramouche, Zerlines... những nhân vật truyền thống của hài kịch Ý cổ, xuất hiện trong tất cả mọi vở hài kịch cổ của Ý.

Bá tước de Mirabeau (1749-1791) - nhà hùng biện lỗi lạc bậc nhất của cách mạng Pháp.

Trong đầu chỉ có ý nghĩ đó, ông Sariette nghiên cứu kỹ địa hình của khu phố cổ để xác định chính xác khóm nhà trong đó có dinh thự d'Esparvieu. Rồi ông đi khắp bốn phố chung quanh, đến cửa mỗi nhà lại hỏi xem trong nhà có khi không. Ông hỏi những anh giữ cửa và những chị giữ cửa, những chị thợ giặt, những chị người ở, hỏi một anh thợ giày, một chị bán hoa quả,

một anh thợ cắt kính, những người đại lý bán sách, một vị giáo sĩ, một anh đóng sách, hai anh cảnh binh, hỏi con trẻ, và ông cảm nhận rõ con người như nhau, mà sao các tính cách thì chẳng ai giống ai và tính khí mỗi người một vẻ; vì các câu trả lời của ông nhận được đều không giống nhau; có những câu chỏn lỏn và những câu dụ dàng, những câu thô lỗ và những câu lễ độ, những câu chất phác và những câu mĩa mai, những câu rườm rà và những câu ngắn gọn, thậm chí có cả những câu châm lạng nữa. Về con vật ông đang tìm kiếm chưa có tăm hơi gì thì, dưới cổng tò vò ngôi nhà cũ kỹ ở phố Servandoni, một em gái nhỏ tóc hung, mặt có tàn hương, đương canh cổng, cho ông biết:

- Có con khi của ông Ordonneau... Ông có muốn xem không?

Và, chẳng nói thêm một lời, em dẫn ông già vào tận cuối sân tới một gian nhà xe. Ở đó, trên cái ổ rơm được ủ nóng và những mảnh chăn rách tả tơi, một con khi nhỏ bị xích ngang lưng đang run cầm cập. Nó không lớn hơn một đĩa trẻ lên năm. Mặt nhợt nhạt, trán nhăn nheo, đôi môi mỏng của nó biểu lộ một nỗi buồn như ở con người. Nó ngước lên người khách một khoe nhìn hãy còn linh hoạt của đôi tròng mắt vàng khè. Rồi, nó đưa bàn tay nhỏ khô của nó ra nắm lấy một củ cà rốt, đưa lên miệng và lại quẳng đi ngay. Sau khi đã nhìn một lát những con người đến thăm, con vật bị đẩy ải quay mặt đi, như thể không còn trông chờ gì ở loài người và cuộc sống. Co ro thu mình lại, một bàn tay ôm lấy đầu gối, nó không động đậy nữa, nhưng thỉnh thoảng một cơn ho khan lại làm cho ngực nó rung lên.

- Nó là con Edgar, cô bé nói. Người ta bán đấy. Ông ạ!

Nhưng người tình nhân già của sách vở, lòng đã rắp sẵn giận dữ và oán hận, tưởng gặp được kẻ thù trở trêu, con ác quái ranh mãnh, kẻ thù của người

yêu sách vở, bây giờ đứng ngơ ngác, buồn thiu, chán nản trước con vật bé nhỏ, bất lực, không niềm vui và không ước vọng. Nhận thấy mình lầm, bối rối trước cái khuôn mặt gần như mặt người được nỗi buồn đau càng làm cho có tình người hơn nữa, ông vừa nói vừa nghiêng đầu chào:

- Xin lỗi.



## CHƯƠNG THỨ TƯ

*Ngăn ngừa mà mãnh liệt, ném chúng ta vào tận biên giới cuối cùng của thế giới hữu hình.*

Hai tháng trôi qua, trò xáo trộn vẫn không ngớt, nên ông Sarricte nghi cho bọn hội viên Hội Tam Điểm\*. Các báo chí ông đọc đều đăng đầy những tội ác của chúng. Ông linh mục Patouille cho rằng chúng có thể làm những điều hiểm ác đen tối nhất và tin rằng đồng tình với những người Do Thái, chúng đương trù định tàn phá hoàn toàn xã hội Cơ đốc.

Hội Tam Điểm (Franc-maçonnerie) là một hội kín được truyền bá ở nhiều miền khác trên trái đất. Các hội viên nhận được nhau qua một số ám hiệu, họ coi nhau như anh chị em ruột thịt và bốn phận giúp đỡ lẫn nhau bất cứ ở nơi nào, bất cứ thuộc nước nào, giai cấp xã hội nào. Họ chỉ được kết nạp sau một vài lễ nhập môn, và thề không được tiết lộ gì về những bí mật của Hội. Có nhiều ý kiến về nguồn gốc của Hội. Nhưng có lẽ ý kiến hợp lý nhất lý giải thể chế này ra đời nhờ một đoàn thể thợ xây. Hồi thế kỉ VII đi chu du Châu Âu, và về sau xây dựng những giáo đường vừa là pháp đình vừa là phòng thương mại. Với thời gian, tính cách nguyên thủy của Hội biến đổi dần, chỉ còn lại tinh thần tương trợ, thường pha trộn những mục tiêu chính trị. Gọi là Tam điểm vì huy hiệu của hội là một hình tam giác có ba chấm đen.

Vào thời điểm này, chúng đã đạt tới đỉnh cao nhất của cường lực, chúng thống ngự mọi giới lớn của Nhà nước, điều khiển các Nghị viên, chúng có hẳn năm người trong nội các, chúng chiếm lĩnh điện Elysée\*. Gần đây sau khi ám sát một vị tổng thống vì có lòng yêu nước, chúng thủ tiêu các đồng lõa và các nhân chứng của tội đại ác kinh tởm này, ít có những ngày trôi qua mà Paris, kinh hoàng, không nghe tin có một vụ mưu sát bí mật nào đó đang được chuẩn bị trong các Hội sở của chúng.

Elysée: điện xây ở Paris từ năm 1748, đã từng làm cung điện cho nhiều nhân vật quan trọng, cuối cùng

dành làm phủ Tổng thống Cộng hòa Pháp.

Đó là những sự kiện không thể nào còn nghi ngờ được. Chúng thâm nhập vào thư viện bằng cách nào? Ông Sariette không thể hình dung nổi. Chúng đến đây giở trò về gì? Tại sao chúng lại tấn công vào những giá trị cổ đại thiêng liêng và vào những nguồn gốc của nhà thờ? Chúng có những mưu toan vô đạo nào vậy? Một bóng tối dày đặc phủ lên những mưu đồ kinh khủng đó. Nhà quản lý tàng thư theo đạo Thiên chúa, cảm thấy mình thường xuyên bị con mắt của con cháu Hiram\* theo dõi, cảm thấy khiếp sợ và lẩn ra ốm.

Hiram, tên người, theo giả thuyết là người sáng lập Hội Tam Điểm.

Khi mới nhúc nhắc được, ông quyết định qua đêm ở chính ngay cái nơi đã diễn ra những bí mật hãi hùng đến thế và bắt quả tang những khách viếng thăm khôn khéo và đáng sợ kia. Ý đồ này làm cho lòng can đảm rụt rè của ông bị lao đao.

Vốn thể chất yếu ớt, tâm trí hay lo âu, bỗng nhiên ông Sariette trở nên yếu bóng vía. Hôm mừng tám tháng giêng, lúc chín giờ tối, trong khi thành phố ngủ ngon lúc trời đang bão tuyết, sau khi đã nhen một đồng lửa ấm áp trong căn phòng có trang trí tượng bán thân những nhà thơ và nhà triết học cổ xưa, ông lọt thỏm trong chiếc ghế bành kê ở góc lò sưởi, hai đầu gối ủ trong chăn. Một chiếc bàn xoay đặt trong tầm tay ông, trên bàn có đèn, bát cà phê đen và khẩu súng lục mượn của cậu Maurice. Ông gắng đọc tờ Thánh giá song những chữ cứ nhảy nhót trước mặt trông chẳng thấy gì khác hơn là bóng tối, chẳng nghe thấy gì khác hơn từ tiếng gió thổi và ông thiu thiu ngủ thiếp đi.

Khi ông thức giấc lửa đã tắt ngấm; ngọn đèn đã tắt tỏa ra mùi hôi khét lẹt,

khoảng tối tăm chung quanh ông đầy những ánh mờ đục như sữa và những ánh lân tinh chập chờn. Ông tưởng chừng trông thấy một cái gì động đậy trên mặt bàn. Tuy kinh hoàng và lạnh thấu tận xương, ông bỗng thấy trong lòng một sự quyết tâm còn mạnh hơn nỗi sợ. Ông đứng dậy, lại gần bàn và đưa cả hai tay lên mặt thăm trải bàn. Mắt ông chẳng thấy gì, cả những ánh chập chờn cũng đã biến mất; nhưng dưới mười ngón tay của ông hình như có một cuốn sách khổ lớn mở toang; ông định gấp nó lại; cuốn sách cưỡng lại, nhảy lên và nện ba cái thật mạnh vào đầu ông già giữ sách đại dột. Ông Sariette ngã xuống ngất đi...

Kể từ đó, tình hình ngày càng tệ hại. Sách rời khỏi giá nhiều hơn bao giờ hết, và đôi khi không thể nào xếp lại vào chỗ cũ được, chúng biến đâu mất. Mỗi ngày ông Sariette lại phát hiện ra những mất mát mới. Những cuốn sách của môn phái Bolland\* bị lờ bộ, hụt hẫng đi ba chục cuốn chú giải. Không thể nhận ra được ông ta nữa; mặt ông hốc hác và võ vàng, cái cổ dài ngoẵng ra quá khổ, hai vai sụm xuống, áo quần ông mặc nom như treo ở một cái đinh. Ông không ăn uống gì nữa. Và khi tới quán ăn Bốn Giám Mục, con mắt ông lơ đãng và đầu ông cúi gục, ông nhìn chăm chăm mà chẳng thấy gì vào cái đĩa đựng những trái mận ngâm trong một thứ nước đục ngầu. Ông cũng không nghe thấy tiếng ông già Guinardon báo tin rằng rốt cục ông ấy lại đang phục chế những bức họa của Delacroix\* trong nhà thờ St. Sulpice.

Môn phái Bolland - Bollandistes: môn phái theo học thuyết của Jean Bolland (1596-1665), tu sĩ dòng Tên khởi đầu biên soạn bộ sách Acta sanctorum (Công vụ thánh), những người tiếp tục công việc của ông, gọi là Bollandistes.

Eugène Delacroix (1798-1863): họa sĩ người Pháp.

Ông René d'Esparvieu, nghe những báo cáo kinh hoàng của ông già giữ

thư viện khốn khổ, chỉ đáp lại lạnh lùng:

- Những cuốn đó lạc đâu đấy thôi, không mất đâu, cứ tìm kỹ đi, ông Sarrasine ạ, cứ tìm kỹ đi rồi lại thấy thôi.

Và khi ông già quay đi thì ông ta lẩm bẩm:

- Cái nhà ông Sarrasine tội nghiệp này ốm mất rồi.

- Tôi cho rằng, - linh mục Patouille nói thêm vào, ông ta bị lẩn.

## CHƯƠNG THỨ NĂM

*Trong chương này, lấy điện thờ các Thiên sứ ở St. Sulpice làm đề tài bàn luận về nghệ thuật và thần học.*

Khi đi vào nhà thờ St. Sulpice, điện thờ các Thiên sứ thần thánh bên phía tay phải khuất đằng sau một cái vách bằng ván ghép. Ông linh mục Patouille, ông Gaétan, cậu Maurice, cháu ông và ông Sariette nối đuôi nhau vào trong điện, qua cái cửa thấp trở ở bức vách, họ thấy ông già Guinardon đứng trên cái mặt bằng của chiếc thang bắc trước bức họa Héliodore\*.

Héliodore: tên gọi tắt bức bích họa của Delacroix trong nhà thờ St. Sulpice, tên đầy đủ là Héliodore bị đuổi ra khỏi đền. Đó cũng là tên bức bích họa của Raphael, danh họa nước Ý, trong điện Vatican. Hai bức họa đều lấy tại Kinh thánh (II Maccabe, III, 7-40), Héliodore quan tể tướng của Seleucus vua nước Syrie, được sai đến cướp đoạt những kho báu của đền Jérusalem, lúc định cướp thì bị một kỵ sĩ chặn đánh và cho ngựa giày xéo lên thân xác hắn.

Nhà nghệ sĩ già, trang bị đủ các chất liệu và dụng cụ, đang trét một thứ vữa ngà ngà trắng vào cái khe nứt đã khiến thầy cả thượng phẩm Onias\* bị tách làm hai phần. Zéphyrine, người mẫu được ưa chuộng của Paul Baudry\*. Zéphyrine, người có bộ tóc vàng hoe và đôi vai óng ánh từng làm mẫu vẽ nên bao nhiêu Madeleine và Marguerite, bao nhiêu thiên tiên và thủy tiên\*. Zéphyrine, nghe nói đã từng được Hoàng đế Napoléon Đệ Tam sủng ái, lúc ấy đó đương đứng dưới chân thang, bộ tóc bờm xờm bối rối, cái mặt vàng ệch, đôi mắt toét đỏ ngầu, cái cằm điểm lác đác mấy sợi lông dài, già hơn ông già Guinardon, người được bà chia sẻ cuộc đời từ hơn nửa thế kỷ đến nay. Lúc đó, bà ta mang bữa ăn trưa đựng trong làn đến cho nhà họa sĩ.

Thầy cả thượng phẩm Onias - thầy cả của thành Jérusalem đã cố gắng cản trở việc cướp đoạt kho báu

của đền, và sau khi Héliodore bị đánh trọng thương, lại cầu Chúa cứu vớt cho y khỏi và giúp y theo đạo (Thánh kinh, II, Maccabe II, 1-49, IV, 1-38).

Paul Baudry (1828-1886): họa sĩ người Pháp, trang trí nhà hát Opéra ở Paris.

Madeleine, Marguerite, thiên tiên, thủy tiên (sylphides, ondines) - những nhân vật trong các tranh vẽ. Madeleine - người phụ nữ tội lỗi được Chúa Jesus cứu vớt, sau được phong là nữ thánh Mary Madeleine. Văn học và hội họa thường dùng nhân vật này làm biểu tượng tượng trưng cho người phụ nữ lầm lạc biết ăn năn hối lỗi. Marguerite - nữ thánh đồng trinh và tử vì đạo ở Antioche vào khoảng năm 275. Sylphides - nữ thần tiên của không trung (nam thần tiên, gọi là sylphe) trong thần thoại Celtic, Germanic và Scandinavia. Ondines - nữ thần tiên dưới nước trong thần thoại Germanic và Scandinavia.

Mặc dầu, qua khung cửa sổ dát chỉ và có rào lưới ánh sáng lách vào chênh chếch và lạnh lẽo, màu sắc của Delacroix vẫn rực rỡ, và nước da của những hình người và hình thiên sứ vẫn ganh đua chói lói với sắc mặt phè phờn và đỏ rực của ông già Guinardon lúc này đang leo cao trên một cái trụ của ngôi đền. Những bức bích họa của điện thờ các Thiên sứ, bị chế giễu, la ó khi mới xuất hiện, bây giờ được liệt vào hàng cổ điển lâu đời, tỏ ra cũng bất tử như các kiệt tác của Rubens và của Tintoretto\*.

Rubens (1577-1640): họa sĩ trứ danh của xứ Flanders. Tintoretto (1518-1594): danh họa người Ý, sinh ở Venice.

Ông già Guinardon, râu mọc xồm xoàm, trông giống như thần Thời gian\* đương xóa bỏ các công trình của thiên tài. Gaétan, hoảng sợ, kêu với ông ta:

Thời gian (le Temps) - thời cổ đại, người ta thần thánh hóa và nhân cách hóa thời gian dưới biểu tượng một ông già có hai cánh (để ngụ ý đi nhanh) và một lưới hái để ngụ ý có mãnh lực phá hủy.

- Phải thận trọng, ông Guinardon; phải thận trọng. Đừng cạo nhiều quá.

Nhà họa sĩ nói để ông ta yên lòng:

- Đừng sợ gì, ông d'Esparvieu ạ. Tôi không vẽ theo cái kiểu cách này



đâu. Nghệ thuật của tôi cao hơn nữa kia. Tôi làm nên những Cimabue, những Giotto, những Beato Angelico\*; chứ không làm nên những Delacroix đâu. Hạ phẩm này đầy những đối xứng và tương phản nên không tạo ra một ấn tượng thực sự thiêng liêng. Đành rằng Chenavard có nói rằng Cơ đốc giáo thích cái chất kỳ thú, nhưng Chenavard là một tên vô lại, vô đạo, vô luân, một kẻ vô tín ngưỡng...

Cimabue, Giotto, Beato Angelico: tên những họa sĩ có danh tiếng, Cimabue (1240-1302) - họa sĩ của xứ Florence nước Ý, một trong những họa sĩ tiền khu của phong trào Phục hưng, thầy của Giotto. Giotto (1266-1337) - họa sĩ của xứ Florence, bạn thân của Dante. Beato Angelico, cũng tức là Fra Angelico (nghĩa là họa sĩ vẽ những thiên thần), biệt danh của họa sĩ Giovanni (1395-1436).

- “Ông xem đây ông d’Esparvieu: tôi trét kín kẽ nứt, tôi dán lại những vẩy tróc đã bong ra. Thế thôi... Nếu do một chỗ tường vách đã bị sụt, hoặc rất có thể do một chấn động của quả đất thì những hư hại cũng chỉ khoanh ở một khoảng rất nhỏ thôi.

- “Cái thứ sơn có dầu và sáp này trát lên trên một lớp vữa thật khô còn bền hơn là người ta vẫn nghĩ. Tôi đã xem Delacroix dựng tác phẩm này.

- “Hăng say, nhưng cả lo; ông ta nắn nót xóa đi rồi đặt chông lên mãi một cách cuồng nhiệt, bàn tay mãnh liệt của ông vẫn vụng về như tay con nít; ông vẽ thành thực như một thiên tài và bỡ ngỡ như một anh học trò. Cái đó mà đứng vững được thật là có phép kỳ lạ.”

Ông già ngừng nói và lại trét cái kẽ nứt.

- Cái bố cục này, Gaétan nói, thật hết sức cổ điển và truyền thống! Ngày xưa nhìn vào thì thấy đầy những mới lạ thật kinh ngạc. Bây giờ lại thấy đầy những công thức cũ rích của người Ý.

- Tôi có thể tự cho phép được công bằng, tôi có đủ phương tiện, từ trên cái thang cao ngạo nghệ ông già nói, Delacroix đã sống trong một thời buổi báng bổ và vô tín ngưỡng. Là họa sĩ của suy đồi, song không phải ông ta không lẫm liệt và cao cả. Giá trị của ông cao hơn thời đại. Nhưng ông thiếu lòng tin, thiếu cái hồn hậu của trái tim, thiếu trong sáng. Muốn thấy và vẽ Thiên sứ mà lại thiếu cái đức của những Thiên sứ và của những nghệ sĩ tiền Phục hưng, cái đức tối cao mà ơn Chúa tôi đã thực hành hết sức mình, đó là đức trinh khiết.

- Thôi câm mồm đi, Michel, anh là một con quỷ dâm dật như những đứa khác!

Zéphyrine, bị lòng ghen tuông giày vò, kêu lên như vậy, vì sáng hôm đó, bà đã trông thấy người tình của bà ôm hôn đứa con gái mù đưa bánh mì, con bé Octavie, nhếch nhác và sáng ngời như một cô dâu mới của Rembrandt\*. Là tình nhân cuồng nhiệt của Michel những ngày tốt đẹp đã qua từ lâu, tình yêu vẫn chưa tắt trong trái tim Zéphyrine.

Rembrandt (1606-1669): họa sĩ và nhà điêu khắc người Hà Lan, tác giả hơn 350 bức họa mẫu và cũng được gán bằng số đó những tranh khắc đồng, được xếp vào những thiên tài lớn nhất hội họa.

Ông già tiếp nhận câu lăng mạ hời lòng hời dạ kia bằng một nụ cười được giấu kín, và ông ngược mắt lên bầu trời có vị thượng đẳng thiên sứ Michel, dữ dội trong bộ giáp trụ bằng ngọc lưu ly và chiếc mũ bạc mạ vàng đang nhảy chồm trong ánh hào quang sáng chói lọi.

Trong khi đó, ông linh mục Patouille lấy chiếc mũ che làn ánh sáng thô bạo của khung cửa sổ và lim dim mắt lần lượt xem xét kỹ nhân vật Héliodore bị các thiên sứ quát roi, thánh Michel đánh thẳng bọn quỷ dữ, và cuộc chiến

đầu của Jacob cùng Thiên sứ.

- Mọi cái này thật đẹp, cuối cùng ông làm bầm, nhưng tại sao lại chỉ vẽ trên các bức tường này toàn những thiên sứ đang giận dữ? Tôi đưa mắt nhìn khắp các điện thờ này, chỉ thấy rất những sứ giả đi rao cái thịnh nộ, các vị thừa hành những cuộc báo thù của Chúa trời. Chúa trời muốn được người ta sợ; Người cũng muốn được người ta yêu nữa chứ. Thật sung sướng nếu thấy trên các tường vách này những sứ giả của khoan hồng và bình yên. Hẳn là ai cũng ước ao được trông thấy ở đó vị đệ nhất thiên sứ đã làm cho đôi môi của nhà tiên tri thành trong sáng; thánh Raphael\*, trả lại thị giác cho ông già Tobias; Gabriel\*, báo cho bà Mary lẽ huyền bí của giáng sinh; vị thiên sứ giải thoát thánh Pierre khỏi xiềng xích; các tiểu thiên sứ mang thi hài nữ thánh Catherine lên đỉnh núi Sinai. Nhất là ở đây hẳn ai cũng vui lòng được chiêm ngưỡng các thiên thần hộ mệnh Chúa ban cho tất cả những người được rửa tội nhân danh Người. Mỗi người chúng ta đều có thiên thần hộ mệnh của mình. Có lẽ sẽ ấm lòng biết bao nếu được ngưỡng vọng trong điện thờ này những tinh thần đầy quyền rũ kia, những khuôn mặt mê ly kia!

Raphael - Vị thượng đẳng thiên sứ đã dìu dắt ông Tobias đến xứ dân Medes, và đã mách cho con trai ông già phương thuốc cứu chữa cho ông khỏi mù (Kinh thánh, Sách Tobit, XI - XII).

Gabriel - Thiên sứ đã báo cho Mary biết bà sẽ là mẹ Đấng cứu thế (Kinh thánh, Lucas, I, 26-38).

- Chà! Thừa linh mục, đành phải theo quan điểm của ông ấy thôi, - Gaétan đáp lời, Delacroix không có tình âu yếm. Ông già Ingres\* nói chẳng sai rằng tranh vẽ của bậc vĩ nhân đó sặc mùi lưu hoàng. Ông hãy nhìn những thiên sứ kia đẹp huy hoàng biết bao và cũng ảm đạm biết bao, những vị thần á nam á nữ kiêu hãnh và hung dữ kia, những thanh niên độc ác kia giơ những cái roi bảo thủ lên đầu Héliodore, chàng đô vật trẻ huyền bí kia đã nắm được

hông vị tộc trưởng\*...

Jean Auguste Dominique Ingres: danh họa Pháp (1780-1867).

Vị tộc trưởng (le patriarche) ám chỉ Jacob, trong trận đánh nhau với một thiên sứ, tuy thắng thế nhưng vị thiên sứ đó dùng phép thần biến vào hông, làm cho sai khớp xương (Kinh thánh, Sáng thế ký, XXXII, 23-38).

- Suyt! - Linh mục Patouille thốt lên, trong Thánh kinh chàng đó không phải là một thiên sứ như các vị thiên sứ khác; nếu có thì phải là thiên sứ sáng tạo, đấng con vĩnh hằng của Chúa Trời. Lạ thật, vị cha sứ đáng tôn kính của St. Sulpice, ủy thác cho ông Eugène Delacroix trang trí điện thờ này, đã không dặn trước ông ta rằng cuộc chiến đấu tượng trưng của vị tộc trưởng với Đấng-không-chịu-xưng-tên, đã diễn ra trong một đêm tối mịt mù và đề tài cũng không đúng chỗ, vì đây là miêu tả sự giáng sinh của Jesus Christ. Những nghệ sĩ tài giỏi nhất cũng lầm lạc khi họ không tiếp thu được của một giáo sỹ có uy tín những khái niệm khoa học về tranh tượng Cơ đốc. Đã có rất nhiều công trình khoa học nghiên cứu các thể chế của nghệ thuật Cơ đốc giáo mà chắc hẳn ông biết, ông Sariette ạ.

Ông Sariette đương đảo ngang đảo ngược đôi mắt lơ lơ. Bữa đó là buổi sáng thứ ba sau sự cố ban đêm ở thư viện. Tuy vậy, thấy vị giáo sư tôn kính gọi hỏi, ông cố tập trung tư tưởng lại và trả lời:

- Về đề mục này, có thể tra cứu có hiệu quả Molanus, De Historia Sacrarum Imaginum et Picturarum\* trong bản in của Noël Paquot, ấn hành ở Louvain\* năm 1771, Hồng y giáo chủ Frederico Borromeo, De Pictura Sacra\* và sách giải thích khoa học tranh tượng của Didron; nhưng tác phẩm cuối cùng này phải đọc dè dặt cẩn thận.

De Historia Sacrarum Imaginum et Picturarum - tên sách bằng tiếng La tinh nghĩa là nói về lịch sử hình

tượng và hội họa thiêng liêng.

Louvain, tiếng Flanders là Leuven, tên thành phố ở nước Bỉ, có trường Đại học cũ nổi tiếng, trong đó có thư viện huy hoàng, bị quân Đức thiêu hủy năm 1911, sau được trùng tu và khánh thành năm 1928.

De Pictura Sacra: tên sách bằng tiếng La tinh, nghĩa là nói về hội họa thiêng liêng.

Nói vậy xong, ông Sariette lại chui về cái vỏ im lặng. Ông nghiên ngẫm về cái thư viện khiếp đảm của mình.

- Trái lại, linh mục Patouille nói tiếp, vì cần phải nêu gương ngay trong điện thờ này về cơn giận dữ thiêng liêng của các thiên sứ, nên ta phải tán thành nhà họa sĩ bắt chước Raphael\* miêu họa ở đây các sứ giả của trời trừng phạt Héliodore. Được Seleucus, vua Syrie giao phó việc cướp đoạt của báu tàng trữ trong Đền. Héliodore bị quật ngã bởi một thiên sứ đeo giáp trụ bằng vàng và cưỡi một con ngựa đóng yên cương huy hoàng. Hai vị thiên sứ khác dùng roi quất. Hắn ngã gục xuống đất, như ông Delacroix miêu họa cho ta thấy ở đây, và bị bao phủ trong tối tăm. Thật xứng đáng và bổ ích như sự cố đó được nêu làm gương cho cảnh sát trưởng của nền Cộng hòa và các nhân viên thuế vụ láo lếu. Không đời nào hết sạch những Héliodore, nhưng nên biết rằng: mỗi khi xâm phạm đến của cải Nhà thờ, là của cải của những người nghèo, họ sẽ bị ăn roi và sẽ bị các thiên sứ làm cho mù mắt. Tôi chỉ muốn rằng bức họa này, hoặc hơn thế nữa, tác phẩm trác tuyệt của Raphael cùng về đề tài này phải được khắc họa thu nhỏ, với đủ các màu sắc và phân phát làm phiếu khen trong các trường học.

Raphael (1483-1520): nhà danh họa, điêu khắc và kiến trúc sư của trường phái La Mã, sinh ở Urbino, một thành phố của nước Ý. Được triều đình Giáo Hoàng Julius II và Leo X biệt đãi, ông cộng tác công việc trang trí điện Vatican và được mai táng ở điện Panthéon. Chết rất trẻ, để lại rất nhiều tác phẩm tuyệt tác, trong đó có bức họa Héliodore bị đuổi khỏi đền, đã nói đến ở trên.

- Thừa chú, - chàng trẻ Maurice vừa nói vừa ngáp, cháu thấy những cái trò kia thật là bẩn. Cháu thích Matisse\* và Metzinger hơn.

Henry Matisse (1869-1954): họa sĩ người Pháp.

Những lời đó rơi tõm chẳng được ai nghe, và ông già Guinardon, ngất ngưỡng trên thang, lên giọng tiên tri:

- Chỉ có những nghệ sĩ tiền Phục hưng là đã hé trông thấy trời. Chỉ từ thế kỷ XIII đến thế kỷ XV mới có cái đẹp. Nghệ thuật cổ đại, cái nghệ thuật như bản ấy đã ảnh hưởng độc hại đến các đầu óc của thế kỷ XVI, đã gọi cho các thi sĩ, họa sĩ, những tư tưởng tội ác, những hình tượng huênh hoang, những trò ô uế kinh khủng, những cái bẩn thỉu đê tiện. Tất cả các nghệ sĩ thời Phục hưng đều là đồ lợn, không ngoại trừ Michelangelo\*.

Michelangelo (1475-1564): nhà họa sĩ đại danh người Ý, tên đầy đủ là Michelangelo Buonarroti, vừa là nhà điêu khắc, kiến trúc sư và thi sĩ.

Rồi khi thấy Gaétan sắp bỏ về, ông già Guinardon lấy vẻ hiền lành thật thà thì thầm tâm sự:

- Ông Gaétan ạ, nếu ông không ngại leo năm tầng gác, thì xin mời ông quá bộ đến nơi ở nhếch nhác của tôi; tôi có hai ba bức tranh nhỏ đang muốn nhường đi, và có thể chúng sẽ gợi được cảm tình của ông chẳng. Nói thật thà đấy, không có gì lắt léo đâu. Tôi sẽ cho ông xem vài thứ khác nữa, trong đó có một tác phẩm nhỏ của Baudouin, ngon lành và đủ chua cay mặn chát làm cho ông phải nhỏ dãi.

Nghe dứt lời, Gaétan bỏ đi ra ngoài, và trong khi ông bước xuống những bậc thềm của nhà thờ và đi quanh qua phố Bà Chúa liền vợ được ông già Sarriette, ông bèn thổ lộ với ông ta, cũng như có thể thổ lộ với bất cứ con



người nào, với một cái cây, một ngọn đèn hơi, một con chó, với cái bóng của mình, về nỗi bất bình trước cái lý thuyết mỹ học của nhà họa sĩ già.

- Cái lão Guinardon, lão phô ra nghệ thuật Cơ đốc và các nghệ sĩ tiền Phục hưng để bịp chúng ta! Mọi quan niệm của họa sĩ về cõi trời đều lấy ở trái đất. Chúa trời, Đức Bà Đồng Trinh, các thiên thần, các thánh nam thánh nữ, ánh sáng, các lớp mây. Khi vẽ hình người lên những cửa kính màu nhà nguyện ở Dreux, ông già Ingres đã phác họa bằng chì theo mẫu một thân hình đàn bà lỏa thể, tinh tế và thuần khiết mà ngày nay vẫn còn thấy ở nhiều bức khác nữa trong viện bảo tàng Bonnat ở Bayonne. Ông già Ingres ấy đã ghi phía dưới tờ giấy cho khỏi quên: “Cô Cécile, đôi chân và bắp đùi tuyệt vời”. Và để biến Cécile thành một nữ thánh ở thiên đường, ông ta khoác cho cô một chiếc áo dài, một áo măng tô, một tấm mạng che. Làm như vậy là hành hạ cô bằng cách giáng truất nhục nhã, vì hàng tơ lụa Lyon và Genoa đều là tồi tàn so với thứ tơ lụa sống và trẻ nhuốm hồng bởi một dòng máu thuần khiết, vì những nếp vải phủ đẹp nhất cũng chỉ đáng khinh bỉ nếu đem so sánh với các đường nét của một thân hình đẹp, và cuối cùng vì y phục đối với da thịt đương dẫy thì là một nỗi ô nhục không đáng có và một điều sỉ nhục tồi tệ nhất.

Gaétan hờ hững đặt hai chân vào rãnh nước băng giá của phố Garancière, nói tiếp:

- Lão già Guinardon là một thằng vừa ngu vừa ác. Lão báng bố cổ đại, cái cổ đại thần thánh, cái thời mà chư thần đều nhân đức. Lão tán dương một thời đại mà các nhà họa sĩ và điêu khắc đều phải học lại mọi thứ. Thực sự là đạo Cơ đốc đã phản lại nghệ thuật, vì lẽ nó đã không ủng trợ người ta nghiên cứu

dạng lõa thể. Nghệ thuật là sự biểu hiện thiên nhiên, và thiên nhiên tột bậc là thân thể con người, là lõa thể.

- Xin phép, xin phép! - Ông già Sariette nói thăm thì, có một cái đẹp tinh thần và có thể nói là cái đẹp nội tâm, mà từ Fra Angelico cho đến Hippolyte Flandrin, nghệ thuật Cơ đốc...

Chẳng thềm nghe, Gaétan phóng những lời cuồng nhiệt vào đá lát trên phố cũ và vào những đám mây đầy tuyết đang trôi qua trên đầu ông:

- Không thể phán xét các nghệ sĩ tiền Phục hưng bằng một lời bao trùm được, vì họ không giống nhau mấy. Cái lão già điên rồ kia thật bát nháo. Cimabué là một nghệ sĩ thuộc phái đoàn Byzantine đòi bại. Có thể đoán Giotto là một thiên tài mãnh liệt, nhưng ông ta không biết nắn nét cho nổi hình khối và vẽ như con nít, đầu của mọi nhân vật đều giống nhau. Các nghệ sĩ tiền Phục hưng Ý thì có vẻ duyên dáng và hân hoan vì họ là người Ý. Các nghệ sĩ Venice thì có bản năng về màu sắc đẹp. Nhưng rút cục những tay thợ tuyệt diệu đó chỉ in hình lên vải và thếp vàng chứ đâu phải là hội họa. Cứ như ý tôi thì dứt khoát là tay Beato Angelico nhà các ông có trái tim và bảng màu quá ủy mị. Còn bọn nghệ sĩ Flanders thì lại là một chuyện khác. Bọn họ khéo tay và tài nghệ họ cao siêu, ngang hàng các nghệ nhân sơn mài Trung Hoa. Kỹ thuật của anh em Van Eyck\* thì tuyệt vời. Tuy nhiên trong bức họa Sự thờ phụng của con Chiên tôi không sao tìm thấy cái chuyện huyền bí mà ai ai cũng ca tụng. Mọi thứ ở đó đều được xử lý hoàn hảo chặt chẽ, tất cả ở đó đều tỏ ra dung tục về tình cảm và xấu xí gớm ghê. Memling\* có lẽ dễ xúc động lòng người, nhưng ông ta chỉ sáng tạo những nhân vật ốm yếu và què quặt, và dưới những bộ áo dài hoa lệ nặng nề và thô kệch của các Đức Bà Đồng Trinh

và các nữ thánh, có thể đoán thấy những lỗi thể thảm hại. Tôi không nghĩ rằng vì Rogier van der Wyden lấy tên là Roger de la Pasture và trở thành người Pháp nên tôi ưa thích ông ta hơn Memling. Cái nhà ông Rogier hoặc Roger đó ít ngây ngô hơn; bù lại, ông ta bi thảm hơn, và nét bút vững chắc trên các tấm tranh đã tố cáo mãnh liệt sự nghèo nàn của các hình thể. Thật lầm lạc lạ kỳ không có thể hài lòng với những bộ mặt nhịn đói kia, khi đã có những bức họa của Léonard, của Titien, của Correggio, của Velasquez, của Rubens, của Rembrandt, của Poussin, của Prud'hon\*. Chuyện đó quả thiệt là có tính chất bạo dâm\*.

Anh em Van Eyck - tức Hubert Van Eyck (1385-1426) và Jan Van Eyck (1390-1441), là hai họa sĩ Flander (nước Bỉ).

Hans Memling (1430-1494): họa sĩ Flander thiên tài độc đáo mãnh liệt và hồn nhiên. Tác phẩm: Cuộc phán xét cuối cùng (Le Jugement dernier), Nỗi thương khổ (La passion)...

Léonard, Titien, Correggio, Rubens, Poussin: Léonard tức là Leonard de Vinci (1452-1519) - họa sĩ trứ danh của trường phái Florence tác giả bức họa bất hủ La Joconde, và bao nhiêu họa phẩm danh tiếng khác. Ông vừa là họa sĩ, vừa là nhà điêu khắc, kiến trúc sư, kỹ sư, nhà văn và nhạc sĩ, và trong ngành nào của nghệ thuật và khoa học, ông đều lỗi lạc.

Titien (1488-1576): thường gọi là La Titien họa sĩ Ý, người cầm đầu trường phái Venice.

Correggio (Antonio da Correggio, 1489-1534): họa sĩ Ý, sinh ra ở Correggio.

Velasquez (1599-1660): họa sĩ Tây Ban Nha, sinh ra ở thành phố Sevilla, là nhà họa sĩ vẽ chân dung độc đáo, của trường phái Tây Ban Nha.

Poussin (1594-1665): một trong những họa sĩ nổi tiếng của Pháp, tác giả của một số lớn những tuyệt tác, là bậc thầy của hội họa cổ điển ở Pháp.

Prud'hon (1758-1823): họa sĩ Pháp, một trong những họa sĩ độc đáo nhất của thời đại.

Bạo dâm (Sadisme) chứng bệnh tâm lý bộc lộ rõ nhất ở ý thích dâm dật một cách thô bạo, phải làm đau đớn cho đối phương mới thỏa thích.

Trong khi đó ông linh mục Patouille và Maurice d'Esparvieu đi nhẩn nha

sau nhà mỹ học và ông quản thư viện, ông linh mục Patouille, thường ít có khuynh hướng bàn về thần học với những người thế tục, ngay cả với những tăng lữ nữa. Nhưng trước sức hấp dẫn của đề tài, ông cũng thuyết minh với cậu Maurice về chức vụ thần thánh của các thiên thần hộ mệnh nọ mà ông Delacroix đã loại trừ không đúng khỏi các bức tranh ông ta vẽ. Và để diễn đạt tốt hơn tư tưởng của ông về những đề tài cao siêu đến thế, linh mục Patouille mượn của ông Bossuet\* những cú ghép, những từ ngữ, những câu văn nguyên vẹn mà ông đã học thuộc lòng để đưa vào các bài thuyết giáo của ông, vì ông rất gắn bó với truyền thống.

Jacques Bénigne Bossuet (1627-1704): Giám mục địa phận Meaux, sinh ra ở Dijon (Pháp), nhà hùng biện của tế lễ tôn giáo. Những diễn văn và thuyết giáo của Bossuet đưa ông vào hàng ngũ các nhà văn thuyết giáo nổi tiếng nhất, nhà sử học lớn, uyên bác nhất và có tác phẩm mang giá trị phê phán nhất của nước Pháp.

- Phải, con ạ, - ông nói, phải, Chúa đã đặt những thần hộ mệnh sát chúng ta. Khi đến với chúng ta, các vị mang nặng những ân huệ của Chúa; khi các vị trở về lại mang nặng những nguyện vọng của chúng ta. Chức vụ của các vị là như vậy. Bất cứ giờ nào, bất cứ phút nào, các vị cũng sẵn sàng để hỗ trợ chúng ta như những người canh giữ bao giờ cũng nhiệt thành và không mệt mỏi, giống như những lính canh bao giờ cũng tỉnh táo.

- Hoàn toàn đúng như vậy, thưa ông linh mục, - Maurice nói lầm bầm. Anh ta đương trù định mưu mẹo khôn ngoan nào đó để đánh vào lòng âu yếm của bà mẹ và vợ của bà một món tiền anh ta đương rất cần.

## CHƯƠNG THỨ SÁU

### *Kể chuyện ông già Sariette tìm lại được của báu.*

Sáng hôm sau, ông Sariette vào thư phòng ông René d'Esparvieu, không gõ cửa. Ông giơ hai tay lên trời, trên đầu những sợi tóc lơ thơ dựng đứng. Đôi mắt hỡi hùng mở tròn xoe. Ông lấp bắp, thông báo tai họa xảy ra: một bản thảo rất cổ của Flavius Josephus\*, sáu chục tập đủ các cỡ giấy, một báu vật vô giá, là quyển Lucrece\* có mang huy hiệu của Philippe de Vendôme, Pháp quốc đại tu viện trưởng\*, với những ghi chú thủ bút của Voltaire\*, một bản thảo của Richard Simon\* và tập thư tín trao đổi giữa Gassendi và Gabriel Naudé\*, gồm hai trăm ba mươi tám bức thư chưa hề in, đã biến mất. Lần này thì ông chủ của thư viện hoảng hồn. Ông vội lên phòng có những triết gia và những hình cầu và ở đó, ông được thấy tận mắt quy mô của sự tổn thất. Trên nhiều ngăn sách thấy những lỗ hồng toang hoác. Ông tìm bừa phứa, mở các tủ ngầm trong vách, bới ra được nào chổi quét, nào giẻ lau, nào bươm cứu hỏa. Ông lấy xẻng xúc vào đồng lửa than cốc, ông giữ chiếc áo ngoài đẹp đẽ của ông Sariette treo trong buồng rửa mặt và chán nản, ông đứng ngắm cái trống rỗng ở chỗ các cặp giấy của Gassendi. Giới bác học từ một nửa thế kỷ nay lớn tiếng đòi hỏi công bố những thư tín đó. Ông René d'Esparvieu đã không đáp ứng nguyện vọng chung đó, vì chẳng muốn đảm đương một nhiệm vụ nặng nề như vậy, và cũng chẳng muốn trút trách nhiệm đó cho ai. Vì vậy trong những bức thư kia nhiều tư tưởng tàn bạo và nhiều chỗ phóng dăng vô tín ngưỡng mà tinh thần kính tín của thế kỷ XX khó có thể chịu đựng nổi, ông những mong những trang đó đừng in ra, nhưng ông lại cảm thấy món ký

gửi đó khiến ông phải gánh nặng trách nhiệm đối với nước ông và đối với nền văn minh thế giới.

Flavius Josephus (37-100): nhà sử học Do Thái, tác giả bộ sách Những cổ vật Do Thái giáo (Antiquités judaïques).

Lucrece hay Lucretius: thi sĩ La tinh, sinh ở La Mã (99-55 TCN), tác giả thi phẩm Bản chất sự vật (De la nature des choses) phát triển hệ thống triết lý của Epicure trong một ngôn ngữ có văn khí mãnh liệt và chất thơ có khí phách.

Philippe de Vendôme (1665-1727): Dòng dõi của công tước César de Vendôme (con hoang của vua Henri IV nước Pháp), được phong chức Pháp quốc đại tu viện trưởng (Grand Prieur de France), có nhiều chiến công hiển hách.

Voltaire (1691-1778): Văn hào người Pháp nổi tiếng thế kỉ XVII, có học vấn uyên bác và thiên tài đa dạng, tác giả nhiều tác phẩm có ảnh hưởng lớn đến cuộc cách mạng Pháp ngang hàng với J. J. Rousseau và Montesquieu.

Richard Simon: Ông thuộc hội Oratorian, tác giả hai cuốn “Phê bình lịch sử Cựu ước” (1678) và “Phê bình lịch sử văn bản Tân ước” (1689). Richard Simon là một trong những tổ phụ của khoa chú giải phê bình Kinh Thánh.

Gassendi, Gabriel Naudé: Gassendi (1592-1655): nhà toán học và triết học duy vật Pháp thế kỉ XVIII. Gabriel Naudé (1600-1653): Học giả uyên bác người Pháp, quản lý thư viện của Richelieu và Mazarin - tế tướng Pháp dưới triều Louis XIII và XIV.

- Sao ông lại có thể để mất trộm một kho báu như vậy? - Ông hỏi ông Sariette một cách nghiêm khắc.

- Sao tôi lại có thể để mất trộm một kho báu như vậy, - ông quản thư trả lời, thưa ông, cứ phanh ngực tôi ra, thì sẽ thấy câu hỏi đó khắc sâu nơi trái tim tôi.

Không cảm động vì lời nói khảng khái đó, ông d'Esparvieu cố nén giận dữ nói tiếp:

- Và ông không phát hiện được một hình tích gì để có thể lần ra dấu vết



kẻ trộm, hờ ông Sariette? Ông không có một tia ngờ vực nào, không có một tí ý kiến nào về cách thức diễn ra sự việc? Ông đã không trông thấy gì, không nghe thấy gì, không quan sát thấy gì, không nghe biết tin tức gì sao? Ông hãy công nhận đi, không thể nào tưởng tượng được chuyện như thế. Ông Sariette, ông hãy nghĩ đến những hậu quả có thể có của vụ trộm lạ đời diễn ra dưới mắt ông. Một tài liệu vô giá cho lịch sử tâm trí loài người đã biến mất. Kẻ nào đã lấy trộm nó? Lấy trộm để làm gì? Vì lợi ích của ai? Những kẻ đã chiếm đoạt được nó chắc hẳn biết rõ rằng không thể bán chúng ở nước Pháp được. Chúng sẽ đem bán ở Mỹ, ở Đức. Nước Đức đang thèm khát những công trình văn học loại đó. Nếu bộ thư tín Gassendi trao đổi với Gabriel Naudé lọt sang Berlin, nếu những nhà bác học Đức công bố nó ra, thì tai hại biết bao, thậm chí tai tiếng biết bao! Ông Sariette, ông chưa nghĩ đến điều đó ư?

Bị một lời khiển trách ác, lại càng ác vì chính ông cũng tự khiển trách như vậy, ông Sariette thù người ra và đứng im.

Và ông d'Esparvieu lại bồi thêm những lời quở trách chua chát:

- Vậy mà ông không toan tính gì, không nghĩ ra cái gì để tìm lại những của cải vô giá kia? Tìm tòi đi, nhúc nhắc đi, ông Sariette, tìm công phu vào. Việc này cũng bỏ công đấy.

Và ông d'Esparvieu lạnh lẽo lườm người quản thư một cái, rồi bỏ đi.

Ông Sariette đi tìm các sách in và bản thảo đã mất, tìm ở tất cả các nơi ông đã tìm đến trăm lần và những nơi không thể nào có chúng, tìm đến cả cái thùng đựng than, tìm cả ở dưới cái vòng da trên mặt ghế bành ông ngồi, và

khi nghe chuông điểm mười hai giờ, ông đi xuống như một cái máy. Xuống đến chân cầu thang, ông nhìn mọi người mọi vật chỉ qua một đám mây mờ.

Ông quản thư đau khổ vừa ra tiền sảnh thì Maurice gọi ông lại:

- Ông Sariette, nói ngay kéo tôi lại quên, ông hãy cho người đến lấy về những quyển sách chẳng biết ai đem nhét đầy biệt thất của tôi.

- Những sách nào, cậu Maurice?

- Tôi cũng chả biết nữa, ông Sariette ạ. Nhưng có những quyển đã một ruỗng bằng tiếng Hebrew, với một đồng lộn xộn những giấy tờ cũ nát. Ngõng ngang ở nhà tôi. Không còn xoay mình trong lối đi vào nhà được nữa.

- Ai đã đem những cái đó đến nhà cậu?

- Tôi chả biết quái gì cả.

Và chàng thanh niên rảo bước đi về phía phòng ăn, vì giờ ăn bữa trưa đã báo từ một lúc rồi.

Ông Sariette chạy đến ngôi biệt thất. Maurice đã nói đúng sự thật. Có hàng trăm cuốn sách ở đó, trên các mặt bàn, mặt ghế, trên sàn nhà. Trông thấy thế, vừa mừng vừa sợ, đầy ngạc nhiên và xao xuyến, sung sướng được tìm thấy của báu đã mất đi và lo sợ lại mất lần nữa, kinh ngạc đến lịm người, con người của sách vở lần lần lướt lướt hết riu rít như một đứa bé sơ sinh lại kêu lên những tiếng khàn khàn như kiểu những thằng điên. Ông nhận ra những kinh thánh tiếng Hebrew của mình, những pháp điển Do Thái của mình, bản thư rất cổ kính của Flavius Josephus, những bức thư Gassendi và Gabriel Naudé gửi cho nhau và đại báu vật của ông, là quyển Lucrece có mang huy hiệu của Pháp quốc đại tu viện trưởng, với những ghi chú thủ bút

của Voltaire. Ông cười, ông khóc, ông ôm hôn những da dê, da bò non, da thuộc để viết, những da dê mịn làm giấy, những tấm ván lờm chờm đình. Bác hầu Hippolyte cứ mang lại thư viện một ôm sách nào là ông Sarriette bằng bàn tay xúc động lại đặt chúng về đúng chỗ cũ một cách thành kính.

## CHƯƠNG THỨ BẢY

*Là một chương khá thú vị và có một đạo lý chắc rằng sẽ được các độc giả bình thường rất vừa ý, vì nó được nói lên bằng câu cảm thán đau đớn này: “Lôi ta đi đâu vậy, hỡi tư duy?” và quả thật có một chân lý được mọi người chấp nhận: tư duy là không lành mạnh, khôn ngoan nhất là không nghĩ gì cả.*

Tất cả các sách lại được tập hợp dưới đôi bàn tay thành kính của ông Sariette. Nhưng sự liên hợp tài tình đó không được bền. Ngay đêm sau, hai chục cuốn sách lại ra đi và trong số đó có quyển Lucrece của tu viện trưởng de Vendôme. Trong có một tuần, các văn bản xưa bằng tiếng Hebrew và Hy Lạp của cả Tân ước và Cựu ước, đều trở lại ngôi biệt thất, và suốt trong tháng tiếp sau đó, mỗi đêm, chúng đều rời bỏ ngăn sách, bí mật đi theo con đường cũ. Có những sách khác không biết đi đâu.

Nghe kể những sự cố tối tăm đó, ông René d'Esparvieu chỉ nói, không có chút gì ân ưu với người quản thư:

- Ông Sariette khốn khổ ơi, tất cả cái đó quả là kỳ dị, rất kỳ dị.

Và khi ông Sariette ngỏ ý muốn đi thưa hoặc trình với ông cảnh sát trưởng, thì ông René d'Esparvieu hét lên:

- Ông đề nghị với tôi cái gì vậy, ông Sariette? Tiết lộ những chuyện kín trong nhà làm ầm ĩ lên!... Không đời nào!... Tôi có những kẻ thù, tôi chẳng

cần giấu giếm, tôi đáng có những kẻ thù đó. Điều đáng cho tôi phải phàn nàn, là bị công kích ngay trong phe đảng kịch liệt chưa từng thấy, bởi những người bảo hoàng nhiệt thành, họ là những người Thiên Chúa giáo tốt, tôi cũng muốn tin như vậy, nhưng là những người Cơ đốc giáo\* xấu... Nghĩa là, tôi đang bị rình mò, theo dõi, dò la, mà ông Sariette ơi, ông lại đề nghị tôi cúng cho bọn nhà báo tinh quái một chuyện kín tức cười, cho một sự cố hài hước, nghĩa là một việc rắc rối trong đó bộ mặt cả hai chúng ta đều khá dơ dáy. Vậy ông muốn làm cho tôi dơ mặt sao?

Cơ đốc giáo là nói gốc đạo Jesus Christ lập ra: Thiên chúa giáo là đẹp đẽ khi thành thiết chế với La Mã là trung tâm.

Dứt câu chuyện, hai người thỏa thuận với nhau thay tất cả các ổ khóa của thư viện. Họ đi hỏi giá cả và cho gọi thợ đến. Suốt sáu tuần từ sáng đến tối dinh thự d'Esparvieu vang dội tiếng búa gõ, tiếng mũi khoan vo vo và tiếng giũa kèn kẹt. Đèn đuốc thắp sáng căn phòng các nhà triết học và các hình cầu, và một mùi dầu máy làm cho những người trong nhà buồn nôn lộn mửa. Ở các cửa thông các phòng và các tủ, các ổ khóa cũ êm ái và yên ổn bị thay bằng những ổ khóa dở chứng và bướng bỉnh. Toàn là những ổ khóa hiểm hóc, những khóa chữ, những then chốt an toàn, những thanh chặn, những dây xích, những chuông điện. Tất cả những dụng cụ bằng đồng bằng sắt linh tinh đó nom rõ ghê người. Các ổ khóa ngời sáng và các mỏ khóa rít kèn kẹt. Muốn mở mỗi phòng, mỗi tủ, mỗi ngăn kéo, cần phải nắm được một mật mã chỉ một mình ông Sariette biết. Đầu ông ta nhồi đầy những chữ kỳ cục và những con số khổng lồ, và ông bị rối trí trong những bảng chữ bí mật, những con số bình phương, lập phương đó. Ông ta không mở nổi cả các cửa thông lẫn các tủ nữa, và sáng nào cũng thấy chúng mở toang, và các sách in bị xô

đầy, tàn phá, lấy trộm. Một đêm kia lính canh sát nhật được trong rãnh nước ở phố Servandoni một cuốn sách khâu chỉ của Salomon Reinach\* nói về tông tích lai lịch của Barrabas\* và Jesus. Vì cuốn sách đó đóng dấu thư viện nhà d'Esparvieu, nên anh ta đem trả lại cho sở hữu chủ.

Salomon Reinach (1858-1932): nhà ngữ văn học và khảo cổ học người Pháp, sinh ra ở Saint-Germain-en-Laye.

Barrabas: thường cũng viết là Barabbas: một nhân vật có nói đến trong Kinh thánh Mathius, XXVII, 15-26. Là một người Do Thái. Khi Jesus bị bắt và dẫn đến trước mặt Ponce Pilate, tổng đốc La Mã ở xứ Judea thì Barrabas đương bị giam cầm trong ngục vì tội phiến loạn và giết người. Ponce Pilate, muốn giữ trách nhiệm về vụ xử quyết này, đề nghị nhân dân Do Thái lựa chọn một trong hai người Jesus và Barrabas, để phóng thích nhân dịp Passover/Pesach (lễ Vượt qua, Xem Kinh thánh, Xuất Ediptô ký, XII - 26), nhân dân chọn Barrabas. Thế là Barrabas thoát chết và Jesus bị giao cho các quan xử tội.

Ông René d'Esparvieu cũng chẳng thềm báo cho ông Sariette biết, quyết định đi hỏi một vị thẩm phán bạn thân của ông, một con người đáng tin cậy. Ông des Aubels, làm hội thẩm tại tòa thượng thẩm, người đã thẩm cứu nhiều vụ quan trọng. Đó là một con người thấp bé, tròn trĩnh, da rất đỏ, đầu rất hói, cái sọ nhẵn bóng như một viên bi-a. Một buổi sáng, ông ta vào thư viện và giả vờ như một người mê sách, nhưng ngay tức khắc ông ta tỏ ra không biết gì về sách cả. Các tượng bán thân những nhà triết học cổ đại phản chiếu thành vòng tròn trên sọ ông trong lúc ông chất vấn ông Sariette những câu linh tinh thâm hiểm, làm cho ông này rối tinh rối mù và thẹn đỏ cả mặt. Vì hồn nhiên vô tội thì vẫn mau xúc động. Thế là ông des Aubels lập tức ngờ ngay ông Sariette là tác giả những vụ trộm cắp mà ông ta tố cáo một cách hời hợt; và ông nghĩ ngay đến chuyện truy tìm các đồng lõa của vụ phạm tội. Còn về các động cơ thì ông chẳng quan tâm: thế nào mà chẳng tìm ra được động cơ. Ông des Aubels nhận giúp ông d'Esparvieu cho một thám tử của sở

liêm phóng bí mật giám sát dinh thự.

- Tôi sẽ bảo họ cắt cho ông tên Mignon. Đó là một tên thuộc hạ tuyệt trần, chăm chỉ và thận trọng.

Sáng hôm sau, ngay từ sáu giờ, đã thấy Mignon đi dạo trước dinh thự d'Esparvieu. Đầu rụt giữa hai vai, những món tóc xoáy vòng móc câu thò ra dưới vành hẹp chiếc mũ quả dưa, con mắt ngó nghiêng, một bộ ria to tướng màu đen sì, đôi bàn tay bàn chân hộ pháp, tóm lại là một vẻ ngoài dễ nhớ, anh ta bước đều đặn từ cột trụ gần nhất của những cột trụ tạc hình đầu cừu trang trí cho dinh thự de la Sordière, đến tận cuối phố Garancière, khoảng gần mé hậu cung nhà thờ St. Sulpice và mái vòm của điện thờ Đức Bà Đồng Trinh. Thế là, không thể nào đi ra hoặc đi vào dinh thự d'Esparvieu mà không cảm thấy nhất cử nhất động cho đến cả các ý nghĩ của mình không bị rình mò. Mignon là một con người kỳ diệu, bẩm sinh có những năng khiếu mà tạo hóa từ khước tất cả mọi người khác. Hắn không ăn không ngủ, bất cứ giờ nào, ngày cũng như đêm, gió cũng như mưa, đều thấy hắn trước tòa dinh thự và không một ai thoát khỏi xạ tuyến con mắt hắn. Mọi người cảm thấy cơ thể mình bị đâm suốt, xương xấu lộ cả ra, tệ hại hơn là trần truồng, vì chỉ có lại bộ xương. Chỉ cần một giây đồng hồ là xong; viên cảnh sát thậm chí không dừng bước và vẫn tiếp tục cuộc đi dạo muôn đời của hắn. Không ai chịu nổi. Chàng Maurice đe không trở về mái nhà của bố mẹ nữa nếu cứ bị chiếu chụp điện như vậy. Bà mẹ và cô em Berthe của anh thì kêu ca về con mắt nhìn xuyên thấu kia, nó xúc phạm tâm hồn khiêm tốn trắng trong của họ. Cô Caporal, bảo mẫu của cậu bé Léon d'Esparvieu, thì cảm thấy một nỗi khó chịu không sao tả xiết. Ông René d'Esparvieu, bực mình mỗi khi bước qua

ngưỡng cửa nhà mình, lại phải sụp mũ xuống tận mắt để tránh cái tia quang tuyến dò la kia và nguyên rủa lão Sariette, căn nguyên và nguồn gốc của mọi tai họa. Người thân thuộc của gia đình, như linh mục Patouille và ông chú Gaétan, cũng ít thấy lai vãng, khách khứa chẳng còn ai đến thăm viếng, những người cung cấp hàng hóa ngần ngại trong việc giao hàng, các xe chở hàng của những hiệu buôn lớn hầu như không dám dừng bánh. Nhưng chính sự giám sát đó đẻ ra những lộn xộn nghiêm trọng nhất trong đám kẻ hầu người hạ. Bác hầu phòng vì có con mắt cảnh sát nên sợ không dám đi tìm gặp cô vợ anh thợ giày vào buổi chiều khi cô ta làm việc một mình ở nhà, nên thấy không sao chịu nổi cái nhà này nữa và xin ông chủ cho thôi việc. Odile, chị hầu phòng của bà d'Esparvieu, vì không dám đưa anh chàng Octave, gã ủy nhiệm viên đẹp trai nhất của hiệu sách gần bên nhà, lên gian buồng áp mái như thường lệ sau khi bà chủ đã đi nằm, trở nên buồn bã, dễ nổi nóng, dễ cáu kỉnh, khi chải đầu cho bà chủ thì rút tóc bà, ăn nói hỗn láo với bà, và tổng tình cậu Maurice. Mụ nấu bếp, bà Malgoire, người đứng đắn, tuổi trạc ngũ tuần, vì không được gã Auguste ở cửa hiệu rượu vang phố Servandoni lui tới thăm nom, không chịu nổi cảnh thiếu thốn rất trái với khí chất của mụ, trở thành điên cuồng, dọn ăn cho chủ nhà một món thịt thỏ còn sống nguyên và báo tin rằng đức Giáo Hoàng hỏi mụ làm vợ. Cuối cùng, sau hai tháng trời chuyên cần phi thường, trái với mọi quy luật được biết về sự sống hữu cơ và các điều kiện chủ yếu của sự điều hòa cơ thể, viên cảnh sát Mignon sau khi chẳng quan sát thấy cái gì bất thường, bèn ngừng công việc giám sát và lẳng lặng rút lui và từ chối mọi sự thưởng công. Trong thư viện, cuộc nhảy múa của sách tiếp tục càng dữ dội hơn nữa.

- Tốt lắm, ông des Aubels nói. Không có gì vào, chẳng có gì ra, tất kể



gian phải ở ngay trong nhà.

Vị thẩm phán đó nghĩ rằng, chẳng cần tra vấn, chẳng cần khám xét, rồi cũng khám phá ra kẻ phạm tội. Một ngày đã ước định, lúc nửa đêm, ông ta cho người rắc một lớp phấn hoạt thạch lên mặt sàn thư viện, lên các bậc cầu thang, phòng hiên, lối đi trong vườn dẫn đến ngôi biệt thất của cậu Maurice và lên lối vào của biệt thất. Sáng hôm sau, có một người nhiếp ảnh của Sở Liêm phóng phụ lực, và có ông René d'Esparvieu cùng ông Sariette đi theo, ông des Aubels đến để ghi nhận các dấu vết. Chẳng thấy gì trong vườn: gió đã thổi bay bụi phấn hoạt thạch, cả ở trong biệt thất cũng chẳng thấy gì. Cậu Maurice nói rằng, tưởng đó là một trò đùa nhảm nhí, đã lấy chổi quét lò xóa sạch dấu vết đôi giày cao cổ của Odile, chị hầu phòng. Trong cầu thang và trong thư viện, thấy loáng thoáng dấu in rất nhẹ của một bàn chân không giày dép, có vẻ như nó lướt trên không trung và chỉ đặt khế xuống cách từng quãng xa nhau. Thấy tất cả năm dấu vết đó. Dấu vết rõ nhất là ở trong căn phòng những tượng bán thân và những hình cầu, ở mép cái bàn chõng chất đầy sách. Viên nhiếp ảnh của Sở Liêm phóng chụp nhiều lần ẩn tích đó.

- Quả là khủng khiếp nhất hạng, - ông Sariette lẩm bẫm.

Ông des Aubels không giấu nổi nỗi ngạc nhiên.

Ba ngày sau, phòng nhân trắc của Sở Liêm phóng gửi lại những tấm ảnh in thử đưa cho họ xem xét, trả lời rằng trong các phiếu theo dõi của họ không có các dấu tích tương tự. Ông René, sau bữa ăn tối, đưa những tấm ảnh đó cho ông em Gaétan, ông này xem xét rất kỹ, rồi sau một lát lâu im lặng ông nói:

- Tôi cũng tin rằng dấu tích này không có ở Sở Liêm phóng. Đây là bàn chân một vị thần hoặc một lực sĩ thời cổ đại. Dấu gan bàn chân này nom thật hoàn mỹ, các chủng tộc và các miền khí hậu chúng ta không có loại này. Rõ ràng là những ngón chân thanh nhã, tuyệt vời và một gót chân thần tiên.

René d'Esparvieu nói rằng ông em của ông điên mất rồi.

- Chú ấy là một người thơ mộng, - bà d'Esparvieu thở dài.

- Thưa chú, - Maurice nói, chú sẽ si mê cái chân đó nếu có khi nào bắt gặp nó.

- Đó chính là số kiếp của Vivant Denon\* người đã đi theo Napoléon ở Ai Cập, Gaétan trả lời, Denon tìm thấy trong một hầm mộ bị người Ả Rập xâm phạm ở Thebes một bàn chân xác ướp nhỏ nhắn đẹp một cách kỳ diệu. Ông ngắm nghía nó với một vẻ nhiệt thành dị thường. Đây là bàn chân một thiếu phụ, ông nghi của một bà chúa, của một con người xinh đẹp; chưa hề có một thứ giày dép nào làm hư hại hình dáng hoàn mỹ của nó. Denon ngưỡng mộ bàn chân đó, tôn thờ nó, yêu nó. Trong tập bản đồ du lịch của Denon ở Ai Cập có một bức tranh vẽ bàn chân xác ướp nhỏ nhắn đó, chẳng phải tìm đâu xa, có thể lần giở trang sách đó ngay ở trên kia, nếu ông già Sarricte chịu cho ta đụng đến một cuốn sách nào của thư viện.

Vivant Denon tức là Dominique-Vivant, nam tước Denon (1747-1825): nhà khắc họa người Pháp, tổng giám đốc các viện bảo tàng nước Pháp dưới Đế nhất Đế chế.

Đôi khi, từ giường nằm, khi thức giấc vào lúc nửa đêm Maurice tưởng như nghe thấy một tiếng sột soạt những trang sách đang được giở trong căn buồng liền bên và tiếng những cuốn sách đóng bìa cứng va chạm sàn nhà.

Một buổi sáng vào lúc năm giờ, ở câu lạc bộ về sau một đêm đen đui\*, anh ta đứng trước cửa vào biệt thất lục tìm chùm chìa khóa trong các túi, hai tai anh bỗng nghe thấy rành mạch một người thở dài.

Đen đui (déveine): tức là thua bạc.

- Dẫn ta đi đâu vậy? Hỡi tri thức? Lôi cuốn ta đi đâu, hỡi tư duy?

Nhưng, sau khi đã vào cả hai căn buồng, anh chẳng thấy một ai, và anh nghĩ bụng rằng tai anh bị ù.

## CHƯƠNG THỨ TÁM

*Có nói chuyện tình yêu: độc giả sẽ vừa lòng vì truyện kể thiếu ái tình cũng vô vị như món dồi tiết thiếu mù tạc\*.*

Dồi tiết, mù tạc (boudin, moutarde): boudin - dồi lợn nhồi tiết; moutarde - gia vị mùi cay hăng, để chấm món ăn như thịt cừu, thịt bò...

Maurice vốn không hề ngạc nhiên về bất kỳ điều gì. Anh không tìm biết nguyên nhân sự vật và sống yên ổn trong thế giới ngoại hình. Không phủ nhận chân lý vĩnh cửu, tùy theo sở thích anh vẫn theo đuổi những hình thể hư ảo.

Ít chuyên tâm đến thể thao và các môn luyện tập mạnh mẽ so với phần đông thanh niên cùng thế hệ, anh sống một cách vô thức theo truyền thống đậm dật xưa cũ của nòi giống anh. Người Pháp là giống người phong tình bậc nhất, nếu họ mất ưu thế ấy thì thật đáng buồn. Maurice vẫn bảo tồn được ưu thế đó; anh yêu thích việc yêu đương, như lời thánh Augustin\* đã nói. Sau khi đã tôn sùng sắc đẹp không gì tàn phá nổi cùng các nghệ thuật kín kẽ của bà de la Verdelière, anh đã thưởng thức những trò âu yếm vội vàng của một nữ nghệ sĩ nhạc kịch trẻ tên là Luciole; bây giờ anh lại chịu đựng chẳng vui thích gì những trò tà dâm sơ đẳng của Odile, chị hầu phòng của mẹ anh, và những trò yêu đương sướt mướt của bà Boittier xinh đẹp. Và anh cảm thấy trống rỗng lớn trong trái tim. Thế rồi, vào một ngày thứ tư, khi vào phòng khách mẹ anh tiếp những bà sang trọng phần lớn là khắc khổ và không có gì hấp dẫn, lẫn lộn cả những ông già và những thiếu niên còn rất trẻ, trong khung cảnh thân mật đó anh để ý thấy bà des Aubels, vợ ông hội thẩm của

Tòa thượng thẩm đã được ông d'Esparvieu vấn kế vô hiệu quả về chuyện thư viện bị cướp phá bí mật. Bà ta còn trẻ; không phải ngẫu nhiên anh còn thấy bà ta đẹp. Gilberte đã được Thần của chủng loại\* nặn hình và không có vị thần nào khác dự phần vào công trình ấy. Vì lẽ đó tất cả ở bà ta đều gợi thèm, và không có gì trong hình thể cũng như trong bản chất bà lôi kéo trí óc con người sang những tình cảm khác. Cái tư duy sinh ra chuyện vạn vật hấp dẫn đã đẩy chàng Maurice lại gần con người tuyệt thú đó. Nên anh đưa cánh tay cho bà vịn và đưa bà đến bàn nước trà. Và khi Gilberte đã được mời nước, anh nói với bà ta:

Thánh Augustin vốn là Giám mục địa phận Hippone (nay là Annaba thành phố hải cảng ở Algeria), sau một thời niên thiếu sóng gió, được thánh Ambrose lôi cuốn về đời sống tu hành và trở thành người nổi tiếng nhất trong các Cha của giáo hội La tinh (354-430). Không biết ở đây, Anatole France hóm hỉnh ám chỉ câu nói nào của ông thánh đó, trong thời trào phúng hay trong thời tu tỉnh?

Thần của chủng loại (Génie de l'Espèce): vị thần đẻ ra chủng loại, muốn cho chủng loại không bị tuyệt diệt, nên tạo ra những hình thể đẹp của phụ nữ kêu gợi nhục dục.

- Hai chúng ta có lẽ thỏa thuận với nhau được đấy. Bà có ưng không?

Anh nói như vậy, theo phép lịch sự hiện đại, tránh những lời ca tụng nhạt nhẽo và để tránh cho người phụ nữ khỏi khó chịu vì lối tỏ tình cũ rích chứa đựng rất những điều mơ hồ và phiếm định, nên chẳng đòi hỏi một câu trả lời nào dứt khoát và rành mạch. Và lợi dụng lúc còn được nói kín với bà des Aubels trong vài giây lát, anh tuôn ra những lời lẽ xoắn xuýt và thúc ép. Gilberte như ta có thể xét đoán, bấp sinh là để gợi thèm hơn là tự thấy thèm. Tuy nhiên, bà cũng cảm thấy số phận của bà là yêu và sẵn lòng thích thú tuân theo số phận. Maurice chẳng có gì khác thường để bà không ưa. Ví thử anh mồ côi hẳn bà ưa hơn, vì kinh nghiệm bà biết rằng yêu một anh con nhà gia

thế nhiều khi thất vọng.

- Bà có đồng ý không? - Anh nói để kết thúc.

Giả vờ không hiểu, tay giữ khư khư miếng bánh nhân gan béo trước miệng, bà nhìn Maurice bằng đôi mắt ngạc nhiên.

- Sao kia? - Bà hỏi.

- Bà biết rõ quá rồi.

Bà des Aubels cụp mắt xuống, uống một ngụm nước trà và không trả lời, vì tính thận thừng vẫn chưa bị đánh bại.

Khi đó, Maurice đỡ cái chén đã cạn ở tay bà:

- Thứ bảy, năm giờ, 126, phố La Mã\* ở tầng dưới cửa bên phải dưới cổng tò vò; gõ ba tiếng.

Phố La Mã (rue de Rome): dịch nghĩa chứ không dịch âm, ở đây còn có ý đồ để bạn đọc thường thức một ý ẩn gợi ra từ La Mã, ở thủ đô giáo hội.

Bà des Aubels ngược nhìn chàng công tử bằng đôi mắt nghiêm nghị và lặng lẽ, rồi vững bước trở lại với đám phụ nữ lương thiện lúc đó đang nghe ông lão nghị viên Le Fol giảng về sự vận hành các lò ấp nhân tạo ở trại nông nghiệp phúc thiện nữ thánh Julienne.

Thứ bảy sau đó, trong gian phòng tầng dưới nhà ở phố La Mã, Maurice đợi bà des Aubels. Anh chờ đợi tốn công vô ích. Không một bàn tay nhỏ nhắn nào đến dưới cổng tò vò gõ cửa ba tiếng. Và Maurice cáu tiết nguyên rủa người không đến, trong thâm tâm anh gọi là độc ác và đố kỵ. Chờ đợi bị hẫng, thèm muốn không thỏa mãn khiến anh bất bình. Vì bà des Aubels, do

chỗ không đến cái nơi bà không hứa hẹn sẽ đến, thật không đáng phải chịu những tên gọi kia. Nhưng chúng ta thường xét đoán hành vi con người tùy theo chỗ chúng làm cho ta vui thích hoặc phiền lòng.

Mãi mười lăm ngày sau cuộc chuyện trò tình tứ ở mép bàn trà, Maurice mới xuất hiện lại trong phòng khách của mẹ anh ta. Anh đến muộn, khi bà des Aubels ở đấy được nửa giờ đồng hồ rồi. Anh lạnh nhạt chào bà, ngồi xa bà và làm ra bộ lắng nghe.

- ... Kỳ phùng địch thủ, - một giọng nói mạnh mẽ và sang sảng cất lên, cả hai đối thủ đều xứng đáng để cho cuộc chiến đấu bất phân thắng phụ và khùng khiếp. Tướng Bol, sức lực dẻo dai chưa từng thấy, như thể đứng chôn chân xuống đất. Tướng Milpertuis, lanh lẹ phi thường, vận động nhanh chóng, đến hoa cả mắt, quanh đối thủ cứ trơ trơ ra đó. Trận đánh tiếp diễn hăm hở kinh khủng. Tất cả chúng tôi đều khắc khoải lo...

Đó là tướng d'Esparvieu đang kể lại những cuộc tập trận lớn mùa thu cho các bà hồi hộp lắng nghe. Ông ta ăn nói có nghệ thuật và làm vừa lòng người nghe. Sau đó ông so sánh phương pháp của người Pháp và phương pháp của người Đức, xác định đặc tính của mỗi bên, làm nổi bật giá trị của đôi bên với thái độ vô tư cao cả, không ngại khẳng định rằng cả hai phương pháp đều có những ưu điểm và trước hết cho thấy Đức là ngang tài ngang sức với Pháp, trước con mắt ngạc nhiên, thất vọng, xao xuyến của các bà mặt sa sầm thuôn ra. Nhưng khi con người chiến trận dần dần mô tả rõ hơn cả hai phương pháp, thì phương pháp của người Pháp tỏ ra mềm dẻo, lịch sự, mạnh mẽ, đầy duyên dáng, trí tuệ, vui vẻ, trong khi phương pháp Đức tỏ ra nặng nề, vụng về và nhút nhát. Và dần dần mặt mũi các bà nở nang rạng rỡ trong nụ cười vui

thích. Để hoàn thành việc làm yên lòng các bà vợ, các bà chị bà em, các bà tình nhân kia, ông tướng nói cho các bà biết rằng chúng ta đủ khả năng sử dụng phương pháp Đức khi có lợi, còn người Đức thì không đủ sức sử dụng phương pháp của người Pháp.

Vừa dứt lời, ông tướng được ông Le Truc de Ruffec kéo ra nói chuyện riêng, ông này đang lập một hội yêu nước “Kiếm thuật cho mọi người”, với mục đích (ông ta nói: với mục đích) chấn hưng nước Pháp và đảm bảo cho nước Pháp đứng trên mọi đối thủ, sẽ lấy vào hội các trẻ em còn năm nôi, và ông Le Truc de Ruffec dành ghế chủ tịch danh dự cho tướng d’Esparvieu.

Trong khi đó, Maurice tỏ ra chăm chú vào việc chuyện trò giữa một bà cụ rất dịu hiền với linh mục Lapetite, cha tuyên giáo của các bà phước ở Saint-Sang\*. Bà cụ ít lâu nay bị đau khổ rất nhiều vì những tang tóc và bệnh nã, muốn được biết vì sao người ta khổ sở ở cõi đời này, và bà hỏi linh mục Lapetite:

Saint-Sang dịch nghĩa là Thánh Huyết hoặc Thánh Máu.

- Cha lý giải ra sao về các tai họa tàn hại loài người?

- Chúa cũng cần thỉnh thoảng nhắc nhở chúng ta chứ, - linh mục Lapetite trả lời với một nụ cười siêu thoát.

Maurice tỏ vẻ rất thích thú cuộc chuyện trò đó. Rồi anh lại có vẻ bị mê hồn vì bà Fillot-Grandin, một thiếu phụ khá tươi đẹp, nhưng bị cái vẻ ngây thơ chất phác làm cho sắc đẹp mất hương vị, xác thịt hết mặn mà. Một bà cụ già khòm cay cú và chua ngoa trong bộ y phục nghèo bằng hàng len tối sẫm đang phơi bày vẻ kiêu hãnh của một bà lớn trong giới tài phiệt Cơ đốc giáo,



bỗng kêu lên bằng một giọng chua chát:

- Này! Bà d'Esparvieu thân mến, vậy ra bà đã có những chuyện phiền lụy, báo chí đã nói lấp lửng về trộm cắp, biến thủ trong cái thư viện phong phú của ông d'Esparvieu, những chuyện thư tín bị lấy trộm...

- Chà! - Bà d'Esparvieu nói, nếu cứ tin tất cả những điều báo chí nói!...

- Thế thôi, bà bạn thân mến ạ, báu vật của bà đã tìm thấy lại rồi. Kết thúc tốt đẹp là vạn sự đều tốt đẹp\*.

Kết thúc tốt đẹp, là vạn sự đều tốt đẹp (Tout est bien qui finit bien): một thành ngữ Pháp, ý nói rằng hễ thấy kết thúc tốt đẹp thì coi như các chuyện trước đó đều tốt đẹp, không phải soi mói nữa. Tiếc rằng không tìm được thành ngữ Việt Nam tương đương.

- Thư viện hoàn toàn đâu vào đấy, - bà d'Esparvieu khẳng định. Không có gì thiếu sót cả.

- Thư viện đó ở tầng gác trên, có phải không ạ? - Bà thiếu phụ des Aubels hỏi, tỏ ra quan tâm bất ngờ đến sách vở.

Bà d'Esparvieu đáp rằng thư viện chiếm tất cả tầng gác thứ hai, và những sách ít quý giá xếp ở những buồng xếp sát mái nhà.

- Tôi có thể lên tham quan được không?

Bà chủ nhà đoán quyết rằng chả có gì dễ hơn. Bà gọi cậu con trai.

- Maurice, anh mời bà des Aubels lên thăm làm vinh dự cho thư viện đi.

Maurice đứng dậy, và lẳng lẳng đi lên tầng gác hai theo sau bà des Aubels. Anh tỏ vẻ hững hờ, nhưng trong lòng rất khoái, vì biết chắc Gilberte chỉ giả vờ muốn xem thư viện, chẳng qua là để được trò chuyện riêng với

anh. Và vẫn ra vẻ hững hờ, anh tự hứa sẽ nhắc lại đề nghị cũ, chắc lần này sẽ không bị từ chối.

Dưới bức tượng bán thân lãng mạn của Alexandre d'Esparvieu, một bóng dáng ông già nhỏ bé sắc mặt nhợt nhạt, đôi mắt trũng sâu quen lặng lẽ biểu lộ sự kinh hoàng đón tiếp họ một cách lặng lẽ.

- Mặc chúng tôi, ông Sariette ạ, - Maurice nói, tôi đưa bà des Aubels lên thăm thư viện.

Maurice và bà des Aubels sang phòng lớn, ở đó khắp bốn mặt dựng đứng những tủ đầy sách, và ở đầu tủ là tượng bán thân sơn màu đồng hun những thi sĩ, những nhà triết học và những nhà hùng biện của thời cổ đại. Tất cả yên nghỉ ở đó hết sức trật tự, một trật tự hình như thời nguyên thủy đến nay chưa bao giờ bị rối loạn. Duy chỉ có, ở chỗ hôm trước còn bày một bản thảo chưa in của Richard Simon hôm nay là một lỗ hổng đen ngòm. Trong khi đó, ông Sariette xanh xao không ra hồn người, câm lặng, bước đi không tiếng động gần đôi bạn trẻ.

Maurice nhìn bà des Aubels về trách móc:

- Hừm! Hôm nọ bà không có nhã ý.

Bà ta ra hiệu rằng viên quản thư có thể nghe thấy.

Nhưng anh nói để bà yên tâm:

- Bà đừng để ý. Đó là ông già Sariette. Ông ấy đã hoàn toàn ngu độn rồi.

Và anh nhắc lại:

- Phải! Bà đã không có nhã ý. Tôi chờ đợi mà bà không đến. Bà làm tôi

đau khổ.

Sau giây lát im lặng, khi ấy nghe rõ tiếng ca êm đềm buồn bã của cơn suyễn trong phế quản ông lão Sarrasine, chàng Maurice mạnh mẽ nói tiếp.

- Bà sai lầm.

Bà ta nói:

- Sai lầm vì cái gì?

- Vì không thu xếp với tôi.

- Anh vẫn còn nghĩ đến chuyện đó à?

- Hẳn rồi.

- Vậy là chuyện đứng đắn à?

- Hết sức đứng đắn.

Cảm động vì thấy anh quyết tâm bộc lộ một tình cảm chân thành và bền bỉ, và nghĩ rằng cưỡng lại đến thế là đủ lắm rồi, Gilberte thuận tình ban cho Maurice cái mà bà ta đã từ chối anh mười lăm ngày trước đó.

Họ lên vào một chỗ khung cửa sổ, sau một hình cầu to tượng biểu hiện bầu trời, trên đó có khắc họa các cung hoàng đạo và các hình biểu tượng những chòm sao, hai người đứng đó mắt nhìn chăm chăm lên chòm sao Sư tử, chòm sao Trinh nữ và chòm sao Thiên xứng, trước muôn vàn Kinh thánh, trước các tác phẩm của các cha Hy Lạp và La tinh, dưới hình ảnh của Homère, Eschyle, Sophocle, Euripide, Hérodote, Thucydide, Socrate, Platon, Aristote, Demosthène, Cicéron, Virgile, Horace, Sénèque, Épictète\*, họ trao đổi với nhau lời hứa yêu nhau và hôn môi nhau một cái thật lâu.

Homère, Eschyle, Sophocle, Euripide, Hérodote, Thucydide, Socrate, Platon, Aristote, Demosthène, Cicéron, Virgile, Horace, Sénèque, Épictète: tên các nhà triết học, thi sĩ, hùng biện của thời cổ đại.

Ngay lập tức sau đó, bà des Aubels sức nhớ còn phải thăm viếng nhiều nơi và phải chuồn cho mau; vì tình yêu vẫn không làm cho bà quên chăm lo đến vinh dự. Bà vừa cùng Maurice đi chữa khỏi via cầu thang thì họ nghe thấy một tiếng kêu khàn khàn và trông thấy ông Sariette nhảy thục mạng trong cầu thang và la lên:

- Giữ lấy nó! Giữ lấy nó! Tôi trông thấy nó bay lên!... Tự nó thoát khỏi giá... Nó đi ngang căn phòng... nó đấy kìa! Nó đấy kìa! Nó xuống cầu thang... giữ lấy... Nó đã vượt qua cửa nhà dưới.

- Ai? - Maurice hỏi.

Ông Sariette nhìn qua cửa sổ hành lang via cầu thang và lăm bắm đầy khủng khiếp:

- Nó đang đi ngang khu vườn!... Nó vào trong biệt thất! Giữ lấy nó!... Giữ lấy nó!

- Thì ai mới được chứ? - Maurice hỏi lại. Lạy Chúa, ai vậy?

- Flavius Josephus của tôi! - Ông Sariette nói. Giữ nó lại!...

Và ông ta ngã huỵch xuống.

- Bà thấy rõ là ông ta điên rồi, - Maurice vừa nói với bà des Aubels vừa nhắc ông quản thư khốn khổ dậy.

Gilberte, hơi tái xanh, nói rằng hình như bà ta cũng có trông thấy theo hướng ông già khốn khổ kia chỉ một cái gì đó bay vụt đi. Maurice chả trông thấy gì nhưng cảm như có một luồng gió tạt qua.

Anh để ông Sariette nằm trong cánh tay của Hippolyte và chị hầu gái, hai người thấy tiếng động vừa chạy đến.

Ông già bị thủng đầu.

- Càng hay - chị hầu gái nói. Vết thương này có lẽ tránh cho ông ta khỏi bị một cơn mê sáng.

Bà des Aubels đưa chiếc khăn tay của bà để cầm máu, và khuyên nên băng bằng lá cây thuốc arnica\*.

Arnica: tên một loại cây thuốc, thuộc loài cúc dại, có nơi dịch là cây kim sa.

## CHƯƠNG THỨ CHÍN

*Cho thấy rõ như lời một thi sĩ Hy Lạp xưa “không gì êm ái hơn Aphrodite\* bằng vàng”.*

Aphrodite: tên nữ thần sắc đẹp trong thần thoại Hy Lạp, đồng nhất với Venus trong thần thoại La Mã.

Tuy đã chiếm hữu được bà des Aubels sáu tháng tròn, Maurice vẫn còn yêu bà ta. Quả đáng tội, những ngày nắng ấm đã làm cho họ phải xa nhau. Vì không có tiền, anh phải đi theo mẹ sang Thụy Sĩ, sau đó về sống chung với gia đình ở dinh d’Esparvieu. Bà ta thì phải ở nhà mẹ tại Niort cả mùa hè và mùa thu sống với chồng trên một bãi biển nhỏ Normandie, và họ đã tìm gặp nhau được bốn hay năm lần gì đó. Sang mùa đông thuận lợi cho những cặp tình nhân, họ lại được đoàn tụ trong thành phố dưới tấm màn sương mù.

Maurice tiếp bà ta mỗi tuần hai lần trong căn hộ tầng dưới ngôi nhà ở phố La Mã và chỉ tiếp bà ta ở đó thôi. Chưa người đàn bà nào gọi được cho anh những tình cảm bền bỉ và trung thành như vậy. Điều làm anh tăng thêm nỗi vui thích là anh tin rằng anh được bà ta yêu. Anh nghĩ rằng bà ta không còn ngoại tình nào khác, không phải là anh có cơ gì để tin như vậy; nhưng anh thấy rằng chỉ một anh thôi bà cũng đủ thỏa mãn rồi và thế là hợp lý và tự nhiên. Điều làm anh giận hờn hơn cả, là bao giờ bà ta cũng bắt anh phải chờ đợi và đến nơi hẹn hò khi chậm nhiều, khi chậm ít, nhưng thường là chậm nhiều.

Vậy là hôm thứ bảy 30 tháng giêng, từ bốn giờ chiều diện một bộ pyjama có hoa và hút thuốc lá Đông phương, Maurice đợi bà des Aubels trong căn buồng nhỏ màu hồng cạnh một lò lửa cháy nhỏ. Trước hết, anh mơ tưởng đón

tiếp bà ta với những cái hôn kỳ diệu và ôm siết khác thường. Một khắc đồng hồ trôi qua, anh nghiền ngẫm những lời trách móc âu yếm và nghiêm nghị. Thế rồi, sau một tiếng đồng hồ chờ đợi sông, anh tự hứa sẽ tiếp bà với một vẻ khinh bỉ lạnh lùng.

Cuối cùng, bà ta đến, tươi mát và thơm tho.

- Chả cần đến làm gì nữa, - anh nói với bà ta một cách chua chát trong lúc bà ta đặt lên bàn cái ống bao tay cùng cái xắc nhỏ xinh và đứng trước tủ gương gỡ bỏ tấm mạng che.

Bà ta đoán chắc với người yêu rằng chưa bao giờ bà bực mình đến thế và tuôn ra hàng tràng lý do biện bạch đều bị anh khăng khăng gạt bỏ. Nhưng, đến khi bà ta khôn ngoan im không nói nữa, thì anh ngừng trách móc; chả có gì làm anh khuây được những nỗi thèm muốn bà ta đã gợi ra.

Vốn trời sinh ra để được hài lòng và mê đắm, bà ta cởi bỏ thoải mái xống áo, ra dáng đàn bà biết rằng trần trường là lịch sự và phơi bày cái đẹp ra là thanh nhã. Lúc đầu, anh yêu bà ta với nỗi điên cuồng ám đạm như một con người bị dày vò bởi thần Tất Yếu ngự trị cả con người cả chư thần. Dưới vẻ ngoài mảnh dẻ Gilberte đủ sức chịu đựng không né tránh các đòn hành hạ của vị nữ thần nghiệp chướng. Sau đó, anh yêu bà ta một cách đỡ ác liệt hơn, theo những lời khuyên của nữ thần Venus uyên bác và theo những ý thích của thần Éros\* điêu luyện. Vốn dĩ cường tráng lại được chấp thêm những phát minh của một đầu óc dâm dăng khác nào cành lá nho quăn quýt quanh cây thần trượng của các thyrsus thờ phụng Tửu thần\*. Thấy bà ta thích những trò đó, anh cũng kéo dài, vì bản tính những kẻ yêu đương là tìm cách thỏa mãn người yêu. Sau đó cả hai cùng rơi vào một tình trạng mê mê câm lặng và uest

oải.

Éros: Tên Hy Lạp của thần ái tình, đồng nhất với Cupidon của thần thoại La Mã, biểu tượng là một đứa trẻ có hai cánh, mắt bịt băng, đeo cung tên để bắn vào trái tim người ta một cách mù quáng.

Thyrsus thờ phụng từ thần (Bacchantes): thần thoại Hy Lạp là Dionysus, tên La Mã là Bacchus. Các thyrsus thờ phụng từ thần, biểu tượng là những phụ nữ tóc lòa xòa, đầu quấn dây leo trường xuân, tay cầm gậy thần quấn cành nho (cả lá cả quả) vừa chạy nhảy vừa kêu rú những tiếng cười chói tai.

Các màn cửa phủ kín, căn buồng chìm trong bóng tối ấm áp có những thanh củi cháy dở nhảy nhót ánh lên mờ nhạt. Da thịt và quần áo giường nệm hình như phát ra những ánh lân quang, các tấm gương trên tủ soi vào lò sưởi những ánh sáng huyền bí. Lúc này Gilberte tựa khuỷu tay vào gối bông, bàn tay ôm đầu mơ màng nghĩ ngợi. Một anh thợ kim hoàn quen, một người tin cậy và rất thông minh, đã cho bà ta xem một chiếc xuyên đẹp tuyệt trần, nạm hạt trai và ngọc, trị giá rất đắt, mà chỉ bán bằng giá một mẫu bánh mì. Một ả giang hồ gặp cảnh khốn cùng cần bán gấp đã đưa cho anh ta. Một cơ hội không mấy khi gặp và bỏ lỡ thì thật uổng.

- Mình có muốn xem không, anh yêu quý? Em sẽ bảo cái anh thợ kim hoàn quen của em đưa cho em.

Maurice không khước từ hẳn đề nghị đó. Nhưng rõ ràng anh không hứng thú tí nào về chiếc xuyên tuyệt trần kia.

- Khi những anh thợ kim hoàn chỗ quen, - anh nói, gặp cơ hội tốt, thì chúng giữ lấy cho bản thân và không để cho các bà khách hàng được hưởng lợi đâu. Với lại, đồ nữ trang lúc này đang rẻ mạt. Phụ nữ sang trọng không đeo nữ trang nữa rồi. Người ta dồn hết vào thể thao, và nữ trang là kẻ thù của thể thao.



Maurice nói như vậy trái ngược với sự thật, bởi vì đã biếu cô bạn một chiếc áo choàng lót lông thú rồi, anh không vội biếu thêm quà mới. Tuy không keo kiệt nhưng anh chi tiêu dè dặt. Bố mẹ anh không trợ cấp cho anh hàng tháng một món tiền lớn lắm, và công nợ của anh cứ mỗi ngày một phình lên. Nếu thỏa mãn quá nhanh những thèm muốn của cô bạn, anh sợ lại làm nảy ra những thèm muốn khác mãnh liệt hơn. Cái cơ hội kia không tốt với anh bằng với Gilberte, và anh quyết giữ cái quyền sáng kiến trong những câu chuyện hào phóng. Rút cục anh nghĩ bụng rằng, nếu anh biếu nhiều quá, không chắc gì sẽ được yêu vì bản thân anh.

Bà des Aubels không cảm thấy hờn giận hoặc ngạc nhiên về thái độ đó; vốn tính bà hiền từ và ôn hòa; bà lại hiểu biết đàn ông, họ thế nào thì cứ phải vui lòng chấp nhận họ như thế thôi; và phần đông họ không biếu xén thoải mái lắm còn đàn bà thì phải biết cách làm cho họ biếu xén mình.

Bỗng một ngọn đèn hơi được thắp lên ngoài phố, chiếu qua kẽ hở những lá màn cửa.

- Sáu giờ rưỡi, - bà ta nói, phải mặc xống áo lại thôi.

Bị kích thích bởi cái vỗ cánh đó của thời gian vút qua, Maurice cảm thấy dục tình lại bùng dậy và sức lực lại phấn chấn. Gilberte, vật hy sinh trắng nõn và phơi phới, đôi môi hơi hé, đang ngậy ngất thở ra một hơi thở dài bỗng vùng dậy, kêu lên một tiếng hoảng hốt:

- Cái gì thế này?

- Thì cứ yên nào. - Maurice vừa nói vừa ôm giữ bà ta trong lòng.

Trong tình trạng của anh lúc đó dù cho trời sập cũng chẳng bận tâm.

Nhưng bà ta nhảy thoát một cái tuột khỏi tay anh. Co ro trong hẻm giường\* mắt đầy hãi hùng, bà ta trở một cái hình hiện ra trong góc buồng giữa lò sưởi và tủ gương. Rồi không chịu nổi cảnh tượng đó, gần như ngất xỉu, bà ta lấy hai bàn tay ôm mặt.

Hẻm giường (ruelle): là khoảng cách từ mép giường đến tường vách. Vì ở ta không có tục kê giường như vậy, nên không có tiếng gọi phổ thông. Dịch tạm như trên.

## CHƯƠNG THỨ MƯỜI

*Táo bạo hơn rất nhiều so với các tưởng tượng của Dante và Milton\*.*

Dante, Milton: Dante (1265-1321) là thi sĩ Ý, tác giả trường thi Thần khúc (Divine Comédie) được coi là thủy tổ của nền thơ ca Ý. Milton (1608-1674) là thi sĩ Anh, tác giả trường thi Thiên đường đã mất (Paradise Lost).

Maurice, sau rồi cũng ngoảnh đầu lại, trông thấy cái hình đó và thấy nó cựa quậy, anh cũng đâm hoảng hốt. Trong khi đó, Gilberte hồi tỉnh lại; bà ta cho rằng cái bà vừa trông thấy chắc là một ả nhân tình được người yêu của bà giấu trong buồng.

Nghĩ đến chuyện lừa lọc đó, bưng bưng nổi cơn hờn giận, sôi sục phần uất bà nhìn chòng chọc vào kẻ giả định là tình địch đó:

- Một con đàn bà, bà ta kêu lên, một con đàn bà trần truồng nữa chứ!... Anh tiếp tôi trong một cái buồng anh dặt gái về và khi tôi đến chúng nó chưa kịp mặc lại xống áo. Anh lại còn trách tôi đến chậm quá. Anh trơ tráo thật! Thôi, cút, anh bảo con đĩ của anh xéo đi... Anh phải biết, nếu anh muốn một lúc cả hai đứa ít ra anh cũng phải hỏi xem tôi có ưng không chứ...

Maurice hai mắt mở to và sờ soạng tìm trên bàn đầu giường một khẩu súng lục chưa hề có ở đấy bao giờ, nói thầm với cô bạn:

- Im đi nào! Không phải đàn bà đâu... Chẳng trông thấy gì cả... nhưng hình như là một thằng đàn ông thì phải.

Bà ta lấy hai bàn tay bịt mắt mà hét to hơn nữa.

- Một thằng đàn ông! Nó ở đâu chui ra vậy? Một tên kẻ trộm!... Một đứa giết người!... Ai cứu tôi! Ai cứu tôi! Maurice, giết chết nó đi! Giết chết nó đi!... Bật đèn lên... không! Đừng bật đèn!

Bà ta nguyện thầm, nếu thoát khỏi cơn nguy này, sẽ thắp một cây nến cúng Nữ thánh Đồng Trinh. Hai hàm răng bà lập cập.

Cái hình kia chuyển động.

- Đứng im, không được lại gần! - Gilberte kêu lên, không được lại gần!

Bà ta hứa với tên trộm sẽ ném cho nó tất cả tiền bạc và đồ nữ trang trên mặt bàn xoay, nếu y bằng lòng không động đậy.

Giữa lúc ngạc nhiên và kinh hoàng, bà ta chợt có ý nghĩ rằng chồng bà ngấm ngấm ngờ vực, đã cho người theo dõi bà, đã phục sẵn những kẻ làm chứng, đã yêu cầu cảnh sát trưởng giúp sức. Thoáng một giây, bà thấy hiện hiện một tương lai dài dặc và đau đớn, một vụ tai tiếng om sòm trong giới xã giao, các bạn gái ra bộ khinh bỉ và ruồng bỏ một cách hèn nhát, những lời đàm tiếu xác đáng của mọi người, vì xét cho cùng bị bắt quả tang thì thật là dơ dáy. Bà thấy rõ nào ly dị, nào mất hết thứ bạc và địa vị. Bà thấy rõ cuộc sống tù túng và u sầu ở nhà mẹ đẻ, chẳng còn ai tán tỉnh, vì đàn ông họ lánh xa những người đàn bà không đảm bảo cho họ được sự an toàn của tình trạng có chồng. Và vì sao lại xảy ra tất cả những cái đó? Suy sụp như thế, tai họa như thế, vì sao? Vì một trò ngu dại, vì một trò chả đáng gì. Trong một ánh chớp, tiếng nói lương tâm của Gilberte des Aubels lên tiếng.

- Xin bà đừng sợ! - Một tiếng người rất dịu dàng nói.

Bà hơi vững tâm và cố hỏi:

- Ông là ai?

- Tôi là một thiên thần. - Tiếng nói trả lời.

- Ông bảo sao?...

- Tôi là một thiên thần, tôi là thần hộ mệnh của Maurice.

- Nói lại đi!... Tôi phát điên lên mất... Tôi không hiểu.

Maurice cũng không hiểu gì hơn, lấy làm phẫn nộ. Sau khi đã xốc lại chỉnh tề bộ pyjama, anh nhảy khỏi giường và hiện ra, người đầy hoa. Tay phải vỗ trang một chiếc giày vải, anh giơ lên đe dọa và nói giọng hung dữ:

- Anh là một thằng vô giáo dục... Xin anh làm ơn ra khỏi đây, vào bằng lối nào anh ra lối ấy.

- Maurice d'Esparvieu, - tiếng nói dịu dàng lại tiếp, kể mà anh kính thờ làm đấng sáng tạo đã đặt lên mỗi tín đồ một thiên sứ tốt\* mang sứ mạng khuyến bảo và hộ mệnh cho y: đó là ý kiến trước sau như một của các Cha\*. Cơ sở của nó nằm ở nhiều đoạn trong Kinh thánh; Giáo hội đồng thanh chấp nhận điều đó tuy không tuyên cáo trực xuất những kẻ trái ngược. Trước mặt anh đây là một trong những thiên sứ đó; thiên sứ hộ mệnh của anh, Maurice ạ. Tôi được ủy nhiệm chăm sóc cho anh ngay thơ vô tội và giữ gìn cho anh trinh khiết.

Thiên sứ tốt (bon ange): Các linh thần ở trên trời chia làm hai loại. Loại theo Jehovah, gọi là thiên sứ tốt (bon ange) hoặc thiên sứ ánh sáng (ange de lumière); loại theo chúa quỷ (Lucifer, Diable, Salam) gọi là thiên sứ xấu (mauvais ange) hoặc thiên sứ tối tăm (ange des ténèbres).

Các Cha (les Pères): tức là các cha của giáo hội (Pères de l'Eglise), gọi vắn tắt.

- Cứ cho là thế đi, - Maurice đáp, nhưng chắc chắn anh không phải một

người lịch sự. Người lịch sự không thể tự tiện vào buồng giữa lúc... Rút cục, anh đến làm cái cóc gì ở đây?

- Tôi đã đội cái lốt mà anh đương thấy Maurice ạ, bởi vì phải hành động giữa con người, tôi phải biến hình cho giống họ. Các Linh thần thiên giới\* có khả năng khoác một hình hài cụ thể và có thể cảm nhận được. Cái hình hài đó là hiện thực, vì nó mang một hình thức và ở đời chỉ có những hình thức là hiện thực thôi\*.

Các Linh thần thiên giới (Esprits célestes): tức là thiên thần.

Biểu hiện vẻ bề ngoài, hiện thực (apparences, réalité): thông thường người ta hay đối lập hai khái niệm đó, cho rằng những cái bề ngoài không phải là sự hư thực, nhưng Anatole France lại nói trái ngược lại theo một triết lí thâm thúy hơn: “Chỉ có những biểu hiện bề ngoài là hiện thực, ngoài ra đều là mơ hồ cả”; ý kiến này rõ ràng là theo thuyết duy cảm (sensualisme) của Condillac, triết gia Pháp (1714-1780).

Gilberte bây giờ đã yên tâm, sửa sang món tóc trên vầng trán.

Thiên thần nói tiếp:

- Các Linh thần thiên giới có thể tùy thích biến thành nam tính hay nữ tính; hoặc cả hai cùng một lúc. Nhưng họ không thể bất cứ lúc nào cũng biến hình tùy hứng và phóng phiếm. Họ có biến hóa đến đâu thì cũng theo những quy luật ổn định các anh không thể nào hiểu được. Như vậy, tôi không có ý muốn, và cũng không có năng lực biến hình dưới mắt anh để mua vui cho anh hoặc cho tôi, thành sư tử, thành hổ, thành con ruồi, thành vỏ cây phong, như chàng trẻ tuổi Ai Cập có tiểu truyện được tìm thấy trong một ngôi mộ, hoặc là biến thành con lừa, như Lucius đã làm với thuốc mỡ của nàng Fotis\*. Tài trí uyên bác của tôi đã ấn định giờ tôi hiện hình cho loài người, không gì có thể khiến giờ đó sớm lên hoặc lùi lại.

Lucius, Fotis: Lucius de Patras, nhà văn Hy Lạp ở thời đại hoàng đế Antonin, từ năm 138 đến năm 161,

được coi là tác giả truyện ngắn Con lừa bằng vàng (l'Âne d'or), Fotis là tên một nhân vật trong truyện đó.

Nóng ruột muốn được sáng tỏ, Maurice hỏi lại một lần thứ hai:

- Rút cục anh đến làm cái “cóc” gì ở đây?

Lúc đó, chập thêm tiếng nói của mình vào tiếng nói của tình lang:

- Phải rồi! Ông làm gì đó? - Bà des Aubels hỏi.

Thiên thần trả lời:

- Hỡi người nam, hãy lắng tai; hỡi người nữ hãy nghe tiếng của ta. Để ta tiết lộ cho các người một bí mật quyết định số phận của vũ trụ. Nổi dậy chống kẻ được các người coi như đấng sáng tạo muôn vật hữu hình và vô hình, ta chuẩn bị cuộc nổi loạn của thiên thần.

- Không được nói giỡn, - Maurice nói, anh ta vốn có tín ngưỡng và không chịu để thiên hạ đùa cợt các chuyện thiêng liêng.

Nhưng thiên thần nói bằng một giọng trách móc:

- Này Maurice, ai làm cho anh tưởng rằng ta phù phiếm và đông dài hão huyền?

- Thôi đi! - Maurice nhún vai nói, có lẽ nào anh lại nổi loạn chống...

Anh chỉ lên trần nhà, không dám nói hết câu.

Nhưng thiên thần nói:

- Anh không biết sao, các con Chúa trời đã nổi loạn rồi và một cuộc đánh nhau lớn đã diễn ra ở trên trời\*?

Cuộc đánh nhau lớn ở trên trời: Theo truyền thuyết, từ trước khi khai thiên lập địa đã có cuộc đánh

nhau rất lớn giữa các thiên sứ của Chúa trời với của Lucifer. Cuối cùng đạo quân của Chúa trời thắng trận, và Lucifer cùng với đạo quân thiên sứ của mình bị đày xuống địa ngục gọi là chúa quỷ hoặc Satan (Xem tường thuật tường tượng cuộc chiến tranh đó trong sách này, chương XVIII).

- Chuyện đó đã lâu rồi, - Maurice vừa nói vừa xỏ chân vào bít tất.

Bấy giờ thiên thần nói:

- Đó là chuyện từ trước khi sáng tạo thế giới. Nhưng từ đó đến nay chẳng có gì thay đổi trên các tầng trời. Bản chất các thiên thần ngày nay cũng không khác gì hồi sơ thủy. Điều họ đã làm khi đó, bây giờ họ có thể làm lại.

- Không! Không thể nào được; đó là trái với tín ngưỡng. Nếu anh là một thiên thần, một thiên sứ tốt như anh tự hào, hẳn anh sẽ không có ý nghĩ không tuân lệnh đấng sáng tạo của anh.

- Anh lầm rồi, Maurice, và uy tín của các cha đều bác ý kiến của anh. Origène\* trong các bài giảng chủ trương rằng các thiên sứ tốt cũng có thể sai lầm, họ phạm tội lỗi hằng ngày và từ trên trời họ rơi xuống như ruồi. Hay là anh muốn bác ý kiến Kinh thánh nhưng chỉ vì ông ấy đã bị loại trừ khỏi giáo quy của các Thánh\*. Nếu đúng thế tôi xin nhắc anh chương hai kinh Khải huyền\*, trong đó nói chuyện khiển trách các thiên sứ ở Éphese và Pergame\* vì đã không bảo vệ tốt Hội Thánh. Chắc anh sẽ viện lẽ rằng những thiên sứ được thánh tông đồ nói đến ở đây chính là những Giám mục của hai thành phố đó, gọi bằng thiên sứ là vì chức vụ của họ. Có thể là thế và tôi cũng đồng ý. Nhưng Maurice, liệu anh có thể chống lại ý kiến của biết bao giáo sư và trưởng giáo đã dạy rằng tất cả các thiên sứ đều có thể đổi từ thiện sang ác? Đó là điều khẳng định của thánh Jérôme trong Thư gửi Damase\*.

Origène (185-254): Nhà chú giải Kinh thánh và nhà thần học sinh ở Alexandrie (Ai Cập). Ông đã lạm



dụng phương pháp tỉ dụ (allégorie) để giải thích Kinh thánh. Học thuyết của ông bị kết tội.

Giáo quy của các Thánh (Canon des Saints): Các luật lệnh, quy tắc, giáo điều của các bậc thánh.

Khải huyền (Apocalypse): Kinh cuối cùng của Tân Ước (cũng dịch là kinh Khải thị).

Éphese, Pergame: Éphese là một thành phố cũ của nước Ý, trên bờ biển Égée, nổi tiếng vì có đền thờ nữ thần Diane, được coi là một trong bảy kỳ quan của thế giới, và bị Érostrate đốt cháy. Truyện thiên sứ ở hội thánh Éphese bị quở trách, xem Kinh thánh (Khải huyền, II, 1-7).

Pergame: Là một thành phố cũ ở Tiểu Á, bây giờ là Bergama. Truyện thiên sứ ở hội thánh Pergame bị quở trách xem Kinh thánh (Khải huyền, II, 12-17).

Saint Jérôme, Damase: thánh Jérôme, cha và giáo sư giảng dạy của hội thánh La tinh, có dịch Kinh thánh ra tiếng La tinh, viết những khảo luận, những bức thư (337-420). Thánh Damase I, Giáo Hoàng từ 366 đến 384, ủy nhiệm cho thánh Jérôme dịch Kinh thánh ra tiếng La tinh.

- Ông ơi, - bà des Aubels nói, xin ông rút lui đi cho.

Nhưng vị thiên thần không nghe thấy và tiếp tục:

- ... Thánh Augustine, Nói về tôn giáo chân chính, chương XIII, thánh Grégoire\*. Đạo lý, chương XXIV, Isidore\*...

Saint Grégoire: có 4 ông Giáo Hoàng Grégoire được phong thánh: Grégoire I, gọi là Grégoire vĩ đại (Grégoire le Grand), Giáo Hoàng từ 590 đến 604; Grégoire II từ 715 đến 731; Grégoire III từ 731 đến 741; và Grégoire VIII từ 1073 đến 1085, một trong những trường giáo La Mã lớn nhất, nổi tiếng về những cuộc đấu tranh với hoàng đế Đức Henry IV mà ông ta làm nhục ở Canossa trong cuộc tranh chấp quyền làm phép cho phong chức (Querelle des Investitures), và về nhiều biện pháp kỷ luật giáo hội,... Ở đây vì liên quan đến Isidore de Séville nên là Grégoire I.

Isidore tức là thánh Isidore ở Seville, Giám mục thành Seville (560-636), có công đem lại cho giáo hội Tây Ban Nha một nền tổ chức dứt khoát, tác giả nhiều khảo luận về từ ngữ học.

- Ông ơi, xin ông...

- ... Chương VIII; Damacus. Nói về tín ngưỡng quyền 11, chương III. Tôi nghĩ rằng đó là những uy tín có đủ trọng lực; và anh chỉ còn có việc thừa nhận mình sai lầm đi thôi, Maurice ạ. Điều đã khiến anh lầm ấy là anh không

xét bản chất của tôi, nó tự ảo, năng động và linh hoạt, cũng như bản chất của các thiên thần khác mà anh chỉ nhìn vào các thiên ân và hồng phúc, anh tưởng tôi được hưởng dồi dào. Lucifer\* cũng được hưởng có kém gì đâu: vậy mà ông ấy đã nổi loạn.

Lucifer: một trong những tên gọi Chúa Quỷ (Lucifer, do hai tiếng La tinh kết hợp Lux: ánh sáng, ferre: mang, có nghĩa là mang ánh sáng). Đồng nhất với Satan đã được nói đến trong Cựu ước, vốn có nghĩa là “kẻ tố cáo” (accusateur), không nhất thiết là tinh thần của điều ác, mà thường chỉ có nghĩa là kẻ trung gian giữa Chúa trời với loài người trong câu chuyện đau khổ và thưởng phạt (xem Kinh thánh, Job, I, 6-12). Sau dần dần tên đó trở thành chỉ thiên sứ sa ngã, cám dỗ, và kẻ thù của loài người (xem Sáng thế ký, III, 1-15; Sách Hiếu Minh II, 24 (sách này bị gạt bỏ trong các bản kinh thánh của giáo phái Tin lành); Khải Huyền, XII, 1-12).

- Thế các anh nổi loạn để làm gì? Để làm gì? - Maurice hỏi.

- Isaiah, đưa con ánh sáng\* trả lời, Isaiah đã hỏi trước anh: “Quomodo cecidisti de coelo, Lucifer, qui mane oriebaris?” Hãy học hỏi cho biết, Maurice ạ! Trước các thời gian\*, các thiên thần đã nổi dậy để thống trị cõi trời. Vị Séraphin đẹp nhất\* đã nổi loạn vì kiêu ngạo.

Đứa con ánh sáng (Enfant de lumière): nghĩa là thiên thần, thiên sứ tối.

Isaac: nhà tiên tri bắt đầu công vụ ở Jérusalem từ năm 740 trước CN. Sách của Isaac là bộ sách mở đầu một loạt sách Tiên tri trong Kinh thánh (Cựu Ước); trong sách đó không thấy có Lucifer trong câu văn đúng như Anatole France trích dẫn ở đây, bằng tiếng La tinh: nghĩa câu đó là Thế nào mà Người đã từ trên trời rơi xuống, Lucifer, khi đương vùn dậy? Nhưng có câu văn này gần đúng ý như vậy: “Hỡi sao mai, con trai của sáng sớm kia, sao người từ trời sa xuống?” Có lẽ Lucifer là tên riêng để gọi Sao Mai, chói lọi trên bầu trời, cho đến khi Mặt Trời (ám chỉ Đức Chúa Trời) hiện gần, thì Sao Mai mới tắt.

Trước các thời gian (avant les temps): trước khi khai thiên lập địa.

Séraphin: đứng đầu hàng các thiên sứ, thường dịch là đệ nhất thiên sứ, danh từ Séraphin đẹp nhất chuyên dùng để chỉ Lucifer.

“Tôi thì chính là khoa học đã gọi cho thấy mình được ở trong tòa nhà có

một thư viện quảng bác nhất trần gian, tôi sinh ra thích đọc sách và yêu học hành. Trong khi, mệt mỏi vì những công việc của một cuộc sống thô lậu, anh ngủ một giấc li bì, thì tôi, sách vở khắp quanh mình, tôi học hỏi, tôi nghiền ngẫm các văn bản, lúc thì ở trong một phòng của thư viện, dưới hình tượng của các bậc danh nhân thời cổ đại, lúc thì ở tận cuối vườn, trong gian buồng biệt thất, phía trước buồng của anh.”

Nghe những lời đó, chàng trẻ Maurice phá lên cười và giáng những quả đấm mạnh tới tấp vào chiếc gối bông, nó là những dấu hiệu chắc chắn của một cơn cười rộ không thể nào nén đi được.

- Hà! Hà! Hà! Thế là chính anh đã làm loạn cái thư viện của ba tôi và đã làm cho ông già Sarette khốn khổ phát điên. Anh biết không: ông ta đã trở thành hoàn toàn mất trí.

- Còn bạn tâm, - thiên thần nói, đào tạo cho mình một trí hiểu biết tối cao, tôi đã chẳng thềm để ý gì đến con người thấp kém đó; và khi ông ta nghĩ chuyện làm trở ngại những tìm tòi của tôi và quấy rối các công việc của tôi, tôi đã trừng phạt ông ta về tội quấy rầy.

“Có một đêm mùa đông, trong căn phòng những nhà hiền triết và những hình cầu, tôi đã giáng vào đầu ông ta một quyển sách rất nặng, mà ông ta định giăng khỏi hai bàn tay vô hình của tôi. Gần đây hơn nữa, dùng một cánh tay mãnh liệt tạo thành bằng một cột không khí ngưng tụ, để lấy đi một bản thảo quý giá của Flavius Josephus, tôi làm cho cái lão ngu độn kia khiếp sợ đến nỗi vừa kêu rống vừa chạy ra via cầu thang và (để mượn Dante Alighieri một từ ngữ mạnh mẽ) ngã lăn kênh như một thây chết lăn kênh vậy. Lão được đền bù hậu hĩnh, vì bà cho lão, thừa bà, để cầm máu những vết thương,

chiếc khăn tay thơm tho của bà... chính là cái hôn, nếu bà còn nhớ, đằng sau một hình cầu thiên tượng, bà trao đổi với Maurice một cái hôn.

- Ông! - Bà des Aubels thấy bị xúc phạm, vừa cau lông mày vừa nói, tôi không cho phép ông được...

Nhưng bà dừng ngay lại, nghĩ rằng không phải lúc tỏ ra khó tính quá về chuyện thể diện...

Thiên thần nói tiếp, thản nhiên:

- Tôi đã quyết tâm thẩm sát các cơ sở của tín ngưỡng. Tôi bắt đầu trước hết tra cứu các công trình của Do Thái Giáo, và tôi đọc tất cả các văn bản tiếng Hebrew là tiếng mẹ đẻ của tôi: trên cõi thiên đường, trong một thời gian lâu dài, chúng tôi chỉ nói thứ tiếng đó thôi.

- À! Anh là Do Thái: đáng lẽ tôi đã nhận thấy điều đó khi thấy anh thiếu lịch sự.

Thiên thần, chẳng thèm nghe thấy, nói tiếp bằng cái giọng êm ái của anh:

- Tôi đã đi sâu vào các thời cổ đại Đông phương, vào Hy Lạp và La Mã, tôi đã đọc ngẫu nhiên các nhà thần học, triết học, vật lý học, địa chất học, bác vật học. Tôi đã được hiểu biết, đã tư duy, và đã mất tín ngưỡng.

- Thế nào? Anh không tin ở Chúa trời à?

- Tôi có tin, vì sự tồn tại của tôi tùy thuộc vào sự tồn tại của vị đó, và nếu vị đó không còn nữa thì chính tôi cũng rơi vào cõi hư vô. Tôi tin ở vị đó cũng như các Silène và Ménade\* xưa kia tin ở Dionysus và cũng vì những lý do giống nhau, tôi tin ở Chúa trời của những người Do Thái giáo và những

người Cơ đốc giáo. Nhưng tôi phủ nhận rằng ông ta đã sáng tạo ra thế giới; bất quá ông ta chỉ tổ chức một bộ phận rất nhỏ của thế giới, và tất cả cái gì ông ta đã mò đến đều mang dấu vết của đầu óc cấu thả và thô bạo của ông ta. Tôi không nghĩ rằng ông ta là vĩnh hằng vô hạn, vì quan niệm một kẻ sinh linh không có hạn định trong không gian và thời gian, thì thật là mơ hồ. Tôi cho rằng ông ta có giới hạn và rất giới hạn\* là khác nữa. Tôi cũng không tin rằng ông ta là vị thần\* duy nhất nữa; trong một thời gian rất lâu chính ông ta cũng không tin: lúc đầu tiên, ông ta đã theo thuyết đa thần. Về sau, lòng kiêu ngạo của ông ta và những nịnh nọt của những kẻ kính thờ ông ta làm cho ông ta trở thành tin thuyết nhất thần. Ông ta ít có mạch lạc trong các suy nghĩ, ông ta không có quyền lực như người ta nghĩ đâu. Và để nói gọn một câu, ông ta không phải là một vị thần chúa tể, mà chỉ là một thần sáng tạo\* dốt nát và huênh hoang. Những kẻ nào như tôi, biết rõ bản chất thực của ông ta, thì đều gọi ông ta là Ialdabaoth.”

Silène, Ménade, Dionysus: Dionysus là tên Hy Lạp của tửu thần trong thần thoại (tên La tinh là Bacchus); Silène, vị thần của thần thoại xứ Phryge, bố đẻ ra các thần Satyre (là các thần thú hạng, tùy tùng của thần Bacchus), và bố nuôi năng thần Bacchus; Ménade, tên cũ của các thyrsus thờ phụng tửu thần.

Giới hạn (borné): bản thể có hạn định trong thời gian và không gian. Ngụ thêm nghĩa thứ hai của borné là: Bị giới hạn trong đầu óc, thiếu cận.

Vị Thần (le Dieu): Tiếng Dieu vốn nghĩa rất rộng có nơi là Thần, có nơi là Chúa, hoặc Chúa Trời, nghĩa là Thần chúa tể (viết chữ D hoa).

Thần sáng tạo (demiurge): danh từ dùng trong triết lý của nguồn phái Plato để chỉ thông minh sáng tạo (intelligence créatrice), hoặc cũng gọi là Thần sáng tạo (tiếng thần ở đây không có nghĩa là thánh thần, mà chỉ là tinh thần).

- Anh bảo thế nào?

## - Ialdabaoth\*.

Ialdabaoth: trong Kinh thánh cả Cựu Ước lẫn Tân Ước, không thấy có tên này, nhưng có từ Sabaoth, là một danh từ Hebrew, có nghĩa là “cơ binh” hoặc “quân đoàn”. Thường được dùng trong Kinh thánh không phải để chỉ một toán binh sĩ, mà để chỉ tất cả các thiên sứ và muôn loài đã được sáng tạo ra, vì đông đảo nên họp thành như một đạo quân, nói lên quyền lực và quang vinh của đấng sáng tạo (Xem Kinh thánh, Sáng thế ký II, I; I Các Vua XXII, 19:11, Sử ký, XVIII, 18; Thi thiên CII). Có thể Ialdabaoth là một tiếng Hebrew có nghĩa là vị thần có vạn quân (Dieu des armées).

- Ialdabaoth, là cái gì vậy?

- Tôi đã nói với anh rồi: đó là vị thần sáng tạo mà trong sự mù quáng, anh thờ kính như bậc thần duy nhất.

- Anh điên thật, tôi không khuyên anh kể lể những chuyện nhảm nhí đó với linh mục Patouille đâu nhé.

- Tôi không hy vọng gì, anh Maurice thân mến ạ, chọc thủng được những tối tăm dày đặc trong trí thông minh của anh. Chỉ cần anh biết rằng tôi sắp đánh Ialdabaoth với hy vọng sẽ thắng.

- Nói thực tình, anh sẽ không thành công đâu.

- Lucifer đã làm lung lay ngại vàng của ông ta và có một lúc đã bất phân thắng bại.

- Anh tên là gì?

- Abdiel đối với các vị thiên thần và các thánh, Arcade đối với người trần tục.

- Vậy thì! Anh Arcade khốn khổ ơi, tôi tiếc rằng trông thấy anh lầm lạc đến thế. Anh hãy thú nhận rằng anh đang nhạo báng chúng tôi đây. Kể ra thì tôi cũng có thể hiểu được nếu anh rời bỏ cõi trời vì một người đàn bà. Tình

yêu xui người ta làm những trò ngu dại nhất. Nhưng không bao giờ anh có thể làm cho tôi tin rằng anh đã trông thấy Chúa trời tận mắt, sau đó lại tìm được chân lý trong những sách cũ của ông già Sariette. Không, không đời nào chuyện đó có thể nhập vào đầu óc của tôi được!

- Anh Maurice thân mến ạ, Lucifer đã mặt dẫn mặt với Chúa trời, vậy mà đã từ chối không phục ông ta. Còn cái thứ chân lý mà người ta tìm thấy trong sách vở, thì đó là một cái chân lý nó làm cho người ta đôi khi nhận thức được rằng các sự vật không là thế này thế nọ, chứ không bao giờ làm cho ta khám phá ra nó là thế nào. Và cái chân lý nhỏ bé khốn khổ đó đã đủ để chứng tỏ cho tôi rằng kẻ mà trước kia tôi tin mù quáng, thật là không thể nào tin được và các người trần tục và các thiên thần đã bị lừa gạt bởi những dối trá của Ialdabaoth.

- Không làm gì có Ialdabaoth. Chỉ có Chúa trời. Thôi cố gắng đi một tí Arcade ơi! Hãy từ bỏ những trò điên cuồng, những trò nghịch đạo, hãy trút bỏ xác thịt người trần, hãy trở lại thành một tinh thần thuần túy, và hãy lấy lại chức vụ thiên thần hộ mệnh. Hãy trở về với bốn phận. Tôi tha thứ cho anh, nhưng không muốn trông thấy anh nữa.

- Tôi cũng không muốn làm vừa lòng anh, Maurice ạ. Tôi cảm thấy có cảm tình đối với anh, vì trái tim của tôi mềm yếu. Nhưng số kiếp của tôi lôi cuốn tôi, từ nay, đến những kẻ có khả năng tư duy và hành động.

- Ông Arcade ạ, - bà des Aubels nói, ông hãy rút lui đi, tôi xin ông. Tôi bị phiền một cách kinh khủng là chỉ mặc có sơ mi trần giữa hai người đàn ông. Ông hãy tin cho rằng tôi không quen cái trò đó.

## CHƯƠNG THỨ MƯỜI MỘT

*Thiên thần, mặc bộ áo quần di vật của một người chết vì tự tử, bỏ anh chàng Maurice ở lại đó, không còn thiên thần hộ mệnh nữa như thế nào.*

Ngồi xồm trên giường, hai đầu gối nhẵn bóng của bà ta lấp lánh trong bóng tối ở dưới gấu chiếc áo sơ mi ngắn và nhẹ; hai cánh tay vắt chéo che bộ ngực, bà ta chỉ để mặc cho người ta trông thấy đôi vai béo múp tròn trĩnh và bộ tóc hung hung lò xo rũ rượi.

- Bà cứ yên tâm, thưa bà, - cái bóng hiện hình trả lời; tình cảnh của bà không đến nỗi như bà nói đâu: bà không phải là đương ở trước mặt hai người đàn ông, mà đúng ra là trước mặt một người đàn ông và một thiên thần.

Bà ta quan sát ông khách lạ với một con mắt dò xét và bắn khoăn về một hình tích tuy còn mơ hồ, nhưng không phải là tầm thường, và hỏi:

- Thưa ông, có thật chắc chắn ông là một thiên thần không?

Cái bóng hiện hình yêu cầu bà đừng nghi ngờ điều đó và chỉ dẫn rành mạch cho bà hiểu về gốc gác của y:

- Có ba đẳng cấp các tinh thần thiên giới\*, mỗi đẳng cấp gồm có chín thứ bậc; đẳng cấp thứ nhất gồm có các Séraphin, các Chérubin và các Ngai thần; đẳng cấp thứ hai, các Quản thần, các Dũng thần và các Quyền thần; đẳng cấp thứ ba, các Lãnh thần\*, các Thượng đẳng thiên thần chính danh. Tôi thuộc vào thứ bậc thứ chín của đẳng cấp thứ ba.



Tinh thần thiên giới (esprits célestes) tức là thiên thần.

Ngai thần (Trône), Quản thần (Domination), Dũng thần (Vertu), Quyền thần (Puissance), Lãnh thần (Principauté): tên của các cấp bậc thiên sứ.

Bà des Aubels, vẫn còn giữ những lý do để ngờ vực, nên đã nói lên một lý do:

- Ông không có cánh.

- Tại sao tôi lại phải có cánh, thưa bà? Tôi có bắt buộc phải giống những thiên thần của những bình nước thánh của bà không? Những mái chèo bằng lông vũ kia, nó đập nhịp nhàng những làn sóng của không trung, các thiên sứ không phải là bao giờ cũng cứ phải chắt nó lên đôi vai đâu. Các Chérubin có thể là không có cánh. Họ cũng không có cánh, hai vị thiên sứ quá đẹp kia, đã qua một đêm chập chờn trong ngôi nhà của Loth\*, bị một toán quân của phương Đông vây hãm. Không! Họ trông rõ giống hệt như những người thường và bụi đường trường phủ trắng đôi bàn chân của họ, mà vị tộc trưởng đã rửa bằng một bàn tay thành kính. Tôi sẽ lưu ý bà, thưa bà, rằng theo khoa học những biến hóa cơ thể, do Lamarck và Darwin\* sáng lập nên, thì những cánh của loài chim đã chuyển biến dần thành những đôi chân trước của loài linh trưởng\*. Và có lẽ anh còn nhớ, Maurice, rằng do một hiện tượng di truyền khá phiền, miss Kate\* chị bảo mẫu người Anh của anh, vẫn thú cái trò phát vào đít anh lắm, chị có đôi cánh tay rất giống đôi cánh khăng khiu của một con gia cầm đã vật lông. Vì thế người ta có thể nói rằng một sinh vật mà có cả đôi tay lẫn đôi cánh, là một quái vật thuộc vào phạm vi của quái hình học\* ở thiên đường, chúng ta có những Chérubin hoặc Keroub\* dưới hình thể những con bò mộng có cánh; nhưng đó là những sáng chế nặng nề của một vị thần không có đầu óc nghệ sĩ. Tuy nhiên, quả thật những tượng thần chiến

thăng ở đền thờ Athéna Nike, trên Acropole\* của thành Athènes, quả thật là đẹp với đôi cánh tay và đôi cánh; tượng chiến thăng ở Brescia\* quả thật là đẹp, hai cánh tay giang ra và đôi cánh dài buông rủ trên vòng lưng khỏe mạnh. Tinh thần cố hữu của Hy Lạp đã biết sáng tạo ra những quái vật hài hòa, thật là một trong những điều kỳ diệu của nó. Người Hy Lạp xưa kia không hề bao giờ lảm lạc. Người hiện đại thì bao giờ cũng lảm lạc.

Loth: con trai của Haran, em Abraham, sinh hoạt ở vùng Jordan cắm lều trại đến tận Sodom. Dân cư Sodom hư hỏng trác táng, nên Jehovah quyết thiêu hủy cả thành Sodom, nhưng muốn cứu vớt Loth ra khỏi tai nạn đó, bèn sai hai vị thần thiên sứ hiện thành người thường đến nhà Loth để chỉ bảo cứu giúp. Chuyện này xem ở Kinh thánh (Sáng thế ký, XIX, 1-20).

Lamarck, Darwin: hai bác học vật học sáng lập ra thuyết biến hóa luận (transformisme) hoặc cũng được gọi là tiểu luận. Lamarck, người Pháp (1744-1829); Darwin, người Anh (1809-1882).

Loài linh trưởng (primates): loài vật cao đẳng, có vẻ hai chân trước đã dần biến thành cánh tay. Giống người là ở trong loài này.

miss Kate: tiếng Anh, nghĩa là cô Kate. Kate là tên tắt của Katherine. Theo phong tục thời cũ của người Pháp, người giàu hay thuê bảo mẫu người Anh chưa chồng, cho thế là sang trọng.

Quái hình học (tératologie): cũng có gọi là biến hình học, là khoa học nghiên cứu những hình thể quái gở của sinh vật, như gà ba chân, chó hai mõm...

Keroub: chérubin, đọc theo âm Pháp là sêruybanh, âm La tinh là Kerubin do tiếng Hebrew Keroubin đọc tắt là Keroub, trong tiếng Việt, gọi là Kêrabin.

Acropole: dịch ra tiếng Hán-Việt là cao đài - tiếng Hy Lạp (akros): cao, và polis: thành, thành phố. Nghĩa là điểm cao nhất của các thành thị Hy Lạp. Nổi tiếng nhất là Acropole của thành Athènes, thành thị cũ của Athènes, xây dựng trên một ghềnh đá cao 180 pie (vào khoảng gần 40 mét), trên mặt ghềnh tua tủa những điện đài và tượng đài nổi tiếng như tượng Thần chiến thăng không cánh (Victoire aptère). Nhưng ở đây Anatole France lại không nói đến bức tượng có đôi cánh tay dài và đôi cánh - Athéna Nikè, tiếng Hy Lạp nghĩa là chiến thăng.

Brescia: thành phố ở nước Ý (xứ Lombardie).

- Xét cho cùng, - bà des Aubels nói, ông không có vẻ gì là một tinh thần

thuần túy.

- Ấy vậy mà, thưa bà, tôi là một tinh thần thuần túy, hơn ai hết. Bà đã được rửa tội, thì bà không được phép ngờ vực điều đó. Nhiều các cha, như thánh Justin, Tertullien, Origène và Clément d'Alexandrie\*, đã nghĩ rằng các thiên thần không phải thuần túy là tinh thần, và có một cơ thể tạo thành bằng một vật chất tinh vi. Thánh Augustine có ý kiến rằng các thiên thần có một cơ thể ngời sáng. Ý kiến đó đã bị giáo hội gạt bỏ; vậy tôi là tinh thần. Nhưng tinh thần là cái gì và vật chất là cái gì? Trước kia, người ta đem đối lập chúng với nhau như hai cái trái ngược; và bây giờ thì khoa học nhân gian của bà có khuynh hướng hợp nhất chúng lại, coi như hai mặt của cùng một sự vật. Khoa học đó dạy rằng tất cả đều từ éther\* mà ra và tất cả lại trở về éther, rằng chỉ có chuyển động làm chuyển biến các làn sóng thiên không thành sỏi đá và kim loại, các nguyên tử rải khắp không gian vô tận tạo thành do tốc độ khác nhau của các quỹ đạo của chúng, tất cả các chất của thế giới hữu hình...

Justin, Tertullien, Origène và Clément d'Alexandrie: thánh Justin, tác giả một quyển Biện giải đạo cơ đốc (Apologie de christianisme), tử vì đạo năm 165. Tertullien, giáo sư giảng dạy của giáo hội, sinh ở Carthage, thiên tài có uy lực, nhà biện giải có giá trị lớn nhưng bị dính líu vào vụ tà giáo của Montaniste (người xứ Phrygie, 160-220). Origène (185-253), sinh ở Alexandrie, học giả và giáo sư thần học. Clément d'Alexandrie, giáo sư của giáo hội, thầy của Eugène, một trong những nhà biện giải lỗi lạc nhất mất năm 220.

Éther: tên xưa để chỉ một chất khí bị ký tính kể lấp đầy khoảng không gian bên ngoài khí quyển. Trước kia, ta thường dịch là tinh không, nay chỉ dịch âm thôi.

Nhưng bà des Aubels có nghe đâu, bà còn bận tâm về một ý nghĩ, và để được biết rõ ràng sự thật, bà hỏi:

- Ông đến đây từ lúc nào?

- Tôi cùng đến với Maurice.

Bà lắc đầu:

- Thế này thì! Tôi cũng đến chịu!

Nhưng thiên thần nói tiếp với một vẻ thanh thản thần tiên:

- Tất cả mọi thứ trong vũ trụ chỉ toàn là hình tròn, hình bầu dục, hình hyperbole, và cùng những quy luật như nhau chi phối các tinh tú và cũng cai trị hạt cát bụi này\*. Do các chuyển động thiên thiên và bẩm sinh của bản chất, cơ thể của tôi là tinh thần; nhưng nó có thể, như bà trông thấy đấy, chuyển sang trạng thái vật chất bằng cách thay đổi nhịp điệu của các nguyên tố của nó.

Hạt cát bụi này: chỉ trái đất của chúng ta.

Y nói xong và ngồi vào một chiếc ghế bành, đè lên đôi bít tất đen của bà des Aubels.

Một chiếc đồng hồ treo điểm chuông.

- Trời ơi! - Bây giờ, Gilberte kêu lên - Tôi sẽ nói thế nào với nhà tôi đây? Ông ấy tưởng tôi đang dự tiệc trà ở phố Rivoli. Tối hôm nay chúng tôi ăn cơm ở nhà vợ chồng La Verdelière. Ông hãy đi đi, mau lên, ông Arcade. Tôi phải mặc xống áo vào; không được để mất một giây phút nào.

Thiên thần trả lời rằng y sẽ tự thấy có bốn phận phải tuân lời bà des Aubels, nếu y được ở trạng thái xuất hiện chỗ công chúng một cách nhã nhặn, nhưng y không hề nghĩ đến chuyện đi ra ngoài không có một tí nào quần áo trên người.

- Nếu tôi đi tồng ngồng ngoài phố, - y nói thêm, thì tôi sẽ xúc phạm một dân chúng thiết tha với những thói quen cũ, mà họ chưa bao giờ thăm sát. Đó là cơ sở của phong tục. Xưa kia, các thiên thần nổi loạn như tôi, hiện ra cho những người Cơ đốc giáo với những vẻ bề ngoài thô lậu và tức cười, đen đui, có sừng, đầy lông lá, không chạt đuôi, chân trẽ đôi và đôi khi với một cái mặt người ở đít. Thật là hoàn toàn ngây ngô!... Họ là trò cười của những người ưu nhã, chỉ dọa nạt được những bà già và những con nít và chẳng làm được cái trò trống gì.

- Đúng là ông ấy không thể đi ra ngoài như thế này được, - bà des Aubels nói cho công bằng.

Maurice bèn ném cho vị thiên sứ thần tiên bộ áo quần pyjama và đôi giày pantoufle của anh. Kể là quần áo đi phố thì chưa đủ. Gilberte thúc giục tình nhân chạy đi ngay lập tức để kiếm quần áo. Anh chạy đi hỏi mượn quần áo của anh gác cổng. Bà ta hết sức can ngăn anh. Theo bà, thì lỗi những kẻ hầu hạ vào một việc như thế này, thật là đại dột điên cuồng.

- Anh lại muốn, - bà ta kêu lên, cho họ biết rằng...

Bà ta trở vào thiên thần và không nói nốt câu.

Chàng trẻ d'Esparvieu bèn chạy đi kiếm một hàng bán quần áo.

Trong khi đó Gilberte, không thể chậm trễ hơn nữa mà không gây thành một chuyện tai tiếng kinh khủng trong chốn xã giao, bèn bật đèn lên mặc xong áo trước mặt thiên thần. Bà làm công việc đó chẳng chút lúng túng, vì bà biết thích ứng với mọi hoàn cảnh, và bà quan niệm rằng, trong những cuộc gặp gỡ lạ lùng chưa hề thấy, nó trộn lẫn trời với đất trong một cảnh bát nháo

không tả xiết, thì người ta được phép giảm bớt chuyện thẹn thùng. Và lại bà tự biết thân hình cân đối và có những quần áo lót thu hẹp đúng mốt. Vì cái bóng hình có ý tứ từ chối không mặc bộ pyjama của Maurice, nên Gilberte không thể nào không nhận thấy, dưới ánh sáng đèn, rằng những nghi ngờ của bà là có cơ sở và thiên thần quả thật là có một ngoại hình của những người đàn ông. Tò mò muốn biết cái ngoại hình đó là hư ảo hay hiện thực, bà hỏi người con của ánh sáng xem các thiên thần có giống như con khi, chúng nó, để yêu đàn bà, chỉ thiếu có tiền thôi.

- Đúng vậy, Gilberte ạ, - Arcade trả lời, các thiên thần có thể yêu phụ nữ người trần được. Thánh kinh có dạy điều đó. Trong quyển thứ bảy của kinh Sáng thế ký\* có nói rằng: “Khi loài người đã bắt đầu đông đảo trên mặt đất, và sinh đẻ ra những đứa con gái, thì các con trai của Chúa trời thấy rằng con gái của loài người đẹp đẽ, và họ lấy về làm vợ tất cả các ả nào vừa ý họ.”

Sáng thế ký: Anatole France nói là quyển thứ bảy, nhưng thực ra là chương thứ 6, tiết 1, 2. Nguyên văn như sau: vậy khi loài người khởi thêm nhiều trên mặt đất và khi loài người đã sinh ra được con gái rồi, các con trai của Đức Chúa Trời thấy con gái loài người tốt đẹp bèn cưới người vừa lòng làm vợ - Con trai của Đức Chúa Trời (Fils Dieu) thường chỉ các thiên sứ, khi dùng theo số nhiều.

Bỗng nhiên, Gilberte kêu rên:

- Trời ơi! Không bao giờ tôi có thể cài khuy cái áo dài của tôi được; nó cài đằng sau lưng.

Khi Maurice trở về gian buồng, anh thấy thiên thần đương quỳ, buộc dây giày cho người đàn bà ngoại tình.

Sau khi đã lấy trên bàn cái ống bao tay và cái xắc:

- Tôi không quên gì chứ? Không... Gilberte nói. Chào ông Arcade, chào

Maurice... Chà! Thật quả, tôi sẽ nhớ mãi cái ngày hôm nay.

Và bà ta biến đi như một giấc mơ.

- Đây này, - Maurice vừa nói vừa ném cho thiên thần một mớ quần áo cũ.

Chàng thanh niên, sau khi trông thấy trong cửa kính của một hàng bán đồ cũ, những quần áo nát thảm hại, lẫn lộn với những cái kèn clarinet và những ống bơm rửa ruột, đã mua, với giá tiền mười chín franc, bộ quần áo di vật của một anh chàng nghèo khổ mặc đồ đen và đã tự tử chết. Thiên thần, với một vẻ trang nghiêm thiên bẩm, tiếp nhận những quần áo đó và mặc vào. Được y mặc vào người, bộ áo quần đó có ngay một vẻ thanh lịch không ngờ.

Y bước một bước ra phía cửa.

- Thế là, anh rời bỏ tôi đây, - Maurice nói - Quyết định rồi chứ? Tôi e rằng một ngày kia anh sẽ hối tiếc cay đắng cái hành động gàn bướng này.

- Tôi không được nhìn lại phía sau. Vĩnh biệt Maurice.

Maurice rút rìe đứt năm đồng louis vào tay y.

- Vĩnh biệt Arcade.

Nhưng khi thiên thần bước qua ngưỡng cửa, vừa đúng lúc chỉ còn trông thấy, trong khung cửa, cái gót chân nhấc lên thì Maurice gọi giật y lại:

- Arcade!... Tôi quên mất!... Tôi, thế là tôi không có thần hộ mệnh nữa!

- Đúng đấy, Maurice, anh không còn nữa.

- Thế thì tôi sẽ trở thành thế nào?... Người ta cần phải có một thần hộ mệnh chứ. Nay anh, không có thần hộ mệnh, thì không có những hậu quả

ngghiêm trọng gì sao, không có nguy cơ gì sao?

- Trước khi trả lời anh, Maurice ạ, tôi xin hỏi anh xem anh muốn tôi nói với anh theo những tín ngưỡng của anh, nó trước kia cũng đã là tin tưởng của tôi, theo những lời dạy bảo của giáo hội và của tín ngưỡng Thiên chúa giáo, hay theo triết học tự nhiên.

- Tôi cần quái gì cái triết học tự nhiên của anh. Anh hãy trả lời tôi cho phù hợp với cái tôn giáo mà tôi tin tưởng và tôi tuyên bố công nhiên, cái tôn giáo mà tôi quyết sống và chết trong đó.

- Thế thì! Anh bạn Maurice thân mến ạ, mất thần hộ mệnh có lẽ làm cho anh thiếu mất một số cứu trợ tinh thần, một số ân điển của trời. Tôi biểu lộ với anh về vấn đề ấy ý nghĩ trước sau như một của giáo hội. Anh sẽ thiếu một sự trợ lực, một sự ủng hộ, một sự khuyến miễn đáng lẽ đã hướng dẫn anh và kiên định anh trong con đường cứu rỗi. Anh sẽ có bớt sức mạnh để tránh xa tội lỗi. Vốn anh đã chẳng có nhiều sức mạnh đó lắm rồi. Rút cục, anh sẽ, về mặt tinh thần, không được cường tráng và không được vui thích. Vĩnh biệt, Maurice. Khi nào gặp bà des Aubels, xin anh cho tôi hỏi thăm.

- Anh đi à?

- Vĩnh biệt.

Arcade đi khuất, và Maurice, chìm đắm trong một chiếc ghế bành sâu rộng, hai tay ôm đầu hồi lâu.



## CHƯƠNG THỨ MƯỜI HAI

*Kể chuyện thiên thần Mirar; khi đem những ân điển và úy lạo đến khu phố Champs-Élysées\* ở Paris, đã trông thấy một nữ ca sĩ ở tiệm cà phê ca nhạc\* tên là Bouchotte, và yêu cô ta như thế nào.*

Champs Elysées, vốn là tên của cội cực lạc, trong thần thoại Hy Lạp, La Mã của những vong hồn có đạo đức. Sau, ở nước Pháp, dùng để đặt tên cho cung điện lớn ở Paris, xây cho những nhân vật quan trọng và cuối cùng dành làm phủ Tổng thống Pháp - Đây là tên đặt cho đại lộ lớn ở Paris, dẫn đến cung điện đó.

Cà phê ca nhạc (Café concert): quán cà phê có ca nhạc giúp vui, biểu diễn trên những sân khấu nhỏ, trong khi khách vẫn uống, hút thuốc và trò chuyện như thường.

Qua những đường phố đầy một làn sương mù đỏ bẻm, lốm đốm những ánh sáng vàng và trắng, có những con ngựa phì phò hơi thở bốc khói và có những tia sáng đèn pha loáng thoáng của những ô tô chiếu qua, thiên thần rảo bước đi và được hòa lẫn vào những đợt sóng đen ngòm của những khách bộ hành ngược xuôi không ngớt, y đi xuyên qua thành phố từ bắc đến nam, cho đến tận những đại lộ vắng vẻ của tả ngạn. Cách không xa những tường cũ của Port Royal\*, một tiệm ăn bé nhỏ mỗi chiều tối lại chiếu hắt ra đường ánh sáng vãn đục của những ô cửa kính phủ đầy hơi nước của nó. Dừng bước ở đây, Arcade đi vào gian phòng trong đó bốc lên những mùi béo và nồng nặc mà những kẻ khốn khổ, rét và đói run người, lấy làm thú vị. Thoáng nhìn một cái, anh ta trông thấy ở đó những người Nga hư vô chủ nghĩa, những người Ý vô chính phủ chủ nghĩa, những người tị nạn, những người âm mưu phản động, những người phản loạn ở tất cả các nước, những cái đầu già lão kỳ thú,

trút ra những chòm râu như những ghềnh đá trút xuống những dòng suối chảy xiết và những dòng thác đổ, những khuôn mặt trẻ trung có vẻ nghiêm khắc trinh bạch, những con mắt nhìn lâm lâm và hung dữ, những tròng con người màu xám nhạt có một vẻ vô cùng dịu hiền, những bộ mặt đau đớn cực hình, và trong một góc buồng, hai phụ nữ người Nga, một người rất đẹp, người kia xấu ghê gớm, cả hai đều giống nhau ở chỗ thờ ơ như nhau đối với sự xấu xí cũng như đối với vẻ đẹp đẽ. Nhưng không thấy cái diện mạo mà anh đương tìm, vì trong gian buồng không có thiên thần, anh bèn đến ngồi vào một chiếc bàn nhỏ mặt đá hoa hẫ còn bỏ vắng.

Port Royal: Tên của một tu viện nữ, sáng lập năm 1204 ở Chevreuse (trong Seine-et-Oise), năm 1608 được cải cách, và năm 1625 được chuyển dịch về Paris, năm 1635 được đặt dưới quyền lãnh đạo về mặt tôn giáo phái Jansénistes, kình địch lâu đời với dòng Tên Jésuite.

Các thiên thần, dưới sự kích thích của cái đói, cũng ăn như những động vật trần tục, và thức ăn của họ được biến hóa bởi sức nhiệt của tiêu hóa, đồng nhất với bản chất thần thánh của họ. Sau khi đã trông thấy ba vị thiên sứ dưới rặng sồi ở Mambré, Abraham đã cung hiến cho họ những bánh ngọt do Sarah\* nhào bột làm nên, cả một con bê trộn vụn, bơ và sữa, và họ bèn ăn. Loth, sau khi đã tiếp đón hai vị thiên sứ trong nhà mình, bảo người nhà nướng chín những bánh mì không có men, và họ bèn ăn. Arcade nhận được của một gã bồi bàn cáu ghét một miếng bít tết dai ngoách, và anh bèn ăn. Trong khi đó, anh nghĩ đến những cảnh nhàn hạ êm ái của anh, những lúc nghỉ ngơi, những công việc học hỏi nghiên cứu thú vị mà anh đã rời bỏ, đến cái nhiệm vụ nặng nề mà anh đã đảm đương, đến những công trình, những mệt nhọc, những nguy cơ mà anh đương chuẩn bị cho mình, tâm hồn anh buồn rầu và trái tim anh rối loạn.

Abraham, Sarah: Sarah là vợ của tộc trưởng Abraham. Truyện Abraham khi cư trú dưới cây sồi ở Mambré, được ba vị thiên sứ đến thăm, bảo vợ là Sarah làm bánh không men, làm thịt một con bê con tròn vẹn, dọn cho họ ăn với bơ sữa ngon lành, có kể tỉ mỉ trong Kinh thánh (xem Sáng thế ký, XVIII, 1-8).

Trong lúc anh đang ăn nốt bữa ăn xuềnh xoàng của anh thì một chàng thanh niên mặt mũi nghèo khổ quần áo tồi tàn bước vào gian phòng và sau khi đã đưa mắt nhìn qua các bàn, lại gần thiên thần và chào hỏi anh bằng cái tên Abdiel, vì chàng ta cũng là một tinh thần thượng giới.

- Mirar, tôi vẫn biết là tôi kêu gọi thì thế nào anh cũng đến, - Arcade đáp lời, và cũng gọi người anh em thiên thần bằng cái tên mà trước kia anh này vẫn mang ở trên trời.

Nhưng ở trên trời, cái ký ức về Mirar tiêu trầm từ khi vị thượng đẳng thiên sứ đó đã rời bỏ công việc phục vụ Chúa trời. Anh ta có tên gọi là Théophile Belais trên cõi trần và để kiếm miếng ăn, anh ta ban ngày thì dạy âm nhạc cho mấy đứa trẻ, ban đêm thì chơi viôlông trong những quán rượu nhảy nhót ở ngoại ô.

- Anh đấy à, Abdiel thân mến. - Théophile đáp lời; vậy là bây giờ chúng mình lại được tụ họp trong cái thế giới buồn thảm này!... Gặp lại anh, tôi rất vui sướng. Tuy nhiên, tôi cũng buồn cho anh, vì ở đây chúng mình phải sống một cuộc sống gay go.

Nhưng Arcade nói:

- Bạn ơi, cuộc lưu đày của cậu sẽ chấm dứt. Mình có những kế hoạch lớn; mình muốn báo cho cậu biết và liên kết với cậu.

Và thiên thần bảo hộ của chàng trẻ Maurice, sau khi đã gọi hai cà phê,

bộc lộ cho anh bạn những ý nghĩ, những dự định của anh ta; anh trình bày cho biết, từ khi lưu cư trên trái đất, anh đã lao vào những cuộc tìm tòi không quen thuộc lắm với những tinh thần thiên giới như thế nào, và đã nghiên cứu các thuyết thần học, các vũ trụ nguyên thủy luận, các thế giới hệ, các lý thuyết về vật chất, các khảo luận hiện đại về sự tiến hóa và sự tiêu hao năng lượng. Sau khi đã, anh nói, nghiên cứu thiên nhiên, anh đã thấy nó luôn luôn mâu thuẫn với các lời giảng dạy của vị chúa tể mà anh vẫn thờ phụng. Vị chúa tể thèm khát được ca tụng đó, mà anh đã kính thờ lâu nay, bây giờ anh thấy như một tên bạo chúa dốt nát, ngu đần và tàn ác. Anh đã phủ nhận y, đã báng bổ y và nóng lòng muốn đánh đổ y. Mưu toan của anh là tái diễn cuộc nổi loạn của các thiên thần. Anh quyết chiến, và hy vọng thắng lợi.

- Nhưng trước hết, - anh nói thêm, cần phải biết rõ lực lượng của ta và lực lượng của địch.

Và anh hỏi xem những kẻ thù của Ialdabaoth trên mặt đất có đông đảo và hùng cường không.

Théophile ngược nhìn người anh em ruột thịt\* một cách ngạc nhiên, anh có vẻ như không hiểu những lời lẽ bạn nói với anh.

Anh em ruột thịt (Frère): nên nhớ rằng các thiên sứ đều là con của Trời, nên đều là anh em ruột thịt với nhau.

- Đồng bào yêu quý ơi, - anh nói với y, tôi đã đáp ứng lời mời của anh vì nó là của một người bạn cũ, nhưng tôi không biết anh chờ đợi gì ở tôi, và tôi e rằng không thể giúp anh được gì cả. Tôi không làm chính trị, tôi không lên mặt nhà cải cách. Tôi không phải, như anh, một tinh thần phản loạn, một nhà tư tưởng tự do, một nhà cách mạng. Tôi vẫn trung thành, từ thâm tâm, với

đăng sáng tạo thần thánh của tôi. Tôi vẫn còn thờ kính vị Chúa tể mà tôi không phụng sự nữa, và tôi thương nhớ những ngày mà, đôi cánh che thân, tôi hợp thành, với những đứa con vô vàn của ánh sáng một bánh xe rực lửa chung quanh ngai vàng rực rỡ của người. Tình yêu, tình yêu phàm tục đã khiến cho tôi rời xa Chúa. Tôi đã rời bỏ thiên đình để đi theo một người con gái của loài người. Cô ta đẹp và ca hát trong những quán cà phê ca nhạc.

Họ đứng dậy; Arcade tiễn đưa Théophile, nhà ở cuối thành phố, ở góc ngã ba đại lộ Rochechouart và phố Steinkerque. Vừa đi bộ qua những phố xá vắng vẻ, anh chàng tình nhân của cô ca sĩ kể với bạn mối tình và những nỗi đau khổ của anh ta.

Sự giáng trần của anh, xảy ra được hai năm, là một chuyện đột ngột. Là một thiên sứ thuộc bậc thứ tám của đẳng cấp thứ ba, anh được bổ nhiệm đem những ân điển xuống cho các tín đồ, hiện nay ở nước Pháp hãy còn nhiều, đặc biệt là ở trong đám những sỹ quan cao cấp của lục quân và hải quân.

- Một đêm hè, - anh nói, khi tôi đang đi từ thiên đình xuống để phân phát những lời úy lạo, những lời kiên định tín tâm và những cái chết ngoan đạo\* cho người này người nọ có lòng thành kính ở khu l'Étoile\*, thì mắt tôi, tuy đã quen với những ánh sáng thần tiên, bỗng bị chói chang vì những bông hoa lửa mà đường phố Champs-Élysées được rắc đầy. Những chùm đèn lớn nó chỉ rõ, dưới những lùm cây, cửa ra vào của các quán cà phê và các tiệm ăn, đem lại cho cảnh lá vẻ rực rỡ quý báu của ngọc bích. Những tràng dài ngọc châu sáng ngời quăn quanh những khu vườn lộ thiên, ở đó chen chúc một đám đông đảo đàn ông và đàn bà, trước những ban nhạc vui vẻ, âm thanh văng vẳng đến tận tai tôi. Đêm nóng ẩm, đôi cánh của tôi bắt đầu mệt mỏi. Tôi bèn hạ cánh

xuống một trong những quán ca nhạc đó và ngồi, vô hình, lẫn vào đám thính giả. Vừa lúc đó, một cô gái xuất hiện trên sân khấu, mặc một chiếc áo dài ngắn\*, óng ánh kim tuyến. Những ánh phản chiếu của đèn biên và màu phấn son đắp lên mặt cô chỉ để cho trông thấy có ánh mắt và nụ cười. Thân hình cô ta mềm mại và khoái lạc. Cô hát và múa... Arcade ạ, tôi xưa nay vẫn yêu thích ca nhạc và nhảy múa; nhưng cái giọng cao vút và các chuyển động quái ác của con người đó làm cho tôi rơi vào một tình trạng xao xuyến chưa hề thấy. Tôi tái mét, tôi đỏ dừ, mắt tôi mờ đi, lưỡi tôi khô đi trong miệng; tôi không nhúc nhích được nữa.

Những cái chết ngoan đạo (Bonnes morts): chết trong tình trạng tinh thần ngoan ngoãn theo đúng lời dạy của tôn giáo.

L'Étoile: nghĩa đen là ngôi sao, đây là tên một quảng trường lớn nhất ở Paris có 5 đường đại lộ từ đó tỏa đi năm phía, như cánh của ngôi sao. Những quảng trường ngã năm, ngã bảy, cũng gọi là L'Étoile.

Áo dài ngắn (robe courte): dịch sang tiếng Việt nghe hơi chướng, vì đã dài lại còn ngắn! Thực ra thì robe (không có cách dịch nào khác hơn là áo dài) của tu sĩ, quan thẩm phán, giáo sư đại học khi lên lớp, và phụ nữ ăn mặc nghiêm chỉnh, áo may liền với váy nhưng chỉ ngắn trên đầu gối, để hở da thịt rất nhiều, vì thế gọi là áo dài, mà thực là ngắn ngắn. Có lẽ có thể dịch là váy hoặc áo múa thì hơn, nhưng nghe hơi lạ tai. Đúng ra là áo liền váy.

Và Théophile vừa rên rĩ vừa kể chuyện anh ta, bị ám ảnh bởi lòng thèm muốn người phụ nữ đó, không trở về trời như thế nào; nhưng sau khi đã đội lốt một con người, anh đã sống cuộc đời trần tục, vì trong sách đã viết rằng: “Thời đó, các con trai của Chúa trời thấy rằng con gái của loài người đẹp đẽ”.

Là thiên thần sa ngã, đã mất đi tính ngây thơ vô tội và không còn được trông thấy Chúa trời nữa, ít ra Théophile còn giữ được sự hồn nhiên của tinh thần. Mặc bộ quần áo tả tơi cuộm được từ quầy hàng một gã người Israel bán đồ cũ, anh đi gặp con người mà anh yêu. Cô ta tên là Bouchotte và cư trú ở

một căn buồng nhỏ ở Montmartre\*. Anh quỳ xuống chân cô và nói với cô rằng cô đẹp vô cùng, rằng cô hát hay tuyệt vời, rằng anh yêu cô đến điên cuồng, rằng anh từ bỏ gia đình, tổ quốc vì cô, rằng anh là nhạc sĩ đã kiếm không đủ ăn. Xúc động vì vẻ trẻ trung, vẻ chân thật, bao nỗi khổ cùng và mối tình chân thật, cô bèn cho anh ăn, cho anh mặc và yêu anh.

Montmartre: tên một xã cũ ở ngoại ô Paris được sát nhập vào kinh thành từ năm 1860. Đó là một cái đồi, trên có Nhà thờ Thánh Tâm, và có rất nhiều những quán rượu, quán cà phê ca nhạc ăn chơi suốt đêm.

Trong khi đó, sau những cuộc vận động lâu dài và vất vả, anh tìm được chỗ dạy ký xướng âm và kiếm được ít tiền, được bao nhiêu anh đưa cả về cho cô bạn, không giữ lại đồng nào cho mình. Từ đó cô ta không yêu anh nữa. Cô khinh anh kiếm được quá ít như vậy và để cho anh thấy sự lạnh nhạt của cô, sự chán ngán của cô. Cô không ngọt lời trách móc, mỉa mai và chửi rủa anh: tuy vậy cô vẫn giữ anh vì đã sống với những kẻ khác còn tồi tệ hơn, đã quen với những xung đột gia đình, và ngoài ra, còn sống một cuộc đời rất bận rộn, và rất gay go của thân phận nghệ sĩ và phụ nữ. Théophile vẫn yêu cô như đêm đầu tiên và đau khổ.

- Cô ta lao碌 quá, - anh ta nói với người anh em ruột thịt của thiên giới, chính cái đó làm cho cô ta khó tính, nhưng tôi chắc chắn là cô ta yêu tôi. Tôi hy vọng có thể một ngày gần đây cô sẽ đem lại cho tôi một đời sống dễ chịu hơn.

Và anh ta nói rất lâu về một vở diễn ca kịch anh đang tiến hành biên soạn và anh dự định sẽ cho diễn trên một sân khấu của Paris. Một nhà thơ trẻ đã đưa kịch bản cho anh. Đó là chuyện nàng Aline, nữ hoàng xứ Golconde\* theo một chuyện kể của thế kỷ XVIII.

Golconde: tên một vương quốc xưa của Ấn Độ bây giờ gọi là Hyderabad. Trong thủ đô cũng tên là Golconde, các vua chúa đã tích lũy được một số lớn không tưởng tượng được những ngọc quý. Trong văn học người ta thường chỉ đến những cửa báu của Golconde.

- Tôi gieo vào vở ca kịch này, - Théophile nói, vô vàn giai điệu, tôi làm nhạc với trái tim của tôi. Trái tim của tôi là một nguồn vô tận những giai điệu. Khốn nỗi, bây giờ người ta thích những làn điệu phức tạp, những nét nhạc cầu kỳ. Họ chê tôi chân phương quá, trong sáng quá, không tô điểm văn phong cho khá mặn mà; không đòi ở hòa âm những hiệu năng mãnh liệt và những tương phản hùng tráng. Hòa âm, hòa âm!... cố nhiên nó có giá trị của nó, nhưng nó không nói gì với trái tim. Chính là giai điệu nó làm cho ta xúc động và vui sướng lâng lâng và làm cho môi ta nở nụ cười và đôi mắt ta ứa lệ.

Nói đến đây, anh tự mỉm cười với mình và tự khóc với mình. Rồi anh nói tiếp với giọng xúc động:

- Tôi là một dòng suối với những giai điệu. Những phân bè nhạc cụ, đó mới là khó khăn! Ở thiên đàng, anh cũng biết đấy, Arcade ạ, về nhạc cụ chúng ta chỉ biết có thụ cầm, huyền cầm, và thủy quản cầm\*.

Thụ cầm (harpe), huyền cầm (psaltérion), thủy quản cầm (orgue hydraulique): mấy tên nhạc cụ đó, bây giờ ta có khuyển hướng chỉ dịch âm thô, như harpe dịch là hạcơ, hoặc hạc cầm, orgue dịch là orgơ. Nhưng psaltérion và hydraulique thì không thấy có ai dịch mà phải dịch nghĩa mới hiểu được. Vậy, psaltérion là một thứ đàn giống đàn tympanon và như kiểu tam thập lục của ta, căng nhiều hàng dây đồng, và đánh bằng hai chiếc que gỗ, orgue hydraulique là thứ nhạc cụ dùng sức ép của nước để đẩy hơi gió vào trong những ống thành tiếng kèn.

Arcade nghe chuyện bằng một cái tai lơ đãng. Anh còn mãi nghĩ đến những dự định đầy ắp tâm hồn và nở phồng trái tim anh.

- Anh có quen biết những thiên thần nổi loạn không? - Anh hỏi bạn như



vậy. Về phần tôi, tôi chỉ quen biết có một anh, là hoàng thân Istar, tôi đã có trao đổi vài bức thư với anh ta, và anh ta mời tôi đến chia sẻ căn gác áp mái của anh trong khi chờ đợi tôi tìm được nơi trú ngụ trong thành phố này. Ở đây hình như tiền thuê nhà đắt lắm thì phải.

Về những thiên thần nổi loạn, thì Théophile chẳng quen biết gì mấy. Khi nào anh gặp một tinh thần sa ngã mà anh đã từng làm bạn trước kia, thì anh bắt tay, vì anh vốn trung thành với tình bạn. Đôi khi anh có trông thấy hoàng thân Istar. Nhưng anh tránh tất cả những thiên sứ xấu, họ làm anh khó chịu vì sự hung bạo của những ý kiến của họ, và chuyện trò với họ làm anh phát ngấy.

- Thế là, anh không tán thành tôi? - Arcade cuồng nhiệt hỏi.

- Bạn ơi, tôi không tán thành mà cũng không chê trách. Tôi chả hiểu tí gì về những ý nghĩ đang làm anh sôi sục. Và tôi cho rằng một nghệ sĩ mà đi làm chính trị thì chả hay ho gì. Bạn tâm về nghệ thuật của mình cũng đủ mệt lắm rồi.

Anh yêu nghề nghiệp của anh và có hy vọng được nổi tiếng một ngày kia, nhưng các phong tục của kịch trường làm anh phát chán. Anh chỉ trông thấy khả năng được cho diễn vở của anh bằng cách lấy một, hai và có thể ba cộng tác viên, họ tuy chẳng mớ tay vào công việc biên soạn nhưng sẽ ký tên chung với anh và chia lợi nhuận. Chả mấy chốc Bouchotte sẽ không tìm đâu được nơi để ký hợp đồng. Khi đó cô đến một tiệm nào đó, thì viên giám đốc bắt đầu hãy hỏi cô đòi phần bao nhiêu vào công việc làm ăn. Theo ý Théophile, đó là những phong tục đồi bại.

## CHƯƠNG THỨ MƯỜI BA

*Trong đó người ta được nghe thấy thượng đẳng nữ thiên thần xinh đẹp Zita trình bày những dự kiến hùng vĩ của nàng và được trông thấy đôi cánh của Mirar bị sâu nhậy cắn nát trong một cái tủ ngầm.*

Vừa đi vừa chuyện trò như vậy, hai vị thiên sứ đã tới đại lộ Rochechouart. Trông thấy một quán bi-a, nó chiếu xuống đường đi, trong sương mù, một ánh sáng vàng rực. Théophile sức nhớ đến vị thượng đẳng thiên sứ Ithuriel, dưới dạng một phụ nữ xinh đẹp và nghèo, cư ngụ ở một căn buồng tồi tàn thuê có đồ đạc ở trên Đồi\* và hằng ngày đến đọc báo trong quán bi-a này. Nhà nhạc sĩ thường gặp chị ta ở đây. Chị tên là Zita. Anh chưa bao giờ tò mò muốn biết các ý kiến của vị thượng đẳng nữ thiên thần đó. Nhưng mọi người vẫn cho chị là một người Nga hư vô chủ nghĩa và anh nghĩ rằng chị cũng như Arcade là con người vô thần và cách mạng. Anh đã có nghe thấy người ta nói năng về chị những chuyện lạ lùng: người ta bảo rằng chị là á nam á nữ, và vì khí dương và khí âm hòa hợp với nhau trong bản thể chị ở một thế quân bình ổn định, nên chị trở thành một sinh vật hoàn hảo, tự tìm thấy trong bản thân một sự thỏa mãn đầy đủ và bền vững, bất hạnh trong niềm hạnh phúc không biết thêm muốn là gì.

Tức là đồi Montmartre. - Buồng thuê có đồ đạc (garni): buồng cho thuê có sẵn đồ đạc: giường, tủ, bàn, ghế, v.v... cho những người xuềnh xoàng thuê (học sinh, lao động, tiểu viên chức, v.v...) không phải mua sắm đồ dùng.

- Nhưng, - Théophile nói thêm, tôi ngờ lắm. Tôi tin rằng chị ta là phụ nữ

và lệ thuộc vào tình yêu, như tất cả mọi sinh vật trong vũ trụ. Và chẳng có một hôm, người ta trông thấy chị làm những dấu hiệu yêu đương với một gã nông dân vạm vỡ.

Anh đề nghị với anh bạn giới thiệu anh với chị.

Hai thiên thần thấy chị đương đọc sách, một mình. Khi họ đến gần, chị ngược đôi mắt to trong đó có những tia lửa vọt ra từ chất vàng lỏng. Đôi lông mày của chị làm thành cái vết nhăn nghiêm nghị, mà người ta trông thấy trên vàng trán của thần Apollon diệt rắn Python\*, cái mũi hoàn hảo của chị rất thẳng; đôi môi mím lại, in lên tất cả khuôn mặt của chị một nét khinh khỉnh. Tóc chị màu hung hung, có những ánh lửa nong nàn, xoắn lại với nhau dưới một chiếc mũ đen, nó mang hững hờ cái xác tả tơi của một con mãnh cầm to lớn; áo xống của chị thùng thình, màu sắc tối tăm và chẳng có hình dạng gì. Chị tì cái cằm vào một bàn tay bé nhỏ không trang điểm.

Apollon diệt rắn Python (Apollon terrassant le serpent Python): tên bức tranh vẽ trên trần của Delacroix, trong sảnh Apollon, bảo tàng Louvre (1851). Rắn khổng lồ Python, bị Apollon giết chết trên núi Parnasse.

Arcade, vốn đã được nghe nói gần đây về vị thượng đẳng thiên thần tài giỏi đó, thổ lộ với chị mỗi cảm phục, một niềm tin cậy hoàn toàn, và giải bày ngay không chậm trễ những tiến bộ của trí óc anh tới sự tri thức và sự tự do, những đêm thức của anh trong thư viện d'Esparvieu, những sách triết lý anh đã đọc, những cuộc nghiên cứu của anh về thiên nhiên, những công trình chú giải của anh, nỗi tức giận và niềm khinh bỉ của anh, khi anh nhận ra các đối trá của thần sáng tạo, sự lưu vong tự nguyện của anh giữa loài người trần tục và dự định của anh mưu đồ cuộc nổi loạn ở các tầng trời. Sẵn sàng ba bảy cũng liều chống với một tên chúa tể tàn bạo, mà anh theo đuổi với một sự

căm thù bất diệt, anh bộc lộ rõ vui mừng khôn xiết được gặp ở Ithuriel một tinh thần có thể khuyên bảo anh và ủng hộ anh trong công cuộc to lớn.

- Anh chưa già dặn lắm trong chuyện nổi loạn, - Zita vừa nói với anh vừa mỉm cười.

Tuy nhiên, chị không ngờ vực sự chân thành của anh và sức mạnh của sự quyết tâm mà anh có, chị khen anh về sự táo bạo đầy trí tuệ của anh.

- Đó là điều mà dân chúng của ta\* thiếu nhất, chị nói, họ không chịu tư duy.

Và chị nói thêm, hầu như ngay tức khắc:

- Thì trí thông minh còn có thể mài sắc vào đâu được, trong một cái xứ sở\* mà khí hậu êm đềm và cuộc sống dễ dàng? Ngay cả ở đây\* nữa, mà nhu cầu kêu gọi các trí não, cũng chẳng có cái gì hiếm hơn là một sinh vật có tư duy.

Dân chúng của ta: ý nói những thiên thần.

cái xứ sở: ý nói cõi thiên đình.

ở đây: ý nói ở trần gian, đặc biệt là ở nước Pháp.

- Tuy nhiên, - thiên thần hộ mệnh của Maurice cãi lại, loài người đã sáng tạo ra khoa học. Cần phải làm cho khoa học thâm nhập vào cõi trời. Đến khi nào các thiên thần nắm vững được các khái niệm về vật lý học, hóa học, thiên văn học và sinh lý học, khi nào sự nghiên cứu vật chất làm cho họ trông thấy xuất hiện những vũ trụ trong một nguyên tử, và một nguyên tử trong hàng ức triệu mặt trời và họ tự thấy mình mù mịt giữa hai cái vô cùng đó, khi họ cầm được, đo được các tinh tú, phân tích được bản chất của chúng, tính toán được

các quỹ đạo của chúng, thì họ sẽ tin rằng những vật kỳ quái đó tuân theo những lực lượng không trí óc nào có thể xác định được, hoặc mỗi vật đó có quỷ thần địa phương của chúng, có thành hoàng của chúng, và họ sẽ quan niệm được rằng các thần của Aldébaran, của Bételgeuse, của Sirius\* còn lớn hơn Ialdabaoth. Đến khi nào, sau đó lại nhìn sâu sắc vào cái thế giới nhỏ bé mà họ vẫn thiết tha, và đào sâu lớp vỏ trái đất, họ quan sát sự tiến hóa chậm chạp của các loài thực vật và động vật, và những nguồn gốc gay go của loài người, trong những hang hốc và những xã ấp mặt hồ, không có Thần nào khác hơn là bản thân mình, khi họ phát hiện ra rằng, được kết hợp, do các liên quan của mỗi quan hệ họ hàng trong vũ trụ, với các loài cây cỏ, các loài vật, các giống người, họ đã mang lần lần tất cả các hình thể của sự sống hữu cơ, từ những hình thể giản đơn nhất và thô thiển nhất, để cuối cùng trở thành những đứa con đẹp nhất của mặt trời, thì họ sẽ nhận ra rằng Ialdabaoth, một thứ quỷ quái hèn mọn của một thế giới bé nhỏ mù mịt trong không gian, lừa dối họ khi y mạo nhận rằng họ từ hư vô mà nảy sinh ra theo phán bảo của y, rằng y nói láo khi tự xưng là Đấng Vô cùng, Đấng Vĩnh hằng và Đấng Toàn năng, và nhận ra rằng, không hề có sáng tạo ra các vũ trụ, y thậm chí không biết cả đến số lượng và các quy luật của các vũ trụ đó nữa; họ sẽ thấy rằng y cũng chẳng khác gì một người nào đó trong bọn họ, họ sẽ khinh bỉ y và, lay chuyển nền chuyên chế bạo ngược của y, họ sẽ xô y xuống địa ngục, là nơi y đã dìm những kẻ có tài đức hơn y.

Aldébaran, Bételgeuse, Sirius: tên ba vì tinh tú. Aldébaran, sao Tất, định tinh lớn nhất trong chòm sao Kim Ngưu (Taureau); Bételgeuse, sao sáng nhất trong chòm sao Orion; Sirius (sao Thiên lang), sao sáng nhất trong chòm Thiên lang tinh (le grand chien).

- Mong rằng anh nói đúng! - Zita vừa nói vừa thổi phù khói thuốc lá của

chị... Tuy vậy những tri thức đó, mà anh trông cậy vào để giải phóng thiên giới vẫn chưa hủy diệt được tinh thần mộ đạo trên trái đất. Trong những xứ sở mà cái môn vật lý học kia, cái môn hóa học, thiên văn học, địa chất học kia, mà anh tin là có khả năng giải phóng thế giới, được cấu thành, được giảng dạy, đạo Cơ đốc vẫn giữ được hầu như tất cả uy lực của nó. Nếu các tri thức thực nghiệm có ảnh hưởng yếu ớt như vậy đến những tư tưởng của loài người, thì không có lẽ nào nó lại có một ảnh hưởng gì lớn hơn đối với các ý kiến của các thiên thần và chẳng có gì ít chắc chắn hơn sự hiệu nghiệm của công việc tuyên truyền bằng khoa học.

Arcade phản kháng:

- Sao! Chị phủ nhận rằng khoa học đã đánh những đòn chí tử vào Nhà thờ. Có lẽ nào? Nhà thờ phán xét về chuyện đó khác chị. Cái khoa học kia, mà chị cho là không có uy lực gì đối với nó, nó sợ đấy, vì nó chống lại khoa học. Nó kết tội các kết quả của khoa học từ Những đối thoại của Galilée\* cho đến những cuốn sách giáo khoa nhỏ của ông Aulard\*. Và không phải là không có lý do. Xưa kia, được hợp thành bằng tất cả những gì vĩ đại trong tư duy của loài người, Nhà thờ cai quản đồng thời cả thể xác lẫn linh hồn của mọi người. Họ dùng lửa và sắt để bắt buộc người ta phải phục tùng. Ngày nay, uy lực của nó chỉ còn là một cái bóng và phần tử ưu tú của các tinh thần đã rút lui khỏi nó. Đó là tình trạng mà khoa học đã dồn nó vào.

Galilée (1564-1642): tên đầy đủ là Galileo Galilée, nhà toán học, người Ý, sinh ở Pise. Về thiên văn học, do những quan sát của ông về các tinh tú, ông được sắp xếp vào hàng ngũ có liên kết với hệ thống Copernic, mà hệ thống này đã bị tòa thánh La Mã kết tội, nên ông bị bắt buộc phải tuyên bố từ bỏ lý thuyết đó, nhưng trở về Florence, ông cho ra một cuốn sách tổng hợp tất cả các bằng chứng của sự đúng đắn của cả hệ thống kia. Do đó ông bị hành hạ và bắt buộc, mặc dù tuổi đã 70, phải quỳ trước pháp đình tôn giáo (1633), và từ đó phải sống dưới sự giám sát của pháp đình. Ông bị mù, chết. Lời nói

bất hủ của ông sau phiên xử án là E pur si muove, tiếng Ý, nghĩa là: Tuy vậy, nó vẫn quay. Ý nói: trái đất vẫn quay chung quanh mặt trời (mặc dầu họ đã bắt ông phải thề là nó đứng yên).

Ông Aulard: Alphonse Aulard (1849-1928) - sử gia người Pháp.

- Có lẽ, - vị thượng đẳng nữ thiên thần xinh đẹp đối đáp lại, nhưng chậm chạp biết bao nhiêu! Với bao nhiêu luân chuyển tuần hoàn! Và phải trả bao nhiêu năng nổ và bao nhiêu hy sinh!

Zita không tuyệt đối bài bác sự tuyên truyền bằng khoa học; nhưng chị không chờ đợi ở nó những hiệu quả mau chóng và chắc chắn. Đối với chị, vấn đề không phải soi sáng cho các thiên thần; mà phải là giải phóng cho họ. Theo ý kiến của chị, người ta chỉ tác động mạnh mẽ lên các cá nhân bất kỳ là ai, bằng cách đánh thức những dự vọng của họ và kêu gọi những lợi ích của họ.

- Thuyết phục các thiên thần rằng họ sẽ tràn ngập vinh quang khi họ lật đổ bạo chúa và họ sẽ sống hạnh phúc khi nào được tự do, đó là công việc hiệu nghiệm nhất để thử làm; và về phần tôi, tôi chuyên tâm làm việc đó bằng cả uy lực của tôi. Chắc chắn là không phải dễ dàng vì vương quốc thiên đình là một nền chuyên chế quân phiệt, và ở đó không có một dư luận công bằng. Dù sao, tôi cũng không mất hy vọng sẽ tạo nên ở đó một trào lưu tư tưởng. Không phải nói tự phụ, không ai biết rõ bằng tôi các tầng lớp khác nhau của xã hội thiên thần.

Zita quăng điếu thuốc lá đang hút đi, suy nghĩ một lát, rồi, trong đám ồn ào tiếng động của những viên bi bằng ngà va chạm vào nhau trên bàn bi-a\*, tiếng lanh canh của những cốc thủy tinh chạm vào nhau, tiếng vắn tắt của những khách chơi bi-a tuyên bố điểm của họ\*, tiếng đờn điệu của những bồi

bàn trả lời tiếng gọi của khách hàng, vị thượng đẳng thiên thần kiểm điểm toàn bộ dân tộc các linh thần vinh quang\*.

Bi-a (billard): trò đánh bi-a của người Pháp, có 3 hòn bi, một đỏ hai trắng (to bằng quả cam), màu trắng như ngà nên gọi là bi ngà, thực ra là làm bằng chất khác, trông giống ngà thôi, nhất là bi đỏ lại không giống ngà.

Tuyên bố điểm của họ: mỗi người đánh bi-a được tính điểm và đánh tiếp, nếu khi không trúng nữa thì cộng các điểm vừa được tính reo lên cho người phục vụ ghi lên bảng.

Linh thần vinh quang (esprits glorieux): linh thần tức là thiên thần, thiên sứ vinh quang, tức là ánh hào quang vinh diệu bao quanh các thiên thần.

- Không nên trông cậy ở những Quán thần, những Dũng thần và những Quyền thần, họ họp thành tầng lớp tiểu tư sản của thiên đình. Tôi không cần phải nói với anh điều đó, vì anh chẳng lạ gì hơn tôi sự ích kỷ, nhỏ nhen và hèn nhát của giai cấp trung lưu.

“Còn những đại thần, những văn quan, võ tướng, những Ngai thần, Chérubin, Séraphin, thì anh cũng biết đấy: họ để mặc ai muốn làm gì thì làm. Ta hãy thẳng thắn đi, họ sẽ theo chúng ta. Bởi vì bọn chuyên chế không dễ gì mà lật đổ được, nhưng một khi đã bị hạ, thì tất cả lực lượng của chúng sẽ quay lại chống đối chúng. Nên vận động quân đội. Dù trung thành đến mấy, họ cũng sẽ bị tranh thủ bởi một cuộc tuyên truyền vô chính phủ chủ nghĩa\* khôn khéo. Những nỗ lực lớn nhất và bền bỉ nhất của chúng ta phải nhằm vào các thiên thần vào loại anh, Arcade ạ, các thiên thần hộ mệnh, họ cư ngụ trên cõi trần đông đảo vô kể. Họ chiếm cứ những bậc thang thấp nhất của đẳng cấp, và, phần lớn, bất mãn về số phận và ít nhiều thấm nhuần những tư tưởng của thời đại.”

Tuyên truyền vô chính phủ chủ nghĩa (propagande anarchiste): tức là tuyên truyền bất tuân thượng lệnh.



Chị đã thảo luận với những thiên thần hộ mệnh ở Montmartre, ở Clignancourt và ở tu viện nữ Calvaire\*, chị đã nghĩ ra kế hoạch một liên kết rộng lớn những Thiên thần trên trái đất, nhằm chinh phục cõi thượng giới.

Nữ tu viện Calvaire (les Filles du Calvaire): Calvaire là tên một ngọn đồi trên đó Jesus Christ bị khổ hình đóng đinh trên giá thập tự. Đây có thể là một nữ tu viện. Clignancourt: tên một thôn xóm cũ ở ngoại ô ở Paris, ngày xưa thuộc xã Monmartre nay sát nhập nội châu thành Paris (quận XVII).

- Để làm tròn nhiệm vụ đó, - chị nói, tôi đã đến cư trú ở nước Pháp. Không phải tôi ngu dại nghĩ rằng được tự do trong một nước cộng hòa hơn là một nước quân chủ. Trái lại là khác, không có một nước nào mà tự do cá nhân ít được tôn trọng hơn ở nước Pháp. Nhưng nhân dân ở đó dừng dừng về chuyện tôn giáo; vì thế cho nên dù ở đâu tôi cũng sẽ không được yên ổn bằng.

Chị khuyên Arcade hợp lực với chị và họ chia tay nhau ở quán bi-a, khi tấm rèm tôn đang kéo xuống rầm rầm ngoài mặt cửa hàng.

- Trước hết, - Zita nói, anh phải quen biết ông lão làm vườn Nectaire. Một ngày kia, tôi sẽ dắt anh đến ngôi nhà nghèo nàn của ông ta.

Théophile, đã ngủ suốt cuộc nói chuyện đó, khẩn nài bạn anh đến hút một điếu thuốc lá ở nhà anh ta. Anh ta ở ngay gần đó, ở góc cái phố nhỏ Steinkerque, mà họ thoáng trông thấy, đổ vào đại lộ.

Arcade sẽ được trông thấy Bouchotte. Cô ta sẽ vừa ý anh.

Họ leo lên năm tầng gác. Bouchotte còn chưa về. Có một hộp cá mòi đã mở, để trên mặt đàn pianô. Đôi bút tất đỏ vứt lăn lóc trên mấy chiếc ghế bành.

- Nhỏ bé, nhưng xinh xắn, - Théophile nói.

Và nhìn khung cửa sổ mở ra khoảng đêm đỏ bẻm, đầy những ánh sáng le lói:

- Trông thấy Nhà thờ Thánh Tâm đây này.

Bàn tay đặt trên vai Arcade, anh đã nhắc đi nhắc lại nhiều lần:

- Gặp anh, tôi lấy làm hài lòng.

Rồi, kéo tay anh bạn vinh quang cũ\* vào đường hành lang đi xuống nhà bếp, anh ta đặt cây đèn nến, rút một chìa khóa ở túi ra, mở một tủ ngầm và, vén một tấm vải che lên, để lộ ra hai cái cánh lớn màu trắng.

Anh bạn vinh quang cũ (Ancien compagnon de gloire): xưa kia cũng ở trong ánh vinh quang, vì cũng là thiên thần.

- Anh xem, - anh ta nói, tôi vẫn giữ gìn. Thịnh thoảng khi vắng vẻ, tôi đến nhìn cho vui trong lòng.

Và anh ta chùi đôi mắt đỏ hoe.

Sau vài giây lát im lặng bùi ngùi, đưa ngọn nến lại gần những lông vũ dài nó lác đác, từng chỗ, rụng hết lông tơ:

- Nó tàn tạ, - anh ta nói lẩm bẫm.

- Phải để hạt tiêu vào, - Arcade nói.

- Có để rồi đấy, - thiên thần nhạc sĩ vừa trả lời vừa thở dài. Có để hạt tiêu, long não, các thứ muối hóa chất nhưng chả ăn thua gì.

## CHƯƠNG THỨ MƯỜI BỐN

*Cho chúng ta thấy thiên thần Keroub làm việc cho hạnh phúc của loài người và kết thúc một cách lạ thường bằng phép màu của tiếng sáo.*

Đêm đầu tiên xuống hạ giới, Arcade đến ngủ ở nhà thiên thần Istar, trong một căn gác tồi tàn của cái phố Mazarin chật hẹp, và tối tắm nhớp nhúa dưới bóng của Pháp quốc Bác học viện cổ kính. Istar trong lúc chờ đợi anh, đã đẩy dẹp vào sát tường những bình thủy tinh cổ cong đã vỡ, những nôi rạn nứt, nó là tất cả đồ đạc của anh, và ném lên mặt sàn gạch những quần áo rách của anh để ngả lưng, anh dành cho khách chiếc giường bằng vải với ô rơm.

Các thiên thần khác nhau ở bề ngoài tùy theo đẳng cấp và thứ bậc của họ, và tùy theo bản tính của họ. Tất cả bọn họ đều đẹp, nhưng theo nhiều cách linh tinh khác nhau và không phải tất cả đều cùng cho mắt nhìn của mọi người những khối tròn trĩnh núng nính và những lỗ đồng tiền tươi cười của da thịt con trẻ, óng ánh những màu sắc xà cừ và những tia sáng thắm tươi. Không phải tất cả họ đều được trang điểm, trong một vẻ thiếu niên vĩnh cửu, cái duyên dáng mập mờ mà nghệ thuật Hy Lạp xưa, trong buổi suy tàn, đã ấn định cho những bức cẩm thạch được vuốt ve nhất của nó, và, đã bao lần, hội họa Cơ đốc giáo đã rứt rề mô tả những hình tượng nhu cảm và che đậy. Có những kẻ mà cái cằm ủ ấm một mớ lông rậm rịt và bắp chân bắp tay nuôi dưỡng những cơ thịt cứng mạnh đến nỗi tưởng chừng như dưới làn da của họ là những con rắn quấn quại. Có kẻ không mang cánh, có kẻ mang hai, bốn hoặc sáu cánh; có kẻ thì được cấu thành toàn bằng những đôi cánh tiếp hợp

với nhau; có nhiều kẻ, không phải là danh tiếng kém cỏi gì, thực hiện thành những quái vật tráng lệ, chẳng khác gì những con quái mình ngựa mặt người\* trong thần thoại; thậm chí người ta trông thấy có những kẻ là những cỗ xe sống động và những bánh xe rực lửa. Là thành viên của đẳng cấp thiên thần tối cao, Istar thuộc vào thứ bậc những Keroub hoặc Chérubin, chỉ trông thấy duy có các Séraphin là ở trên mình thôi. Cũng như tất cả các thiên thần ở thứ bậc đó, mới gần đây thôi, ở trên trời, anh đeo thân hình một con bò mộng có cánh mang trên mình một cái đầu người có râu xồm xoàm, có sừng và mang hai bên sườn những biểu tượng của một sức sinh sản dồi dào. To tát hơn và cường tráng hơn bất cứ con vật nào trên trái đất, đứng thẳng người, đôi cánh xòe rộng, anh che dưới bóng anh sáu chục vị thượng đẳng thiên thần. Istar trước kia là như vậy, trong tổ quốc của anh, anh rực rỡ sức mạnh và vẻ dịu hiền. Trái tim anh dũng cảm và tâm hồn anh nhân từ. Mới gần đây thôi, anh còn yêu Chúa của anh, mà anh tưởng là tốt, và phục vụ y một cách trung thành. Nhưng, *trong khi giữ tín ngưỡng của Chúa\**, anh vừa không ngừng suy tư về sự trừng phạt các thiên thần phiến loạn và sự rửa sả Eva\*. Tư duy của anh chậm chạp và sâu sắc. Đến khi, sau một chuỗi dài thế kỷ, anh đã tin vững chắc rằng Ialdabaoth đã sản sinh ra, cùng với vũ trụ, sự ác và sự chết chóc, thì anh thôi không kính thờ y và phụng sự y nữa. Tình yêu của anh đổi thành khinh bỉ. Anh thét vào mặt y sự khinh ghét kinh tởm của anh, và bỏ chạy xuống cõi trần.

Con quái mình ngựa mặt người: là con quái Centaure, tiếng Hán Việt là nhân mã quái, tương truyền là một giống người man rợ xưa kia sống ở Thessaly, sau được coi là những quái vật truyền kì nửa người nửa ngựa, đánh nhau với dân tộc Lapithes bị dân tộc này tiêu diệt cả giống nòi.

Câu in nghiêng bị thiếu trong bản in tiếng Việt. Tôi mạn phép dịch bổ sung từ nguyên bản (Caruri).

Rửa sả Eva: Sau khi Eva nghe lời con rắn (tức là hiện thân của Satan) cám dỗ, bảo chồng là Adam hái

quả cấm ăn, trái với lời dặn của Đức Chúa trời, bị Đức Chúa trời rủa sả rằng: “Ta sẽ tăng bội phần sự đau khổ của người trong khi thai nghén: người phải chịu đau đớn mỗi khi sanh con; sự dục vọng khiến người phải xu hướng về chồng và chồng người sẽ cai trị người.”

Khoác hình thể loài người và bị thu về tâm vóc của con cháu Adam, anh vẫn còn giữ được một vài tính cách của bản thể nguyên sơ. Đôi mắt nông, cái mũi khoằm mở điều, đôi môi dày, đóng khung trong một bộ râu đen xoắn thành từng vòng rủ xuống ngực\*, làm ta nhớ lại những Chérubin ở hòm thánh tích của Jéhovah\* mà những bò mộng ở Nineveh\* diễn tả lại cho chúng ta một cách khá trung thành. Xuống trần gian, anh cũng mang tên là Istar như ở trên trời, và mặc dầu không thích hư danh, được giải phóng khỏi tất cả thành kiến xã hội, nhưng trong một nhu cầu vô cùng to lớn và bất cứ về chuyện gì cũng tỏ ra chân thành và trung thực, anh tuyên bố hàng ngũ hiển hách mà dòng dõi của anh đã đặt anh vào, trong đẳng cấp thiên giới và, dịch sang tiếng Pháp tước vị Chérubin của anh bằng một tước vị tương đương, anh tự xưng là hoàng thân Istar. Ẩn náu giữa loài người, anh đã cảm thấy một mối cảm tình nồng nàn đối với họ. Trong khi chờ đợi giờ phút giải phóng thiên không, anh trù tính hạnh phúc cho loài người đổi mới và nóng lòng hoàn tất sự phá sản của cái thế giới xấu xa này để dựng lên trên đồng tro tàn của nó, theo tiếng thánh thót của thiên cầm\*, đô thành hơn hờ trong vui sướng và tình yêu. Làm một nhà hóa học ăn lương của một nhà buôn phân bón, anh sống đạm bạc, cộng tác với những tờ báo thuộc phái tự do vô chính phủ, phát biểu trong các cuộc họp công cộng và đã bị kết án nhiều tháng tù vì tội chống quân phiệt.

Rủ xuống ngực: đây là bức chân dung điển hình của người Do Thái.

Jéhovah: tên gọi Đức Chúa Trời trong Cựu Ước, do tiếng Hébreu Yahweh (nghĩa là Ta là kẻ hằng có) được phiên âm Pháp hóa. - Hòm thánh tích (tabernacle): vốn tabernacle là cái lều trưởng bằng vải để kỷ niệm việc dân tộc Israel rời khỏi Ai Cập, nhưng trong lều có đặt cái hòm thánh tích (Arche d'alliance)

của Đức chúa Trời, nên tabernacle cũng có nghĩa là hòm thánh tích.

Nineveh: thành phố xưa của Tiểu Á, thủ đô của Assyrie, trên bờ sông Tigris.

Thiên cầm (lyre): tên một thứ huyền cầm thời cổ đại ngày xưa, hình ảnh vừa gảy đàn vừa ngâm thơ tượng trưng cho thi ca.

Istar đón tiếp ân cần người anh em Arcade, tán thành anh đã đoạn tuyệt với phe tội ác và báo tin anh biết đã có năm chục đứa con của trời xuống trần, bây giờ họ họp thành, gần nhà tu kín Val de Grâce\*, một đoàn di tản thắm nhuần một tinh thần tốt đẹp nhất.

Val de Grâce: nữ tu viện nổi tiếng của Paris ở phố Saint Jacques, xây dựng từ 1645 đến 1665.

- Các thiên thần sa xuống Paris như mưa, - anh vừa nói vừa cười. Hằng ngày, một đại quyền thần nào đó của cung điện thiêng liêng rơi xuống đầu chúng ta và chả bao lâu nữa vị Hoàng đế cửu trùng thiên chỉ còn những chú chim đít trĩu\* của các chuồng chim của lão ta, để làm quyền thần và thị vệ.

Chim đít trĩu: chim còn non, chưa mọc đủ lông đuôi.

Được những tin vui đó ru êm, Arcade thiu thiu ngủ thanh thản và hy vọng.

Anh thức dậy lúc tảng sáng và trông thấy hoàng thân Istar cắm cúi vào những lò nấu, những bình cổ cong và những bình tròn của chàng ta. Hoàng thân đang làm việc cho hạnh phúc của nhân loại.

Sáng nào thức dậy, Arcade cũng trông thấy hoàng thân Istar đương tiến hành sự nghiệp ân ưu đằm thắm và yêu thương của chàng ta. Lúc thì thiên thần Chérubin ngồi xồm, hai tay ôm đầu, lăm bằm khe khẽ vài công thức hóa học, lúc thì đứng vươn mình dậy hết tầm cao, như một cột mây mù âm đạm,

cái đầu, hai cánh tay, cả nửa mình trên thò qua khung cửa sổ ở mái nhà, anh ta đặt giấu trên mái cái nồi gang của anh, e sợ một cuộc khám xét mà anh luôn luôn bị đe dọa. Bị kích động bởi một niềm thương xót bao la đối với những khổ cực của thế gian trong đó anh đương lưu đày, có lẽ cũng cảm thấy tiếng ào ào mà tên tuổi của anh gây nên, say sưa về năng lực của chính mình, anh thi hành công vụ sứ đồ của loài người và, lơ là cái sứ mạng mà anh tự chuốc khi sa xuống cõi trần, anh không nghĩ đến chuyện giải phóng các thiên thần nữa. Arcade thì trái lại, chỉ mơ tưởng chuyện đắc thắng trở về cõi trời đã chinh phục, trách chàng Chérubin đã quên băng tổ quốc. Hoàng thân Istar, với một tiếng cười dữ dội và ngây thơ thú nhận rằng anh ta không thích gì các thiên thần hơn những con người.

- Nếu tôi cố gắng, - anh ta trả lời người anh em thiên giới của anh, để kích động cho nước Pháp và châu Âu nổi dậy, là vì ngày rạng đang bùng lên, nó sẽ trông thấy cuộc chiến của cách mạng xã hội. Người ta vui thích được gieo hạt trên miếng đất đã cày sâu cuộc bầm này. Những người Pháp đã chuyển từ chế độ phong kiến sang chế độ quân chủ và từ chế độ quân chủ sang chế độ tài phiệt quả đầu\* sẽ dễ dàng chuyển từ chế độ tài phiệt sang chế độ chính phủ.

Chế độ tài phiệt quả đầu (Oligarchie financière) nghĩa là chế độ chính trị tài phiệt do một số ít người cầm đầu. Vì lối dịch phổ thông theo tiếng Hán Việt hơi dài dòng, nên thường gọi tắt là chế độ tài phiệt.

- Thật là lăm to, - Arcade cãi lại, nếu tin tưởng ở những thay đổi đột ngột và to lớn trong trật tự xã hội ở châu Âu! Cái xã hội già nua đó hãy còn trẻ trung về mãnh lực và cường lực. Các phương tiện phòng vệ mà nó được sử dụng còn ghê gớm lắm. Giai cấp vô sản, trái lại, mới gọi là phác họa ra được một tổ chức tự vệ mà chỉ đem vào cuộc chiến đấu sự yếu ớt và hỗn độn.

Trong tổ quốc thiên giới của chúng ta, tình hình lại khác hẳn, dưới một bề ngoài bất di bất dịch, tất cả bên trong đã thối nát rồi; chỉ cần hích vai một cái là đủ để lật nhào tòa kiến thiết đã từ hàng tỷ thế kỷ nay chưa hề ai đụng đến. Nên cai trị hủ lậu, cơ binh hủ lậu, tài chính hủ lậu, tất cả cái đó đã mọt ruỗng hơn là nền độc tài chuyên chế ở Nga hoặc Ba Tư.

Và chàng Arcade thịnh tình khẩn cầu chàng Chérubin hãy trước hết mau mau cứu vớt các anh em của họ đang sống, trong những tầng mây éo lá, theo tiếng những lục huyền cầm, giữa đám những ly rượu thiên đường, khổ hơn những con người còng lưng trên mảnh đất khô cằn; vì những con người này quan niệm được sự công bằng và những thiên thần kia vui thích trong sự bất công. Chàng cố vũ chàng kia đi giải phóng vị Bá vương ánh sáng\* và các đồng bạn bị sét đánh và đi khôi phục lại các vị đó trong nền vinh diệu xưa của các vị.

Bá vương ánh sáng (Prince de la lumière): tức là Lucifer và đồng bọn đánh nhau với Chúa trời Jéhovah, từ lâu đời lắm, bị Jéhovah dùng sét đánh thua và đày xuống hỏa ngục.

Istar bị xiêu lòng. Anh hứa sẽ đem sự dịu dàng có sức thuyết phục của những lời nói của anh và những công thức ưu việt của các thuốc nổ của anh ra phục vụ cho cuộc cách mạng cõi trời. Anh hứa.

- Ngày mai. - Anh nói.

Và ngày hôm sau, anh tiếp tục cuộc tuyên truyền chống quân phiệt ở Issy-les-Moulineaux\*. Cũng giống như Titan Prométhée\*, Istar yêu loài người.

Issy-les-Moulineaux: là một xã trong vùng đô thị Paris, thuộc tỉnh Hauts-de-Seine, vùng hành chính Île-de-France của nước Pháp.



Titan Prométhée: Titan là tên gọi những khổng lồ con của thần Trời và thần Đất, cố sức chồng chất núi non lên nhau để trèo lên trời, nhưng bị Jupiter dùng sét đánh chết. Sau thành tên chung để gọi những khổng lồ có sức mạnh, muốn mưu toan việc lớn quá sức.

Prométhée là con của titan Japet và anh em ruột của Atlas, trong thần thoại cổ điển, được coi là người mở đầu cho văn minh của loài người, bị Jupiter ghen ghét cho ra lệnh Vulcan xích chặt vào ghềnh đá trên núi Caucase, cho mọi con chim kền kền đến mổ ăn gan. Sau, được Héraclès giải phóng.

Arcade, phải chịu đựng tất cả mọi nhu yếu\* mà nòi giống Adam phải lệ thuộc, lại ở tình trạng không có khả năng để thỏa mãn.

Nhu yếu (Nécessités): ăn, mặc, yêu đương, v.v...

Chàng Chérubin đưa anh vào làm trong một nhà in ở phố Vaugirard\* mà chàng ta quen biết người đốc công. Arcade, nhờ ở trí thông minh thiên giới, chả mấy chốc đã biết nhặt chữ ở ô sắp vào thước. Chỉ ít lâu sau đã trở thành một thợ sắp chữ tốt.

Vaugirard: tên một xã cũ ở ngoại ô Paris, sau được sát nhập vào kinh đô, thành tên phố.

Khi suốt cả ngày, đứng trong xưởng in ồn ào, anh đã rút ra được nhanh chóng những dấu hiệu con con bằng chì ở trong học ra, theo trật tự đã chỉ định trong bản sao đính ở visorium\*, thì anh đi rửa tay ở vòi nước và đi ăn bữa tối ở tửu quán, một tờ nhật báo mở ra trên mặt bàn đá.

Visorium: tiếng La tinh, nghĩa là cái cột để treo cái bảng nói trên, cho người thợ sắp chữ xem được dễ dàng.

Đã thôi không còn phép tàng hình nữa rồi, anh không có thể lên vào thư viện d'Esparvieu được nữa, và không được giải cơn khát nồng nàn muốn học ở cái nguồn vô tận đó nữa. Chiều tối, anh đi đọc sách ở thư viện St. Geneviève\* trên ngọn núi học hỏi trứ danh; nhưng anh chỉ được tiếp thu ở đó những quyển sách không hiếm hoi gì mấy, cái ghét, những chú thích lỗ bịch,

và có nhiều trang đã bị xé mất.

Thư viện Saint Geneviève: thư viện nổi tiếng từ thời Rabelais (thế kỷ XVI), đã được Rabelais nói đến trong quyển Pantagruel của ông (1532).

Trông thấy phụ nữ là anh rối loạn, và lại nhớ đến bà des Aubels có hai đầu gối nhăn bóng lấp lánh trong cái giường xô lệch. Và mặc dầu đẹp trai, anh chẳng có người yêu vì anh nghèo và ăn mặc quần áo lao động. Anh giao du với Zita và có được đôi chút vui thích đi dạo với chị ta ngày chủ nhật trên những con đường bụi bặm men theo những bờ hào đầy cỏ rậm của những thành lũy. Cả hai người đi dọc theo những quán rượu ngoại ô, những vườn trồng rau, những giàn cây xanh, vừa trình bày, tranh cãi về những mưu toan to tát nhất đã có bao giờ được bình luận sôi nổi trên trái đất này; và đôi khi, đến gần bên một cuộc vui của phường hát rong, điệu nhạc kèn của trò chơi ngựa gỗ đệm vào những lời nói của họ, nó dường như đe dọa cõi thiên đình.

Zita thường hay nhắc đi nhắc lại:

- Istar thì chân chính đấy, nhưng là một anh chàng ngây thơ. Anh ta tin ở đức tốt của các sinh vật và các sự vật. Anh ta tiến hành việc phá hủy thế giới cũ và trồng cây ở sự rối loạn tự phát để nó tạo hệ cho trật tự và hài hòa. Anh Arcade ạ, anh tin ở khoa học; anh tưởng tượng rằng con người và thiên thần đều có khả năng hiểu biết, trong khi họ chỉ bẩm sinh để cảm thụ. Anh nên biết rằng người ta không thu hoạch được cái gì của họ khi kêu gọi đến trí thông minh của họ: phải nói chuyện với những lợi ích và những dục vọng của họ kia.

Arcade, Istar, Zita và ba bốn thiên thần đồng mưu khác, đôi khi tụ họp

trong căn nhà bé nhỏ của Théophile Belais, ở đó Bouchotte phục vụ nước trà cho họ. Không biết rằng họ là những thiên thần phiến loạn, chị ta ghét họ do bản năng và lo sợ họ do hiệu quả của một nền giáo dục Cơ đốc giáo, tuy rất lỏng lẻo. Duy chỉ có hoàng thân Istar được lòng chị; chị thấy anh ta nhu mì và bản tính ưu nhã. Anh ngồi thủng cả đi văng, đổ sụp cả các ghế bành và, để ghi chú, xé cả những góc giấy của những bản nhạc và đút vào các túi của anh ta, bao giờ cũng ních đầy sách vở và chai lọ. Chàng nhạc sĩ buồn rầu trông thấy bản thảo vở ca kịch của chàng, Aline nữ hoàng xứ Golconde, bị gãy mất góc như vậy. Hoàng thân cũng có thói quen hay gửi Théophile Belais đủ thứ các khí cụ cơ giới, các hóa chất, sắt vụn, chì đạn, bột thuốc nổ, thuốc muối, tỏa ra mùi thối hoắc. Théophile Belais giấu cẩn thận những thứ đó vào cái tủ trong đó anh cất giữ đôi cánh của anh, vì cái kho tàng đó làm cho anh lo ngại.

Arcade khổ tâm chịu đựng sự khinh bỉ của những bạn cũ của anh vẫn trung thành với Chúa. Khi họ gặp anh trong những cuộc chạy ngược chạy xuôi thần thánh của họ thì họ biểu lộ với anh, qua loa, một mối căm thù cay độc hoặc một nỗi thương hại cay độc hơn mối căm thù.

Anh đến thăm những thiên thần phản loạn mà hoàng thân Istar chỉ cho anh, và thường được đón tiếp niềm nở. Nhưng hễ anh nói với họ về chuyện chinh phục cõi trời, thì họ không giấu nổi sự lúng túng và mất vui mà anh gây cho họ; Arcade nhận thấy rằng họ không muốn bị quấy rầy trong những sở thích của họ, trong những công việc, những thói quen của họ; sự sai lạc trong phán đoán của họ, sự thiên cận của đầu óc họ làm cho anh khó chịu, và những chuyện tranh chấp, ghen tuông mà họ gây ra giữa người nọ đối với người kia làm cho anh hết hy vọng kết hợp được họ với nhau trong một công

cuộc chung. Nhận thấy rằng tình trạng lưu đầy làm cho tính tình người ta bị suy sụp và trí thông minh bị sai lạc biết chừng nào, anh cảm thấy lòng can đảm của anh nao núng.

Một chiều tối, anh thú thực sự chán ngán của anh với Zita, thì vị thượng đẳng nữ thiên thần xinh đẹp bảo anh rằng:

- Chúng ta hãy đến gặp Nectaire\* đi, Nectaire có những bí quyết chữa khỏi bệnh buồn bã và mệt mỏi.

Nectaire: đây là tên người nhưng rõ ràng là mượn ở danh từ chung nectaire: tuyến mật của hoa, và nectar: mật hoa, và thức uống của thần tiên.

Nàng dắt anh vào những khu rừng cây ở Montmorency\* và dừng bước trên ngưỡng của một ngôi nhà nhỏ quét vôi màu trắng tiếp giáp với một vườn rau bị mùa rét làm cho trở trụi, và lấp lánh trong bóng tối, những ô kính của các nhà kính và những chuông thủy tinh đã rạn nứt úp trên những quả dưa mơ lông.

Montmorency: tổng lý trong tỉnh Seine-et-Oise, quận Pontoise. Có anh đào nổi tiếng, có rừng đẹp. Jean-Jacques Rousseau đã từng có nhà ở đó.

Nectaire mở cửa đón khách, và sau khi đã dẹp yên tiếng sủa của một con chó xồm to lớn giữ vườn, dẫn khách vào gian buồng thấp ở nhà ngang trong, có một lò sưởi bằng sành sưởi ấm. Trên một tấm ván gỗ bách, giữa đám những hành tây và hạt đỗ, là một cây sáo dựa vào tường vách quét vôi trắng, sẵn sàng để ghé môi thổi. Một chiếc bàn tròn bằng gỗ hồ đào mang một bình thuốc lá sợi bằng gôm sa thạch\*, một cái tẩu thuốc, một chai rượu vang và những cái cốc. Ông lão làm vườn mời khách mỗi người ngồi vào một chiếc ghế tựa nệm rơm và bản thân ông ngồi vào chiếc ghế đầu bên cạnh bàn.

Gốm sa thạch (grès): danh từ này (cũng như danh từ faïence ở trên, dịch là sành) là theo mấy quyển từ điển Pháp-Việt, nhưng chưa được phổ thông lắm. Đáng lẽ grès phải gọi là sành như hũ đựng tương, liễn da lươn, tiểu sành, v.v... Còn faïence là sứ dày để làm bát đĩa chén bình thường khác với porcelaine là sứ mỏng và trong để làm bát đĩa chén quý.

Đó là một ông già trắng kiện; một bộ tóc hoa râm và dày rậm dựng trên đầu ông ta; ông ta trán dô, mũi tẹt ngắn, da mặt hồng hào, chòm râu cằm chẻ đôi. Con chó xồm to lớn nằm dài dưới chân chủ, đặt cái mõm đen và ngắn trên đôi chân trước và nhắm mắt lim dim. Ông lão làm vườn rót rượu vang mời khách. Và khi hai người khách đã uống rượu vang và đã trao đổi với nhau vài lời, Zita nói với Nectaire:

- Yêu cầu ông thổi sáo cho chúng tôi nghe. Ông sẽ làm vui lòng anh bạn mà tôi đã dắt đến đây thăm ông.

Ông lão đồng ý ngay. Ông ghé môi vào ống sáo bằng gỗ hoàng dương, nó thô sơ đến nỗi tưởng chừng như chính tay ông lão làm vườn đã đẽo gọt nên nó, và thổi dạo vài câu kỳ dị. Rồi ông thổi những giai điệu tráng lệ, trên nền đó những âm láy\* lấp lánh khác nào những viên kim cương và châu ngọc trên nền nhung. Được những ngón tay tài tình sử dụng, được một hơi thở sáng tạo làm cho sôi động, cái ống gỗ quê mùa vang lên như một ống sáo bằng bạc. Nó không phát ra những âm quá lạnh lạnh, và âm sắc của nó bao giờ cũng đều đều và trong trẻo. Người ta tưởng chừng như được nghe thấy cùng một lúc tiếng chim oanh và các nữ thần thơ nhạc, tất cả thiên nhiên và tất cả con người. Và ông già gửi gắm, diễn tả, phát triển các tư tưởng của ông bằng một tài năng âm nhạc đầy ưu nhã và táo bạo. Ông diễn tả tình yêu, nỗi sợ, những tranh chấp hão huyền, tiếng cười đắc thắng, những ánh sáng yên lặng của trí thông minh, những cái tên của trí tuệ bắn tới bởi những mũi nhọn hoàng kim

của nó vào những ác quái của dốt nát và hận thù. Nó cũng diễn tả nỗi vui sướng và niềm đau đớn ngã xuống trái đất hai cái đầu sinh đôi của chúng, về sự thèm muốn nó sáng tạo ra các thế giới.

Láy (trile): một nốt nhạc gãy xong rồi, láy thành nốt liền nhau, cách nhau nửa giọng hay một giọng, và láy đi láy lại hồi lâu.

Tất cả đêm thâu nghe thấy tiếng sáo của Nectaire. Sao mai đã dâng lên ở chân trời tang täng. Zita hai bàn tay ôm hai đầu gối, Arcade, bàn tay ôm trán và đôi môi hé mở; cả hai người đều yên lặng, lắng nghe. Một con sơn ca, thức giấc gần đó trong một thửa ruộng cát bồi, được những âm thanh mới lạ kia hấp dẫn, bay bổng vút lên không trung, đứng lại trên đó giây lát, rồi lao thẳng một mạch đến vườn quả của nhà nhạc sĩ. Những chim sẻ ở gần bên, rời bỏ cái hốc của những bức tường cũ, đến đậu thành đàn trên bậc cửa sổ từ trong đó bay ra những âm thanh chúng thích thú hơn cả những hạt đại mạch và kiều mạch. Một con chim cà kiện, lần đầu tiên ở rừng cây ra, gấp đôi cánh ngọc lam trên một cây anh đào trụi lá của khu vườn. Trước cửa sổ hầm nhà, một con chuột cống đen, ướt lướt thướt những nước béo nhầy của cống rãnh, ngồi bệt đít xuống, ngạc nhiên giơ hai cánh tay ngăn ngụt và những ngón đang xòe. Một con chuột đồng, cư dân của khu vườn quả, đứng bên cạnh nó. Từ máng nước tụt xuống, con mèo đực nhà nuôi, vẫn còn giữ được của tổ tiên hoang dã bộ lông màu xám, cái đuôi có nhiều đốt nhiều khoanh, đôi hông cường tráng, đức dũng cảm và vẻ lẫm liệt, lấy mũi đẩy cái cửa hé mở, đi êm êm lại gần người thổi sáo, và ngồi một cách trang trọng, vênh hai cái tai bị rách trong những trận đánh nhau ban đêm. Con mèo cái màu trắng của anh hàng hương liệu thực phẩm đi theo nó, đánh hơi không khí vang vang những âm thanh, rồi uốn lưng cong như cánh cung, nhắm đôi mắt xanh lắng nghe

khoái chí. Lũ chuột nhắt, từ phía dưới sàn nhà chạy lên, vây quanh những con người kia thành đàn và chẳng sợ nanh sợ vuốt gì cả, im phăng phắc, chắp đôi bàn tay hồng hào lên ngực một cách thành kính. Những con nhện, rời xa những tấm mạng của chúng, các chân run rẩy, tụ tập trên trần nhà đội quân mê mẩn của chúng. Một con thằn lằn màu xám, đã trườn được đến ngưỡng cửa, dừng lại đấy như bị thôi miên, và giá có ai lên gác kho lúc đó, thì chắc đã được trông thấy con dơi đang treo mình bằng ngón chân, đầu dốc ngược xuống thấp, bây giờ, hơi thức giấc nửa chừng khỏi giấc ngủ mùa đông, đung đưa theo nhịp của tiếng sáo dị kỳ.

## CHƯƠNG THỨ MƯỜI LĂM

*Trong đó ta trông thấy anh chàng Maurice nhớ tiếc, ngay cả trong vòng tay ôm ấp của tình nhân, thiên thần hộ mệnh đã mất của anh, và trong đó chúng ta nghe thấy ông linh mục Patouille bác bỏ mọi ý kiến về một cuộc nổi loạn nữa của thiên thần, coi như là những trò sai lầm và hão huyền.*

Kể từ hôm hiện hình của anh chàng thiên thần trong gian phòng độc thân đến hôm nay đã được mười lăm ngày. Lần đầu tiên, Gilberte đã đến nơi hẹn trước Maurice, Maurice thì lăm lè, Gilberte thì cúi kính. Đối với họ, thiên nhiên\* đã trở lại sự đơn điệu buồn bã. Mắt nhìn của họ, trao đổi với nhau một cách uể oải, luôn luôn quay về phía góc tường giữa tấm gương và cửa sổ, ở đó cái hình thể mờ nhạt của Arcade đã hiện lên hôm vừa rồi và bây giờ chỉ còn trơ cái vải dày xanh lơ màu vách.

Thiên nhiên (nature): ở đây có ý ám chỉ chuyện nam nữ yêu nhau, theo quy luật của thiên nhiên.

Không gọi đến tên (cũng chả cần phải gọi tên), bà des Aubels hỏi:

- Anh chưa gặp lại hấn à?

Thong thả, buồn bã Maurice quay đầu từ phải sang trái rồi lại từ trái sang phải.

- Anh có vẻ nhớ tiếc hấn, - bà des Aubels nói tiếp. Vậy mà, hãy thú thực đi, hấn đã làm cho anh phát khiếp và anh đã thấy chướng mắt về sự bất nhã của hấn.



- Quả thật là hăn đã bắt nhã. - Maurice nói tuyệt nhiên không có tí gì là hờn giận.

Ngồi giữa giường, nửa mình để trần, cái cảm tê lên hai đầu gối và hai bàn tay chắp vào nhau trên hai cẳng chân, bà ta nhìn tình nhân với một vẻ tò mò cao độ.

- Này anh, Maurice, gặp mặt em có một mình, anh không lấy gì làm hứng thú nữa thì phải!... Anh cần phải có một thiên thần để gọi hứng cho anh. Bằng cái tuổi của anh\* thật là chán quá!...

Bằng cái tuổi của anh (À ton âge): ý nói anh đã ngàn ấy tuổi đầu mà không biết giành quyền tự chủ trong chuyện yêu đương.

Maurice có vẻ như không nghe thấy và hỏi một cách nghiêm trang:

- Gilberte, em có cảm thấy trên mình em sự hiện diện của thiên thần của em không?

- Em? Tuyệt nhiên không. Chưa bao giờ em nghĩ đến, đến... của em. Thế mà em lại là người có tín ngưỡng đấy. Trước hết, những kẻ nào không có tín ngưỡng thì người ta không thể nào công chính được; không thể được.

- Phải rồi, đúng thế. - Maurice nói, mắt nhìn vào những sọc màu tím của bộ pyjama không có hoa của anh, khi người ta có thần hộ mệnh, thì người ta cũng không nghĩ gì đến. Và khi không có nữa, thì người ta tự cảm thấy trở trọi quá.

- Vậy là, anh nhớ tiếc cái...

- Nghĩa là...

- Đúng rồi! Đúng rồi! Anh nhớ tiếc hăn... Thế thì anh yêu quý ời, một

thiên thần hộ mệnh như cái anh chàng này, có mất cũng chẳng tiếc gì lắm.Ồ! Không, cái anh chàng Arcade của anh chả bấu gì lắm đâu. Cái hôm bắt hủ ấy, trong khi anh đi mua quần áo cũ cho hấn, hấn cài khuy cho em, tưởng như không bao giờ xong, và em cảm thấy rõ bàn tay của hấn sờ soạng... Thôi. Nghĩ là, anh đừng nên tin gì hấn.

Maurice chiêm một điếu thuốc lá và mơ màng. Họ nói chuyện với nhau về cuộc đua xe đạp sáu ngày ở trường đua mùa đông và về phòng triển lãm hàng không ở câu lạc bộ ô tô ở Brussels\*, mà chẳng thấy một tí vui thích gì. Bây giờ, họ nên thử sử dụng tình yêu như một thứ tiêu khiển dễ dàng và họ đạt được kết quả là mê man vào đó khá đủ, nhưng đúng cái lúc đáng lẽ bà ta phải có một thái độ tham gia tích cực hơn nữa và những tình cảm giao hòa hơn nữa thì Gilberte kêu lên, giật nảy mình một cách bất ngờ.

Brussels : Thủ đô nước Bỉ, cách Paris 310km về phía Đông Bắc.

- Trời ơi! Maurice, anh thật là bậy quá, đi bảo em rằng thiên thần hộ mệnh của em trông thấy em. Anh không hình dung được rằng ý nghĩ đó làm cho em khó chịu đến mức nào.

Maurice, ngạc nhiên, kêu gọi người yêu, một cách hơi phũ phàng, hãy có thái độ trầm tĩnh vào. Bà ta tuyên bố rằng bà ta có những nguyên tắc nó ngăn cấm bà không được chấp nhận cái ý tưởng một cuộc vui trăng gió tay tư với những thiên thần.

Maurice mong ước được gặp lại Arcade và chẳng có bụng dạ nào khác nữa. Anh tự trách mình một cách cay đắng rằng, khi chia tay với hấn, anh đã làm mất tung tích hấn, và anh nghĩ ngày nghĩ đêm đến cách làm thế nào tìm

lại được hẳn.

Cũng hoàn toàn chỉ là cầu may, anh cho đăng vào mục tin vặt của một tờ báo lớn một lời rao như sau: “Maurice nhân Arcade. Hãy trở lại”. Ngày nọ ngày kia trôi qua và không thấy Arcade trở lại.

Một buổi sáng, vào hồi bảy giờ, Maurice đi nghe ở St. Sulpice, lễ mi xa của linh mục Patouille, rồi, lúc vị giáo sĩ từ phòng đồ lễ bước ra, anh tiến lại gần và xin ông để tai nghe anh một giây lát. Hai người cùng nhau đi xuống những bậc thềm của nhà thờ, và đi nhân nha dưới bầu trời trong sáng, chung quanh đài phun nước Bốn Giám Mục. Mặc dù tâm trạng rối loạn của anh và nỗi khó khăn làm thế nào cho người ta tin được một trường hợp dị thường đến như vậy, Maurice kể chuyện thiên thần hộ mệnh của anh, lúc hiện hình với anh, đã báo trước như thế nào cho anh biết sự quyết tâm tai hại là ly khai với anh và khuấy động một cuộc phiến loạn mới của những thiên thần vinh quang. Và anh chàng thanh niên d’Esparvieu hỏi nhà truyền giáo tôn kính cách thức làm thế nào tìm lại được vị thần bảo hộ mà anh không sao chịu nổi sự vắng mặt, và kéo vị thiên thần của anh về sự tín ngưỡng của đạo Cơ đốc. Ông linh mục Patouille trả lời, bằng cái giọng đượm một nỗi buồn âu yếm, rằng cậu con yêu quý của ông đã mơ ngủ, rằng cậu lấy một ảo giác bệnh não làm hiện thực, và không được phép nghĩ rằng các thiên sứ tốt lại có thể phiến loạn được.

- Người ta cứ tưởng, ông nói thêm, rằng có thể vô tội vạ sống một cuộc sống phóng đãng và trác táng. Người ta lầm, sự lầm lạc quá độ làm bại hoại trí thông minh và rối loạn thần kinh. Con quỷ nó chiếm đoạt mất tri giác của

kẻ tội lỗi và xâm nhập vào tâm hồn của y. Nó đã lừa gạt con, Maurice ạ, bằng những ảo thuật thô lậu.

Maurice khẳng định rằng anh đã không bị một ảo giác nào lừa dối, rằng anh không mơ ngủ, rằng anh đã chính mắt trông thấy, chính tai nghe thấy thiên thần hộ mệnh của anh. Anh nói khẩn khoản:

- Thừa ông linh mục, một bà phụ nữ thượng lưu, lúc đó ở cạnh con, và không cần phải nói tên, cũng đã trông thấy và nghe thấy. Và, thêm nữa, đã cảm thấy những ngón tay của thiên thần tự do... tự tiện sờ soạng dưới... Thôi, nghĩa là bà ta đã cảm thấy\* những ngón tay đó... Xin nói thực tình, thừa ông linh mục, không có gì đúng sự thực hơn, không có gì là sự thực hơn, không có gì chắc chắn hơn sự hiện hình đó. Vị thiên thần đó tóc vàng hoe, trẻ tuổi, rất đẹp. Làn da tươi sáng của anh ta, hiện ra trong bóng tối như thể được tắm trong một bầu ánh sáng màu sữa. Anh ta nói bằng một giọng dịu dàng và trong trẻo.

Cảm giác thấy: chỗ này A. France có ý hóm hỉnh ám chỉ truyện thánh Thomas trong Kinh thánh. Thomas là một trong 12 tông đồ của Jesus-Christ. Khi Jesus phục sinh, Thomas trông thấy nhưng chưa tin là thực, vì thị quan và thính quan có thể có ảo giác, chỉ có tay sờ thấy (xúc quan) mới chịu tin. Jesus bèn bảo Thomas lấy ngón tay sờ vào vết thương đóng đinh trên người, Thomas bèn lấy ngón tay sờ vào, bấy giờ mới tin là thật và ôm lấy Jesus mà kêu lên: “Lạy Chúa tôi! Lạy Chúa tôi!” (Kinh thánh, Jean, XX, 21-29). Ở đây không có chuyện Gilberte sờ thấy Arcade, nhưng có chuyện Gilberte bị Arcade sờ vào da thịt của mình, cũng là xúc giác trực tiếp!

Linh mục vội ngắt ngay lời anh:

- Chỉ riêng cái đó thôi, con ạ, cũng đủ chứng tỏ rằng con đã mơ ngủ. Theo ý kiến của tất cả các nhà ma quỷ học, thì các thiên sứ xấu đều có giọng nói ồ ồ và kèn kẹt như một ổ khóa rỉ, và cho cả đến khi chúng làm được cho

cái mặt của chúng có đôi vẻ đẹp dễ, chúng cũng không làm sao bắt chước được nổi giọng nói trong treo của những thiên thần tốt. Sự kiện đó, được nhiều nhân chứng nhận thực, là hoàn toàn chắc chắn.

- Nhưng, thưa ông linh mục, con đã trông thấy anh ta kia mà; anh ta đã ngồi trên trường trong một chiếc ghế bành, đè lên một đôi bút tất đen. Có phải nói gì thêm với ông nữa không?

Linh mục Patouille không có vẻ nao núng tí nào vì lời khẳng định đó:

- Ta nhắc lại với con, con ạ, cần phải quy cho cả trạng thái ý thức thảm hại của con, những ảo tưởng tai hại đó, những giấc mơ của một tâm hồn rối loạn cùng cực đó. Và ta nghĩ rằng có thể biện biệt cái trường hợp ngẫu nhiên nó đã làm cho trí óc bấp bênh của con bị đầu độc. Mùa đông vừa rồi, con đã đến, với những tâm trạng bất ổn, cùng với ông Sariette và ông bác Gaétan của con, thăm gian điện thờ các thiên sứ trong ngôi nhà thờ này, lúc đó đang sửa chữa. Cần phải kêu gọi các nghệ sĩ trở về với những quy tắc của nghệ thuật Cơ đốc, kêu gọi đến mấy cũng không thừa, như ta vẫn nói; cần phải bắt buộc, đến mấy cũng không thừa, các nghệ sĩ phải tôn trọng các Thánh thư và các nhà giải thích Thánh thư có uy tín. Ông Eugène Delacroix đã không bắt thiên tài hung hăng của ông ta phục tùng truyền thống. Ông ta chỉ làm theo ý mình, và đã vẽ trong điện thờ này những bức hội họa sắc mùi lưu hoàng\*, để dùng lại một từ ngữ quen thuộc, những bố cục cuồng bạo, khủng khiếp, nó đã không gợi cho một tâm hồn sự yên bình, sự trầm mặc, sự yên tĩnh, lại xô đẩy tâm hồn vào một thứ xáo động đầy hãi hùng. Trong những bức vẽ đó, các thiên thần phơi bày những bộ mặt tức giận, những nét mặt của họ dữ dội và lầm lẫm. Tưởng chừng như Lucifer và đồng bọn đang trù tính cuộc nổi loạn

của chúng. Ấy đấy, con ạ, chính những hình tượng đó nó có tác động vào thần trí con vốn đã suy nhược và bị tàn phá bởi đủ thứ phóng đãng và đem vào đó sự rối loạn đang dày vò nó.

Mùi lưu hoàng (sulfureux): là mùi đặc trưng của địa ngục.

Maurice cãi lại:

- Ô! Không, thưa ông linh mục, không, không! Xin ông đừng nghĩ rằng con bị rối loạn vì những bức vẽ của Eugène Delacroix. Con có để ý gì đến nó đâu. Cái thứ nghệ thuật đó, con hoàn toàn thờ ơ với nó.

- Thôi thì, con ạ, ta nói thực tình đây; không có gì đúng sự thực, không có gì là sự thực trong tất cả những điều con vừa kể lể. Thiên thần hộ mệnh của con không hề hiện hình với con.

- Nhưng, thưa ông linh mục, - Maurice nói tiếp, Maurice, mà sự chứng minh của giác quan gọi một lòng tin tưởng tuyệt đối - con đã trông thấy anh ta buộc dây giày cho một bà phụ nữ thượng lưu và xỏ chân vào chiếc quần đùi của một người tự tử chết kia mà!...

Và, giậm chân trên mặt đường trải nhựa, Maurice kêu gọi, để làm chứng cho sự chân thực của những lời anh nói, trời, đất, tất cả tạo vật, các tòa tháp của St. Sulpice, các bức tượng của đại chủng viện, đài phun nước của Bốn Giám Mục, nhà xí công cộng, trạm bán vé xe ngựa thuê, xe taxi và trạm xe buýt, các cây cối, các khách qua đường, các con chó, các chú chim sẻ, cô hàng bán hoa và các bó hoa của cô...

Ông linh mục nóng lòng muốn chấm dứt câu chuyện.

- Tất cả cái đó là sai lầm, ngụy tạo, ảo giác con ạ. Con là người theo đạo

Cơ đốc, hãy suy tư cho ra người có đạo. Một người có đạo không để cho bị cám dỗ vì những ngoại hình hư ảo. Lòng tin bảo vệ y khỏi những cám dỗ của trò huyền hoặc; y để mặc sự khờ khạo cả tin cho những kẻ tự do tư tưởng! Không có chuyện tào lao gì mà người ta không bắt y nuốt trôi. Nhưng người có đạo Cơ đốc mang một vũ khí nó xua tan mọi ảo giác ma quỷ: đó là dấu thánh giá. Con hãy yên tâm, Maurice, con chưa mất thiên thần hộ mệnh của con đâu. Vị thần đó vẫn trông nom con đấy. Chính phần con là phải đừng làm cho nhiệm vụ đó khó khăn quá và nặng nhọc quá đối với vị thần đó. Chào Maurice, thời tiết sắp chuyển rồi, vì ta cảm thấy ngón chân đau nhức dữ dội.

Và ông linh mục Patouille rời chân đi, quyển kinh tụng cặp nách, vừa khập khiễng với một vẻ đạo mạo nó làm cho người ta đoán trước ông ta sẽ là một Giám mục.

Cũng ngày hôm đó, tựa khuỷu tay vào lan can chạy dọc theo đường biên của cầu thang lên đồi, Arcade và Zita ngắm nhìn những làn khói và sương mù đương bốc lên trên cái thành phố mênh mông.

- Trí óc có thể nào quan niệm được, - Arcade nói, tất cả những đau khổ và đau đớn mà một thành phố lớn chứa đựng không? Tôi nghĩ rằng nếu có một con người nào tự hình dung được cái đó, thì sự khủng khiếp của ảo ảnh sẽ lớn đến nỗi anh ta phải ngã gục như bị sét đánh.

- Ấy thế mà, - Zita đáp, tất cả mọi sinh vật sống trong cái địa ngục ấy vẫn yêu sự sống, thật là một điều huyền bí lớn!

- Chừng nào còn tồn tại thì còn khổ sở, thế mà họ kinh khiếp cái nỗi thôi không tồn tại nữa; họ không tìm trong sự biến thành hư không\* một niềm

vui; thậm chí họ cũng không thấy trước là sẽ được yên nghỉ trong tình trạng đó. Sự điên cuồng làm cho họ thấy chính cái hư không là đáng kinh sợ, họ đã lấp đầy nó bằng những ảo mộng. Và hãy trông những trán tường\* kia, những gác chuông kia, những mái tròn kia và những ngọn tháp chọc thủng sương mù kia, trên đỉnh có một cái thánh giá lấp lánh!... Loài người kính thờ vị thần sáng tạo đã làm cho họ một sự sống tệ hại hơn cái chết và một cái chết tệ hại hơn sự sống.

Biến thành hư không (anéantissement): nghĩa thông thường của anéantissement là hủy diệt, tiêu diệt, v.v... Nhưng ở đây dịch như trên, cũng đúng nghĩa đó mà giữ được ý gốc, hư không (néant), cho gần bó với câu dưới: “Chính cái hư không là đáng kinh sợ”.

Trán tường (fronton): thuật ngữ kiến trúc, theo kiến trúc Tây phương, trên phần cao nhất của mặt nhà, sát với mái nhà, thường có đắp một cái biển hình bán nguyệt hoặc tam giác, có trang trí cho đẹp mắt, hoặc bằng hình vẽ đắp nổi, hoặc là một câu châm ngôn, hoặc chỉ là chữ số niên hiệu của năm xây nhà.

Zita trầm tư hồi lâu và cuối cùng nói:

- Arcade ạ, cần thiết tôi phải thú nhận với anh một điều. Không phải là sự thèm muốn một nền công lý công bình hơn, hoặc một luật pháp\* hiển minh hơn đã xô đẩy Ithuriel xuống cõi trần. Lòng tham vọng, lòng thích các trò âm mưu, lòng yêu giàu sang và danh vọng khiến tôi không chịu nổi sự bình yên của thiên đình, và tôi nóng lòng muốn lăn mình vào nòi giống xáo động của loài người. Tôi đã đến và, bằng một nghệ thuật mà hầu hết các thiên sứ đều không biết, tôi biết cách tự tạo cho mình một thân hình, nó tùy theo ý tôi mà thay đổi tuổi tác và giới tính, cho phép tôi được từng trải các vận mệnh hết sức linh tinh và hết sức kinh ngạc. Một trăm lần, tôi đã chiếm một địa vị hiển hách trong đám những chúa tể của đương thời, những vua vàng và những bá chủ các dân tộc. Tôi sẽ không phát giác cho anh biết, Arcade ạ, các tên trứ



danh mà tôi đã mang; anh hãy cứ biết rằng tôi đã thống trị bằng các khoa học, bằng các nghệ thuật, bằng quyền lực, của cải và sắc đẹp, trong tất cả các quốc gia, dân tộc trên thế giới. Cuối cùng, cách đây ít năm thôi, du lịch sang Pháp, dưới bộ mặt một phụ nữ nổi tiếng, trong khi tôi đang đi lang thang, một buổi chiều tối, trong rừng Montmorency, tôi nghe thấy một tiếng sáo, nó nói lên những nỗi u buồn của cõi trời. Giọng của nó trong trẻo và đau đớn đã làm cho tâm hồn tôi tan nát. Tôi chưa hề được nghe thấy cái gì hay đến thế. Đôi mắt đắm lệ, cổ họng nghẹn ngào thổn thức, tôi lại gần và trông thấy ở ven một khu rừng, một ông già giống như một vị thần thôn dã\* đang thổi một cái ống mộc mạc. Đó là Nectaire. Tôi quỳ xuống chân ông, hôn hai bàn tay của ông, đôi môi thần tiên của ông, và tôi bỏ chạy...

Luật pháp (loi): đây không phải nói về luật pháp của xã hội loài người, mà nói về luật pháp của tôn giáo đầu tiên do Moïse vâng lệnh Jehovah ban bố cho dân tộc Israel. Trong Kinh thánh tiếng Việt, vẫn gọi là luật pháp hoặc luật. Chúng tôi muốn dịch lại cho đúng tinh thần của từ đó, là đạo pháp (pháp luật, phép tắc của tôn giáo). Không lầm lẫn với pháp luật của xã hội được, nhưng vì lối dịch cũ đã thành phổ thông, nên phải tôn trọng. Cũng như những từ công lý (justice) và công bình (juste) ở trên, cũng là những khái niệm riêng của Do Thái giáo (Cựu ước) và Cơ đốc giáo (Tân ước), dịch vẫn chưa đúng tinh thần nội dung của khái niệm, nay chỉ tạm dùng tiếng dịch của bản Kinh thánh tiếng Việt, bao giờ có dịp có lẽ cũng nên dịch lại cho đúng hơn.

Thần thôn dã (Faune): Thường hình dung thành một người đàn ông, lông lá đầy người, chân trẽ đôi, đầu có sừng.

“Từ đó, cảm thấy sự hèn mọn của những uy quyền của loài người, chán ngán cái hư không huyền ảo của những công việc trần gian, tủi nhục vì cái việc làm to tát và hảo huyền của tôi, và đề ra từ nay một mục tiêu cao cả hơn cho sự tham vọng của tôi, tôi ngược mắt nhìn lên tổ quốc cao siêu, và tự hứa sẽ trở về đó với tư cách người tháo cũi xổ lồng. Tôi bèn lìa bỏ các tước vị, tên tuổi, tài sản, các bạn thân, đám đông những kẻ bợ đỡ, và, trở thành con Zita

vô danh, tôi làm việc trong cảnh nghèo nàn và cô đơn cho công cuộc giải phóng thiên đình.

- Tôi cũng thế, - Arcade nói, tôi đã được nghe thấy tiếng sáo của Nectaire. Nhưng cái ông lão làm vườn kia, cho một cái ống thô sơ bằng gỗ, có được một cái giọng cảm động đến thế và tuyệt diệu đến thế, ông ta là cái gì vậy?

- Rồi anh sẽ biết ngay thôi, Zita đáp.

## CHƯƠNG THỨ MƯỜI SÁU

*Nó lần lượt đưa ra sân khấu Mira, bà thầy bói Zéphyrine và ông già Amédée tai hại, và nó minh họa, bằng cái gương khủng khiếp của ông Sarricte, cái tư tưởng sau đây của Euripide\* rằng thần Jupiter triệt bỏ sự khôn ngoan của những kẻ nào thần muốn hại.*

Euripide: Nhà thơ kịch cuối cùng về thời gian trong ba nhà thơ kịch lớn của Hy Lạp (hai người kia là Sophocle và Eschyle).

Thất vọng vì đã không soi sáng được cho tín ngưỡng của một nhà truyền giáo có tiếng về ánh sáng trí tuệ và bị mất hy vọng tìm lại được thiên thần của mình bằng những con đường chính thống, Maurice nghĩ chuyện nhờ đến các khoa học huyền bí và nhất là quyết tìm một bà thầy bói\*. Đáng lẽ thế nào anh cũng đến hỏi bà De Thèbes; nhưng anh đã hỏi bà ta rồi, vào dịp những nỗi đau khổ đầu tiên vì tình, và bà ta đã trả lời anh một cách rất khôn ngoan, đến nỗi anh không tin là bà ta có phù phép nữa. Anh bèn nhờ đến ánh sáng của một bà mộng du\* đang được ưa chuộng là bà Mira.

Bà thầy bói (voyante): Tuy phương pháp khác nhau những bản chất giống thầy bói của ta. Tự xưng là có con mắt trông thấy suốt cả quá khứ, vị lai, cõi âm, cõi dương, cho nên gọi là voyante (thấu thị).

Mộng du (sommambule): Người có bệnh thần kinh, hoặc có năng khiếu riêng, vừa ngủ vừa đi chơi, hoặc nói lầm nhảm, hoặc nói lời sấm, đoán chuyện quá khứ và vị lai.

Người ta thường kể cho anh nghe rất nhiều thí dụ về sự sáng suốt dị thường của bà thầy bói này, tuy vậy, cần phải đưa cho bà Mira xem một đồ vật mà người vắng mặt đã xem hoặc sờ mó. Maurice, đi tìm xem anh chàng

thiên thần đã sờ mó vào những vật gì từ cái lúc hiện hình khốn khổ của chàng ta, thì bỗng nhớ ra rằng khi còn lỏa thể như ở thiên đàng, chàng ta có ngồi trong một chiếc ghế bành rộng, đè lên đôi bít tất đen của bà des Aubels và sau đó đã giúp bà này mặc xống áo. Maurice bèn hỏi xin Gilberte một vật bùa phép\* nào đó mà bà thầy bói đòi hỏi. Gilberte không tìm lại được một thứ gì cả, trừ phi chính bản thân bà ta là một cái bùa phép đó. Vì anh chàng thiên thần đã tỏ ra cực kỳ bất nhã đối với bản thân bà ta, và nhanh tay quá khiến bà không thể mỗi lúc đều phòng trước được những mưu đồ của anh chàng. Khi nghe thấy lời bộc bạch đó, tuy nó chả mách cho Maurice cái gì mới mẻ cả, Maurice phát cáu lên đối với anh chàng thiên thần, gọi anh ta bằng tên của những loài thú vật xấu xa nhất và thề sẽ đá đít anh chàng nếu có bao giờ gặp anh ta vừa tầm chân của anh. Những nỗi cuồng nộ của anh chuyển ngay sang bà des Aubels: anh buộc tội bà ta là đã khêu gợi nên những láo xược mà bây giờ bà tố giác, và, trong cơn tức giận, anh gọi bà ta bằng tên tất cả những loại thú vật biểu trưng cho vô sỉ và đồi bại. Tình yêu của anh đối với Arcade lại nhóm lên trong lòng anh nồng nhiệt và trong trẻo hơn bao giờ hết, và chàng thanh niên bị ruồng bỏ, hai cánh tay vươn ra, hai đầu gối quỳ xuống, kêu gọi thiên thần của anh với những tiếng nức nở và những dòng lệ chứa chan.

Vật bùa phép (talisman): Hoặc là bùa phép của người pháp sư, phù thủy, viết những chữ quái quỷ lên để hô thần hoán quỷ, hoặc là một vật nào đó, như đã nói trong truyện vậy, có tác dụng linh ứng.

Trong những đêm trăn trọc, Maurice nghĩ rằng những quyển sách mà chàng thiên thần đã giở trang trước khi hiện hình, cũng có thể dùng làm bùa phép. Vì vậy, một buổi sáng anh lên thư viện và chúc ngày tốt đẹp\* cho ông Sarrasine, đương liệt kê thư mục dưới con mắt nhìn lãng mạn của Alexandre d'Esparieu. Ông Sarrasine cười, sắc mặt nhợt nhạt như chết. Bây giờ không

còn bàn tay vô hình nào đến đảo lộn sách vở đặt dưới quyền trông nom của ông nữa, bây giờ trong thư viện, tất cả mọi thứ đã lấy lại được trật tự nề nếp cũ, ông Sariette sung sướng, nhưng sức khỏe mỗi ngày một sút kém; thân hình chỉ còn là một cái bóng nhẹ nhàng và yên vui.

Chúc ngày tốt đẹp (souhaite le bonjour): Nghĩa là chào bonjour, nếu dịch là chào thì gọn lời nhưng không hết ý, vì chào từ biệt hay chào mới gặp, không rõ.

“Người ta chết tràn đầy hạnh phúc vì khổ ải vừa qua”.

- Ông Sariette ạ, - Maurice nói, ông còn nhớ cái thời mà những sách vở của ông, đêm nào cũng bị xáo lộn, khuấy trộn, kéo lôi lệch thếch, lúc lắc lung tung, cuộn tròn, đổ sụp, ra đi tán loạn đến tận rãnh nước của phố Palatine. Thật là cái thời tốt đẹp! Vậy, xin ông chỉ cho tôi, ông Sariette ạ, những quyển nào bị xáo động nhiều nhất.

Những lời lẽ đó đẩy ông Sariette vào một tình trạng sững sờ thảm đạm, và Maurice đã phải nhắc lại đến ba lần để được ông già thủ thư nghe thấy, ông ta cuối cùng chỉ vào một quyển pháp điển Do Thái rất cổ của Jérusalem coi như là luôn luôn được dày vò bởi những bàn tay không ai tóm được. Một kinh phúc âm nguy tác\* của thế kỷ thứ III, gồm có hai mươi tờ bằng giấy cói papyrus\*, cũng đã nhiều lần dời chỗ; bộ thư tín của Gassendi có vẻ được lần giở rất nhiều.

Kinh phúc âm nguy tác (évangile apocryphe): Kinh phúc âm mạo xưng là có trong Tân Cựu ước, nhưng không được hội Thánh chấp nhận, ví dụ một số sách Cựu ước mà Hội thánh không nhận là hợp giáo luật, giáo quy.

Papyrus: (có dịch là cây chi thảo) một thứ cây được người Ai Cập dùng vỏ làm giấy để viết (hồi chưa có giấy nhân tạo).

- Nhưng, - ông Sariette nói thêm, quyển sách mà chắc hẳn người khách lạ

bí mật ưà nghiên cứu hơn cả, là một quyển Lucrèce nhỏ bằng da dê thuộc, màu đỏ, có mang huy hiệu của Philippe de Vendôme, Pháp quốc Tu viện trưởng đại thần, với những ghi chú thủ bút của Voltaire, như người ta được biết, hồi thanh niên hay lui tới tu viện Le Temple\*. Vị độc giả kinh khiếp, đã cho tôi bao nỗi lo âu, đọc quyển Lucrèce ấy không biết mệt mỏi và dùng nó, có thể nói, làm sách đầu giường. Y sành thật, vì đó là một của quý. Khốn nỗi! Tên ác quái đó đã bôi, ở trang 137, một vết mực mà tất cả nghệ thuật của các nhà hóa học có lẽ cũng sẽ bất lực để tẩy xóa nó đi.

Le Temple: tu viện có công sự, của những hiệp sĩ dòng Đền Thánh (Templiers), hiệp sĩ trong hiệp hội quân sự và tôn giáo Le Temple, thành lập năm 1118, có chiến tích lỗi lạc ở Palestine, ở Paris, xây dựng trong thế kỷ XII, đến 1811 bị san phẳng. Louis XVI bị giam trong đó năm 1792. Nội khu của tu viện được hưởng quyền tì hộ (chứa chấp, che chở, giúp đỡ người bị nạn). Tu viện được dùng làm cư dinh của Tu viện trưởng đại thần Philip de Vendôme, tiếp các nhà văn ở đó (trong số đó có văn hào Voltaire).

Và ông Sariette thở dài một cách thật sâu. Ông ta tiếc rằng đã nói nhiều như thế về chuyện này, khi chàng thanh niên d'Esparvieu đòi ông đưa cho anh quyển Lucrèce quý báu đó. Ông quản thư lấy cố, nhưng vô hiệu là quyển sách đang đưa đi sửa chữa ở nhà hàng đóng sách và không thể đưa cho anh lúc này được. Maurice ra hiệu rằng anh không bị mắc lừa đâu. Anh cương quyết đi vào phòng các triết gia và các hình cầu và nói, ngồi trong một chiếc ghế bành:

- Tôi chờ.

Ông Sariette đề nghị một bản in khác của nhà thơ La tinh. Có những bản in, ông ta nói, chính tề hơn về văn bản và vì lẽ đó, để nghiên cứu, thì tốt hơn. Ông ta đề ra cho anh bản Lucrèce của Barbou, bản Lucrèce của Coustelier\*,

hoặc, tốt hơn nữa, một bản dịch tiếng Pháp. Có thể chọn giữa bản dịch của nam tước des Coutures, hơi cũ, có lẽ, bản của La Grange\*, những bản trong các bộ sưu tập Nisard và Panckoucke\* và hai phiên bản đặc biệt ưu nhã, một băng văn vắn, một băng văn xuôi, cả hai đều do ông de Pongerville\*, trong viện hàn lâm Pháp\*.

Barbou, Coustelier: tên những người san định, xuất bản quyển sách nói trên.

La Grange: tên người san định và xuất bản sách nói trên.

Nisard và Panckoucke: Nisard - là hai nhà văn Pháp, anh là Désiré Nisard (1806-1888) tác giả bộ sách Lịch sử văn học Pháp có giá trị; em là Charles Nisard (1808-1890) có viết những tác phẩm kỳ thư về sách dân gian, Những bài dân ca v.v... Đây không rõ là nói đến ông Panckoucke nào. Panckoucke là tên một dòng họ nhà in và xuất bản ở Pháp thế kỷ XVIII và XIX; nhân vật chính là Charles Panckoucke (1736-1798), sinh ở Lille, đã xuất bản một Tủ sách La tinh Pháp, hoặc Sưu tập các tác giả La tinh với bản dịch tiếng Pháp.

Ông de Pongerville: Jean-Baptiste Sanson de Pongerville (1782-1870) viện sĩ Viện Hàn lâm Pháp đồng viện và đồng thời với Anatole France. Vì là người đương thời và còn sống, nên phải xưng hô cho tôn trọng có tiếng Monsieur đứng trước tên người (khi đã quá cố, đã đi vào lịch sử hoặc còn sống nhưng danh tiếng đã trở thành lịch sử, thì gọi tên không, không có Monsieur nữa).

Viện Hàn Lâm Pháp (Académie Française): Nước Pháp có một số Học viện (Academies), mỗi viện chuyên trách một ngành khoa học, hoặc xã hội hoặc tự nhiên, gọi là Học viện này, Học viện nọ, duy có Académie Française thành lập từ lâu dưới danh hiệu đó không chuyên trách một khoa nào cả, đáng lẽ cứ dịch là Học viện Pháp Quốc là đủ, nhưng lâu nay ở nước ta quen gọi là Hàn lâm viện Pháp đã thành thông dụng rồi, nên chúng tôi trọng truyền thống đó (mặc dầu tên gọi như thế dễ gây hiểu lầm tính chất Viện đó với Viện Hàn Lâm cũ của ta và của Trung Hoa).

- Tôi không cần đến bản dịch, - Maurice kêu lên một cách kiêu mạn. Ông hãy đưa cho tôi quyển Lucrèce của tu viện trưởng Vendôme.

Ông Sariette đi thông thả lại gần cái tủ cất giấu báu vật đó. Chùm chìa khóa leng keng trong bàn tay run rẩy của ông ta, ông ta ghé chùm chìa khóa gần ổ khóa rồi lại đưa ra xa ngay, và đề nghị với Maurice quyển Lucrèce tầm

thường của bộ sưu tập Garnier\*.

Garnier: Tên một nhà xuất bản văn học nổi tiếng, hiện nay cũng vẫn hoạt động tiếp tục.

- Quyển đó rất dễ khiến dụng, - ông nói với một nụ cười đơn đả.

Nhưng thấy lời đề nghị ấy được đáp lại bằng sự im lặng, ông thừa nhận rằng mọi kháng cự đều vô hiệu; ông bèn từ từ rút quyển sách ra khỏi ô của nó, và, sau khi được chắc chắn là không có một hạt bụi nào trên thảm trải bàn, ông mới run rẩy đặt quyển sách lên đó, trước mặt anh chàng chặt nội của Alexandre d'Esparvieu.

Maurice bèn lần giở trang sách, đến trang 147, anh ngắm nghía cái vết mực tím to bằng một hột đậu Hà Lan.

- Phải rồi, đấy, - ông già Sarette nói, ông ta vẫn không rời mắt khỏi quyển Lucrece, đấy là cái dấu vết mà những đứa ác quái vô hình đã để lại trên quyển sách này...

- Thế nào? Ông Sarette, vậy là còn nhiều đứa ác quái à? - Maurice kêu lên.

- Nào tôi có biết đâu. Nhưng không biết tôi có tẩy sạch cái vết này không, nó, cũng như vết mực mà Paul-Louis Courier\* làm rõ trên bản thảo Florentine, trở thành, có thể nói, một tài liệu văn học.

Paul-Louis Courier: tên gọi tắt của Paul-Louis Courier de Méré (1772-1825), nhà văn Pháp, sinh ra ở Paris, tác giả những bài văn châm biếm chế độ Trung Hưng, được liệt vào hàng nhà văn cổ điển. Ông có duyệt và hiệu đính bản dịch truyện Daphnis et Chloé của Longus do Amyot dịch. Bản thảo ở Florentine nói đây, có lẽ là bản thảo truyện này chăng?

Ông già nói chưa dứt lời, thì tiếng chuông ở cổng vào réo lên và một tiếng ồn ào lớn của những bước chân và của tiếng người nói, vang rầm trong



gian phòng bên cạnh. Sarriette nghe thấy tiếng ồn chạy ra và đâm sầm vào bà nhân tình của ông già Guinardon, bà già Zéphyrine đang ghen ngào vì đau khổ, và điên cuồng, tóc dựng ngược như một ổ răn độc, cái mặt rực lửa, bộ ngực nổi giông tố, cái bụng như cái mền đắp chân bị một cơn bão kinh hoàng thổi bốc lên. Và qua những tiếng nước nở, thở dài, rên rỉ và trăm nghìn âm thanh khác nữa, nó từ cơ thể của bà ta phóng ra, hợp thành tất cả những tiếng động mà những xúc động của các sinh vật và tiếng ồn ào của các sự vật dâng lên trên trái đất:

- Nó đi rồi, - bà ta kêu lên, thằng ác quái đó! Nó đi với con ấy! Nó đã dọn đi tất cả cửa nhà, đồ ăn thức đựng, và nó bỏ tôi lại một mình với một franc bảy mươi centime\* trong ví tiền của tôi!...

Centime: một centime là một phần trăm của đồng franc, một phần năm của xu.

Và bà ta kể kể dài dòng và lộn xộn rằng Michel Guinardon đã rời bỏ bà ta để đi sống với Octavie, con gái mụ đưa bánh mì. Và bà phun ra hàng tràng câu chửi rủa kẻ phụ tình:

- Một thằng đàn ông mà tôi đã nâng đỡ bằng tiền của tôi trong năm chục năm trời và hơn thế nữa. Vì tôi đây có quibus\*, và có những bạn quen biết tốt đẹp, và tất cả cái này cái nọ. Tôi đã rút nó ra khỏi cảnh khốn cùng, và bây giờ nó đền công tôi như thế đấy! Nó hay hóm thế đấy, cái thằng bạn của ông! Một thằng lười biếng! Phải mặc quần áo cho nó như một đứa trẻ con; một thằng nghiện rượu!... một con người đáng khinh bỉ. Ông chưa biết rõ nó đâu, ông Sarriette ơi... Nó là một thằng làm đồ giả. Nó làm giả những tranh Giotto, phải, những Giotto và những Fra Angelico, và những tranh Gréco\* thì lu bù, ông Sarriette ạ, để bán cho những lái buôn tranh, và cả những Fragonard\* nữa,

và những Baudouins nữa chứ!... Một thằng trụy lạc, không tin Chúa!... Cái đó là tệ hại nhất, ông Sariette ạ, vì không có lòng sợ Chúa.

Quibus: Để nguyên tiếng La tinh trong nguyên văn, ý nghĩa là tôi có khả năng chi tiêu.

Gréco: họa sĩ gốc người Hy Lạp, hoạt động sáng tác phần nhiều ở Tây Ban Nha (1541-1614).

Fragonard: họa sĩ và khắc họa gia người Pháp (1732-1806).

Zéphyrine xỉ vả lão hồi lâu. Và khi mục đã mệt đứt hơi, ông Sariette tranh thủ để khuyên dỗ mục bình tĩnh và kéo mục trở về hy vọng. Guinardon sẽ trở lại, người ta làm sao quên được năm chục năm chung sống êm đềm.

Những lời lẽ ôn tồn đó làm nổi dậy những cơn cuồng nộ mới và Zéphyrine thề rằng không bao giờ mục quên cái nhục vừa phải chịu, rằng mục sẽ không tiếp nhận quân ác quái đó ở nhà mục nữa. Và nếu nó có đến quỳ gối xin lỗi mục, thì mục sẽ để mặc nó ở ỳ dưới chân mục.

- Vậy ông không hiểu, ông Sariette ơi, rằng tôi khinh bỉ nó, tôi căm thù nó, tôi ghê tởm nó à?

Mục biểu lộ sáu chục lần những tình cảm kiêu hãnh đó và thề sáu chục lần rằng mục quyết không tiếp nhận Guinardon, không thể trông thấy lão được, dù là trong tranh vẽ.

Ông Sariette không đả phá một quyết tâm mà, sau những lời quả quyết như vậy, ông thấy là không thể nào lay chuyển được. Ông không chê trách Zéphyrine, thậm chí còn tán thành nữa. Mở cho con người bị ruồng bỏ những chân trời trong trẻo hơn, ông miêu tả cho mục thấy sự mong manh của tình người, quên mình an ủi và khuyên mục nên thành kính phó thác thân mình cho ý muốn của Chúa.

- Vì thực ra, ông bạn của bà, - ông ta nói với mẹ, chẳng đáng quyền luyến gì mấy...

Ông ta không nói được hết lời, Zéphyrine đã nhảy bổ vào ông ta, và túm lấy cổ áo redingote của ông ta mà lay lắc ông ta một cách dữ dội.

- Chẳng đáng quyền luyến gì mấy, - mẹ vừa kêu vừa ghen thờ, chẳng đáng quyền luyến gì, Michel!... Chà!... Ông bạn ơi, hãy tìm cho tôi một người nào khác đáng yêu hơn, vui vẻ hơn, dí dỏm hơn, một người nào khác, như nó, bao giờ cũng trẻ, bao giờ cũng... chẳng đáng quyền luyến gì mấy! Thấy rõ là ông chả biết gì về tình yêu, ông khom già ơi!...

Lợi dụng lúc ông già Sarriette đang bận bịu ghê gớm như vậy, chàng thanh niên d'Esparvieu dứt nhẹ quyền Lucrece bé nhỏ vào túi và quả quyết đi qua trước mặt ông thủ thư đang bị lay lắc, vừa giơ tay khẽ chào từ biệt ông ta.

Có cái bùa phép kia mang theo, anh chạy đến quảng trường Ternes, nhà bà Mira, bà ta tiếp anh trong một phòng khách màu vàng son, ở đó không thể nào phát hiện được cú mèo hoặc cóc nhái\* hoặc bất cứ một đồ đồ gì của khoa pháp thuật cũ. Bà Mira, mặc áo dài màu mận chín, và tóc rắc phấn, tuổi đã về già, vẻ người rất lịch sự. Bà ta ăn nói thanh nhã và tự hào là khám phá được những điều bí ẩn chỉ nhờ duy có khoa học, triết học và tín ngưỡng. Bà sờ nắn bìa sách đóng bằng da dê và, đôi mắt nhắm nghiền, bà nhìn qua khe mi mắt chữ nhan đề La tinh và những huy hiệu mà bà chả hiểu gì cả. Thường quen tiếp nhận, coi như hình tích, những nhẫn đeo, những khăn mùi xoa, những bức thư, những món tóc, bà không tưởng tượng được là quyền sách lạ lùng này có lẽ là của loại người nào. Do một sự khéo léo quen thuộc và nhạy bén, bà ngụy trang sự ngạc nhiên thực sự của bà dưới một vẻ ngạc nhiên giả vờ.

Cú mèo (chouette), cóc nhái (crapaud): những con vật kinh tởm mà bọn pháp thuật, phù thủy dùng để nhờ chúng làm trung gian với ma quỷ, nhưng thực ra để làm khách hàng kinh khiếp, dễ dàng tin những lời lừa bịp của chúng.

- Lạ thật! Bà nói lắm bầm, lạ thật!... Tôi không phân biệt được rõ lắm... tôi trông thấy một người phụ nữ...

Khi thốt ra câu nói màu nhiệm đó, bà quan sát trộm hiệu quả của nó và đọc thấy trên nét mặt người hỏi sự việc của bà một vẻ thất vọng không ngờ. Thấy rằng mình đi lạc hướng, bà đổi ngay lời sấm của bà:

- Nhưng nó lại tan biến ngay... Lạ thật... lạ thật. Tôi cảm giác thấy mập mờ một hình thể chập chờn, một sinh vật không xác định được...

Và sau khi đã liếc mắt một cái, năm chắc là, lần này, người ta chăm chú nghe những lời của bà, bà nói lan man về sự mập mờ của cá thể con người, về đám sương mù nó bao phủ con người đó.

Trong khi đó, cái ảo ảnh rõ nét dần dần trong con mắt của bà Mira, bà theo một dấu vết từng bước một.

- Một con đường lớn trồng cây... một quảng trường với một bức tượng... một phố vắng, một cầu thang. Anh ta đó, trong một căn phòng màu xanh nhạt... đó là một chàng thanh niên, khuôn mặt nhợt nhạt và bản khoăn. Có những sự việc anh ta có vẻ hối tiếc và anh sẽ không làm lại nữa nếu vẫn còn để làm...

Nhưng sự cố sức để đoán biết đã lớn quá rồi. Sự mệt mỏi ngăn cản bà thầy bói tiếp tục những tìm tòi siêu việt của bà. Bà tận dụng sức lực cuối cùng của bà bằng cách thiết tha khuyên nhủ con người đến hỏi bà nên cứ giữ mỗi hợp nhất mật thiết với Chúa, nếu anh muốn tìm thấy lại cái gì anh đã mất

và thành công trong các mưu đồ.

Maurice, khi ra về, để một đồng louis trên mặt lò sưởi và ra đi xúc động, rối loạn, tin chắc rằng bà Mira có những năng khiếu phi thường, khôn nỏi còn chưa đủ.

Xuống đến chân cầu thang, anh sực nhớ ra rằng anh đã để quên quyển Lucrece nhỏ xinh trên bàn của bà thầy bói\*, và, nghĩ rằng lão già gàn dở sẽ không sống được nếu mất quyển sách đó, anh bèn trở lên tìm. Khi trở về nhà cha mẹ, anh thấy sững sờ trước mặt anh một bóng dáng bị tai họa. Đó là ông già Sarrasine, ông ta, bằng một giọng rên rỉ như gió thánng mười một, đòi quyển Lucrece của ông ta. Maurice hững hờ rút quyển sách ở túi áo pardessus của anh ra:

Bà thầy bói (pythie): ở trên gọi Mira là voyante đã chú thích, đây gọi là pythie, có chỗ khác gọi là pythonisse, đều có nghĩa là bà thầy bói mặc dầu có những khía cạnh khác nhau về ý nghĩa, nguồn gốc, cách thức hành nghề v.v...

- Đừng lo ngại gì, ông Sarrasine ơi. Nó đây, cái đồ vật của ông!

Ông già thủ thư đem đi, ốp vào ngực, cái của báu đã tìm lại được, và đặt nó nhẹ nhàng trên tấm thảm xanh lơ của mặt bàn, vừa trù tính, cho cái kho báu mà ông ta tha thiết, một nơi giấu chắc chắn, vừa xáo động trong đầu óc các dự kiến của một người quản thư sốt sắng. Nhưng chúng ta, ai là người có thể tự hào là khôn ngoan? Sự phòng ngừa của loài người thì ngắn ngủi và sự can trọng của họ luôn luôn bị phá hỏng. Những biến cố phúc họa không sao tránh được: không ai có thể trốn được số kiếp của mình. Không có lời khuyên bảo nào, không có sự chăm lo nào có thể thắng thế chống với định mệnh. Khốn khổ chúng ta, cái sức mạnh mù quáng đó, nó điều khiển các tinh tú và

các nguyên tử, đến những nỗi thăng trầm của chúng ta cấu thành sự trật tự phổ biến! Sự tai họa của chúng ta quan trọng cho sự điều hòa vũ trụ. Ngày hôm đó, là Ngày của thợ đóng sách\* mà sự tuần hoàn của bốn mùa mỗi năm lại đưa về hai lần, dưới cung Bạch Dương và cung Thiên Bình\*. Ngày hôm đó, ngay từ sáng sớm, ông Sariette đã chuẩn bị công việc cho người thợ đóng sách; ông đặt trên mặt bàn những sách khâu chỉ, mới kiểm về, và xét là xứng đáng đóng bìa bọc da hoặc bìa các-tông, và cả những sách mà lớp bìa bọc ngoài cần phải sửa sang đôi chút, và ông ta lập kỹ lưỡng một bản kê chi tiết. Đúng năm giờ\*, người nhân viên của ông Léger-Massieu, chủ hiệu đóng sách ở phố Tu viện, ông già Amédée đến thư viện d'Esparvieu và, sau một công trình kiểm tra kén mà ông Sariette tiến hành, xếp thành chồng những sách mang về cho chủ trong một miếng vải mà ông ta buộc nút bốn góc lại với nhau và đeo vững vàng trên vai; rồi ông ta chào ông thủ thư bằng những lời thế này:

Ngày của thợ đóng sách (le jour du relieur): mỗi nghề nghiệp có ngày tết của họ trong năm: có thể ngày hôm đó là ngày của thợ đóng sách, nhưng điển cố chưa tường. Cũng có thể chỉ có nghĩa là: ngày hẹn đưa sách cho thợ đóng sách.

Bạch Dương (Bélier), Thiên Bình hoặc Thiên Xứng (Balance/Libra) hai chòm sao (constellation, cũng gọi là tinh tòa, hoặc tinh tú) đối xứng với nhau, chòm Bélier thì ở bắc bán cầu, là một trong 12 cung Hoàng đạo, tương ứng với thời kỳ 21 tháng 3 (ngày xuân phân) đến 20 tháng 4; chòm Balance cũng là một trong 12 cung Hoàng đạo nhưng ở nam bán cầu, tương ứng với thời kỳ 23 tháng 9 (Thu phân) đến 21 tháng 10. Gọi là Balance (nghĩa là cái cân trên trời) vì thời kỳ đó, ngày đêm dài bằng nhau (cũng như thời kỳ Xuân phân nói trên). Như vậy là ngày của thợ đóng sách nói trên, mỗi năm có hai lần.

Năm giờ: đây là 5 giờ chiều, tuy tác giả không nói rõ, nhưng xem toàn thể câu chuyện trong đoạn văn thì rõ.

- Chào bà con!

Và đi xuống cầu thang.

Mọi chuyện xảy ra lần này cũng như thường lệ. Nhưng Amédée, thấy quyển Lucrece trên bàn, ngây thơ bỏ vào túi vải nhỏ của mình và đem đi với các sách khác, mà ông Sariette không để ý thấy. Ông già thủ thư rời bỏ gian phòng các hình cầu và các triết gia, hoàn toàn quên phứt quyển sách mà sự vắng mặt đã làm cho ông ta, trong ngày hôm đó, phải lo lắng rất ác hại. Đó là điều mà những quan phán xét sẽ trách ông ta như một sự suy nhược của thiên tư ông ta. Nhưng nói như thế này chả hơn ư, rằng số kiếp đã định như thế rồi và cái mà người ta gọi là sự ngẫu nhiên, mà thực ra là trật tự của thiên nhiên, làm trọn cái sự kiện không ai có thể cảm thấy, mà những hậu quả phải là kinh khủng theo sự phán xét của con người. Ông Sariette đi ăn bữa tối ở hàng kem sữa Bốn Giám Mục và đọc báo Thánh giá. Ông ta bình tĩnh và thanh thản. Mãi đến hôm sau, khi bước vào gian phòng các Hình cầu và các Triết gia, ông ta mới sực nhớ đến quyển Lucrece, và không trông thấy nó trên bàn, ông tìm nó khắp nơi mà chẳng thấy đâu cả. Ông không hề có ý nghĩ là Amédée có thể đem nó đi vì vô ý. Đầu óc của ông gợi cho ông nghĩ đến sự trở lại của vị khách thăm vô hình và ông bị xáo động vì một nỗi rối loạn lớn.

Ông quản thư khốn khổ, nghe thấy có một tiếng động gì đó ngoài vỉa cầu thang, bèn mở cửa ra và trông thấy chú bé Léon, đội một cái mũ kêpi\* có lon, kêu lên: “Nước Pháp muôn năm!” và ném những giẻ lau, những chổi lông và xi đánh sàn gác của Hippolyte vào những kẻ thù tưởng tượng. Cậu bé thích cái vỉa cầu thang này để chơi trò chiến trận hơn bất cứ nơi nào khác trong nhà, và đôi khi cậu lên vào thư viện. Ông Sariette bỗng ngờ cậu đã lấy quyển Lucrece để làm đạn bắn và đòi cậu với một giọng dọa nạt. Cậu bé chối không lấy, và ông Sariette phải dùng đến cách hứa hẹn:

Képi (képi): mũ có lưỡi trai cứng bóng của các quân nhân hay học sinh, người phát thư bưu điện v.v... khác với casquette, cũng có lưỡi trai nhưng bọc vải, là mũ của công nhân và thường dân.

- Léon, nếu cháu đem lại cho ta quyển sách nhỏ màu đỏ đó, ta sẽ cho cháu xô cô la.

Cậu bé tần ngần, đến chiều tối, khi ông Sariette đi xuống cầu thang, ông gặp cậu bé Léon nói với ông:

- Đây, quyển sách đây!

Và chìa cho ông một cuốn album tranh ảnh đã rách mướp. Truyện Gribouille\*, và đòi xô cô la của cậu.

Truyện Gribouille (Histoire de Gribouille): Gribouille danh từ chung là người ngốc nghếch, đầu óc rối ren, lộn xộn; danh từ riêng, là tên nhân vật dân gian đầu óc bối rối lộn xộn, làm cái gì cũng lẫn lộn ngược đời, trở thành một nhân vật truyện dân gian.

Cách đó mấy hôm, Maurice nhận được qua bưu điện tờ quảng cáo của một văn phòng thám tử do một cựu nhân viên của sở công an\* chủ trì, ông ta hứa hẹn sẽ nhanh chóng và kín đáo. Anh tìm thấy ở địa chỉ đã dặn một người đàn ông có ria mép, lồm lổ và tư lự, ông ta hỏi xin anh một món tiền ứng trước và hứa đi tìm con người anh cần.

Sở Công an (Préfecture): ở các tỉnh thì Préfecture là tòa Tỉnh trưởng. Nhưng Préfecture de Paris là Sở công an thành phố Paris. Đây là Sở công an, vì công việc kể ở đây, điều tra, do thám, là thuộc ngành hoạt động của Công an chứ không phải việc hành chính của Tòa tỉnh.

Người cựu nhân viên của sở công an ít lâu sau lại viết cho anh để nói anh rõ rằng những cuộc dò xét rất tốn kém đã được bắt đầu và để xin anh một món ứng trước nữa. Maurice không cho tiền và quyết định tự mình tìm lấy. Tưởng tượng, không phải là không có lý do, rằng anh chàng thiên thần chắc phải giao du với những tên khốn cùng, vì anh chàng không có tiền, và với



những kẻ lưu vong của tất cả các nước, cùng cách mạng như anh ta, anh len lỏi vào các phòng cho thuê có sẵn đồ đạc ở St. Ouen, ở Chapelle, ở Montmartre, ở cửa ô Italie, trong các nhà lụp xụp ở đó người ta ngủ trên mảnh khố tải\*, trong các tiệm rượu ở đó người ta dọn cho ăn một món lòng bò, và trong các tiệm người ta cho ăn một món hồ lốn giá ba xu\*, trong các hầm ở chợ lớn và ở nhà lão Momie.

Khố tải (corde): chưa tra cứu rõ nghĩa chính xác, vì có thể hiểu hai cách, một là ngủ trên những cái giường tồi tàn, không có lò xo, không có băng vải căng cho êm, lại căng bằng dây thừng; hai là ngủ trên tấm bao tải cũ mòn trơ khố tải chứ chẳng có giường nệm gì. Chúng tôi tạm dịch theo nghĩa thứ hai, để tra cứu thêm.

Món hồ lốn ba xu (un arlequin pour trois sous) là món nấu hồ lốn những mẫu thức ăn còn thừa của bữa trước; ba xu: một xu là 1 phần 20 của 1 franc.

Maurice đến thăm các quán ăn có những người hư vô chủ nghĩa và vô chính phủ chủ nghĩa; anh gặp ở đây những đàn bà ăn mặc như đàn ông, những đàn ông ăn mặc như đàn bà, những chàng trai mới lớn lắm lì và dữ tợn và những cụ già tám chục tuổi, đôi mắt xanh, và cười như những đứa con nít. Anh quan sát, hỏi han, bị coi là một tên do thám, bị một phụ nữ rất đẹp đâm cho một nhát dao, và ngay hôm sau lại tiếp tục những cuộc tìm tòi trong các tiệm rượu, các buồng cho thuê cả đồ đạc, các nhà gái điếm, các sòng bạc, bọn người đói khát khổ sở, các quán rượu có treo biển kết bằng cành lá xanh, và các quán rượu nhỏ ở ngoại ô, mọc bên các thành lũy, các nhà buôn bán đồ cũ và bọn du côn.

Thấy anh xanh xao tiêu tụy, mệt lử, im lặng, mẹ anh bắn khoản bút rút.

- Phải lấy vợ cho nó, - bà nói. Đáng tiếc cô de la Verdelière lại không có của hồi môn to tát hơn.

Linh mục Patouille không giấu nỗi lo âu.

- Cậu này, ông nói, đang trải qua một cuộc khủng hoảng tinh thần.

- Tôi lại cho rằng, - ông René d'Esparvieu đáp lời, nó đang bị ảnh hưởng của một người đàn bà hư hỏng nào đó. Cần phải tìm cho nó một công việc thu hút nó và làm vui thích lòng tự ái của nó. Tôi cũng có thể làm cho nó được bổ nhiệm làm thư ký của ủy ban bảo quản các nhà thờ nông thôn hoặc luật sư cố vấn của nghiệp đoàn những thợ làm đồ chì Thiên chúa giáo.

## CHƯƠNG THỨ MƯỜI BẢY

*Trong đó ta được biết rằng Sophar, cũng đỏi vàng ngang với Mammon\*, thích nước Pháp hơn tổ quốc thiên đình của ông ta, nước Pháp là đất được ban phước Ngân hàng trữ kim và Tín dụng, và một lần nữa chúng tỏ cho ta thấy rằng kẻ nào có của cũng đều sợ mọi thứ thay đổi.*

Mammon: danh từ chung gốc ở dân tộc Aram, có nghĩa là lợi nhuận (gain) hoặc tài lợi (richesse). Trong kinh Phúc âm, dùng như danh từ riêng để nhân cách hóa sự giàu có (Mathew, VI, 24).

Trong khi đó, Arcade sống một cuộc sống vô danh và cần cù. Anh làm việc trong một nhà in ở phố St. Benoît và cư ngụ ở một gian gác áp mái Mouffetard. Các bạn đồng sự của anh bãi công, anh bèn rời bỏ xưởng in và dành những ngày, giờ của anh cho công việc tuyên truyền một cách thẳng lợi đến nỗi anh tranh thủ được cho phe mưu loạn hơn năm chục nghìn những thiên thần hộ mệnh, họ, như Zita đã phán đoán, đều bất mãn về thân phận của họ và thăm nhuần các tư tưởng của thời đại. Nhưng anh thiếu tiền, do đó thiếu tự do, và không thể dùng, như ý anh muốn, thì giờ của anh để dạy dỗ các con trời. Cũng giống như vậy, do thiếu tiền, hoàng thân Istar chế tạo được ít tạc đạn hơn yêu cầu, và kém đẹp hơn. Cố nhiên anh chuẩn bị được nhiều loại vũ khí nhỏ bỏ túi. Anh đã chất đầy chúng ở căn hộ của Théophile và ngày nào cũng bỏ quên ít nhiều trên những đi văng của các tiệm cà phê. Nhưng một trái tạc đạn lịch sự, dễ sử dụng, tiện lợi và có thể tiêu diệt rất nhiều ngôi nhà to lớn, giá đắt từ hai mươi đến hai mươi năm nghìn franc. Và hoàng thân Istar chỉ có hai trái vào loại đó. Cả hai đều mong muốn như nhau

kiếm được vốn liếng. Arcade và Istar bèn cùng nhau đi đến hỏi vốn ở nhà một tay tài phiệt trứ danh, Max Everdingen\* đương làm chủ, ai cũng biết, ngân hàng tín dụng lớn nhất của nước Pháp và thế giới. Người ta biết ít hơn rằng Max Everdingen không phải do một người đàn bà đẻ ra, mà là một thiên sứ giáng trần. Vậy mà sự thật là thế. Ông ta khi ở trên trời tên là Sophar và trông nom các kho báu vật của Ialdabaoth, ông này rất thích vàng và ngọc quý. Trong khi thừa hành chức vụ, Sophar nhiễm được một thói yêu thích những của quý, mà người ta không thể nào thỏa mãn được trong một cái xã hội không biết giao dịch chứng khoán là gì, ngân hàng là gì. Trái tim ông ta hùng hực một mối tình nồng nàn đối với Chúa trời của người Hebrew, vẫn trung thành với vị thần đó suốt một thời gian dài dặc. Nhưng đến đầu thế kỷ XX của kỷ nguyên Cơ đốc, sau khi đã từ trên cao của bầu trời đưa mắt xuống nước Pháp, ông ta thấy rằng dưới cái tên cộng hòa, nước đó cấu thành một chính thể phú hào trị, và, dưới những bề ngoài của một chính quyền dân chủ, giới đại tài phiệt thi hành ở đó một quyền lực chủ tể, không ai giám sát kiểm tra. Từ lúc đó, sự lưu cư ở Thiên cung trở thành không thể nào chịu nổi đối với ông ta. Ông ta khát vọng nước Pháp như tổ quốc lý tưởng của ông ta và, một hôm, đem theo tất cả những ngọc quý thuần chất mà ông ta có thể mang được, ông ta xuống trần gian và đến lập nghiệp ở Paris. Vị thiên sứ ham hố đó kinh doanh ở đấy. Từ khi hiện hình, nét mặt của ông không có vẻ gì là thần tiên cả: nó mô phỏng đúng cái điển hình Sémites thuần túy, và người ta chiêm ngưỡng trên đó những nét nhăn nhó nó làm méo mó các bộ mặt của ngân hàng mà người ta đã được thấy rồi, ở những người cân vàng ở Quentin Matsys. Những bước đầu của ông thật hèn mọn, hồng vận của ông thật phi thường. Ông lấy một người vợ xấu xí và cả hai người có thể trông thấy hình

ảnh của mình ở bọn con cái, như soi gương. Dinh thự của nam tước Max Everdingen, dựng trên ngọn đồi cao của Trocadéro\*, đầy ắp những di vật của châu Âu Cơ đốc giáo.

Max Everdingen: ở đoạn dưới, gọi nam tước Everdingen; có ý ám chỉ rõ rệt nam tước Rothschild, con cháu của Mayer Amschel Rothschild (1744-1812) chủ ngân hàng người Do Thái, thủy tổ mọi dòng họ tài phiệt có thế lực lớn ở Pháp, gốc gác ở Francfort-sur-le-Main nước Đức; trong dòng dõi đó, có một tay tài phiệt có thế lực rất lớn ở Pháp, được phong nam tước. Suốt đoạn văn này, tác giả ám chỉ rõ rệt tính cách, chân dung, thân thế và uy quyền của tên đại tài phiệt đó.

Trocadéro: tên một cung điện xây ở Paris trên những đồi cao của Passy (một xã cũ ở ngoại thành Paris) nhân dịp cuộc Triển lãm 1878, đến cuộc Triển lãm 1937 được xây lại gọi là cung điện Chaillot.

Nam tước tiếp Arcade và hoàng thân Istar trong phòng làm việc là một trong những gian phòng giản dị nhất của dinh thự. Trần nhà được trang trí một bức họa màu nước của Tiepolo\*, dỡ từ một cung điện ở Venice ra. Trong phòng đó, người ta trông thấy cái bàn giấy của nhiếp chính vương Philippe d'Orleans\*. Ở đó có những tủ gỗ, tủ kính, những bức họa, bức tượng.

Giovanni Battista Tiepolo (1696-1770): họa sĩ và khắc họa gia người Ý sinh ở Venice.

Philippe d'Orleans: có bốn chi họ d'Orleans, đều là dòng dõi quý tộc, kẻ làm quận công, kẻ làm vua (Louis XII), v.v... Đây là Philippe II d'Orleans (1674-1723), con của Philippe I d'Orleans, em ruột của Louis XI; thuộc chi thứ IV của dòng họ, làm Nhiếp chính (Régent) trong thời kỳ Louis còn nhỏ tuổi, thi hành chính sách phản động đối với các khuynh hướng của triều vua Louis XIV, phá hoại tài chính quốc gia và phong tục công cộng do đời sống trụy lạc đồi bại.

Arcade đưa mắt nhìn các bức tường vách:

- Thế nào mà, Sophar huynh đệ ơi, anh, vốn hãy còn trái tim Israel, anh lại tuân thủ dờ đến thế luật răn của Đức Chúa Trời của anh rằng: “Người chó có làm tượng đẽo gọt cho mình”\* vì tôi trông thấy ở đây có một Apollon của Houdon, một Hébéc của Lemoine, và nhiều tượng bán thân của Caffieri\*. Và

khác nào Solomon lúc về già, hồi con của Chúa trời, anh bày trong nơi ở của anh những thần tượng của thế giới: Ví dụ, đây này, tượng Venus này của Boucher\*, tượng Jupiter nọ của Rubens và những Lâm Tuyền tiên nữ kia nhờ ngọn bút của Fragonard mà có dòng xirô lựu\* nó chảy rờn rờn giữa hai móng đít có lúm đồng tiền\* của chúng. Và anh giữ gìn, Sophar ơi, riêng trong tủ kính này thôi, nào là vương trượng của thánh Louis\*, nào là sáu trăm hạt trân châu của dây chuyền đeo cổ của hoàng hậu Marie Antoinette\*, tấm hoàng bào của Charles Quint\*, cổ ngọc miện do Ghiberti\* chạm trổ cho Giáo Hoàng Martin V Colonna\*, thanh kiếm của Bonaparte... Còn những gì nữa, ai biết?...

“Chớ có làm tượng chạm”: trong 10 điều răn của Jehovah do Moïse ban bố, có điều thứ nhất ngăn cấm thờ thần tượng, dù là hình tượng trên trời, mặt đất, mạch nước trong lòng đất, không được thờ thần nào khác Jehovah (Kinh thánh, Xuất Eđiptô ký, XX, 3-6).

Houdon, Lemoine, Caffieri: Houdon, nhà tạc tượng Pháp, đã tạc nhiều bức tượng bán thân của các nhân vật trứ danh như Voltaire, Catherine II (nữ hoàng Nga), Jean-Jacques Rousseau, Diderot, d’Alembert, v.v...

Lemoine (chính tả đúng là Lemoyne), họa sĩ vẽ đề tài lịch sử, sinh ở Paris (1688-1737); Hébéc là nữ thần của thanh niên, con gái của Jupiter và Junon, lấy á thần Héraclès khi chàng này được chấp nhận vào hàng ngũ chư thần.

Caffieri, một dòng họ thợ đúc và điêu khắc người Ý, có nhiều người hành nghề ở Paris; người nổi tiếng nhất là Jean-Jacques Caffieri (1725-1792), tác giả một bức tượng rất đẹp về nhà thơ và kịch tác gia Pháp Pierre Corneille (1606-1684).

François Boucher (1703-1770): họa sĩ Pháp, sinh ở Paris, vẽ những cảnh mục đồng thôn dã hoặc thần thoại.

Xirô lựu: Nguyên văn là confiture de groseilles (mứt phúc bồn tử, màu hồng tươi) dịch chuyển cho độc giả Việt Nam để hình dung hơn.

Fragonard (đã có chú thích ở trên, chương XVI) tác giả những bức vẽ sơn dầu có một vẻ quyến rũ khoái lạc.

Có lúm đồng tiền: nguyên văn là fesses souriantes (mông đít tươi cười), dịch như trên cho có hình tượng hơn.

Thánh Louis: tức là vua Louis IX nước Pháp, sinh năm 1214, trị vì từ 1226 đến 1270, nổi tiếng liêm chính và đạo đức được mọi người yêu quý, được phong thánh năm 1297.

Marie Antoinette: hoàng hậu vợ vua Louis XVI, bị cách mạng xử tử hình, trên máy chém.

Charles Quint: nghĩa là vua Charles thứ V - hoàng đế của đế quốc German gồm một bộ phận lớn của Châu Âu, Đức, Phổ, Tây Ban Nha, v.v... kình địch với vua Pháp François I.

Ghiberti (1378-1455): nhà điêu khắc ở Florence, kiến trúc sư có tài.

Martin V Colonna (1369-1431): Martin V Giáo hoàng từ 1417 đến 1431, được bầu làm Giáo hoàng khiến cho cuộc đại phân biệt trong Thiên chúa giáo chấm dứt. Colonna là một dòng họ nổi danh ở La Mã, đã cung cấp cho giáo hội Thiên chúa nhiều Giáo hoàng, Hồng y giáo chủ, tướng lĩnh quân sự v.v...

- Những trò nhảm nhí ấy mà! - Max Everdingen nói.

- Anh bạn nam tước thân mến, - hoàng thân Istar nói, thậm chí anh có cả chiếc nhẫn mà Charlemagne\* đeo vào ngón tay cho một tiên nữ, và người ta tưởng đã thất lạc... Nhưng thôi, ta hãy vào công việc của chúng ta. Anh bạn tôi và tôi, chúng tôi đến để hỏi tiền anh.

Charlemagne: nghĩa là Charlemagne vĩ đại, làm hoàng đế của đế quốc Tây phương, gồm tất cả các nước ở Tây Âu, trong đó có nước Pháp sau này. Sinh năm 742, lên ngôi năm 768, trị vì đến chết, năm 814.

- Tôi biết mà, - Max Everdingen đáp. Tất cả mọi người đều hỏi tiền, nhưng vì những lý do khác nhau. Các anh hỏi tiền để làm gì?

Hoàng thân Istar đáp gọn:

- Để làm cách mạng ở Pháp.

- Ở Pháp? Nam tước nhắc lại, ở Pháp?... Thế thì, tôi sẽ không đưa tiền cho các anh để làm cái trò đó, các anh có thể tin chắc như vậy.

Arcade không giấu giếm rằng đáng lẽ anh chờ đợi ở một anh em ruột thịt thiên đình lòng hào hiệp lớn hơn và một sự giúp sức nhiệt tình hơn.

- Kế hoạch của chúng tôi rộng lớn. Nó bao gồm cả bầu trời và mặt đất. Nó đã được ấn định trong tất cả mọi chi tiết. Trước hết, chúng tôi sẽ làm cách mạng xã hội ở Pháp, ở châu Âu, ở tất cả hành tinh này; rồi chúng tôi sẽ đưa chiến trận lên trời và chúng tôi sẽ thiết lập ở đó một chính thể dân chủ hòa bình. Nhưng muốn phá tan các thành trì của thiên đình, muốn lật đổ ngọn Núi của Chúa tể, muốn tấn công đền Jérusalem thiên giới, cần phải có một đạo quân lớn lao, một kho vũ khí vĩ đại, những bàn trử điện có một sức mạnh chưa hề thấy. Chúng tôi không có phương tiện để kiếm ra được những khí tài đó. Cuộc cách mạng ở Âu châu có thể tiến hành đỡ tốn hơn. Ý định của chúng tôi là bắt đầu ở nước Pháp.

- Các anh điên rồi, - nam tước Everdingen kêu lên, điên rồ và ngớ ngẩn. Hãy nghe tôi nói: không còn phải làm một cái cách nào ở nước Pháp nữa. Tất cả mọi thứ ở đó đã hoàn hảo, dứt khoát không thể thay đổi. Các anh nghe thấy chứ: không thể thay đổi.

Và, để truyền thêm sức mạnh cho lời khẳng định của ông, nam tước Everdingen dấm bốn cái lên mặt bàn giấy của Nhiếp chính vương.

- Quan điểm của chúng ta khác nhau, - Arcade nói dịu dàng, tôi nghĩ, cũng như hoàng thân Istar, rằng tất cả mọi thứ đều phải thay đổi ở nước này. Nhưng tranh luận làm gì? Và cũng muộn quá rồi. Chúng tôi đến đây để nói với anh, hỏi người anh em Sophar nhân danh năm trăm nghìn tinh thần thiên giới quyết tâm bắt đầu ngày mai cuộc cách mạng toàn vũ trụ.



Nam tước Everdingen kêu lên rằng họ là những kẻ ngu muội, rằng ông sẽ không bỏ ra xu nào, rằng tấn công vào cái điều tuyệt vời nhất thế giới là tội ác và điên rồ và vào cái vật nó làm cho trái đất trở nên đẹp đẽ hơn bầu trời: đó là tài chính.

Ông ta là nhà thơ và nhà tiên tri. Trái tim ông bùng lên một niềm hưng phấn thần thánh; ông ta chỉ ra Ngân hàng trữ kim Pháp, Ngân hàng đức hạnh, Ngân hàng trinh khiết và trong trẻo, giống như nàng trinh nữ của Nhã ca từ nông thôn sâu thẳm tới, mặc váy thôn nữ, đem cho chàng tân lang đang chờ đợi này, tráng kiện và tráng lệ, tức là Ngân hàng Tín dụng, kho báu tình yêu của nàng. Và ông ta cho trông thấy Ngân hàng Tín dụng, giàu có vì những của ban tặng từ vợ mình. Trút xuống tất cả mọi dân tộc trong vũ trụ những dòng thác hoàng kim, nó tự ý bằng hàng nghìn tia vô hình, trở lại phong phú hơn trước, trên mặt đất hồng phúc từ đó nó đã vọt ra.

- Nhờ trữ kim và tín dụng, nước Pháp đã trở thành đền Jérusalem mới, lộng lẫy trên tất cả mọi quốc gia dân tộc của Âu châu, và các bậc đế vương của trái đất đến hôn hai bàn chân tươi thắm của nó. Và chính cái đó, các anh định phá hủy sao? Các anh là những kẻ vô đạo và bất kính.

Thiên sứ tài phiệt nói như vậy. Một cây đàn hạc vô hình đệm theo giọng nói của ông ta và đôi mắt ông ta ngời lên những tia chớp.

Trong khi đó Arcade, uể oải tựa khuỷu tay vào bàn giấy của Nhiếp chính vương, bày ra trước mắt nam tước những bản đồ của mặt đất, tầng dưới mặt đất và tầng trời của Paris, với những chữ thập đỏ chỉ những điểm mà các tạc đạn sẽ được đặt đồng thời trong các hầm rượu và các hầm mộ, được ném lên các đường công cộng, trút xuống bằng một tiểu phi đội máy bay. Tất cả các

trụ sở tài chính và nhất là các ngân hàng Everdingen và các chi nhánh của nó, đều được đánh dấu chữ thập đỏ.

Nhà tài phiệt nhún vai:

- Thôi đi! Các anh chỉ là những kẻ khốn cùng và lưu manh, bị tất cả các cảnh sát trên thế giới lùng bắt. Các anh không có một xu dính túi. Các anh làm thế nào mà chế tạo được tất cả những vũ khí đó?

Để trả lời, hoàng thân Istar rút trong túi ra một cái ống tròn nhỏ bằng đồng và trình bày một cách hòa nhã cho Nam tước Everdingen xem.

- Anh trông, - hoàng thân nói, cái hộp đơn giản này. Chỉ cần buông nó rơi xuống cái sàn nhà này là đủ làm tiêu tan ngay tức khắc thành một đám tro ngùn ngụt khói, tòa dinh thự to tát này với các cư dân của nó và nhóm lên một đám cháy nó sẽ ngốn hết tất cả khu phố của Trocadéro. Tôi có mười nghìn chiếc như thế này; và mỗi ngày tôi chế tạo được ba tá.

Nhà tài phiệt xin chàng Chérubin cất cái vũ khí đó vào túi và bằng một giọng dung hòa:

- Hãy nghe tôi nói, các bạn ơi. Các bạn hãy ngay lập tức đi làm cách mạng trên trời đi và hãy để y nguyên mọi sự trong cái xứ sở này. Để tôi ký cho các bạn một cái séc. Các bạn có thể sắm tất cả khí giới cần có để tấn công đền Jérusalem thiên giới.

Và Nam tước Everdingen đã mưu tính ngay trong đầu óc một cuộc kinh doanh vĩ đại những bàn trừ điện và những quân nhu quân dụng.

## CHƯƠNG THỨ MƯỜI TÁM

*Ở đây bắt đầu truyện kể của ông lão làm vườn, trong quá trình của nó người ta sẽ trông thấy diễn biến số kiếp của thế giới trong một luận thuyết có những quan điểm rộng lớn và huy hoàng bao nhiêu thì luận thuyết và lịch sử thế giới của Bossuet tỏ ra có những quan điểm thiển cận và thảm đạm bấy nhiêu.*

Ông làm vườn mời Arcade và Zita ngồi ở trong góc vườn quả, dưới một giàn nho đại kết thành vòm\*.

Giàn nho đại kết thành vòm (tonnelle tapissée de vigne vierge): trong mấy bộ Pháp-Việt từ điển của ta, dịch vigne vierge là: cây bạch anh, hoặc không có từ đó; Pháp-Hoa mô phạm từ điển dịch là: dã bồ đào, tức là nho đại. Chúng tôi theo lời dịch này.

- Arcade, - vị thượng đẳng nữ thiên thần nói, Nectaire có lẽ hôm nay sẽ phát lộ cho anh thấy cái mà anh nóng lòng muốn biết. Anh hãy yêu cầu ông nói đi.

Arcade yêu cầu ông ta, và ông già Nectaire đặt tẩu thuốc xuống, bắt đầu như thế này:

- Tôi được biết ông ấy: đó là vị Séraphin đẹp nhất. Ông sắc sảo, trí thông minh và lòng quả cảm. Trái tim rộng lớn của ông nở phồng lên, đầy ắp tất cả những đức năng nảy nở ra từ lòng tự kiêu: chân thật, can đảm bền gan trong thử thách, hy vọng ngoan cường. Vào thời đại đó, tiền khu của các thời đại, trên bầu trời phương bắc lấp lánh chòm sao bảy ngôi hấp dẫn\*, ông ngự trong

một tòa cung điện bằng kim cương và vàng, lúc nào cũng vang lên những tiếng vỗ cánh và những khúc ca khải hoàn. Jéhovah, trên ngọn núi của y, ghen với Lucifer.

Chòm sao bảy ngôi hấp dẫn (les sept etoiles magnetiques) chúng tôi đoán đây là ám chỉ chòm sao Thất tinh, hoặc Thất nữ (Pleiades) ở bầu trời phía bắc. Có lẽ gọi là Magnetiques (có từ tính) vì nó hút kim nam châm bao giờ cũng hướng về nó, và cũng có lẽ vì nó là chòm sao thu hút sự chú ý và ngưỡng vọng của giới văn thơ. Đó là bảy con gái của thần Atlas và Pléioné tự tử vì thất vọng và được hóa thân thành bảy ngôi sao ở bầu trời phương bắc.

“Cả hai anh chị đều biết: các thiên thần, cũng như người trần đều cảm thấy nầy mầm trong mình tình yêu và lòng căm thù. Đôi khi có khả năng những quyết tâm cao độ nhưng thường thường họ đều tuân theo lợi ích, và bị lòng sợ hãi chi phối. Hồi đó, cũng như ngày nay, họ tỏ ra, phần đông, không có khả năng những tư tưởng cao cả, và lòng sợ hãi Chúa tể là tất cả đức năng của họ. Lucifer, vốn rất miệt thị những cái gì đê hèn, khinh bỉ cái đám lúc nhúc những tinh thần tôi tớ bị lôi kéo vào các trò du hí và khánh tiết. Nhưng đối với những kẻ linh hoạt một tinh thần quả cảm, một tâm hồn bản khoản, đối với những kẻ bưng bưng một mối tình yêu tự do dữ dội thì ông dành cho một mối tình bạn hữu, mà họ đáp lại bằng sự kính thờ. Những kẻ đó rời bỏ hàng đàn lũ đông đảo ngọn Núi của chúa tể và đem đến cho vị Séraphin những sính lễ mà Kẻ kia\* muốn giữ cho riêng mình.

Kẻ kia (l'Autre): người theo đạo Cơ đốc gọi là Đức chúa Trời là Dieu, Chúa quý là l'Autre (kẻ kia) vì kiêng không gọi đích danh con quý. Đây, ngược lại, gọi Chúa Trời là Kẻ kia, tỏ rõ lập trường tôn kính Lucifer và ghét Jéhovah.

“Hồi đó tôi ở trong hàng ngũ những kẻ trị vì và cái tên Alaciel của tôi không phải là không vinh diệu. Để thỏa mãn tinh thần của tôi, trăn trở bởi một nỗi khao khát không thể nào nguôi là được biết và được hiểu, tôi quan

sát bản chất của sự vật, tôi nghiên cứu các đặc tính của các thứ đá, của không khí và của các tầng nước, tôi tìm tòi các quy luật nó cai quản vật chất dày đặc hay tinh tế, và sau những nghiên ngẫm lâu dài tôi nhận thấy rằng vũ trụ không phải là đã được cấu tạo như kẻ mạo xưng là Đấng sáng tạo ra nó vẫn cố gắng làm cho người ta tin; tôi được biết rằng tất cả những cái gì hiện hữu, là hiện hữu tự bản thân chứ không phải là do sự cao hứng thất thường của Jéhovah, rằng thế giới tự bản thân là tác giả của mình, và tinh thần tự bản thân là vị thần của mình. Từ đó, tôi khinh bỉ Jéhovah vì những trò giả mạo của y, và tôi căm thù y bởi vì y tỏ ra trái ngược với tất cả những gì tôi thấy là đáng được mong ước và tốt: sự tự do, lòng ham biết, nỗi ngờ vực. Những cảm nghĩ đó đưa tôi lại gần vị Séraphin. Tôi thán phục Người, tôi yêu mến Người, tôi sống trong ánh sáng của Người. Khi, cuối cùng, rõ ràng là phải lựa chọn giữa Người với Kẻ kia, tôi đứng vào phe của Lucifer và chỉ còn có mỗi tham vọng là được phục vụ Người, mỗi thềm muốn là được chia sẻ số phận của Người.

“Khi chiến tranh trở nên không sao tránh khỏi, thì Người chuẩn bị nó với một sự cần mẫn không mệt mỏi và tất cả mọi phương kế của một đầu óc tính toán. Dem những Ngai thần và những Quản thần biến thành những Chalybes và những Cyclope\*. Người khai thác các ngọn núi biên cương của giang sơn của Người để lấy sắt, mà Người quý hơn vàng, và rèn vũ khí trong các hang hốc của Thiên giới. Rồi Người tụ tập trong những khoáng dã hoang vu của bắc cực hằng hà sa số những thiên thần, vũ trang cho họ, dạy bảo cho họ, luyện tập cho họ. Mặc dầu được chuẩn bị bí mật, công cuộc mưu đồ đó rộng lớn quá không tránh khỏi đối thủ được biết tin ngay. Có thể nói rằng y vẫn dự đoán trước từ lâu và lo sợ cuộc mưu đồ đó, vì y đã biến nơi ở của y thành một

thành trì và các thiên thần của y thành một cơ binh, và tự mệnh danh là Đức Chúa Trời của hàng vạn quân. Y chuẩn bị sấm sét. Già nửa những con trời vẫn trung thành với y; y trông thấy chung quanh y những kẻ luôn vâng lệnh và những trái tim nhẫn nại. Thượng đẳng thiên sứ Michel, vốn dũng cảm, cầm quyền chỉ huy những đội quân ngoan ngoãn đó.

Chalybes, Cyclope: Cyclope trong thần thoại Hy Lạp là những khổng lồ quái dị, có một mắt ở trán, rèn trong núi lửa Etna những sấm sét của Jupiter, theo mệnh lệnh của thần Vulcain là thần lò rèn.

Chalybes là bộ tộc chuyên rèn sắt.

“Lucifer, khi bắt đầu thấy rằng quân đội của Người đã đi đến cái điểm không tăng thêm được nữa và cũng không dày dặn hơn được nữa, bèn vội vàng cho tiến thẳng tới kẻ thù và, hứa hẹn với các thiên thần tài lợi và vinh quang, người dẫn đầu họ lên ngọn núi nó mang trên đỉnh ngai vàng của vũ trụ. Ba hôm, chúng tôi bay thần tốc trên những khoáng dã éther. Bên trên đầu chúng tôi phấp phới những lá cờ đen khởi nghĩa. Ngọn núi Chúa tể đã hiện ra phơn phớt hồng trong bầu trời Đông, và Thủ lĩnh của chúng tôi đã lấy mắt ước lượng các thành lũy sáng chói của nó. Dưới chân những tường thành bằng lam ngọc, các phòng tuyến của quân địch được bố trí, chúng rực rỡ những vàng ngọc, trong khi chúng tôi tiến quân, đây người là thanh đồng\* và sắt. Những cờ hiệu xanh đỏ của chúng phấp phới trước gió và những tia chớp lóe ra ở đầu ngọn giáo mác của chúng. Chẳng mấy chốc, hai quân đội chỉ còn cách nhau có một quãng nhỏ hẹp, một doi đất bằng phẳng và trống trơn, trông thấy nó thì những kẻ dũng cảm nhất cũng rợn người vì nghĩ rằng ở đó, trong một cuộc hỗn chiến đẫm máu, các số kiếp sẽ được định đoạt.

Thanh đồng (Bronze): hợp kim đồng với thiếc thường dùng để đúc tượng và đúc đại bác; còn gọi là đồng đen.

“Các thiên thần, anh chị đều biết, không chết. Nhưng khi hoàng đồng\*, sắt, mũi nhọn kim cương hay lưỡi kiếm rọc lửa xé cơ thể tinh tế của họ, thì họ cảm thụ một sự đau đớn cay độc hơn là loài người có thể cảm thấy, vì da thịt của họ tinh tế hơn, và nếu một cơ quan chủ yếu nào đó bị phá hủy, thì họ ngã xuống cứng đờ, tự phân hủy dần dần, kết cục hóa thành những đám mây mờ u ám và trôi nổi vô cảm giác, tản mát suốt thời gian dài dặc, trong bầu ether lạnh lẽo. Và cuối cùng khi họ hồi phục được tinh thần và thể xác, họ không thấy lại được tất cả ký ức cuộc sống đã qua của họ. Như vậy là, dĩ nhiên, các thiên thần sợ sự đau đớn, và những kẻ dũng cảm nhất trong bọn họ đều bần khoản rối loạn khi nghĩ đến chuyện mất ánh sáng và kỷ niệm êm đềm. Nếu không như thế, thì nòi giống thiên thần sẽ không được biết cái đẹp của chiến đấu và cái vẻ vang của hy sinh. Những kẻ xông pha chiến trận trên cõi Thiên đình, trước hồi khởi thủy các thời đại, hoặc về phe hoặc chống đối với Đức Chúa Trời vạn quân, hóa ra là đã lao vào những cuộc chiến trận giả vờ, chẳng có danh giá gì, và tôi sẽ không thể nói với hai cháu, với một niềm tự hào chính đáng: “Lúc đó, có tôi ở đó”.

Hoàng đồng (airain): hợp kim nhiều kim loại, mà đồng là căn bản, thường dùng để chỉ đại bác, hoặc chuông.

“Lucifer ra hiệu lệnh tác chiến và nhảy vào đầu tiên. Chúng tôi xốc tới kẻ thù, tưởng rằng sẽ tiêu diệt chúng ngay và cướp được thành trì thánh thần ngay từ đợt xung phong thứ nhất. Các binh lính của vị Thần độc tôn\*, không hùng hổ bằng binh lính của chúng tôi, nhưng cương quyết không kém, vẫn không gì lay chuyển được. Thượng đẳng thiên sứ Michel chỉ huy họ với sự bình tĩnh và cả quyết của một tài năng vĩ đại. Ba lần chúng tôi cố gắng đánh tan các phòng tuyến của họ, cả ba lần họ chống ngay những bộ ngực bằng sắt

của chúng tôi bằng những mũi nhọn rọc lửa của giáo mác của họ mau lẹ xuyên thủng những bộ giáp trụ cứng rắn nhất. Các thân thể vinh quang ngã xuống hàng triệu. Sau cùng, cánh quân hữu dực của chúng tôi chọc thủng cánh tả dực của quân địch và chúng tôi trông thấy những cái lưng của những Lãnh thần, những Quyền thần, những Dũng thần, những Quản thần, những Ngai thần cắm đầu bỏ chạy, gót chân quật đen đét vào người, trong khi các thiên thần của bậc thứ ba\*, bay cuống cuồng bên trên đầu họ, che phủ cho họ bằng một cơn bão tuyết những lông vũ lẫn với một trận mưa máu. Chúng tôi lướt theo họ giữa đám những mảnh vỡ nát của chiến xa và những núi khí giới chông chát, và chúng tôi làm cho cuộc chạy trốn vội vã của họ càng thêm cuống quýt. Bỗng nhiên, một cơn bão tố những tiếng kêu, vang lên bên tai chúng tôi, lớn bùng lên và lại gần, cộng thêm những tiếng rú tuyệt vọng và những tiếng hò la đặc thẳng phía hữu dực của quân thù, những Thượng đẳng thiên thần khổng lồ của Thượng đế đã xông vào bên trái của chúng tôi và phá vỡ. Chúng tôi phải bỏ mặc những quân địch chạy trốn và đến cứu viện cho những quân tán loạn của chúng tôi. Chủ tướng của chúng tôi bay tới và lập lại trận thế. Nhưng cánh tả dực của quân địch mà chúng tôi không truy kích đến cùng, thấy không bị cung tên giáo mác uy hiếp nữa, lại hồi gan, quay trở lại, và lại đương đầu với chúng tôi.

Vị Thần độc tôn (le Dieu jaloux): Jéhovah có danh hiệu là Dieu jaloux, có nghĩa là vị Thần thiết tha giữ quyền duy ngã độc tôn, không cho phép tín đồ được thờ thần thánh ma quỷ nào khác, cấm cả sự thờ hoặc chiêm ngưỡng thần tượng.

Thứ bậc thứ ba (troisième chœur): chỗ này, tác giả có lầm lẫn đôi chút, đáng lẽ phải nói đẳng cấp thứ ba và thứ bậc thứ chín vì các thiên thần (anges) là đứng cuối đẳng cấp thứ ba.

“Đêm tối dừng ngay cuộc chiến bất phân thắng bại. Trong khi lợi dụng



bóng tối, trong bầu không khí yên tĩnh, thỉnh thoảng văng lên tiếng rên xiết của những binh sĩ bị thương, trại quân yên nghỉ, thì Lucifer chuẩn bị ngày thứ hai. Trước lúc bình minh, tiếng kèn đánh thức nổi lên. Các chiến sĩ của chúng tôi tập kích quân địch vào đúng giờ cầu nguyện, làm chúng chạy tán loạn, và chém giết chúng một hồi lâu. Khi tất cả chúng đã ngã xuống hoặc bỏ chạy, thì Thượng đẳng thiên sứ Michel, một mình và vài chiến hữu có bốn cánh rực lửa, vẫn còn chống cự cuộc đột kích của một đoàn quân đông vô kể. Họ lùi bước nhưng vẫn giơ ngực ra ứng chiến, và Michel vẫn còn giữ được một bộ mặt bình thản. Mặt trời đã đi được một phần ba chặng đường, khi chúng tôi bắt đầu leo núi Chúa tể. Cuộc leo núi thật vất vả; mồ hôi từ trán chảy xuống ròng ròng; một ánh sáng rùng rợn làm chúng tôi chói chang. Chết nặng những sắt thép, các đôi cánh của chúng tôi không thể giúp gì chúng tôi được; nhưng niềm hy vọng tạo cho chúng tôi những đôi cánh nâng chúng tôi lên. Vị Séraphin đẹp nhất, giơ bàn tay lóa sáng, mỗi lúc một cao hơn, chỉ đường cho chúng tôi. Suốt ngày, chúng tôi leo lên ngọn núi cao vợi, khi chiều tối sập đến, nó khoác áo màu thiên thanh, hồng phớt và lơ lơ mắt mèo. Đạo quân tinh tú\*, xuất hiện trên bầu trời, có vẻ như phản ánh của các vũ khí của chúng tôi. Một sự im lặng mênh mông lượn lơ trên đầu chúng tôi. Chúng tôi đi, say sưa hy vọng. Bỗng nhiên, trong bầu trời tối sẫm, lóe ra những tia chớp. Sấm sét vang rền và, từ đỉnh cao ngọn núi mây mù, lửa trời trút xuống. Các mũ đội đầu của chúng tôi rùng rùng những giọt lửa và các tấm khiên của chúng tôi vỡ tan dưới những tên đạn\* do những bàn tay vô hình bắn xuống. Lucifer trong cơn bão lửa, vẫn giữ vẻ lẫm liệt. Sấm sét đánh vào Người tới tấp, vô hiệu: Người vẫn đứng vững và còn thách thức quân địch. Cuối cùng, sét làm rung chuyển cả núi, xô chúng tôi xuống vực hỗn độn với những tảng lớn lam

ngọc và hồng ngọc, và chúng tôi lẫn lông lọc cứng đờ, bất tỉnh nhân sự trong suốt một thời gian dài đặc chưa có ai ước lượng nổi.

Đạo quân tinh tú: ám chỉ dải Ngân hà.

Tên sạn (carreaux): nói rộng có thể là chỉ các loại tên sạn, nhưng đặc biệt, nghĩa hẹp là sấm sét của Jéhovah.

“Tôi tỉnh dậy trong bóng tối tăm, rên rỉ. Và khi mắt tôi đã quen với bóng tối dày đặc, tôi thấy chung quanh tôi những chiến hữu của tôi nằm sõng sượt kể có hàng nghìn trên mặt đất sặc mùi lưu hoàng, có những ánh le lói nhợt nhạt thoáng qua. Mắt tôi chỉ phát hiện thấy những vũng lưu hoàng, miệng núi lửa phun khói, đầm lầy đầu độc hôi thối. Những núi băng và những biển tối tăm khép kín chân trời. Một bầu trời hoàng đồng đè nặng lên trán chúng tôi. Và sự khủng khiếp của nơi đó lớn đến nỗi chúng tôi ngồi xồm mà khóc, khuỷu tay tỳ lên đầu gối, và hai nắm tay chống vào hai má.

“Nhưng ít lâu, ngược mắt lên, tôi trông thấy vị Séraphin sừng sững trước mặt tôi như một tòa tháp. Trên cái vẻ lộng lẫy nguyên sơ của Người, sự đau đớn gieo xuống tấm trang sức ảm đạm và huy hoàng của nó.

“- Các chiến hữu, - Người nói với chúng tôi, chúng ta phải lấy làm vui sướng, vì đã được giải phóng khỏi vòng nô lệ thiên giới. Ở đây chúng ta được tự do và tự do trong địa ngục còn hơn là nô lệ ở thiên cung\*. Chúng ta không phải thua trận, vì chúng ta còn chí quyết thắng. Do chúng ta, ngai vàng của vị Thần độc tôn đã lão đảo; nó sẽ sụp đổ do chúng ta. Đứng lên! Các chiến hữu, hãy hăng hái lên!

Câu chú thích bản tiếng Anh của tác giả ở cuối trang chính văn, tác giả đã dịch ý bằng tiếng Pháp ở trên: “tự do trong địa ngục, còn hơn nô lệ ở thiên cung”. Trích tác phẩm trường thi của Milton, Thiên đàng đã mất, quyển I câu thơ 251.

“Ngay tức khắc, theo lệnh của Người, chúng tôi chồng chất các núi non lên nhau và chúng tôi dựng lên ở trên đỉnh, những máy ném những tảng đá bùng lửa vào các cung thất thánh thần. Quân đội thiên đình kinh ngạc và từ nơi ở vinh quang vọt ra những tiếng rền rĩ và những tiếng thét kinh hoàng. Chúng tôi đã nghĩ là được chiến thắng trở về tổ quốc cao siêu của chúng tôi, nhưng từ trên đỉnh Chúa tể phát ra những ánh chớp và sấm sét trút xuống pháo đài của chúng tôi, đánh tan thành tro bụi.

“Sau cuộc tai họa mới đó, vị Séraphin trầm ngâm một ít lâu, hai tay ôm đầu. Rồi Người để lộ ra bộ mặt đen thui. Bây giờ, người là Satan vĩ đại hơn Lucifer\*. Các thiên thần trung thành xúm xít chung quanh Người.

Satan vĩ đại hơn Lucifer: vì làm chúa tể của địa ngục, chứ trước kia, ở thiên cung, chỉ là nô lệ của Chúa Trời.

“- Các bạn, - Người nói với chúng tôi, nếu chúng ta chưa thắng, chính là vì chúng ta không xứng đáng và không có khả năng thắng. Ta nên biết ta còn thiếu cái gì. Người ta chỉ ngự trị được thiên nhiên, chỉ chiếm được quyền thống trị vũ trụ, chỉ trở thành Chúa trời, do kiến thức. Chúng ta cần phải chinh phục sấm sét; chúng ta phải chuyên tâm vào việc đó không lúc nào ngơi. Vậy mà không phải sự can đảm mù quáng (trong ngày hôm nay, không có ai can đảm hơn các bạn) sẽ đưa lại cho chúng ta những sấm sét thần thánh; chính là sự học hỏi và suy nghĩ. Trong chốn lưu cư câm lặng này, mà chúng ta đã rơi xuống, chúng ta nghiền ngẫm, hãy tìm tòi các nguyên nhân bí ẩn của sự vật. Ta hãy quan sát thiên nhiên; hãy theo đuổi nó bằng một lòng nhiệt tình mãnh liệt và một ước vọng chinh phục; ta hãy nỗ lực tìm hiểu sự lớn lao vô cùng của nó và sự vô cùng bé nhỏ của nó. Hãy biết khi nào nó khô cạn và khi nào nó phì nhiêu, nó làm ra như thế nào sự nóng và sự lạnh, sự vui mừng

và sự đau đớn, sự sống và sự chết; nó tụ hội và phân chia các yếu tố của nó như thế nào, nó sản xuất như thế nào vừa không khí tinh vi mà chúng ta thở hít, vừa những tảng đá kim cương và lam ngọc chúng ta đã từ trên đó bị xô xuống vực thẳm, vừa ngọn lửa thần thánh nướng chúng ta đen thui, vừa cái tư tưởng cao ngạo nó xáo động tâm trí của chúng ta. Bị tả tơi bởi những vết thương rộng lớn, bị cháy bùng vì ngọn lửa và lạnh buốt vì băng giá, chúng ta hãy tạ ơn số mệnh đã có công mở mắt cho chúng ta, và hãy vui với số phận của chúng ta. Chính do sự đau đớn mà, trải qua một lần đau kinh nghiệm về thiên nhiên, chúng ta được kích thích để hiểu biết nó và chế ngự nó. Khi nào nó tuân lệnh ta, chúng ta sẽ là những Chúa trời. Nhưng dù nó có giấu mãi chúng ta những bí mật của nó, từ chối chúng ta những vũ khí và giữ bí quyết của sấm sét, chúng ta vẫn cứ phải mừng đã được biết sự đau đớn, vì nó phát lộ cho chúng ta những tình cảm mới, quý giá hơn và ngọt ngào hơn tất cả tình cảm người ta được biết trong nền phúc lạc vĩnh hằng, vì nó hứng khởi cho chúng ta tình yêu và lòng thương xót, ở thiên đình không hề ai được biết.

“Những lời đó của vị Séraphin đã cải tạo tâm tính của chúng tôi và mở cho chúng tôi những hy vọng mới. Một nỗi khao khát mệnh mệnh được biết và được yêu làm căng lồng ngực chúng tôi.

“Trong khi đó, trái đất dần sinh, vầng cầu mệnh mệnh và tù mù của nó đã hàng giờ đông đặc lại và ổn định. Các tầng nước vẫn nuôi sống các loài rong tảo, san hô thạch tâm, trai hến, và chở những hạm đội nhẹ nhàng các loài ốc anh vũ, không tràn ngập toàn bộ mặt đất nữa; nó tự khởi lấy những lòng suối, lòng sông, và những lục địa đã xuất hiện, trên đó có những con quái vật vừa ở cạn vừa ở nước, bò lổm ngổm trong phù sa ẩm áp. Rồi những ngọn núi được

rừng cây bao phủ, và các giống động vật linh tinh bắt đầu gặm cỏ, nếm những quả mọng của những cây nhỏ và những quả của cây sồi.

“Rồi, đến chiếm đoạt các hang hốc, là các giống động vật biết dùng một mảnh đá nhọn sắc đâm thủng các dã thú và, dùng mưu mẹo thu phục các cư dân cổ lỗ của rừng rú, đồng nội và núi non. Con người bắt đầu nền ngự trị của nó, một cách cực nhọc. Nó yếu ớt và trần trụi. Lông thưa thớt không đủ đảm bảo chống lạnh. Hai bàn tay tận cùng bằng những móng tay mỏng mảnh quá không đủ để chiến đấu với vuốt của loài mãnh thú, những kiểu sắp xếp của những ngón tay cái của nó, đối xứng với các ngón khác, cho phép nó nắm được dễ dàng những đồ vật khác nhau và bảo đảm cho nó sự khéo léo thay cho sức mạnh nó thiếu. Không khác về bản chất với các động vật khác, nó có khả năng, hơn bất cứ loài nào, quan sát và so sánh. Vì nó biết phát từ cổ họng ra những âm thanh đa dạng, nó mới nghĩ cách chỉ định, bằng một lối uốn giọng đặc biệt, mỗi thứ đồ vật làm nó chú ý, và cái chuỗi liên tiếp âm thanh linh tinh đó giúp nó xác định và truyền đạt những ý nghĩ của nó. Số phận khốn khổ và thiên tư ưu lự của nó gợi mỗi tình đồng cảm của những thiên thần bại trận, họ biết được ở nó một sự quả cảm giống như của họ và những mầm mống của cái lòng kiêu hãnh họ, nguyên nhân của những khổ não và vinh quang của họ. Họ bèn kéo đến đông đảo, cư ngụ gần nó, trên trái đất trẻ trung này, mà đôi cánh của họ chở họ đến dễ dàng. Ở đó, họ lấy làm vui mà kích thích trí thông minh của nó và khêu gợi thiên tư của nó. Họ dạy cho nó biết che thân bằng những bộ da thú, và vắn những tảng đá che cửa hang để ngăn không cho hổ gấu vào. Họ dạy cho nó biết làm bật ra lửa bằng cách xoáy một cái gậy trong đám lá khô và biết bảo quản ngọn lửa thiêng liêng trên hòn đá của bếp lửa. Nhờ sự khởi hứng của những ma quỷ có trí xảo, nó

dám băng qua những dòng sông lớn trong những thân cây xẻ ra và đục lỗ; nó sáng chế ra bánh xe, cối xay và cái cày; lưỡi cày xẻ đất thành một vết thương phì nhiêu, và hạt lúa cung hiến cho những kẻ nghiền vỡ nó một nguồn lương thực thần tiên. Nó nhào nặn những nồi niêu chum vại trong đất sét và dẻo đá lửa thành những dụng cụ linh tinh. Nghĩa là, cư trú giữa đám những con người, chúng tôi vỗ về họ và dạy bảo cho họ. Chúng tôi không phải bao giờ cũng hiện hình đối với họ; nhưng, chiều tối, ở những khúc đường ngoặt, chúng tôi hiện lên với họ dưới những hình dạng thường khi kỳ dị và kỳ quái, đôi khi uy nghiêm và dễ thương; và chúng tôi, tùy theo ý thích, khoác ngoài hình một con quái vật của rừng rú hay của sông ngòi, một con người đáng tôn kính, một đứa trẻ con xinh đẹp hoặc một người đàn bà có đôi hông nở nang. Đôi khi chúng tôi chế giễu họ trong những bài ca của chúng tôi hoặc thử thách trí thông minh của họ bằng một trò đùa cợt khích bác. Có một số trong bọn chúng tôi, tính tình hơi nghịch ngợm, thích chòng ghẹo vợ con họ, nhưng chúng tôi lúc nào cũng sẵn sàng cứu giúp những người anh em ruột thịt kém cỏi đó.

“Nhờ công chăm sóc của chúng tôi, trí thông minh của họ mở rộng khá đủ để đạt tới sự lầm lạc và quan niệm những quan hệ sai giữa các sự vật. Và họ giả thiết rằng có những liên quan huyền diệu kết nối hình tượng với hiện thực, họ vẽ đầy trên các tường vách của hang ổ của họ những hình tượng thú vật và khắc họa vào ngà voi những ngẫu tượng tuần lộc và khổng tượng để tin chắc sẽ bắt được con mồi mà những hình tượng kia miêu tả. Các thời đại trôi qua trên những khởi đầu của thiên tư của họ, với một sự chậm chạp vô hạn. Chúng tôi gửi đến cho giấc mơ của họ những tư tưởng tốt lành, xui khiến họ thuần hóa được giống ngựa, thiến được bò mộng, dạy được chó

canh giữ đàn cừu. Họ lập nên gia đình, bộ tộc. Một hôm, một trong những bộ tộc lang thang của họ bị những thợ săn dữ tợn tấn công. Ngay lập tức, các thanh niên trong bộ tộc bèn đem những xe vận tải xếp thành một hàng lũy vây quanh, trong đó họ cất giấu đàn bà, trẻ con, cụ già, bò thiến, của báu và từ trên những cỗ xe đó, họ ném những hòn đá giết người vào lũ xâm lược. Như vậy đã được sáng lập dân xã\* đầu tiên. Bấm sinh khốn khổ, và bị luật pháp của Jéhovah buộc phải giết người, con người tôi luyện trái tim mình trong những trận chiến đấu và nhờ chiến tranh rèn đúc nên những đức năng cao cả nhất của mình. Nó xác định bằng máu tình yêu tổ quốc, nó sẽ (nếu con người hoàn thành đến đâu đến đâu vận mệnh của mình) phải gồm toàn thể trái đất trong hòa bình. Một vị trong bọn chúng tôi, Dédale\*, đem lại cho nó búa rìu, dây rọi, buồm gió. Như vậy chúng tôi làm cho cuộc sống của con người trần gian trở nên đỡ gay go hơn, đỡ khó khăn hơn. Họ dựng xây trên mặt nước hồ những xóm làng bằng lau sậy trong đó họ được nếm trải một sự yên tĩnh trầm tư mà các cư dân khác của trái đất không hề được biết, và khi họ đã biết làm ngòi cơn đói, không đến nỗi cố gắng vất vả quá, chúng tôi thối vào trong ngực họ tình yêu cái đẹp.

Dân xã (cité): thường vẫn dịch cité là đô thành, đô thị, v.v... không được đúng lắm. Chúng tôi dịch lại theo đúng nội dung nguyên ý là dân xã, vì là nhân dân tụ hội thành xã hội có tổ chức, mỗi thành viên gọi là xã dân (citoyen). Về sau, tổ chức cao hơn, chặt chẽ hơn, mới thành những đô thị hoặc đô thành.

Dédale: vốn là tên một kiến trúc sư Hy Lạp, đã xây nên cung mê hồn (labyrinthe) ở Crète, có nhiều phòng bố trí rắc rối, khó tìm được lối ra vào - đây chỉ là tên mượn.

“Họ dựng lên những kim tự tháp, những cột tháp\*, những tháp chòi, những bức tượng không lồ cười mỉm, cứng đờ và dữ dội, và những biểu trưng sinh thực. Sau khi đã tập hiểu biết chúng tôi, hoặc ít ra là đoán ý chúng tôi,

họ cảm thấy, lòng sợ sệt và tình bạn hữu đối với chúng tôi. Những người khôn ngoan nhất trong bọn họ dò xét chúng tôi trong một niềm kính hãi thần thánh và nghiền ngẫm những lời dạy bảo của chúng tôi. Trong sự biết ơn của họ, các dân tộc ở Hy Lạp và châu Á phụng hiến chúng tôi những bia đá, cây cối, rừng cây có bóng âm u, dâng chúng tôi những vật hy sinh, hát cho chúng tôi những bài ca ngợi, nghĩa là, chúng tôi là những thần thánh đối với họ và họ gọi tên chúng tôi là Horus, Isis, Astarte, Zeus, Pallas, Cybele, Demeter, và Triptolème\*. Satan được thờ kính dưới những danh hiệu Dionysus, Evan, Léné và Iacchos\*. Người tỏ ra, trong những hiện hình, có bao sức mạnh và bao vẻ đẹp mà loài người có thể quan niệm được. Đôi mắt Người có cái dịu dàng của những tử lan hoa\* trong rừng cây; trên môi Người lấp lánh sắc hồng ngọc của những quả thạch lựu đã nứt mọng, một lớp lông tơ, tế nhị hơn lớp nhung của những trái đào, phủ trên má và trên cằm của Người, bộ tóc vàng hoe của Người tết thành vương miện và buộc lại hững hờ trên đỉnh đầu, được thắt đai bằng dây leo trường xuân. Người làm say mê được các mãnh thú, và vào sâu trong các khu rừng thẳm, thu hút được tất cả các yêu quái dã man, tất cả những loài leo trên cây và, qua khe những cành lá, để lộ ra một đôi mắt e dè, tất cả các sinh vật hung hãn và sợ sệt, ăn những quả cây mọng đắng ngắt và bộ ngực đầy lông lá chứa đựng một trái tim man rợ, những giống nửa người nửa ngợm trong rừng, đối với họ Người truyền thụ lòng hào hiệp và ân ưu, và họ đi theo Người, say sưa niềm vui và vẻ đẹp.

Cột tháp (Obélisque): công trình kiến trúc Ai Cập đáy vuông vút lên trên tận cùng bằng hình kim tự tháp nhỏ, đầu nhọn, thường làm bằng một tảng đá duy nhất. Hiện nay, ở Paris, còn bảo tồn được một chiếc rất to đẹp, dựng ở quảng trường Concorde.

Horus, Isis, Astarte, Zeus, Pallas, Cybele, Demeter và Triptolème: tên các thần của thần thoại Hy Lạp và Ai Cập. Horus: thần Ai Cập, hình tượng là con chim cắt, hoặc thân người, đầu chim cắt. Isis: nữ thần



Ai Cập, mẹ của Horus, nữ thần của y học, hôn nhân, trồng trọt lúa mì v.v... hình tượng của nền văn minh sơ thủy của Ai Cập. Astarte: nữ thần của thiên khung, của các dân tộc Sémites, bảo hộ cho nhiều đô thị, với những tên khác nhau (Ishtar, Astoret, v.v...). Zeus: tên Hy Lạp của Jupiter. Pallas: một trong những tên của Minerve, coi như nữ thần của chiến tranh. Cybele: con gái của Trời, nữ thần của Đất và các động vật, vợ của Kronos, mẹ của Jupiter, Neptune, và Pluton, v.v... Demeter: theo thần thoại Hy Lạp, bà là nữ thần nông nghiệp, thiên nhiên, mùa màng và sung túc (là Cérès của La Mã). Triptolème: Vua xứ Éleusis, sáng chế lưỡi cày, học được của Cérès (thần Đất của thần thoại La Mã) nghề canh nông và truyền dạy cho cư dân Attique (Hy Lạp).

Evan, Léné, Iacchos: những tên khác nhau để chỉ Dionysus.

Tử lan hoa (violette): gọi là hoa tím thì có thể làm với những loài hoa màu tím khác, tốt nhất là dịch âm là violét, nhưng lại sợ có nhiều người lầm nó với hoa chân chim (pied d'alouette) vẫn bị gọi sai là violét, cho nên dịch là tử lan hoa (loại hoa lan màu tím) thì không lầm với cái gì được.

“Người trồng cây nho và dạy bảo cho người trần tục chà đạp những chùm nho để cho rượu vang chảy ra. Lộng lẫy và nhân từ, Người ruổi rong khắp thế gian, có một đoàn tùy tùng dài đi theo. Để tháp tùng Người, tôi đội lốt một người chăn dê: từ trán tôi mọc ra hai cái sừng mới nhú, mũi tôi tẹt và tai tôi nhọn; hai cái hạch lưng lẳng ở cổ tôi, như ở cổ những con dê cái; ở mông tôi ve vẩy một cái đuôi dê đực và đôi cẳng chân lông lá của tôi tận cùng bằng một cái móng sừng đen và trẻ đôi, nó gõ mặt đất nhịp nhàng.

“Dionysus đi trọn vẹn khắp thế giới cuộc du hành đặc thắng. Cùng với Người, tôi đi qua xứ Lydie\*, những đồng nội xứ Phrygie\*, những đồng bằng nóng bỏng nước Ba Tư, xứ Medie\* đầy những sương giá, xứ Ả Rập hạnh phúc và châu Á phong phú. Có những đô thành phồn thịnh chân đầm sóng biển, Người tiến lên, trên một cỗ xe kéo bằng những sư tử và mèo rừng, theo nhịp những tiếng sáo, tiếng chũm chọe và tiếng trống, được sáng chế cho những biểu diễn thánh kịch của Người. Các cô gái Bacchante, Thiase và Ménade đầu đội mũ da hươu sao non, vung vẩy cây tiêu thần trượng có quần

dây leo trường xuân. Người lôi cuốn sau chân Người những thần Satyre, đàn lũ vui vẻ do tôi dẫn dắt, những thần Silène, những thần Pan\*, thần Centaure. Dưới bước chân của Người nảy sinh các hoa và các quả, và khi lấy tiêu thần trượng gõ vào những tảng núi đá, Người làm vọt ra những dòng suối trong veo.

Lydie: xứ cũ miền Tiểu Á, trên bờ biển Égée.

Phrygie: một miền cũ ở trung tâm Tiểu Á châu.

Medie: một miền cũ của châu Á, xưa kia đã từng là một đế quốc hùng cường, sau bị sát nhập vào Ba Tư.

Pan: vị thần của tự nhiên, hoang dã, của những kẻ chăn gia súc; đầu thần có sừng, hay thổi sáo điều khiển điệu múa của các Lâm Tuyền tiên nữ; cũng hay thích nhập bọn tùy tùng Dionysus, qua các núi rừng, thung lũng, v.v...

“Vào thời gian hái nho, Người đi tham quan nước Hy Lạp; và những dân làng chạy đến để đón chào Người, mình nhuộm đầy những nước nho xanh hoặc đỏ, đeo mặt nạ gỗ, bằng vỏ cây hoặc lá cây, một cái bát bằng đất nung trong tay, và nhảy múa những vũ điệu âm đặng. Những đàn bà của họ, bắt chước các thị tòng của Thần, đầu quấn cành thổ phục linh màu xanh lục, buộc trên hai bên sườn mềm mại những miếng da hươu sao non và da dê non. Các cô gái đồng trinh thì buộc vào cổ những tràng quả và nhào những bánh ga tô bằng bột và mang hình tượng Dương vật trong cái giỏ huyền bí. Và những người trồng nho nhem nhuốc những cận rượu vang, đứng trên các cỗ xe của họ, trao đổi với khách qua đường lời chế nhạo và chửi rủa, sáng chế ra bi kịch.

“Cố nhiên, không phải bằng cách ngủ gà ngủ gật bên bờ một dòng suối, mà bằng một công phu lao động nặng nhọc, Dionysus đã học được cách trồng

trọt cây cối và bắt nó phải sản xuất những quả ngọt ngào. Và trong khi Người trù tính nghệ thuật biến những cư dân thô lỗ của rừng rú thành một giống nòi bạn hữu với đàn thiên cầm và phục tùng những luật lệ đúng lý, đã hơn một lần, trên vầng trán nồng cháy niềm hưng phấn, phảng qua nét u sầu và giây phút mê sảng âm đạm. Nhưng tri thức uyên thâm của Người và tình bạn hữu của người đối với loài người khiến cho Người khắc phục tất cả mọi trở ngại. Ôi những ngày thần tiên! Ôi vầng hồng đẹp của cuộc sống! Chúng tôi dẫn dắt các cô gái Bacchante lên những đỉnh núi cao rườm rà cây lá và trên bờ cát vàng của biển cả. Các ả Naiades và Oreades\* cũng hòa lẫn vào các trò chơi của chúng tôi. Nàng Aphrodite, khi chúng tôi đến gần, từ bọt sóng biển hiện lên, để mỉm cười với chúng tôi.”

Naiades, Oreades: Naiades là các nữ thần các dòng suối; Oreades là nữ thần các núi non và hang đá.

## CHƯƠNG THỨ MƯỜI CHÍN

*Truyện kể tiếp theo.*

“Khi loài người đã biết canh tác, chăn dắt đàn gia súc, xây tường bao quanh các thành trì thiêng liêng và nhận biết các thần về vẻ đẹp của họ, tôi bèn rút lui về cái miền êm đềm nọ, có những khu rừng dày rậm bao quanh, có những dòng sông chảy qua, sông Stymphale, sông Olbios, sông Erymanthos, và sông Styx\* lạnh giá, và ở đó, trong một thung lũng tươi mát, dưới chân một ngọn đồi trồng những cây dương mai\*, cây ô liu, cây thông, dưới một cụm những cây phong và cây bạch dương, bên bờ một dòng suối chảy róc rách êm đềm giữa những khóm nhũ hương rậm rạp, tôi ca vịnh cho những mục đồng và những Lâm Tuyền tiên nữ nghe chuyện đản sinh của thế giới, nguồn gốc của lửa, của không khí tinh vi, của nước và của đất. Tôi nói cho họ nghe những con người đầu tiên đã sống khổ cực và trần trụi như thế nào, trong rừng rú, trước khi những quỷ thần có trí xảo dạy bảo cho họ các kỹ năng và nói cho họ biết các giáo đoàn của Thần\* và người ta tương truyền Sémélé\* là mẹ của Dionysus như thế nào, bởi vì tư tưởng ân ưu của Người phát sinh ra từ trong sấm sét.

Stymphale là con sông ở vùng Peloponese - Hy Lạp, nơi Héraclès thực hiện kỳ công thứ sáu, tiêu diệt bầy chim Stymphale.

Olbios: Tên con sông cổ gần Phénéos, Hy Lạp.

Erymanthos: tên con sông phía tây Peloponese - Hy Lạp.

Styx: trong thần thoại Hy Lạp, Styx là con sông tạo nên ranh giới giữa trần gian và âm phủ.

Cây dương mai (arbousier): các từ điển Pháp-Hoa và Pháp-Việt đều dịch như vậy, không rõ là cây gì, arbousier, là một giống cây ở miền Nam nước Pháp, có quả màu đỏ gần giống như dâu tây.

Các giáo đoàn của thần (les thyases du Dieu): Thần, đây là Dionysus; thyases là các đoàn thể do những người tín mộ lập nên để cúng bái thần Dionysus.

Sémélé: mẹ của Dionysus, con gái của Cadmos, vua sáng lập thành Thèbes (Hy Lạp).

“Cái dân tộc dễ thương hơn tất cả các dân tộc, đối với mắt của các quý thần, dân tộc Hy Lạp đó, không phải đã tìm ra, không phải vất vả, nền văn hiến tốt đẹp và các kỹ năng. Ngôi đền đầu tiên của họ là một cái chòi kết bằng những cành nguyệt quế; hình tượng chư thần tiên đầu tiên của họ, là một phiến đá sù sì, còn nhuộm máu của Iphigénie\*. Nhưng chỉ ít lâu, họ đem sự khôn ngoan và cái đẹp lên đến một điểm chưa có một dân tộc nào, đã đạt tới trước họ, chưa có một dân tộc nào, từ đó về sau, đã bèn được tới gần. Cái kỳ tích độc nhất trên trái đất đó, Arcade ơi, từ đâu mà ra? Vì sao mảnh đất thiêng liêng của xứ Ionie và xứ Attique\* đã sinh dưỡng được bông hoa vô song đó? Vì ở đó không có giáo quyền, giáo điều, thiên khải gì cả, cả người Hy Lạp không biết đến vị thần duy ngã độc tôn. Chính thiên tư cố hữu của họ, vẻ đẹp cố hữu của họ, mà người Hellène\* làm thành những thần thánh của họ, và khi họ ngược mắt nhìn lên trời, thì họ thấy lại ở trên đó hình ảnh của chính mình. Họ quan niệm mọi sự vật theo tầm vóc họ và cho các đền đài của họ những kích thước hoàn hảo: tất cả mọi thứ ở đó đều ưu nhã, hài hòa chừng mực và khôn ngoan; tất cả ở đó đều xứng đáng với các vị thần tiên được thờ phụng, và dưới những danh hiệu tốt lành, dưới những hình thể tròn vẹn, các vị đó đều biểu hiện thiên tư của con người. Các cột trụ nó nâng đỡ cái dầm bằng cẩm thạch, cái diềm phẳng và cái gờ trên diềm\* có một cái gì gần gũi với con người, làm cho chúng đáng tôn kính, và đôi khi người ta trông thấy, cũng như ở Athènes và ở Delphes\*, những cô gái xinh đẹp, cường tráng và tươi cười, mang cả cái khối đầu cột\* của những kho tàng và của

những điện thánh. Ôi lộng lẫy thay, hài hòa thay, hiền minh thay!

Iphigenie: con gái của Agamemnon và Clytemnestre. Agamemnon, thủ lĩnh những anh hùng Hy Lạp vây hãm thành Troie. Để làm yên cơn giận dữ của nữ thần Diane và làm dứt những cơn gió ngược, Agamemnon phải hy sinh con gái là Iphigenie, theo lời khuyên của thầy bói Calchas (Truyện hy sinh Iphigenie đã làm đề tài cho vở bi kịch lớn của Racin).

Ionie, Attique: Ionie là một xứ ở Tiểu Á châu xưa, nơi cư trú của những người Hy Lạp di cư; những người này là người Hy Lạp thông minh và quả cảm nhất.

Attique: một miền của Hy Lạp cổ, thủ phủ là Athènes. Tiếng Attique đi vào ngôn ngữ phổ thông và có nghĩa bóng là có tính ưu nhã, tế nhị và tinh tế của tinh thần Athènes.

Hellène tức là người Hy Lạp.

Diềm phẳng, gờ trên diềm (frise, corniche): trên đầu những cột trụ (trong kiến trúc các đền đài) có xây một khối đè lên đầu cột và đỡ mái nhà, cả khối gọi là khối đầu cột (entablement), chia làm ba bộ phận: bộ phận dưới cùng đè trực tiếp vào đầu cột, gọi là architrave (đế của khối), bộ phận trên cùng đỡ mái, có đường gờ nhô ra, gọi là corniche (gờ trên diềm), bộ phận giữa, là frise (diềm phẳng) hoặc nhẵn nhụi hoặc có đắp hình trang trí.

Delphes: thành của cổ Hy Lạp, ở chân núi Parnasse, trên núi có một đền thờ Apollon.

Khối đầu cột (entablement): Xem chú thích ở trên.

“Dionysus quyết định đi sang nước Ý. Ở đó có những dân tộc thèm khát được tung dương những huyền bí của Người, gọi tên Người là Bacchus. Tôi kiếm chỗ ngồi trong chiếc thuyền của Người có trang trí những cảnh nho, và ghé bên dưới con mắt nhìn của hai người em trai nàng Hélène\*, ở cửa sông Tibre\* vàng óng. Nhờ những bài học của vị thần, các cư dân của xứ Latium\* đã biết phối hợp cây nho với cây tiểu du. Tôi thích đến cư ngụ, dưới chân núi Sabins\*, ở một thung lũng nhỏ có cảnh lá sum suê, có những dòng suối trong trẻo chảy qua. Tôi hái trong những cánh đồng cỏ, hoa mã tiên và hoa cẩm quỳ. Những cây ô liu xanh lợt, vụn vụn ở dốc sườn đồi những cái thân bị xuyên thủng lỗ chỗ, cung cấp cho tôi những quả óng mượt. Ở đó, tôi dạy bảo

cho những con người có cái đầu ngoan cố, họ không có như người Hy Lạp, một đầu óc trí xảo, nhưng có trái tim cương nghị, có tâm hồn nhẫn nại và họ tôn kính chư thần. Anh chàng láng giềng của tôi, binh sĩ quê mùa, suốt trong mười lăm năm, còng lưng dưới gánh nặng, đã đi theo con đại bàng La Mã\* qua núi cao, biển cả, và đã trông thấy những quân thù của dân tộc - đế vương bỏ chạy. Bây giờ anh ta điều khiển trong ruộng cày hai con bò thiến màu hung hung của anh, chúng mang trên trán, giữa đôi sừng nở nang, một ngôi sao trắng. Trong khi đó, dưới mái rạ, vợ anh ta, trinh tiết và nghiêm trang, già tỏi trong một cái cối bằng thanh đồng và nấu món đậu hột trên phiến đá thiêng liêng của bếp lửa. Và tôi, bạn của anh, ngồi không xa dưới một gốc cây sồi, tôi làm vui cho công việc của anh bằng tiếng sáo của tôi và tôi mỉm cười với lũ con trẻ của anh khi vào giờ mặt trời ngả bóng, chúng ở rừng về, mang nặng những củ cành. Ở cửa vườn, có những trái lê và trái bầu đang chín và có cây hòe và cây acanthe\* muôn đời xanh tươi đang nở hoa, một tượng thần Priape\* đẽo gọt vào một cái thân cây vả, đe dọa bọn trộm cắp bằng cái dương vật\* to tướng và những cây lau sậy gió thổi phất phơ trên đầu tượng thần đó, làm kinh hãi bọn chim phá phách. Đầu tuần trăng, anh chàng nông phu thành kính cung hiến các thần gia trạch đầu kết vòng hoa sim và hoa mê điệt, một nắm muối và lúa đại mạch.

Hélène: công chúa Hy Lạp, có sắc đẹp nổi tiếng, con gái của Léda (chị của Castor và Pollux), vợ của Ménélas, vua thành Sparte. Hélène bị Pâris con của vua thành Troie bắt cóc đem đi, do đó nổ ra cuộc chiến tranh thành Troie, đề tài của sử thi Iliade của Homère.

Hai người anh em trai là Castor và Pollux, con của Léda và Jupiter (hóa thân làm một con thiên nga vào ử Léda, sinh ra hai con trai nói trên), sau được mang lên trời, hóa thành chòm sao Gémeaux, nghĩa là anh em sinh đôi, tên gọi chòm sao Song nữ cung, là cung thứ ba trong 12 cung Hoàng đạo tương ứng với thời gian từ 21 tháng 5 đến 22 tháng 6 là ngày Hạ chí. Có lẽ ở đây, A. France muốn nói thuyền ghé bến vào thời gian đó.

Tibre: con sông ở nước Ý, chảy qua La Mã.

Latium: một miền của nước Ý, giữa xứ Toscane và xứ Campanie ở bờ biển Tyrrhénienne, dân cư gọi là dân La tinh. Thủ phủ: La Mã.

Núi Sabins: Sabins là tên gọi một dân tộc dòng giống Assyria, đến định cư ở nước Ý, miền Sabins (Sabins ở trung tâm nước Ý, phía Bắc miền Latium) đã từ lâu đời. Dân cư trên dãy núi Sabins, mãi đến năm 220 trước CN mới thần phục người La Mã.

Con đại bàng La Mã (l'aigle romaine): tức là quân kỳ, hiệu kỳ của La Mã.

Acanthe: một loài cây có gai ở miền nam, lá xanh quanh năm rất rộng và có hình cắt chung quanh rất đẹp, uốn éo thành hình trang trí, thường được khoa kiến trúc lấy làm mẫu đắp hình trang trí ở đầu cột trụ. Các từ điển Pháp-Việt và Pháp-Hoa dịch là: cây tước sang. Đây chỉ là dịch âm.

Priape: thần các vườn cây và nương nho.

Cái dương vật: ở đây, tác giả không nói son bras mà nói son membre, thì đích là chỉ cái dương vật, chứ không phải cẳng tay, cẳng chân.

“Tôi được trông thấy các con của anh và các con của các con anh lớn lên, chúng vẫn giữ được trong trái tim lòng thành kính ban đầu và không quên dâng của lễ hy sinh cho Bacchus, Diane và Vénus, cũng không quên rót rượu vang thuần khiết và trút những bông hoa xuống dòng suối. Nhưng dần dà, chúng sút kém tính nhẫn nại và hồn nhiên như cũ. Tôi nghe thấy chúng rên rỉ khi dòng thác, bị những trận mưa to làm cho nước dềnh lên, bắt buộc chúng phải đắp một con đê để bảo vệ đồng ruộng của ông cha: rượu vang gắt của xứ Sabine làm cho mồm miệng tế nhị của chúng chán ngán. Chúng đi uống những rượu vang Hy Lạp ở quán rượu lân cận và quên cả giờ giấc khi nhìn xem nhảy múa, dưới giàn nho treo tường, cô nàng thối sáo khéo uốn éo đôi hông nhẵn bóng của cô, theo tiếng chuông rung của con rắn mai gầm\*. Các nông phu tự tạo những giây phút rảnh rang vui thú khi nghe tiếng rầm rì của cành lá và của những dòng suối, nhưng người ta trông thấy, qua khe hở của rặng bạch dương, dựng lên ở bờ con đường cái thiêng liêng, những ngôi mộ



to lớn, những bức tường, những bàn thờ, và tiếng rầm rầm của những chiến xa trở thành quen thuộc hơn trên những đá lát đường đã mòn. Một cây anh đào còn tơ, do một cựu chiến binh mang lại, cho chúng tôi biết những cuộc chinh phục xa xôi của một vị tổng tài, và những bài đoản thi, hát theo tiếng thiên cầm, mách bảo cho chúng tôi biết những chiến thắng của La Mã, chúa tể thế giới.

Rắn mai gầm (Crotale): loài rắn độc, vết cắn bao giờ cũng chết người (có tên gọi nữa là rắn chuông rung). Nhưng crotale còn có nghĩa là cái phách gõ nhịp của các giáo sĩ thờ nữ thần Cybèle. Vậy chúng tôi ngờ rằng ở đây, au son du crotale, có lẽ là phải hiểu theo nghĩa theo nhịp phách thì xuôi hơn. Tuy vậy, cứ đưa cả hai nghĩa ra để bạn đọc tham khảo.

“Tất cả các miền mà Dionysus vĩ đại đã rong ruổi qua, biến đổi các dã thú thành những con người, và làm nảy nở hoa quả và mùa màng trên con đường của những ménade của người, bây giờ được sống cảnh thanh bình của La Mã, Đứa con bú sữa của con Sói mẹ\*, vừa là binh sĩ và thợ đào đắp, bạn của các dân tộc thua trận, vạch ra các con đường đi từ các bờ của Biển cả mù sương đến tận những sườn dốc hiểm trở của rặng núi Caucasus; trong tất cả các đô thành, những đền đài của Augustus và của La Mã được dựng lên, và lòng tin của tất cả loài người vào nền công lý La tinh lớn đến nỗi trong các hẻm núi của xứ Thessalie\* hoặc trên những bờ sum suê của sông Rhin, người nô lệ sắp ngã gục dưới một sức đè nặng bất công, kêu lên: “César!” Nhưng tại sao, trên trái cầu đất và nước này, mọi cái đều phải héo hon và chết đi, và những cái đẹp nhất lại chóng tàn nhất? Hỡi những con gái\* đáng yêu của Hy Lạp, hỡi khoa học, hỡi Hiền minh, hỡi cái đẹp, những thần thánh ân đức, các người ngủ một giấc hôn mê, trước khi bị sự xúc phạm của những quân man di\* chúng đã sẵn sàng, trong đầm lầy phương Bắc và các thảo nguyên hoang

văng, để tấn công các người, chúng đang cười trên những con ngựa không yên bé nhỏ lông dài của chúng.

Con sói mẹ (la Louve): tương truyền là hai anh em Romulus và Rémus hồi sơ sinh được một chú sói mẹ cho bú sữa, sau lớn lên Romulus sáng lập ra thành La Mã, làm vua đầu tiên của La Mã. Rémus bị Romulus giết chết. Đây, nói đùa con bú sữa, có lẽ là chỉ Romulus.

Thessalie: một miền của Hy Lạp.

Con gái: Khoa học, hiền minh, và cái đẹp, tiếng Pháp là Science, Sagesse, Beauté, đều là những danh từ giống cái.

Man di (barbare): vốn tiếng barbare (gốc ở tiếng Hy Lạp barbaros, nghĩa là ngoại tộc, ngoại quốc) chỉ dùng ở Hy Lạp và La Mã để chỉ bất cứ người ngoại quốc nào, bị coi là văn minh thấp kém. Sau có nghĩa chung là: kém văn minh, man rợ. Rồi từ đó mở rộng nghĩa là: độc ác, vô nhân đạo, không có văn hóa, thô lỗ, v.v... Dịch là man di cho gần với nghĩa thứ nhất của nó.

“Arcade thân mến ơi, trong khi người binh sĩ nhẫn nại đóng quân ở những bờ sông Phase và Tanais\*, thì những phụ nữ và những giáo sĩ của châu Á và của châu Phi quái đản xâm lược đô thành Vĩnh cửu\* và đem những uy thế của chúng làm hoang mang những người con của Rémus. Từ trước đến đó kẻ ngược đãi các quý thần tài trí, Jéhovah, chỉ được biết đến trong thế giới, và y mạo xưng là đã sáng tạo ra, bởi vài bộ tộc khốn khổ ở Syrie, từ lâu vẫn hung dữ như y, và vĩnh viễn bị kéo lê từ vòng nô lệ này sang vòng nô lệ kia. Lợi dụng nền thanh bình của La Mã bảo đảm khắp nơi sự tự do buôn bán, du hành và khuyến khích sự trao đổi những sản phẩm và những tư tưởng, vị thần già nua này chuẩn bị cuộc chinh phục láo xược vũ trụ. Ngoài ra, y không phải có một mình làm một cuộc mưu đồ như thế. Cùng một lúc với y, một đoàn lúc nhúc những chư thần, những thần sáng tạo, những ma quỷ, như Mithra, Thamous, thần Isis hiền hậu, Euboulos\* cũng trù tính xâm chiếm thế giới thanh bình. Trong số tất cả những thần đó, thì Jéhovah có vẻ ít được săn sàng

để chiến thắng hơn cả. Sự dốt nát của y, sự độc ác, sự khoa trương, sự xa hoa mang tính chất châu Á, sự khinh thường các quy luật, sự giả vờ ẩn hình của y, chắc là phải xúc phạm người Hellène, các người La tinh kia, họ đã được tiếp thu những bài học của Dionysus và của các Nữ thần văn nghệ. Bản thân y cũng tự cảm thấy không có khả năng tranh thủ những trái tim của những con người tự do và của những đầu óc đã được khai hóa, và y dùng mưu mẹo. Để cám dỗ các linh hồn, y bịa ra một chuyện hoang đường, mặc dầu không khôn khéo bằng những huyền thoại, mà chúng tôi đã trang trí cho đầu óc của những đồ đệ xưa cũ của chúng tôi, nhưng cũng có thể làm cảm động những trí thông minh yếu ớt, ở đâu thì cũng có từng đoàn lũ dày đặc. Y tuyên bố rằng loài người vì tất cả đã phạm một tội nặng đối với y, một tội nặng truyền tử nhập tôn, phải chịu sự hình phạt trong đời sống hiện tại và đời sống tương lai của họ (vì những con người trần tục nghĩ một cách điên rồ rằng đời sống của họ còn kéo dài tới địa ngục) và lão Jéhovah lấu linh cho biết lão đã phái con trai của chính lão xuống trần gian để lấy máu của y chuộc tội cho loài người. Không thể nào tin được rằng khổ hình lại chuộc được tội lỗi, và lại càng khó tin hơn nữa rằng kẻ vô tội có thể đền tội cho kẻ có tội. Những đau khổ của một kẻ vô tội chẳng đền bù được gì cả và chỉ thêm một sự đau khổ vào một sự đau khổ khác. Ấy vậy mà, có những con người khốn khổ đi thờ kính Jéhovah và con trai đền tội của lão, và đi báo tin những huyền bí của bọn họ như một tin lành. Đáng lẽ chúng tôi phải ngờ trước sự điên rồ đó. Chúng tôi đã chẳng thấy bao phen những con người kia, khi còn nghèo khổ và trần trụi, quỳ xuống trước mặt tất cả những bóng ma của sự kinh hãi và đáng lẽ theo các bài học của những quý thần ân đức, lại vâng theo cái điều răn của những thần sáng tạo độc ác? Jéhovah, bằng mưu mẹo, vợ được các

linh hồn như một mẻ lưới. Nhưng lão không rút ra được, để làm vinh quang cho lão, tất cả cái lợi mà lão chờ đợi. Không phải lão ta, mà là con trai của lão được tiếp nhận những lễ vật của loài người và đem tên của y\* đặt cho sự sùng bái mới. Bản thân lão thì hầu như cả trái đất không ai biết đến.”

Phase: Sông nhỏ ở xứ Colchis, chảy vào Hắc Hải. Tanaïs: tên xưa của sông Don (Nga).

Đô thành Vĩnh cửu (Ville Éternelle): tức là La Mã.

Mithra, Thamous, Isis, Euboulos: Mithra, một trong những thần trong tôn giáo của người Iran; Thamous (Thammuz hoặc Tammuz) là thần của người Sumérien; Isis: đã chú thích; Euboulos: tên vị thần Hy Lạp.

Tên của y: Là Jesus Christ, tiếng Christ do tiếng Hy Lạp Christos (nghĩa là được xức dầu) phiên âm qua tiếng Trung Hoa, ta đọc là Cơ đốc đem đặt cho tôn giáo mới Christianisme, ta gọi là Cơ đốc giáo.

## CHƯƠNG THỨ HAI MƯỜI

*Truyện kể tiếp theo.*

“Trò mê tín mới, trước hết lan rộng ở Syrie và ở châu Phi; nó tràn đến các hải cảng lúc nhúc một thứ hạ dân nhơ nhớp, và thâm nhập vào nước Ý, trước hết ô nhiễm bọn gái đĩ và bọn nô lệ, rồi tiến rất nhanh chóng vào đám tiện dân của đô thị. Nhưng trong một thời gian lâu dài, các vùng nông thôn đã không bị nó làm phiền. Cũng như thời quá khứ, các thôn dân vẫn dâng cho nữ thần Diane một cây thông mà họ tưới hàng năm bằng máu của một con lợn cỏ còn non, cúng bái thần Gia trạch để xin các vị phù hộ, bằng lễ hiến tế một con lợn nái và hiến dâng Bacchus, ân nhân của loài người, một con dê trắng toát, và, nếu họ nghèo quá, ít ra họ cũng cúng các thần bảo hộ bếp lửa, bảo hộ ruộng nho và đồng ruộng, một ít rượu vang và bột. Chúng tôi đã dạy cho họ rằng chỉ cần mó vào ban thờ bằng một bàn tay thanh khiết, và chư thần vui lòng với một lễ lạt xuềnh xoàng. Trong khi đó, sự ngự trị của Jéhovah được loan báo ở hàng trăm nơi bằng những trò điên cuồng. Những người Cơ đốc giáo đốt sách, lật đổ đền đài, thiêu hủy các đô thành, thi hành những cuộc tàn phá đến tận các sa mạc hoang dã. Ở đó, hàng nghìn những người khốn khổ, xoay cơn cuồng nộ vào chính bản thân mình, tự rạch sườn bằng những mũi sắt nhọn. Và, khắp mặt đất, những tiếng thở than của những nạn nhân tự nguyện dâng lên vị thần như những lời ca tụng. Nơi ẩn dật có bóng mát âm u của tôi cũng không thể thoát lâu được sự cuồng dữ của những quân điên rồ đó.

“Ở trên đỉnh ngọn đồi, cao hơn khu rừng ô liu hăng ngày được vui lên vì

tiếng sáo của tôi, vươn lên từ những năm đầu của nền thanh bình La Mã, một ngôi đền nhỏ bằng cẩm thạch, tròn như những cúp lều của tổ tiên. Nó không có tường vách: trên một cái nền cao bảy bậc, dựng đứng thành vòng tròn mười sáu cột trụ có những hình lá acanthe xoắn cuộn, mang một cái mái vòm bằng ngói trắng. Mái vòm đó che phủ một pho tượng thần ái tình vót cánh cung, tác phẩm của một nhà điêu khắc ở Athènes. Đứa trẻ có vẻ như đang thờ; nổi vui mừng hiện ra từ đôi môi của nó; tất cả tay chân của nó đều hài hòa và mềm mại. Tôi tôn kính hình tượng đó của vị thần có mãnh lực nhất trong các thần, và tôi dạy cho các thôn dân đem cúng dâng vị thần đó một cái bát, bao phủ bằng hoa mã tiên, và đây một thứ rượu vang cũ hai năm.

“Một hôm tôi đang ngồi theo thường lệ ở dưới chân vị thần, suy nghĩ về những lời giáo huấn và những bài hát thì bỗng một người đàn ông lạ mặt, man rợ, râu xồm xoàm, tiến đến gần ngôi đền, nhảy một cái qua bậc cẩm thạch, và đẩy về nhanh nhẹn hung dữ, kêu lên:

“- Hãy chết đi, quân đầu độc các tâm hồn, và cầu cho sự hoan hỉ và cái đẹp cùng chết với mi.

“Nó nói và rút trong thắt lưng ra một cái búa và giơ lên đầu vị thần. Tôi chặn cánh tay nó lại, quật nó ngã xuống và chà đạp lên nó dưới móng chân bằng sừng\* của tôi.

Móng chân bằng sừng: như móng ngựa, lừa, bò, dê, v.v... Nên nhớ là luôn luôn ông già Nectaire đội lốt con dê, có sừng, có chân trê đôi và móng bằng sừng, theo đúng hình tượng con quỷ trong truyền thống cũ.

“- Đồ quỷ, - nó kêu lên với một sự can đảm hung dữ, hãy để cho tao lật đổ cái ngẫu tượng này rồi mày có thể giết tao sau.

“Tôi không chấp nhận lời thỉnh nguyện tàn khốc của nó; nhưng dùng hết sức nặng của tôi đè lên ngực nó, răng rắc dưới đầu gối của tôi, và lấy hai bàn tay bóp cổ nó, tôi bóp chết nghẹt tên vô đạo.

“Trong khi nó nằm sũng sướt, mặt tím ngắt, và lưỡi thè lè, dưới chân vị thần tươi cười, tôi đi tẩy rửa cho thanh khiết ở suối nước thiêng liêng. Rồi, rời bỏ miền đất đó, đã trở thành cái mời cho bọn Cơ đốc giáo, tôi đi xuyên qua các xứ Gaules\*, và tới hai bờ sông Saône\* mà xưa kia Dionysus đã du nhập cây nho đến. Vị thần của bọn Cơ đốc giáo còn chưa được bảo trì cho những dân tộc hạnh phúc này. Họ thờ kính, vì vẻ đẹp của nó, một cây sồi rừng rậm lá, mà những cành được tôn trọng rủ xuống tận đất, và họ treo vào đó những dải băng nhỏ bằng len. Họ cũng thờ kính một ngọn suối thiêng liêng và đặt những hình tượng bằng đất sét trong một cái hang đá ẩm ướt. Họ cúng dâng những miếng phô mai nhỏ và một bát sữa cho các Lâm Tuyền tiên nữ. Nhưng chẳng bao lâu, một sứ đồ của buồn rầu được phái đến họ do vị thần mới. Y khô đét hơn một con cá hun khói. Tuy bị kiệt sức bởi nhịn đói và thức đêm, y giảng dạy, với một sự nồng nhiệt không sao dập tắt nổi, chẳng biết những lẽ huyền bí âm u gì. Y yêu thích đau khổ và cho rằng đau khổ là tốt: nổi tức giận của y theo đuổi tất cả những gì đẹp, yêu kiều và hoan hỉ. Cái cây thiêng liêng ngã xuống dưới lưỡi búa của y. Y căm thù các Lâm Tuyền tiên nữ vì các cô đó đẹp, và y nguyện rửa vào mặt họ khi đôi hông tròn trĩnh của họ lấp lánh ánh hoàng hôn, qua khe hở của cành lá, và y ghét tiếng sáo du dương của tôi. Tên khốn cùng đó nghĩ rằng có những câu thần chú để xua đuổi các quý thần bất tử cư trú trong những hang hốc tươi mát, trong những chốn rừng sâu và những đỉnh núi cao. Y tưởng tưởng được chúng tôi bằng vài giọt nước trên đó y đã đọc vài câu nào đó và làm vài cử chỉ nào đó. Để báo

thù, các Lâm Tuyền tiên nữ xuất hiện lên trong ban đêm và làm cho y sinh lòng thèm muốn điên cuồng mà tên ăn mày đó cho là tội nặng, rồi các cô bỏ chạy, gieo rắc qua các cánh đồng tiếng cười giòn giã, trong khi nạn nhân của các cô quần quai, lòng cháy bùng, trên nệm trái lá cây. Như vậy các Lâm Tuyền tiên nữ thần thánh nhạo báng những quân phù thủy và chế giễu bọn ác bụng và sự trinh khiết bản thủ của chúng.

Các xứ Gaules: tên chung để chỉ nhiều dân tộc khác nhau, ngày xưa sinh tụ ở một miền rộng lớn bao gồm nước Pháp ngày nay, nước Ý ngày nay và một phần đất đai của các nước Trung Âu.

Sông Saône: một nhánh sông Pháp bắt nguồn từ tỉnh Vosges, đổ vào sông Rhône của nước Pháp, ngã ba sông là thành phố Lyon.

“Gã sứ đồ đã không làm hại được như y mong muốn, vì y dạy bảo những đầu óc chất phác và ngoan ngoãn theo lệnh của thiên nhiên và sự tầm thường của phần nhiều người, là họ rút được ít hệ quả từ những nguyên lý người ta truyền thụ cho họ. Khu rừng nhỏ mà tôi cư ngụ là thuộc quyền sở hữu của một người Gaulois\* dòng dõi gia đình nguyên lão nghị viên, còn giữ được một tí di phong của những ưu nhã La tinh. Anh ta yêu cô nô lệ phóng thích trẻ tuổi của anh ta và chia sẻ với cô cái giường vải điều có thêu những bông hoa thủy tiên. Bọn nô lệ của anh trồng trọt ruộng nho và vườn cây của anh, anh là thi sĩ và bắt chước Ausone\* ca vịnh nữ thần Venus quất con trai của nàng bằng những cành hoa hồng. Mặc dầu anh là người theo đạo Cơ đốc, anh cũng cung hiến cho tôi sữa, hoa quả và rau đậu như cho thổ thần địa phương. Đáp lại, tôi làm vui những phút rảnh rỗi của anh bằng tiếng sáo của tôi và đem lại cho anh những giấc mơ tốt đẹp. Thực sự, những người Gaulois hòa bình đó biết rất ít về Jéhovah và con trai của lão.

Gaulois: thuộc về xứ Gaules.



Ausone: nhà thơ tiếng La tinh, sinh ở Bordeaux năm 309, chết năm 394.

“Nhưng đây kia, những đám lửa nhóm lên ở chân trời, và những tro tàn, bị gió xua đi rơi rắc trong khu thừa thoáng của những cánh rừng của chúng tôi. Những nông dân dẫn trên các đường cái một đoàn dài những xe vận chuyển hoặc thúc những đoàn gia súc trước mặt họ đi lên. Những tiếng kêu hãi hùng cất lên từ các làng xóm: “Quân Burgondes\*!...” Một kỵ sĩ đầu tiên hiện ra, ngọn giáo cầm tay, toàn thân mặc áo giáp trụ bằng thanh đồng màu sáng, và bộ tóc đỏ dài của y rủ thành hai cái bím trên hai vai. Rồi hai tên nữa tới, rồi hai chục, rồi hàng nghìn, dữ tợn, máu me. Chúng tàn sát các ông già, các con trẻ, hãm hiếp cả đến các bà cụ lão tổ mà những lợn tóc bạc dính bê bết vào đế giày của chúng, cùng với óc những trẻ sơ sinh. Anh chàng người Gaulois trẻ tuổi của tôi và cô nô lệ phóng thích trẻ tuổi của anh, đổ máu nhuộm đỏ giường nằm có thêu hoa thủy tiên. Quân man di đốt các giáo đường basilica để thui chín những bò thiến nguyên cả con, chúng đập vỡ các bình amphore\* và húp rượu vang lẫn trong bùn của các hầm ủ rượu bị ngập. Những cô vợ của chúng đi theo chúng, chồng chất lên nhau nửa lỏa thể trong các cỗ chiến xa. Khi Viện nguyên lão và nhân dân các đô thị và thủ trưởng các nhà thờ đã chết trong những đồng lửa, thì quân Burgondes say rượu nằm lăn dưới những vòm cuốn tò vò của quốc dân hội nghị trường. Và mười lăm ngày sau, người ta thấy một đứa trong bọn chúng mỉm cười, trong bộ râu dày rậm, với một đứa trẻ nhỏ, mà trên bậc cửa của nhà ở, cô vợ tóc vàng xinh đẹp bồng trên tay; một tên khác nhóm lò rèn mà nện sắt nhíp nhàng; một tên khác ngồi hát dưới một cây sồi cho các đồng bọn tụ hội của chúng, ca vịnh những thần và những anh hùng của giống nòi hắc; và những tên khác nữa bày ra, để

bán, những miếng đá từ trên trời rơi xuống, những cái sừng bò rừng và những bùa tua bùa túi để đeo chơi. Và các cư dân xưa cũ của miền đó, dần dần được yên tâm, từ trong những khu rừng ẩn náu đi ra, và đi nâng cất lại túp lều bị cháy của họ, cày ruộng của họ và xén những gốc nho của họ. Người ta lại sinh hoạt trở lại nhưng những thời đó là những thời khốn khổ nhất mà nhân loại còn phải trải qua. Quân man di tràn khắp đế quốc. Phong tục của họ thô lỗ, và vì họ nuôi dưỡng ý chí báo thù và tham lam nên họ tin tưởng vững chắc ở sự đền chuộc các tội lỗi. Cái chuyện hoang đường của Jéhovah và con trai của lão, họ lấy làm thích và họ tin dễ dàng, nhất là nó đã được dạy bảo cho họ do những người La Mã kia, mà họ biết là học thức giỏi giang hơn họ và họ ngầm cảm phục các kỹ năng và phong tục. Than ôi! Hy Lạp và La Mã chỉ có những kẻ thừa kế ngu ngốc. Tất cả mọi tri thức đã mất rồi. Khi đó, được hát thánh ca ở cung hát lễ trong giáo đường là một điều hãnh diện lớn, và những kẻ nào nhớ được vài câu trong Kinh thánh được coi là những thiên tài kỳ diệu. Cũng còn có những thi sĩ, cũng như có những chim hót nhưng thơ thần của họ khắp khênh cả mười châu. Các quý thần xưa cũ, những phúc thần của con người, bị lột hết vinh diệu, bị xua đuổi, truy kích, lùng bắt, ẩn nấp trong rừng rú, hoặc, nếu họ còn hiện lên với loài người, thì họ lấy một bộ mặt khủng khiếp, để buộc loài người phải kính nể, một lớp da đỏ, xanh hoặc đen, đôi mắt trợn trừng, một cái mồm to tướng nhe ra những răng lợn lòi, những sừng, một cái đuôi sau đít và đôi khi một cái mặt cười trên bụng. Các Lâm Tuyền tiên nữ thì vẫn đẹp: và những quân man di, chẳng biết một cái tên nào trong những danh hiệu rất êm ái mà các cô mang ngày xưa, gọi các cô là các nàng tiên, gán cho các cô một tính khí thay đổi thất thường và những sở thích trẻ con, chúng sợ các cô, yêu các cô.

Quân Burgondes: bộ lạc Germanie định cư trên bờ sông Rhine từ thế kỷ IV, bị quân Hung nô đánh bại năm 437, liên kết với người La Mã và an cư ở lưu vực sông Rhône, bị quân Pháp thẳng phục năm 534. Xứ Burgondes ở nước Pháp có tên gọi là do gốc ở tiếng Burgonde.

Bình amphore: một kiểu bình thời cổ, để đựng nước, bầu bình bồ dục, cổ dài, có hai quai.

“Chúng tôi bị thất thế rất nhiều, suy vi rất nhiều; tuy vậy, chúng tôi không nản chí, và giữ một khí chất tươi cười và một tinh thần ân ưu. chúng tôi, trong những thời buổi độc ác đó, đã là những bạn chân chính của loài người. Nhận thấy rằng những quân man di dần dần bớt e sợ và bớt hung dữ, chúng tôi khéo tìm cách chuyện trò với họ dưới mọi cách giả trang. Chúng tôi xúi giục họ, với hàng nghìn cách cẩn thận và những lời quanh co thận trọng, đừng thừa nhận lão Jéhovah già nua là một ông Chúa không bao giờ sai lầm, đừng mù quáng vâng theo mệnh lệnh của lão, đừng sợ những đe dọa của lão. Khi cần thiết, chúng tôi dùng đến cả những mách khéo của tà thuật, chúng tôi không ngớt khuyến khích họ học hỏi thiên nhiên, và tìm tòi các di tích của sự hiền minh xưa cũ. Những chiến sĩ của phương Bắc đó, mặc dù thô lỗ, cũng biết vài kỹ năng cơ giới. Họ tưởng trông thấy những cuộc chiến đấu ở trên trời; tiếng đàn hạc làm cho họ rớt nước mắt và có lẽ họ có một đầu óc có khả năng làm công cuộc to lớn hơn những người Gaulois và La Mã suy đồi mà họ đã xâm chiếm được đất đai. Họ không biết đẽo đá, không biết mài nhẵn cẩm thạch, nhưng họ cho đem đến những đá vân\* và những cột trụ của La Mã và của Ravenne\*; các thủ lĩnh của họ lấy để làm ấn triện một hòn ngọc thạch đã được một người Hy Lạp chạm khắc trong những ngày tốt đẹp. Họ xây dựng những tường thành của họ bằng những hòn gạch sắp xếp khéo léo tua tủa thành kiểu râu bông lúa, và đạt tới mức xây được những nhà thờ khá dễ coi với những gờ diềm được đỡ dưới tầng những giá chân quỳ có đắp những hình

đầu người dữ tợn và những đầu cột nặng nề có những quái vật cắn xé lẫn nhau.

Đá vân (porphyre): tiếng Hán Việt là vân ban thạch, đá có những vân màu đen, xanh đỏ.

Ravenne: thành phố nước Ý, đã từng là thủ đô của đế quốc Tây phương, có rất nhiều đài kiến trúc kiểu Byzantine.

“Chúng tôi dạy họ văn học và khoa học. Một vị trợ tế của chúa họ\*, tên là Gerbert\* đến học chúng tôi những bài học vật lý, số học, âm nhạc, và người ta bảo rằng y đã bán linh hồn cho chúng tôi. Bao thế kỷ trôi qua và phong tục vẫn hung bạo. Thế giới vẫn chìm trong nạn máu lửa. Những người kế ngôi của Gerbert chăm học đó, không vừa lòng chuyện chiếm hữu các tinh thần (lợi lộc trong đó nhẹ hơn không khí), lại muốn chiếm hữu các thân thể nữa. Họ tham vọng nắm quyền quân chủ toàn thế, do các quyền đã được trao cho họ bởi một người đánh cá ở hồ Tiberiade\*. Một người trong bọn họ, có một lúc, nghĩ rằng có ưu thế hơn Germain\* nặng nề, nổi ngôi Augustus. Nhưng cuối cùng quyền tinh thần phải thỏa hiệp với quyền thế tục và các dân tộc bị giằng co giữa hai chúa tể mâu thuẫn. Những dân tộc đó tự tổ chức trong một tình trạng hỗn loạn kinh khủng. Chỉ những là chiến tranh, đói kém, hủy diệt. Vì họ quy cho chúa của họ các loại tai họa nhiều vô kể sập xuống đầu họ, nên họ gọi chúa của họ là chúa Rất tốt, không phải là để làm phản ngữ, mà vì đối với họ kẻ tốt nhất là kẻ gia tai gia họa mạnh nhất. Trong thời buổi hung bạo đó, muốn tự tạo cho mình những giây phút rảnh rang học hỏi, tôi bèn chọn một bề có thể làm cho mọi người ngạc nhiên, nhưng rất khôn ngoan.

Trợ tế của Chúa: tức là Giáo Hoàng.

Gerbert: Sylvestre II tức là Gerbert, làm Giáo Hoàng từ 999 đến 1003.

Hồ Tiberiade: hồ ở Palestin, xứ Galile, có sông Jordan chảy qua.

Germain: không rõ đây là Germain nào, vì trong lịch sử thì nối ngôi hoàng đế Augustus là Tibere chứ không có Germain nào.

“Giữa sông Saône và dãy núi Charolais\*, trên đó có những đàn bò gặm cỏ, có một quả đồi cây, dốc thoải xuống những cánh đồng cỏ được một dòng suối chảy qua. Trên quả đồi đó, dựng lên một tu viện nổi tiếng trong toàn giáo dân Cơ đốc. Tôi che giấu dưới một tấm áo dài đôi chân trẻ của tôi và vào làm tu sĩ trong tu viện đó, sống yên ổn trong đó, tránh khỏi các lính vũ trang, chúng dù là bạn hay thù, đều tỏ ra phiền nhiễu như nhau. Con người, trở thành lẩn cẩn, phải học lại tất cả mọi thứ. Thầy tu Luke, bạn láng giềng ở phòng bên của tôi, đang nghiên cứu phong tục của các loài động vật, dạy rằng con chồn cái thụ thai những con của nó bằng lỗ tai. Tôi đi hái trong những cánh đồng những lá thuốc để đỡ bệnh cho những người ốm đau, từ trước đến đó, để gọi là chữa chạy, người ta cho họ sờ mó những di tích của những vị thánh. Trong tu viện cũng có vài vị thần, đồng loại với tôi, mà tôi nhận ra ở bàn chân móng trẻ của họ và ở những lời ân ưu của họ. Chúng tôi góp sức vào để giáo hóa đầu óc thô lậu của các tu sĩ.

Charolais: miền cũ ở nước Pháp, trong xứ Burgonde.

“Trong khi dưới những bức tường bao của tu viện, những trẻ nhỏ chơi trò đánh đáo nhảy lò cò, thì các tu sĩ chúng tôi chơi một trò chơi khác cũng vô vị như thế và tuy vậy chúng tôi cũng vui chơi với họ; vì cần phải giết thì giờ, và chính đó, nếu nghĩ cho kỹ, là cách duy nhất sử dụng cuộc sống. Trò chơi của chúng tôi là một trò chơi lộng ngữ vừa ý đầu óc chúng tôi, vừa tế nhị vừa thô lỗ, nó làm bưng bưng các trường phái và làm hoang mang tất cả toàn dân Cơ đốc giáo. Chúng tôi chia làm hai phe. Một phe chủ trương rằng trước khi có những quả táo, thì đã có Quả Táo rồi; rằng trước khi có những thầy tu dâm

đăng và tham ăn, thì đã có Thầy tu, có sự Dâm đăng và sự Tham ăn, trước khi có những cái bàn chân và những cái đít ở thế gian này, thì cái Đá đít đã cư ngụ từ đời thuở nào ở Thiên đàng rồi. Phe kia trả lời rằng, trái lại, những quả táo cho con người cái ý niệm về quả táo, những con vẹt, cái ý niệm về con vẹt; những thầy tu, ý niệm về thầy tu, về tham ăn và dâm đăng, và cái đá đít chỉ hiện hữu sau khi đã có kẻ được đá và kẻ bị đá hấn hoi. Các người chơi nổi nóng lên và đánh đấm nhau. Tôi thuộc vào phe thứ hai, nó thỏa mãn lý trí của tôi hơn, và, quả vậy, bị kết tội bởi Nghị hội Soissons\*.

Soissons: một xã trong tỉnh Aisne nước Pháp. Đây là một trong những xã cổ xưa nhất của Pháp.

“Trong khi đó, chỉ đánh lẫn nhau thôi, chư hầu chống thượng chức, thượng chức chống chư hầu, các lãnh chúa chưa thấy làm vừa lòng, bèn nghĩ chuyện đi chinh chiến ở phương Đông\*. Họ nói, theo như tôi còn nhớ, rằng họ đi giải phóng lăng tẩm con trai của Chúa trời. Họ nói như vậy, nhưng đầu óc phiêu lưu và tham lam của họ kích thích họ đi tìm kiếm ở xa xôi những đất đai, những đàn bà, những nô lệ, vàng, nhựa thơm, mộc dục và hương trầm. Những cuộc viễn chinh đó, tôi có cần phải nói không? Đều thảm hại nhưng các đồng bào đần độn của chúng tôi được đem về sự hiểu biết những công nghệ và những kỹ năng của phương Đông, và một lòng yêu thích cái huy hoàng lộng lẫy. Từ đó, chúng tôi đỡ khó nhọc hơn để làm cho họ làm việc và đặt họ lên con đường những sáng chế. Chúng tôi xây những giáo đường đẹp tuyệt vời, những vòng cung gãy khúc một cách táo bạo, những cửa sổ vòng cung nhọn, những chòi tháp cao, hàng nghìn những đầu chuông nhỏ, những mũi nhọn tháp chuông, vút lên bầu trời của Jéhovah, đem lên cho lão vừa những cầu nguyện của những người hèn mọn vừa những đe dọa của những kẻ kiêu căng; vì tất cả cái đó là công trình của chúng tôi cùng ngang với công

trình của những bàn tay của loài người, và thật là một quang cảnh lạ lùng khi trông thấy cùng làm việc với nhau cho ngôi nhà thờ cả những người trần lẫn những quý thần, kẻ thì cửa xẻ, kẻ thì bào nhẵn, ghép những hòn đá, điêu khắc trên những đầu cột trụ và trên những gờ diềm, cành tâm ma, cành gai, cỏ gai, cành kim ngân hoa và cành dâu tây, đẽo gọt hình tượng những Đức Bà Đồng Trinh và những thần thánh, và những hình kì quái các loài rắn, loài cá có đầu lừa, những con khỉ gãi đít, nghĩa là mỗi người đem vào đó thiên tài của mình nghiêm khắc, ranh mãnh, cao siêu, thô kệch, khiêm tốn, táo bạo, và làm cho tất cả đó thành một tổng loạn âm hài hòa, một nhã ca mê ly những niềm vui nỗi đau khổ, một thành Babel khả hoàn\*. Theo sự xúi giục của chúng tôi, các thợ chạm trở, các thợ kim hoàn, các thợ tráng men thực hiện được những kỳ công và tất cả các nghệ thuật xa hoa đều phát đạt cùng một lúc: hàng tơ lụa của Lyon, hàng thảm dệt của Arras, hàng vải của Reims, hàng dạ của Rouen. Những lái buôn vui vẻ cười những con ngựa cái của họ, đi đến các chợ phiên, đem những tấm nhung và gấm vóc, những hàng thêu, những vải kim tuyến, những châu báu, những bát đĩa bằng bạc và những quyển sách tô vẽ màu. Những phường khoái hoạt dựng sân khấu trong trong các giáo đường hoặc trên các quảng trường công cộng và biểu diễn, theo trí thông minh của họ, những sự tích anh hùng của trời, của đất và của địa ngục. Các phụ nữ trang điểm những đồ trang sức lộng lẫy và tán chuyện về tình yêu. Khi mùa xuân về, quý tộc cũng như bình dân đều đua nhau thềm muốn được nô giỡn trong cánh đồng cỏ lốm đốm hoa tươi. Chàng nhạc sỹ lên dây đàn; các bà, các hiệp sỹ và các cô\*, các nam nữ thị dân, các thôn dân và trinh nữ, cầm tay nhau bắt đầu khởi động nhảy múa. Nhưng bỗng nhiên Chiến tranh, Đói kém, Dịch hạch nhập bọn, và cái Chết giăng cây đàn viôlông khỏi tay anh nhạc công,

dẫn đầu cuộc vũ. Hỏa tai phá hủy các làng xóm và các tu viện, binh lính vũ trang treo những nông dân không có khả năng nộp tiền chuộc lên cây sồi ở ngã tư đường và trói đám đàn bà chữa vào thân cây, cho lũ chó sói ban đêm đến ăn thịt những thai nhi trong bụng mẹ. Các người khốn khổ không còn hiểu biết gì nữa. Đôi khi, sự thanh bình đã lập lại, thời tốt đẹp đã trở về, mà không lý do, bị một nỗi kinh hoàng điên cuồng tác động, họ rời bỏ cửa nhà và chạy đi từng đoàn, nửa lỏa thể, tự xé da thịt bằng những móc sắt, và hát hồng... Tôi không buộc tội Jehovah và con trai của lão về tất cả tai họa đó. Rất nhiều sự xấu xa diễn ra không có lão và chống lại lão. Nhưng cái chỗ mà tôi nhận ra ý nghĩ của Đức Chúa Lòng Lành (như họ gọi lão) chính là ở cái tục lệ được thiết chế bởi các trợ tế của lão và thiết lập trên toàn thể giáo dân Cơ đốc, là thiêu sống, theo tiếng chuông gióng và tiếng hát thánh ca, những người đàn ông và đàn bà, được các quỷ thần dạy bảo, phát biểu về vị Chúa đó những ý kiến khác thường.

Chinh chiến ở phương Đông: ám chỉ các cuộc Thập tự chinh.

Thành Babel khái hoàn: trong Kinh thánh (Cựu ước) kể chuyện xây thành và tháp Babel như sau. Lúc đầu, tất cả hoàn cầu chỉ có một thứ tiếng nói duy nhất. Loài người bảo nhau nung gạch xây một cái thành và một cái tháp chọc lên đến trời và làm cho loài người rạng danh kéo có một ngày kia bị phân tán trên mặt trái đất. Jehovah xuống xem và sợ rằng loài người sẽ làm được mọi điều như ý định, bèn phá công trình của họ bằng cách làm cho tiếng nói của họ lộn xộn, tất cả không ai hiểu ai nữa, và phân tán loài người trên khắp mặt đất và họ thôi không xây thành nữa. Ở đây, trái lại, loài người với các quỷ thần hợp tác với nhau, thành công rực rỡ, làm thành một thành Babel đặc thẳng.

Các bà, các cô (dames, demoiselles): theo tục xưa, đàn bà con gái quý tộc, gọi là dames (các bà) không cứ có chồng hay không, còn đàn bà con gái thường dân, gọi là demoiselles (các cô).



## CHƯƠNG THỨ HAI MƯƠI MỐT

*Chuyện kể tiếp theo và hết.*

“Tưởng chừng như khoa học và tư tưởng đã chết vĩnh viễn rồi và trái đất sẽ không bao giờ được biết sự thanh bình, sự vui mừng và cái đẹp nữa.

“Nhưng một hôm, dưới những bức tường thành La Mã, những người phu đào đất ở ven một con đường cổ xưa, tìm thấy một cỗ quan tài bằng cẩm thạch ở các mặt ngoài có hình điêu khắc những hình tượng thần Ái tình và các cảnh tượng hoan hỷ của thần Bacchus. Nhấc cái nắp lên thì một nữ đồng trinh hiện ra, nét mặt sáng ngời một vẻ tươi mát lộng lẫy. Mớ tóc dài, lòa xòa trên đôi vai trắng nõn, nàng mỉm cười trong giấc ngủ. Một đám xã dân xúc động vì hưng phấn, nhấc chiếc quan tài lên và khiêng về Capitole\*. Nhân dân, hàng đàn lũ, đến chiêm ngưỡng sắc đẹp không lời nào tả xiết của cô nữ đồng trinh La Mã, và im lặng nhìn xem sự tỉnh thức của linh hồn thần thánh chứa đựng trong cái hình thể đáng tôn thờ kia. Sau cùng, toàn đô thành xúc động lớn về quang cảnh đó đến nỗi Giáo Hoàng e sợ không phải là không có lý, rằng một sự sùng bái dị giáo lại nảy sinh trên cái thi hài lộng lẫy kia, cho người ban đêm lấy trộm đi và chôn vùi bí mật. Đề phòng hảo huyền! Chăm lo vô ích! Cái đẹp cổ xưa, sau bao nhiêu thế kỷ man rợ, đã hiện ra một chốc lát trước con mắt loài người: thế là đủ để cho hình tượng của nó in sâu vào trái tim của họ, gọi cho họ một sự thèm muốn nồng nhiệt được yêu và được biết. Từ đó, ngôi sao của vị thần của những người Cơ đốc giáo mờ nhạt đi và dẫn tới chỗ suy tàn. Những người hăng hái mạo hiểm khám phá ra những thế giới ở đó sinh tụ những dân tộc đông đảo. Họ không biết gì đến lão già Jéhovah,

và người ta ngỡ rằng chính lão cũng không biết đến họ vì lão đã không cho họ biết tin tức gì về lão và cả về con trai đần tột của lão. Một vị tu sĩ người Ba Lan\* chứng minh sự chuyển vận của trái đất, và người ta thấy rằng, không những không hề sáng tạo ra vũ trụ, thần sáng tạo già của Israel cũng không ngờ gì đến cơ cấu của vũ trụ cả. Những văn cáo của các nhà triết học, các nhà hùng biện, các luật gia và các nhà thi sĩ, được lôi ra khỏi bụi bặm của các tầng viện và được chuyển tay, gởi cho các đầu óc tình yêu sự tri thức. Ông trợ tế của vị thần độc tôn, tức là bản thân Giáo Hoàng, cũng không tin ở Đấng mà ông ta đại diện trên trái đất. Ông ta yêu thích nghệ thuật và không có lo nghĩ gì khác hơn là thu thập những pho tượng cổ và xây dựng những tòa kiến trúc huy hoàng ở đó được triển khai các dạng thức của Vitruve\* đã được Bramante\* phục hồi. Chúng tôi được thờ. Các thần chân chính, được gọi về khỏi cuộc lưu đày dài dặc, đã trở lại cư ngụ trên trái đất. Các vị lại thấy lại ở đó những đền đài và những ban thờ. Léon\*, đặt dưới chân các vị chiếc nhẫn chủ giáo, ba vòng mũ miện và chùm chìa khóa, bí mật dâng cúng các vị hương trầm của các lễ hy sinh. Polymnie\* từ khuỷu tay đã bắt lại sợi chỉ vàng của dòng suy tư trầm mặc; trong các vườn cây, các nữ thần Kiều Diễm\* và các Lâm Tuyền tiên nữ đã cùng với các Satyre hợp thành những đoàn hợp xướng múa hát; nghĩa là, trái đất học lại sự vui mừng. Nhưng ôi bất hạnh, ôi số kiếp hăm hiu, biến cố tai hại, đây là một thầy tu người Đức\* toàn thân căng phồng những rượu bia và thần học, đứng lên chống cái đa thần giáo Phục hưng, dọa nạt nó, giáng sấm sét vào nó, một mình thẳng thế chống các giáo chủ của Nhà thờ, và xúi giục các dân tộc nổi dậy, động viên họ vào một cuộc cải cách, nó cứu vãn cái đang sắp bị tiêu hủy. Những anh khéo léo nhất trong bọn chúng tôi thử cố sức làm cho y đổi hướng đừng theo đuổi công

trình đó nữa, nhưng vô hiệu. Một vị quỷ thần khôn khéo, mà ở trần gian người ta gọi tên là Belzébuth\*, bám riết lấy y, lúc thì làm cho y lúng túng bằng những luận cứ của một cuộc tranh luận uyên bác, lúc thì trêu chọc y bằng những trò ranh mãnh cay độc.

Capitole: Capitole là một trong bảy cái đồi cao ở La Mã, và trong nghĩa thu hẹp, là một trong hai đỉnh cao của cái đồi đó, một đỉnh mang Đền thờ Jupiter, đỉnh kia mang Thành trì.

Người Ba Lan: ám chỉ Copernic, nhà thiên văn học Ba Lan (1473-1543) đã chứng minh được sự chuyển vận của các hành tinh chung quanh bản thân và chung quanh mặt trời.

Vitruve: nhà kiến trúc La Mã của thế kỷ 1 trước CN. Tác giả quyển De architectura (nói về kiến trúc) đề tặng Augustus.

Donato Bramante (1444-1514): nhà kiến trúc nổi tiếng nước Ý.

Léon: có nhiều Giáo hoàng tên là Léon, từ Léon I (440-461) đến Léon XIII (1873-1903). Đây có lẽ là ám chỉ Léon X (Jean de Medicis), làm Giáo Hoàng từ 1513 đến 1521, là người tán phục các kiệt tác cổ đại, che chở các nghệ thuật, văn học và khoa học và xứng đáng đem tên của mình đặt cho một trong những thế kỷ xuất sắc nhất của lịch sử. Ông ký với vua François I nước Pháp Hòa thân điều ước 1516.

Polymnie: một trong chín nữ thần văn nghệ, chủ trì về thơ trữ tình. Người ta thường hình dung vị nữ thần này trong dáng điệu trầm tư, tì một khuỷu tay lên một chỗ tựa nào đó. Cho nên tác giả chỉ nói tì khuỷu tay mà không cần nói tì vào đâu.

Các nữ thần Kiêu Diễm (les Graces): những nữ thần của đa thần giáo, biểu trưng cho cái gì quyến rũ nhất trong cái đẹp. Có ba nữ thần kiêu diễm: Aglaé, Thalie, Euphrosyne.

Thầy tu người Đức: ám chỉ Luther thầy tu dòng thánh Augustine, nhà cải cách tôn giáo ở Đức (1483-1546).

Belzébuth: tên một con quỷ, coi như thủ lĩnh những tinh thần ma quái trong Kinh thánh.

“Tên thầy tu ngoan cố ném lọ mực của y vào đầu anh ta và tiếp tục công việc cải cách đáng buồn của y. Nói gì được nữa đây? Anh lái thuyền cưỡng tráng sửa chữa, bịt trám các lỗ thủng, dựng lại con thuyền hư nát của Nhà thờ. Jesus Christ nhờ anh thầy tu đó mà được trông thấy sự đắm thuyền lùi lại được có lẽ hơn mười thế kỷ. Từ đó, mọi sự đều mỗi ngày một tồi tệ. Sau anh

chàng to lớn đội mũ trùm, nghiện rượu và gây gỗ đó, đến anh chàng giảng dạy ở Genève\*, cao lêu đêu và gầy đét, đầy tinh thần của Jéhovah xưa cũ, cố gắng lôi kéo thế giới trở lại những thời khảm của Joshua\* và các Quan xét của Israel, con người gàn dở cuồng nộ lạnh lùng, con người tà giáo chuyên thiêu sống những người tà giáo khác, kẻ thù hung dữ nhất của các nữ thần Kiêu diễm.

Anh chàng giảng dạy ở Genève: ám chỉ Jean Calvin, người tuyên truyền và phổ biến cải cách tôn giáo ở Pháp và Thụy Sĩ, rồi sau lan tràn sang cả Hà Lan, Hungary và Scotland (1509-1564).

Joshua và các quan xét (Juges): những nhân vật trong Cựu ước (xem Kinh thánh Sách của Joshua và các quan xét). Joshua, trợ tá và kế nghiệp Moïse, đánh chiếm lại Đất Hứa tức Palestin và các quan xét là những anh hùng được Chúa Trời kích động để đi giải phóng một số những bộ tộc Israel. Toàn là những chuyện đánh nhau, giết nhau để tranh cướp đất đai.

“Những sứ đồ cuồng nhiệt đó và những đồ đệ cuồng nhiệt của họ làm cho cả đến những quý thần như tôi, những con quý có sừng, cũng nhớ tiếc cái thời mà Đức Chúa Con cùng với Mẹ đồng trinh ngự trị trên những dân tộc bị lóa mắt vì những cảnh lộng lẫy: đá trở hoa văn của các nhà thờ lớn, những màu hồng rực rỡ trên kính cửa sổ, những bức họa nước vôi tô màu rực rỡ, trên đó biểu diễn hàng nghìn truyện thần kỳ, những bức thêu kim tuyến hoa lệ, những nước men bóng lộn của những rương đựng thánh tích và những hộp thánh tích, những vàng thếp của các thánh giá và các bình thánh thể, những nền bạch lạp chắp thành chòm sao trong bóng tối của những vòng cung của cửa tò vò, những tiếng ì ầm êm tai của những đàn organ. Tất cả cái đó, cố nhiên, chưa phải là đền Parthénon\*, chưa phải là lễ Panathénées\* trọng thể; nhưng cái đó làm vui mắt và vui lòng vẫn còn là cái đẹp. Và những kẻ làm cải cách đáng nguyên rủa kia lại không chịu nổi cái gì làm vui lòng người và đáng yêu. Ta hãy trông họ leo trèo từng đàn lũ đen kịt lên các cổng chính của

nhà thờ, các bệ cột, các nóc đền, các tháp chuông, và dùng cái búa ngu dại của họ nện vào những hình tượng bằng đá kia, mà các quỷ thần đá đẽo nên, đồng tình với các thợ cả, những hình thánh khá vui tính và những nữ thánh xinh xắn kia, và những ngẫu tượng cảm động lòng người của các Đức Mẹ Đồng Trinh ôm ấp trẻ hài nhi vào trong lòng. Vì, để nói cho công bằng, một đôi chút ngẫu tượng giáo dể thương đã len lỏi vào sự sùng bái vị Thần độc tôn. Chúng tôi làm hết sức mình, các đồng bạn của tôi và tôi, để ngắt công việc khủng khiếp của chúng, và về riêng phần tôi, tôi đã có cái thú vui được quăng vài tá những đĩa đá từ trên cao những cổng chính và những nhà nguyện xuống sân trước nhà thờ, ở đó bộ óc thối tha của chúng tung tóe ra.

Parthénon: đền thờ nổi tiếng ở Athènes, thờ nữ thần Minerve, là một tòa kiến thiết huy hoàng, bằng cẩm thạch trắng của núi Pentélique, trong đó có bức bích họa nước vôi (fresques), diễn ra đám rước của những ngày hội Panathénées (xem chú thích tiếp).

Panathénées: Những khánh tiết cử hành ở Athènes để thờ phụng nữ thần Minerve.

“Cái điều tệ hại nhất, là nhà thờ Thiên chúa giáo cũng tự cải cách và trở thành độc ác hơn từ trước đến đó. Trong nước Pháp dịu dàng, bọn thần học Sorbonne và bọn tu sĩ đã kích ráo riết các quỷ thần tài trí và các con người uyên bác, với một sự cuồng nhiệt chưa hề thấy. Ông tu viện trưởng của chúng tôi lại hết sức chống đối với văn học. Từ ít lâu nay, những buổi thức đêm học hỏi của tôi làm cho y lo nghĩ, và có lẽ y đã trông thấy móng chân trẻ của tôi. Tên do thám đó lục soát trong tầng phòng của tôi và tìm thấy giấy mực, những sách Hy Lạp mới in và một ống sáo của thần Pan treo trên tường. Thấy những dấu hiệu đó, nhận ra rằng tôi là một tinh thần ma quỷ, y cho ném tôi vào một buồng giam kín, đáng lẽ ở đó tôi phải sống cực khổ đắng cay\*. Nếu tôi không mau lẹ trốn thoát bằng cửa sổ và ẩn náu trong các nơi tịch mịch của

rừng rú, giữa đám Lâm Tuyền tiên nữ và thần Thôn dã.

Sống cực khổ đắng cay (nourri du pain d'angoisse et de l'eau d'amertume): Đây là thành ngữ, chỉ dịch lấy nguyên ý cho gọn.

“Khắp nơi những giàn lửa đã nhóm tỏa ra mùi thịt cháy. Khắp nơi những tra tấn, khổ hình, những xương gãy và những lưỡi bị cắt. Tinh thần của Jéhovah cũng chưa hề thối nên những cuồng nộ ác độc đến thế. Tuy vậy, những con người đã nhấc cái nắp đậy cỗ quan tài cổ kính và chiêm ngưỡng nữ đồng trinh La Mã, không phải là vô ích. Trong cuộc khủng bố lớn này, mà phe Giáo Hoàng và phe cải cách ganh nhau về hung bạo và tàn ác, giữa những khổ hình, tinh thần con người lấy lại được sức mạnh và can đảm. Nó dám nhìn lên các tầng trời và trông thấy ở đó không phải là lão già Sémites say chuyện báo thù, mà là, yên lặng và lộng lẫy, Venus Uranie\*.

Venus Uranie: Nữ thần Venus thì ta đã quen biết rõ, còn Uranie là một trong chín nữ thần văn nghệ, chủ trì khoa thiên văn học, lúc nào cũng cầm một cái compa trong tay. Ở đây tác giả kết hợp hai vị thần đó làm một thành vị nữ thần của sắc đẹp và khoa học thiên văn.

“Bấy giờ một kỷ cương mới nảy sinh. Bấy giờ bắt đầu những thế kỷ vĩ đại. Không công khai phủ nhận vị thần của tổ tiên, mọi đầu óc đều thuận tòng hai kẻ tử thù của y, Khoa học và Lý trí, và linh mục Gassendi nhẹ nhàng liệt y vào vực thăm xa xôi của những kẻ đệ nhất nguyên nhân. Các quỷ thần ân đức vẫn dạy dỗ và an ủi những khách trần khổ sở, khởi hứng cho các bậc văn nhân tài tử của thời này những diễn từ đủ loại, những hài kịch và những truyện kể nghệ thuật tinh vi. Các phụ nữ sáng chế ra thể đàm thoại, thư tín thân mật và sự lễ phép, phong tục nhuộm một vẻ dịu dàng và một vẻ cao quý, những thời trước đó không hề biết. Một trong những đầu óc của thế kỷ lý trí, ông Bernier dễ thương, một hôm viết thư cho Saint-Évremond\*: “Nhìn một

thú vui là một tội lỗi lớn”. Và chỉ riêng một câu nói đó cũng đủ để phát hiện sự tiến bộ của những trí thông minh ở châu Âu. Đành rằng bao giờ cũng vẫn có những người theo đạo lý của Épicurisme\* nhưng họ không có ý thức về thiên tư của họ như Bernier, Chappelle và Molière\*. Bây giờ ngay cả những người sùng tín cũng hiểu thiên nhiên. Và Racine, mặc dù là sùng tín ngu muội, cũng biết, ngang với một nhà vật lý học vô thần, như Guy Patin\*, quy cho những tình trạng của các cơ quan sinh lý, dự vọng nó làm cho con người bị xáo động.

Bernier, Saint-Evremond: có hai Bernier, đây không biết là nói ông nào: François Bernier (1620-1688), nhà du lịch người Pháp làm thầy thuốc dưới triều vua Moghol (Ấn Độ) Aurangzeb, tác giả tập Du ký kể lại thời kỳ lưu cư ở phương Đông; Étienne Bernier (1762-1806), chủ giáo người Pháp, một trong những người thương nghị Hòa thân điều ước, sau làm Giám mục ở Orleans. Có lẽ là ông trên, vì có thư tín với Saint Evremond sinh năm 1610 và mất năm 1703, khi ông Bernier thứ hai chưa ra đời.

Saint-Evremond (1610-1703), mà tác giả viết là Evremont: Nhà văn Pháp, tính tình dí dỏm và gầy gò, phải lưu vong sang Luân Đôn, tác giả vở hài kịch Academistes (các nhà Hàn lâm viện chủ nghĩa) và những luận văn lý thú v.v...

Đạo lý Épicurisme: hưởng lạc phong nhã.

Bernier, Chappelle và Molière: Bernier và Molière, thì độc giả quen biết rồi, còn Chappelle (1626-1686), là nhà thơ Pháp, sinh ở Paris, bạn thân của Boileau, Racine, La Fontaine, ba nhà văn nổi tiếng của thế kỷ XVII; tác giả tập Du ký Provence và Languedoc, cộng tác với Bachaumont, vui và dí dỏm.

Guy (hoặc Gui) Patin (1601-1672): Thầy thuốc người Pháp, nổi tiếng về trí tuệ dí dỏm và tài ăn nói lưu loát, tác giả những bức thư rất thú vị và có giọng điệu châm biếm.

“Ngay cả trong tu viện của tôi, tôi đã trở về đây sau cơn bão tố, ở đó chỉ có toàn những kẻ dốt nát và đầu óc tùn mùn, có một anh tu sĩ trẻ tuổi không đến nỗi dốt như những kẻ khác, nói nhỏ với tôi rằng Đức Chúa Thánh Linh nói tiếng Hy Lạp tồi để làm nhục các nhà bác học.

“Và dẫu sao, thần học và tranh biện vẫn còn hoành hành trong cái xã hội

lý trí đó. Người ta thấy, ở gần Paris, trong một thung lũng âm u, những người ẩn dật mà người ta gọi là các Ngài; họ tự xưng là đồ đệ của thánh Augustin và chủ trương, với một niềm kiên trì đáng kính trọng, rằng vị Thần của Thánh kinh gia hại kẻ nào sợ y, kiêng nể kẻ nào đương đầu với y, không kể gì đến các công cuộc từ thiện, và tùy ý thích, đày đọa những kẻ phục vụ y trung thành nhất; vì cái công lý của y không phải công lý của chúng ta và những đường lối của y thật không sao hiểu nổi. Một buổi chiều hôm, tôi đã gặp một người trong bọn các ngài kia trong vườn của ông ta, đương trầm tư mặc tưởng, giữa những khoảnh vuông trồng cải bắp và rau xà lách. Tôi nghiêng trước mặt ông ta cái đầu có sừng của tôi và nói thì thầm với ông ta những lời bạn hữu này:

“- Cầu cho ông già Jehovah gìn giữ ngài, thưa ngài! Ngài biết rõ ông ta lắm. Ô! Ngài biết ông ta rõ lắm. Và ngài đã hiểu rõ tính khí của ông ta biết bao nhiêu.

“Con người thánh đức thấy tôi là một thiên thần của vực thẳm, tưởng là bị đày đọa, và chết đột ngột vì kinh hoàng.

“Thế kỷ tiếp theo là thế kỷ của triết học. Tinh thần thẩm sát\* phát triển, sự tôn trọng\* mất đi. Các uy quyền nhục thể yếu đi và trí óc được thêm những sức mạnh mới. Phong tục đượm một vẻ thú vị trước đó chưa hề biết. Ngược lại, các thầy tu trong dòng tu của tôi ngày càng dốt nát và cẩu thả, và tu viện chẳng còn đem lại cho tôi một ưu thế gì khác, khi mà sự lễ phép ngự trị trong các thành phố. Tôi không chịu nổi nữa. Sau khi đã quăng áo tu hành vào đám cỏ gai\*, tôi đeo một bộ tóc giả rắc phấn trên cái đầu có sừng của tôi, giấu giếm trong đôi bít tất trắng đôi cẳng chân dê và, tay cầm chiếc gậy, các



túi nịch đầy báo chí, tôi chu du thiên hạ xã giao, qua lại những đường dạo chơi thịnh hành và có mặt đều đặn trong các tiệm cà phê có những nhà văn học tụ tập. Người ta đón tiếp tôi trong những phòng khách, ở đó, do một tục lệ mới tốt đẹp, các ghế bành đều ôm sát hình thể mỏng dẹt, và đàn ông đàn bà lý luận có lương tri. Ngay cả những nhà siêu hình học cũng nói năng sáng nghĩa. Trong thành phố, tôi có được một uy tín lớn về khoa chú giải kinh sách, và không phải tự khoe, tôi dự một phần lớn trong di chúc của cha xứ Meslier và trong Thánh kinh diễn giải của các cha tuyên úy của vua nước Phổ.

Tinh thần thẩm sát (esprit d'examen): thẩm định, kiểm sát bất cứ điều gì xem có đúng chân lý không, chứ không nhắm mắt tin lời dạy của các chủ giáo hoặc các nhà học giả có uy tín cũ.

Tinh thần tôn trọng (respect): Trái ngược với tinh thần thẩm sát, chỉ một mực tôn trọng uy tín cũ của bề trên.

Quảng áo tu hành vào đám cỏ gai: thành ngữ thông dụng, ý nói dứt bỏ tu hành, trở về thế tục. Vì thành ngữ này có hình tượng nên dịch nguyên văn.

“Hồi đó, xảy ra cho lão già Jéhovah một câu chuyện rủi hài hước và cay độc. Một tu sĩ quaker\* người Mỹ, bằng một cái điều, ăn cắp được sấm sét của lão.

Tu sĩ quaker: Giáo đồ của một môn phái tôn giáo nước Anh và nước Mỹ, đặc tính nói chung là thanh khiết, lương thiện và từ thiện. Đây có lẽ tác giả ám chỉ nhà vật lý học kiêm chính khách và nhà viết báo người Mỹ Benjamin Franklin (1706-1790) đã sáng chế ra cột thu lôi để trị sấm sét của bầu trời (làm thất bại những sấm sét của Jéhovah).

“Tôi đương cư trú ở Paris và được dự bữa ăn đêm trong đó người ta nói chuyện thắt cổ tên giáo sĩ cuối cùng bằng bộ ruột của tên vua cuối cùng. Nước Pháp đương sôi sục; một cuộc cách mạng kinh hoàng nổ ra... Các thủ lĩnh phù du của Nhà nước bị đảo lộn, ngự trị bằng khủng bố giữa những nguy

biển chưa hề thấy. Phần đông, họ không độc ác và không tàn nhẫn bằng các vương hầu và các quan phán xét được thiết lập bởi Jéhovah trong các vương quốc trên trái đất; tuy nhiên, họ có vẻ hung dữ hơn, bởi vì họ phán xử nhân danh lòng nhân đạo. Khôn nỏi, họ dễ mủi lòng và có một tính dễ cảm lúc nào cũng xúc động. Mà những người dễ cảm lại dễ cáu và hay bị những cơn cuồng nộ bột phát. Họ có đạo đức, họ có hạnh kiểm; nghĩa là họ quan niệm những bổn phận đạo lý được xác định chặt chẽ và phán xét các hành vi của con người, không theo những hậu quả tự nhiên của nó, mà theo những nguyên tắc trừu tượng. Trong tất cả các nết xấu có thể nguy hại cho một số chính khách thì đạo đức là cái nết tai hại nhất: nó đẩy người ta đến tội ác. Muốn làm việc có ích cho hạnh phúc của con người, thì phải vượt trên tất cả mọi đạo lý, như Jules thần thánh nọ\*. Đức Chúa Trời ít lâu nay bị làm cho điêu đứng mọi bề, chung quy không đến nỗi bị đau khổ vì những con người mới đó. Y tìm thấy trong bọn họ những người che chở và được thờ kính dưới danh hiệu Đấng tối cao\*. Thậm chí có thể nói rằng sự khủng bố đánh lạc hướng triết học và có lợi cho vị thần sáng tạo già, y có vẻ tiêu biểu cho trật tự tốt, cho sự yên ổn công cộng, cho sự an ninh của con người và của xã hội.

Jules thần thánh (divin Jules): Jules César.

Đấng tối cao (l'Être supreme): trong thời cách mạng Pháp dưới chế độ cộng hòa thứ nhất do Hội nghị quốc ước (Convention) lãnh đạo và Robespierre là thủ lĩnh, sau phong trào khủng bố, mưu đồ triệt bỏ Cơ đốc giáo có khuynh hướng quá khích, nên Robespierre phải hòa hoãn lại, và tổ chức sự thờ phụng Đấng tối cao chứ không phải là Đức chúa trời nữa, và các nghi lễ và khánh tiết được chính phủ Cộng hòa quy định rõ rệt. Thường các từ điển Pháp-Việt, Pháp-Hoa, vẫn dịch l'Être supreme là Thượng đế. Chúng tôi bỏ lối dịch đó, sợ làm lầm lẫn với những khái niệm cũ về Đế với Vương với Chúa v.v... và dịch sát nguyên văn là Đấng tối cao.

“Trong khi sự tự do nảy sinh trong bão táp, thì tôi đương cư trú ở

Auteuil\* và đi lại nhà bà Helvétius\*. Ở đó có những người tư tưởng tự do về mọi chủ đề. Chẳng có gì hiếm hơn sự tự do tư tưởng, ngay cả sau Voltaire. Có người, đương đầu với cái chết mà không run sợ, nhưng không có can đảm biểu lộ một ý kiến khác thường về phong tục. Chính cái sự sợ dư luận thúc đẩy y liều chết. Nó cũng lại làm cho y cúi đầu trước cảm nghĩ của công chúng. Hồi đó, tôi thường thức câu chuyện của Volney, Cabanis và Tracy\*, môn đồ của Condillac vĩ đại\*. Họ quy cho cảm giác nguồn gốc của tất cả mọi tri thức của chúng ta. Họ tự gọi là những nhà duy ý luận\*, họ là những người chính trực đáng kính nhất trần gian và làm phật ý những đầu óc dung tục khi từ chối họ sự bất tử. Vì đa số thiên hạ, không biết dùng cuộc sống này làm cái trò gì, lại muốn có một cuộc sống nữa, không bao giờ hết. Trong cơn biến loạn, cái hội triết học nhỏ của chúng tôi thỉnh thoảng bị quấy nhiễu, dưới những bóng râm yên ổn của Auteuil, bởi những đội tuần cảnh những người yêu nước. Condorcet\* bậc vĩ nhân của chúng tôi, bị hãm hại. Bản thân tôi cũng bị tình nghi đối với các bạn dân, họ, mặc dầu cái vè quê mùa và cái áo vải đay của tôi, tưởng tôi là người quý phái, và tôi tuyên bố rằng sự độc lập của tư tưởng là cái quý phái kiêu hãnh nhất.

Auteuil: tên một xã trong tỉnh Seine được sát nhập vào Paris (quận XVI). Đã từng là nơi cư ngụ ưa thích của những nhà văn trứ danh: Boileau, Molière, La Fontaine, về sau này là Condorcet v.v...

Helvétius: nhà tổng trưởng thuế vụ và nhà triết học Pháp, sinh ở Paris, tác giả quyển sách Nói về tinh thần, biện giải cho thuyết duy cảm tuyệt đối (1715). Vợ ông mở phòng khách tiếp chuyện các văn nhân, học giả đương thời.

Volney, Cabanis, Tracy: Volney (1757-1820) là học giả Pháp, đầu óc công bằng và khoan dung, tác giả sách Bình luận về các cuộc cách mạng. Cabanis (1757-1808) là thầy thuốc người Pháp, bạn thân của Mirabeau, môn đệ của Condillac, tác giả một cuốn sách Khảo luận về thể chất và tinh thần của con người, có tiếng vang dội rất lớn. Tracy (1754-1836) tức là Destutt de Tracy, môn đệ của Condillac, sinh ở Paris, được Napoléon coi là thủ lĩnh trường phái duy ý luận.

Condillac (1715-1780): nhà triết học Pháp, thủ lĩnh trường phái duy cảm luận (Sensualisme), tác giả cuốn Khảo luận về cảm giác.

Duy ý luận (ideologue): hoặc cũng gọi là quan niệm luận, là một trường phái triết học về quan niệm luận, thoát thai từ học thuyết của Condillac, chỉ khảo sát các quan niệm tự bản thân nó, gạt bỏ tất cả mọi tính chất siêu hình học.

Condorcet: nhà triết học và toán học Pháp sinh năm 1743 ở xứ Dauphine, Nghị sĩ trong Hội nghị Quốc ước (Convention), thư ký vĩnh viễn của Học viện khoa học, ông được coi là người kế thừa những tư tưởng mới của Rousseau, Voltaire, d'Alembert, Diderot, v.v... Trong thời khủng bố, vì ông gần bó với phe Girondins, kinh địch của phe Jacobins, nên khi phe Girondins bị lật đổ, ông bị lệnh bắt giam để xử tội tử hình; trốn tránh được ít lâu, rồi cuối cùng bị bắt, ông bèn uống thuốc độc chết trong ngục để tránh khỏi máy chém, ngày 29 tháng ba 1794.

“Một buổi chiều tối, tôi đang rình xem những nữ thần Dryades ở Boulogne\* lấp lánh dưới cành lá, cùng với mặt trăng khi nó bắt đầu ló ra ở trên phía chân trời, thì tôi bị bắt coi như tình nghi và ném vào một buồng giam kín. Đó chỉ là một sự hiểu lầm; nhưng bọn Jacobins\* lúc đó, theo gương những tu sĩ mà họ đã chiếm lĩnh địa điểm, đánh giá rất cao sự nhất trí tuân lệnh. Sau khi bà Helvétius chết, hội của chúng tôi lại tái họp trong phòng khách của bà de Condorcet. Bonaparte cũng hạ cố đến chuyện trò với chúng tôi.

Dryades: nữ thần của rừng rú; Boulogne là khu rừng nằm ở quận XVI phía Tây Paris.

Jacobins: phe cách mạng quá khích nhất, tự xưng là dân chủ tiến bộ, bị giải tán sau khi thủ lĩnh là Robespierre bị bọn phản động hành hung chết, ngày 9 tháng Termidoro (là tháng 11, trong lịch cộng hòa) năm II tức là 27-7-1794.

“Sau khi đã công nhận ông ta là một bậc vĩ nhân, chúng tôi tưởng ông ta cũng là nhà duy ý luận như chúng tôi. Thế lực của chúng tôi khá mạnh trong nước. Chúng tôi sử dụng nó để giúp ông ta và thúc đẩy ông ta tiến tới Đế chính, để trình bày cho thế giới một Marc Aurèle\* mới. Chúng tôi trông cậy

ở ông ta để bình định vũ trụ; ông ta đã không chứng minh được những dự đoán của chúng tôi và chúng tôi đã sai lầm khi oán trách ông ta về sự thất vọng của chúng tôi.

Marc-Aurèle: vị hoàng đế La Mã có đạo đức nhất. Trị vì từ 161 đến 180, ông phải đảm đương những cuộc chiến tranh dài lâu, chống những quân man di đe dọa đế quốc và nổi tiếng vì sự hiền minh có tính chất hoàn toàn khắc kỷ, kiên nhẫn, tính ôn hòa và lòng ham mê tha thiết triết học và văn học. Tập Cách ngôn của ông, gồm những lời nói, ý nghĩa của ông nảy sinh trong các trường hợp cụ thể, được người sau gom góp lại, là những cách ngôn và cảm tưởng thẩm nhuần học thuyết khắc kỷ chủ nghĩa Zenon.

“Không ai cãi được, ông ta vượt quá những người khác rất nhiều bởi sự lanh lẹ của trí thông minh, sự sâu sắc của tài giấu giếm và khả năng hành động. Cái điều làm cho ông ta thành một kẻ thống trị hoàn hảo, đó là ông ta sống hoàn toàn trong giây phút hiện tại và không quan niệm gì khác ngoài cái hiện thực tức khắc và khẩn thiết. Thiên tư của ông ta rộng lớn và nông nổi. Trí thông minh của ông ta, minh mông về diện tích nhưng thông thường và dung tục, bao quát cả nhân loại nhưng không vượt qua nhân loại. Ông ta tư duy cái tư duy của bất cứ binh lính thường nào trong binh đoàn của ông ta; nhưng ông ta tư duy với một sức mạnh lạ thường. Ông ta thích cái tác dụng của những sự tình cờ và ưa chuyện cầu may bằng cách đẩy những chú lùn hàng trăm nghìn, kẻ nọ chống kẻ kia, những trò vui của một đứa trẻ con vĩ đại bằng cả thế giới. Ông ta khá khôn ngoan để không quên đem vào trò chơi của ông ta lão già Jehovah, hãy còn quyền lực trên trái đất, và giống ông ta bởi đầu óc hung bạo và thống trị. Ông ta dọa nạt y, nịnh nọt y, vuốt ve y và thị uy với y. Ông ta bỏ tù viên trợ tế của y, đòi hỏi viên này, dao kẻ cổ, làm lễ xức dầu cho ông ta: lễ nghi này, từ thời Saul\* cổ sơ, làm cho các vị vua được mạnh; ông ta phục hưng sự sùng bái vị Thần sáng tạo, hát thờ vị đó những bài Te Deum\* và được thừa nhận, bởi vị đó, là chúa tể trên trái đất, trong những

quyển sách bản nhỏ gieo rắc trong toàn cõi Đế quốc. Họ chặp những sấm sét của họ lại với nhau và thế là thành một trò huyền ảo khủng khiếp.

Saul: Vua đầu tiên của Israel, trị vì ở thế kỷ XI trước công lịch. Nhận đi tìm đàn lừa cái của bố, Saul gặp Samuel, nhà tiên tri này do Jehovah soi lòng, biết đây là người sẽ ngự trị trên dân tộc Israel, bèn xức dầu cho Saul để Saul làm vua của Israel (Kinh thánh, Samuel, IX, X).

Te Deum: gọi tắt bài thánh ca bắt đầu bằng mấy tiếng “Te Deum laudamus” (lạy Chúa, chúng con ca tụng Chúa), hát tạ ơn trong những dịp long trọng.

“Trong khi những trò vui của Napoléon đảo lộn cả châu Âu, chúng tôi lấy làm mừng về sự khôn ngoan của mình. Tuy vậy cũng hơi buồn vì trông thấy kỷ nguyên của triết lý mở ra bằng những tàn sát, khổ hình và chiến tranh. Tệ hại nhất, là những đứa con của thế kỷ, sa vào một tình trạng phóng đảng đau lòng nhất, tưởng tượng ra một thứ Cơ đốc giáo mỹ lệ và văn chương\*, nó chứng tỏ một sự bạc nhược tinh thần không thể nào tưởng tượng được, và cuối cùng, rơi vào chủ nghĩa lãng mạn. Chiến tranh và chủ nghĩa lãng mạn, những tai họa khủng khiếp! Và thật là thảm thương biết bao khi trông thấy những con người này nuôi dưỡng một lòng ham mê, trẻ con và điên cuồng, đối với súng đạn và chiêm trống! Họ không hiểu rằng chiến tranh xưa kia đã đào luyện các trái tim và dựng nên các đô thành của những người dốt nát và man rợ, bây giờ chỉ đem lại cho ngay cả kẻ chiến thắng sự tàn phá và khốn cùng và chỉ còn là một tội ác kinh khủng và ngu dại khi mà các dân tộc đã được liên kết với nhau bởi sự cộng đồng của nghệ thuật, khoa học và thông thương. Những người châu Âu thật là dại dột khi trừ tính chuyện cắt cổ lẫn nhau, trong khi thuộc cùng một nền văn minh bao bọc và đoàn kết họ!

Một cơ đốc giáo mỹ lệ và văn chương (Un christianisme pittoresque et littéraire) ám chỉ nhà văn Chateaubriand (1768-1848), người đi đầu phong trào văn học lãng mạn, tác giả bộ sách lớn Tinh thần của đạo Cơ đốc (Génie du Christianisme, 1802).

“Tôi từ bỏ không chuyện trò gì với những kẻ điên rồ đó nữa; tôi rút lui về cái làng xóm này, làm một kẻ làm vườn. Những quả đào trong vườn quả của tôi làm tôi nhớ lại nước da phơi nắng của các nữ thần Ménade. Tôi vẫn giữ tình bạn hữu xưa cũ của tôi đối với loài người, một chút thán phục và rất nhiều thương xót, và tôi chờ đợi, trong khi trồng trọt khoảnh vườn kín này, cái ngày xa xôi thần Dionysus vĩ đại sẽ đến, sau chân có những Thần Thôn Dã và những cô đồng bacchante của người, dạy lại cho trần gian sự hoan hỉ và cái đẹp, và phục hồi thời đại hoàng kim. Tôi sẽ vui mừng bước đi sau cỗ xe của Người, nhưng ai biết được rằng trong cuộc khai hoàn tương lai đó, chúng tôi có thấy lại được những con người hay không? Biết đâu nòi giống kiệt quệ của họ khi đó đã chẳng hoàn thành số kiếp rồi và những sinh vật khác lại chẳng vươn lên trên đồng tro tàn và phế tích của con người ngày trước và thiên tư của họ? Biết đâu những sinh vật có cánh đã không chiếm đoạt được đế quốc địa đàng! Thế thì nhiệm vụ của những quý thần tốt vẫn chưa hết: họ sẽ dạy bảo các nghệ thuật và sự khoái lạc cho nòi giống những loài chim.

## CHƯƠNG THỨ HAI MƯƠI HAI

*Trong đó người ta trông thấy, trong một cửa hàng đồ cổ, hạnh phúc đầy tội ác của ông già Guinardon bị quấy rối bởi sự ghen tuông của một người đàn bà có tình yêu lớn.*

Ông già Guinardon (như Zéphyrine đã tường thuật trung thành với ông Sariette) đã dọn nhà lén lút đem đi các bức tranh, đồ đạc và những đồ quý chứa chất trong gian gác xép ở phố Bà chúa, mà ông ta gọi là xưởng vẽ của ông ta, đem chắt vào một cái cửa hàng ông ta thuê ở phố Courcelles, để đến ở, bỏ mặc Zéphyrine, sau năm chục năm sống chung, không một ổ rơm, không một cái nồi, không một xu, ngoài số tiền một franc bảy mươi centime ở trong ví tiền của người đàn bà khổ khổ. Ông già Guinardon mở một cửa hàng bán tranh cổ và những đồ quý, và an bài cô Octavie trẻ tuổi cũng ở đó.

Mặt cửa hàng ra vẻ lắm: người ta trông thấy ở đó những thiên thần Flamand\* khoác áo màu xanh lục, theo lối của Gérard David, một Salomé\* của trường phái Luini\*, một nữ thánh Barbe\* bằng gỗ sơn thủ công của người Pháp, những đồ men của Limoges\*, những đồ pha lê của Bohemia\* và Venice, những đĩa men của Urbino\*; người ta thấy ở đó những hàng ren mũi thêu kiểu Anh, mà Zéphyrine, cái thời trẻ tuổi rục rờ, đã tiếp nhận được, theo lời mụ nói, của hoàng đế Napoléon III. Phía trong, những ánh vàng thếp lấp lánh trong bóng tối, và người ta nhận rõ thấy đây đó những Chúa Jesus, những thiên sứ, những phụ nữ quý phái và những Lâm Tuyền tiên nữ. Một bức tranh để quay mặt vào vách, để chỉ cung hiến cho con mắt nhìn của những người sành sỏi, thường là hiếm; đó là một bản vẽ phỏng theo bức tranh



Gimblette của Fragonard, bức họa sơn dầu màu sáng, có vẻ như chưa có thì giờ khô. Chính ông già Guinardon nói như vậy. Một tủ ngăn bằng gỗ tử đàn, ở trong tận cùng của hàng, chứa đựng trong các ngăn kéo của nó những của hiếm, những tranh bột màu của Baudouins, những sách in có tranh vẽ của thế kỷ XVIII, những tranh nhỏ vẽ sơn.

Flamand: thuộc trường phái hội họa của xứ Flandre.

Salomé: công chúa Do Thái, con gái của vua Hérode Philippe và hoàng hậu Herodias. Nhờ tài nhảy múa, nàng xin được chú là Hérode Antipas cho chém đầu thánh Jean Baptiste. Xem Kinh Thánh.

Bernardino Luini (1481-1532): họa sĩ của trường phái xứ Milan (Ý), học trò của Léonard de Vinci, nổi tiếng nhất về những bức họa nước vôi (fresques).

Thánh Barbe: người xứ Tiểu Á, đồng trinh và tử vì đạo trong thời những sự ngược đãi của hoàng đế La Mã Maximilien (trị vì từ 235-238).

Limoges: tỉnh ly tỉnh Haute-Vienne, cách Paris 400km về Tây-Tây Nam, nổi tiếng về đồ men sứ.

Bohemia: tên một xứ quan trọng nhất của nước Tiệp Khắc (cũ), nổi tiếng trên thế giới về đồ pha lê, thủy tinh và rượu bia.

Urbino: thành phố nước Ý, quê hương của Raphael, xưa là một trung tâm sản xuất đồ gốm, đồ tráng men.

Trên một giá vẽ, bức vẽ kiệt tác được đặt, có màn che phủ, vật kỳ diệu, vật quý báu, vật tuyệt mỹ, một Fra Angelico rất êm dịu, màu thếp vàng, xanh lơ, và hồng phớt, một Lễ dâng quang của Đức Mẹ Đồng Trinh, mà ông già Guinardon đòi giá một trăm nghìn franc. Trên một chiếc ghế tựa kiểu Louis XV, đằng trước một cái bàn nữ công kiểu Đế chế, có bày một bình hoa, cô Octavie trẻ tuổi ngồi, tay cầm tấm thêu, cô ta, đã để lại trong gian gác lụp xụp của cô ở phố Bà chúa những xống áo rách mướp rục rở của cô, nay hiện ra, không phải là như một Rembrandt phiên chế, nhưng với ánh ngời sáng êm dịu và sự trong trẻo của một Vermeer de Delft\*, để làm vui thích cho các tay

sành sỏi thường đi lại nhà ông già Guinardon. Lặng lẽ và trinh khiết, cô ở suốt ngày trong cửa hàng, trong khi ông già, dưới mái nhà, vẽ cái gì không biết. Ông ta đi xuống vào quãng năm giờ và chuyện trò với những khách quen.

Vermeer de Delft (1632-1675): họa sĩ vẽ phong cảnh và cảnh sống gia đình, người Hà Lan, sinh ở Delft.

Người khách siêng năng nhất là bá tước Desmaisons, một người đàn ông cao lớn, gày xanh xao, còng lưng. Một dòng những sợi lông, dưới mỗi bên gò má, từ chỗ hõm sâu của hai má tuôn ra, càng xuống càng tỏa rộng ra và giải thành những dòng thác tuyết trên cằm và ngực của ông ta. Luôn luôn ông nhúng vào đó bàn tay dài ngoẵng và xương xẩu của ông ta, có đeo những nhẫn vàng. Từ hai chục năm nay, khóc bà vợ mất vì bệnh lao trong tuổi hoa niên và nhan sắc đương độ, ông dành cuộc đời của ông để tìm tòi những cách giao cảm với người chết và để chất đầy những bức họa tòi vào trong dinh thự vắng vẻ của ông. Lòng tin cậy của ông vào Guinardon thật vô biên. Ông Blancmesnil, quản trị một ngân hàng tín dụng lớn, cũng có mặt không kém thường xuyên ở cửa hàng. Đó là một con người đã ngũ tuần, tươi tốt và mập mạp, ít hiểu kỳ về nghệ thuật, tay sành sỏi tầm thường, có lẽ, nhưng bị hấp dẫn bởi cô Octavie trẻ tuổi, ngồi giữa cửa hàng như con chim môi\* trong lồng.

Chanterelle: con chim mái, nhốt trong lồng để làm môi như con trống tới.

Ông Blancmesnil nhanh chóng giao kết với cô những tình cảm ngầm mà chỉ riêng ông già Guinardon không nhận thấy, do thiếu kinh nghiệm, vì ông già còn non nớt trong mối tình với Octavie. Ông Gaétan d'Esparvieu đôi khi cũng vì tò mò mà đến nhà ông già Guinardon mà ông ngờ là một tay giả mạo

cừ khôi.

Ông Le Truc de Ruffec, nhà kiếm thuật danh tiếng, một hôm đến nhà ông già bán đồ cổ và ngỏ cho ông ta biết về những dự định của mình.

Ông Le Truc de Ruffec, tổ chức ở Tiểu cung điện một cuộc triển lãm hồi cổ những gươm đao giáo mác để giúp công cuộc từ thiện Giáo dục các trẻ em Maroc, và hỏi ông già Guinardon cho mượn vài chiếc quý giá nhất trong bộ sưu tập của ông.

- Lúc đầu chúng tôi đã nghĩ, - ông ta nói, tổ chức một cuộc triển lãm gọi là Thánh giá và Thanh kiếm. Sự kết hợp hai tiếng đó cũng đủ để ông cảm thấy cái tinh thần chủ đạo sáng kiến của chúng tôi. Một ý nghĩ vô cùng ái quốc và trọng đạo làm cho chúng tôi liên kết thanh kiếm, tượng trưng của danh dự, với thánh giá, dấu hiệu của sự cứu rỗi. Đáng lẽ công cuộc từ thiện đã được đặt dưới quyền bảo trợ tối cao của ông bộ trưởng bộ chiến tranh và của Đức cha Cachepot. Khốn nỗi, sự thực hiện tại lại có những khó khăn và phải hoãn lại... Lúc này, chúng tôi tổ chức triển lãm Thanh kiếm. Tôi đã dự thảo mấy dòng nói rõ ý nghĩa của cuộc biểu thị đó.

Nói xong, ông Le Truc de Ruffec rút trong túi ra một cái ví nhét đầy giấy má, và tìm được, trong đám các thư biên bản những cuộc gặp nhau quyết đấu hoặc những vụ khiếm diện, một mẫu giấy nhỏ viết rất lem nhem:

- Đây, ông ta nói, “Thanh kiếm là một cô gái đồng trinh e dè. Đó là thứ vũ khí có tính chất Pháp tột điểm. Vào một thời mà tinh thần dân tộc, sau một thời kỳ lẩn khuất quá dài, lại rạng rỡ chói chang hơn bao giờ hết, v.v...” Ông thấy không?

Và ông ta nhắc lại lời yêu cầu mượn một vài tấm mà người ta sẽ đặt ở hàng đầu trong cuộc triển lãm vì công cuộc giúp các trẻ em Maroc, dưới quyền chủ tọa danh dự của tướng d'Esparvieu.

Ông già Guinardon vốn rất ít để ý chuyện vũ khí: ông bán phần nhiều là tranh hội họa, tranh đồ họa, sách in. Nhưng không bao giờ ông ta bị thiếu sót bất ngờ. Ông bèn tháo ở móc treo xuống một thanh trường kiếm có đốc loe chạm trổ kiểu Louis XIII - Napoléon III rất đặc trưng, và đưa cho ông chủ thầu triển lãm, ông này ngắm nghía nó với đôi chút kính trọng, trong một sự im lặng dè dặt.

- Tôi còn có hơn thế nữa, ông chủ hàng đồ cổ nói. Và ông rút ra ở buồng sau cửa hàng, trong đó nó nằm lẫn lộn với những gậy chống và những cái ô, một thanh kiếm vĩ đại trang trí hoa huệ, thật là vương giả: đó là kiếm của Philippe Auguste\*, đã được một diễn viên ở rạp Odéon\* mang trong những buổi biểu diễn vở Agnès de Méranie\*, năm 1846. Guinardon cầm thanh kiếm đó, mũi kiếm cắm xuống đất, như thế để làm thành một cây thập tự, chắp hai tay một cách thành kính trên đốc kiếm\*, và tỏ vẻ trung thành như thanh kiếm đó.

Philippe Auguste: tức vua Phillip II (1165-1223), con vua Louis VII lên ngôi năm 1180. Thời kỳ đầu, ông dốc sức đánh thắng vua Henry II (Anh), thắng Richard Coeur de Lion (Richard Sư Tử Tâm) và cuộc tranh giành kết thúc bằng sự đắc thắng của dòng họ Capétiens, Pháp chống dòng họ Plantageneis, Anh năm 1199. Sau đó, cuộc chiến đấu lại tiếp diễn giữa vua nước Pháp với Jean sans Terre (nghĩa là vua không có đất) nối nghiệp Richard. Triều đình Pháp tuyên cáo tịch thu những đất thuộc Anh cũ năm 1204. Rồi Philippe Auguste lại đánh lên xứ Flandre vì bá tước Ferrand xứ đó tuyên bố lãnh vực Jean sans Terre và được quân Anh ủng hộ. Vua Philippe thắng quân địch ở trận Bouvines, 1214. Vua Philippe có nhiều công trình xây dựng nội chính nước Pháp, sáng lập trường Đại học, sửa sang và xây tường thành bao bọc đô thành Paris. Vợ thứ nhất chết, ông lấy vợ thứ hai là con gái vua Đan Mạch nhưng rồi sau rường bỏ để lấy Agnès, con của Berthold de Meranie trong xứ Tyrol.

Odéon: vốn là tên một điện đài ở Athènes, sau được lấy tên đặt cho rạp thứ hai của Pháp Quốc hí viện (Théâtre Français) sáng lập năm 1797, cũng là rạp kịch quốc gia như rạp thứ nhất (Comédie Français) do nhà nước trợ cấp.

Agnès de Méranie: vợ vua Philippe Auguste.

Đốc kiếm: ngăn giữa lưỡi kiếm với chuôi kiếm, làm theo kiểu cắt ngang thanh kiếm, thanh hình chữ thập; mỗi bên của cái đốc ngang đó gọi là tai đốc kiếm.

- Ông hãy cho bày nó ở cuộc triển lãm của ông, - ông ta nói. Cô trinh nữ bỏ công đấy. Tên cô ấy là Bouvines\*.

Bouvines: tên một xã ở tỉnh Nord trong vùng Hauts-de-France.

- Nếu tôi cho bán nó được hộ ông, - ông Le Truc de Ruffec hỏi, vừa xoắn đôi ria mép to tướng, thì ông sẽ cho tôi một chút hoa hồng chứ?...

Sau đó vài ngày, ông già Guinardon cho bá tước Desmaisons và ông Blancmesnil xem với một vẻ bí mật, một Gréco mới được phát hiện, một Gréco lạ lùng, với lối vẽ cuối cùng của một đại danh họa. Bức tranh miêu tả một thánh François d'Assise\*, đứng trên ghềnh đá của Alverne\*, bốc lên trời như một cột khói và đâm thẳng vào mây tầng mây một cái đầu nhỏ hẹp một cách quái dị, bị thu nhỏ đi vì cự ly. Nghĩa là một Gréco chân chính, rất chân chính, quá chân chính. Hai người thích tranh ngắm nghĩa chăm chú tác phẩm, trong khi ông già Guinardon ca tụng những màu đen sâu thẳm của nó và nét biểu hiện cao siêu của nó. Ông ta giơ hai cánh tay lên trời để hình dung Theotocopuli\* từ Tintoret mà ra, vượt ông này một trăm cánh tay.

Thánh François d'Assise: người sáng lập dòng tu gọi là *franciscains* (dòng tu thánh François), sinh ở Ombrie, Ý.

Alverne: tên một quả núi.

Theotocopuli: tên thật của Le Gréco là Domenico Theotocopuli (phiên âm từ tiếng Hy Lạp là Domínikos Theotokópoulos).

- Thật là một con người trinh khiết, trong trẻo, khỏe, huyền bí, huyền ám\*.

Huyền ám (apocalyptique): u ám huyền bí như những cảnh tượng trong Kinh Khải Huyền (Apocalypse), kinh cuối cùng của Tân Ước, trong đó tác giả miêu tả những ảo cảnh của thị giác, cho là viễn tưởng tương lai của Cơ đốc giáo, đến tận ngày phán xét cuối cùng.

Bá tước Desmaisons tuyên bố rằng Gréco là họa sĩ ông ưa thích nhất. Blancmesnil, trong thâm tâm, không hoàn toàn tán phục.

Cửa bỗng mở ra và ông Gaétan, mà không ai chờ đợi, hiện ra.

Ông liếc nhìn bức vẽ thánh François một cái và nói:

- Úi chà!

Ông Blancmesnil, muốn học hỏi ông ta xem ông ta nghĩ như thế nào về nhà họa sĩ hiện nay rất được tán phục đó, thì Gaétan trả lời, không phải đợi nài nỉ, rằng ông không nghĩ Gréco là một kẻ cuồng dị và một thằng điên rồ, như trước kia người ta vẫn tưởng, và, đúng hơn, ông giả thiết rằng một cái tật của thị giác, mà ông Theotocopuli bị mắc, bắt buộc ông ta vẽ biến dạng các hình tượng.

- Bị loạn thị và mắc chứng tà thị, - Gaétan nói tiếp, ông ta vẽ cái gì ông ta trông thấy và như ông ta trông thấy.

Bá tước Desmaisons không sẵn lòng chấp nhận một lối giải thích quá tự nhiên như vậy, trái lại, ông Blancmesnil lại thích nó, vì sự giản đơn của nó.

Ông già Guinardon *phẫn nộ, kêu lên:*

- Ông *d'Esparvieu\** ơi, thế ông có bảo rằng thánh Jeanne cũng loạn thị bởi vì ông ấy đã trông thấy một người đàn bà có ánh sáng mặt trời bao bọc\*?

và đầu đội vòng sao, với mặt trăng ở dưới chân; con vật có bảy đầu và mười sừng và bảy vị thiên sứ mặc áo vải lanh, mang bảy cái bát đầy nổi giận dữ của Chúa trời hằng sống không?

Câu in nghiêng bị thiếu trong bản in tiếng Việt. Tôi mạn phép dịch bổ sung từ nguyên bản (Caruri).

Kinh Khải Huyền, chương XII nói về người đàn bà và con rồng. Một người đàn bà có mặt trời bao bọc, dưới chân có mặt trăng và trên đầu có mào triều thiên bằng mười hai ngôi sao. Người có thai và nhọc nhằn đau đẻ. Trên trời cũng hiện ra một dấu khác nữa là con rồng lớn sắc đỏ có bảy đầu, mười sừng, trên đầu có bảy mào triều thiên. Còn về bảy vị thiên sứ mặc áo lanh xem Khải Huyền, XV, 5-8 và XVI, 1-21.

- Dù sao, ông Gaétan kết luận, người ta thán phục Gréco là có lý, khi ông đã có đủ thiên tài để bắt mọi người phải chấp nhận cái ảo ảnh bệnh tật của ông ta. Bởi vì, những sự hành hạ mà ông ta bắt hình tượng con người phải chịu có thể làm vữa lòng những linh hồn yêu thích đau khổ, và những linh hồn đó nhiều hơn người ta tưởng.

- Thưa ông, - bá tước Desmaisons đối đáp, vừa thò bàn tay dài ngoẵng vào bộ râu tươi tốt của ông, cần phải yêu cái gì yêu ta. Sự đau khổ yêu chúng ta và bám riết lấy chúng ta. Ta phải yêu nó nếu ta muốn chịu đựng cuộc sống; và sức mạnh và lòng tốt của đạo Cơ đốc, là đã hiểu điều đó... Than ôi! Tôi không có lòng tin, và chính đó là điều làm tôi thất vọng.

Ông già thì nghĩ đến người mà ông khóc thương từ hai chục năm nay, và ngay tức khắc lý trí của ông mê loạn và tư tưởng của ông trôi theo, không cưỡng lại, những tưởng tượng của một cơn điên êm dịu và buồn bã.

Sau khi đã nghiên cứu, ông nói, các khoa học tâm linh và thực hành, với sự giúp đỡ của một ông đồng bán thân những thử nghiệm về bản chất và thời gian tồn tại của linh hồn, ông đã thu lượm được những kết quả lạ kỳ, nhưng

không làm ông vừa lòng. Ông đã đi tới mức trông thấy linh hồn người chết dưới hình dạng một khối keo dính lầy nhầy và trong suốt, nó chẳng giống tí nào cái hình thể mà ông đã yêu quý. Và cái điều khổ tâm nhất trong cuộc thử nghiệm nhắc đi nhắc lại trăm lần đó, là cái khối keo lầy nhầy kia, có những cái tua cực kỳ mỏng mảnh, luôn luôn chuyển động theo một tiết điệu rõ ràng là cốt để tạo thành những dấu hiệu, mà người ta không làm sao hiểu được ý nghĩa của những chuyển động đó.

Suốt trong thời gian kể chuyện như vậy, ông Blancmesnil cặp kè với cô Octavie trẻ tuổi, yên lặng, im lìm và cụp mắt xuống.

Zéphyrine không chịu yên lòng để người tình của mình cho một kẻ tình địch không xứng đáng. Thường thường, buổi sáng, mù đến, tay cặp cái làn cói, lớn vờn chung quanh cửa hàng đồ cổ, điên cuồng và khổ não, bị trăm nghìn ý nghĩ trái ngược nhau xáo động, mù trừ tính sẽ úp một nồi cường toan lên đầu kẻ bạc tình, hoặc quỳ xuống chân hấn khóc dầm dề và hôn chi chít đôi bàn tay yêu quý của hắn. Một hôm mù đang rình gã Michel rất quý báu và rất có tội như vậy, thì nhìn qua kính cửa thấy cô bé Octavie trẻ tuổi đứng thêu trước cái bàn nữ công có một bông hồng tàn héo trong một cái cốc pha lê. Zéphyrine, nổi cơn cuồng nộ, lấy cái cán ô nện vào cái đầu vàng hoe của kẻ tình địch và gọi cô là con vật giống cái và đồ vứt đi rác rưởi. Octavie hoảng hồn chạy trốn và đi tìm cảnh sát, trong khi Zéphyrine, đau đớn và yêu đến điên cuồng, lấy gót sắt của chiếc giày cũ nát của mù cào lên Gimblet của Fragonard, thánh François đầy mồ hôi của Gréco, các Đức Bà Đồng Trinh, các Lâm Tuyền tiên nữ và các sứ đồ, làm bật cả những vàng thếp của Fra Angelico, vừa kêu lên:



- Tất cả những bức tranh này, Gréco, Beato Angelico, Fragonard, Gerard David, và những Baudouins, phải, những Baudouins, tất cả, tất cả, tất cả, đều là Guinardon nó vẽ, thẳng khốn nạn, thẳng vô lại. Và cái tranh Fra Angelico này, tôi đã trông thấy nó vẽ trên một tấm ván là quần áo, cái tranh Gerard David này, nó đã vẽ trên một cái biển của bà đỡ. Đồ con lợn! Con đĩ của mày với mày, tao chọc thủng mắt chúng mày như tao chọc thủng những bức tranh bản thi của mày cho mà xem!

Và kéo áo một ông già yêu tranh nấp run rẩy trong một xó đen tối nhất của gian buồng sau cửa hàng, mục lấy ông ta làm chứng những tội ác của Guinardon, giả mạo và bội ước. Những cảnh sát đã phải rút mục ra khỏi cửa hàng bị tan hoang. Bị dẫn lên đồn cảnh sát trưởng và có một đám rất đông dân chúng đi theo, mục ngược lên trời đôi mắt cuồng nhiệt và kêu lên, qua những tiếng nước nở:

- Vậy ra các ông không biết Michel à? Nếu các ông được biết hẳn, thì các ông sẽ hiểu rằng không thể nào sống không có hẳn được. Michel! Hẳn đẹp, hẳn tốt, hẳn dễ thương! Đó là một vị thần, đó là tình yêu! Tôi yêu hẳn! Tôi yêu hẳn! Tôi đã được biết những người đàn ông của tầng lớp thượng lưu, những công tước, những bộ trưởng và hơn nữa... Không một người nào đáng gột bùn để giày cho Michel. Thừa các ông phúc đức, hãy trả hẳn lại cho tôi!

## CHƯƠNG THỨ HAI MƯƠI BA

*Trong đó người ta thấy tính khí đáng thán phục của Bouchotte cưỡng lại sự hung bạo và khuất nhường trước tình yêu. Và sau chuyện đó, đừng có ai nói rằng tác giả là người ghét đàn bà nữa.*

Ở nhà nam tước Max Everdingen ra, hoàng thân Istar đi ăn sò và uống một chai rượu vang trắng trong một tủu quán ở Chợ lớn. Rồi, vì anh vẫn kết hợp sự cần mẫn với sức khỏe, anh đi đến nhà anh bạn Théophile Belais, để giấu giếm trong cái tủ của anh nhạc sĩ những trái tạc đạn anh ních đầy các túi. Tác giả vợ Aline, nữ hoàng xứ Golconde đi vắng. Chàng Chérubin thấy Bouchotte đương tập đóng vai cô ả Zigouille, trước tủ gương, vì cô nữ nghệ sĩ trẻ tuổi đó phải đóng vai chính của vở ca kịch Những cơn đờ vô lại đương diễn tập trong một rạp ca vũ nhạc lớn, vai con đười nó lôi kéo một anh qua đường vào một cạm bẫy, bằng những cử chỉ tục tĩu dâm ô, và nó lại làm lại với một sự ác độc có tính bạo dâm, cho anh chàng khốn khổ bị bịt miệng và trói chặt, xem những khêu gợi dâm đăng vì nó mà anh chàng đã dẫn thân đến. Cô phải biểu diễn trong vai đó, vừa là đào hát, vừa là diễn viên kịch câm, và cô lấy làm phần khởi lăm.

Người đệm đàn vừa ra về, Hoàng thân Istar ngồi vào piano và Bouchotte lại tiếp tục công việc. Các động tác của cô thật là nhớp nhúa và khoái lạc. Cô chỉ mặc trên người có một chiếc váy ngắn và một chiếc sơ mi mà vai áo, tuột xuống trên cánh tay phải, để lộ ra một cái nách âm u và rậm rạp như một hang đá thiêng liêng của xứ Arcadie, tóc cô lòa xòa tứ phía thành những món

màu dã thú và man rợ, da cô dính nhớt; từ đó tỏa ra một mùi tử lan hoa và muối kiềm, nó làm cho lỗ mũi người ta phập phồng và chính bản thân cô cũng say sưa. Bỗng nhiên, bị ngậy ngất vì những mùi hương của cái nhục thể nồng nàn đó, hoàng thân Istar vùng dậy và chẳng nói năng gì, cả bằng ánh mắt cũng không, chàng ta ôm chầm lấy cô và vật cô xuống chiếc ghế dài có lưng tựa, xuống chiếc ghế tràng kỷ có hoa đỏ mà Théophile đã mua ở một cửa hàng nổi tiếng, phải trả góp mỗi tháng mười franc trong một chuỗi bao nhiêu năm trời dằng dặc. Chàng Chérubin ngã vật xuống như một tảng đá trên cái thân hình tế nhị kia; hơi thở của chàng ta phì phò như một cái bể lò rên, hai bàn tay to tướng của chàng ta bám như đĩa vào những mảnh da thịt bị ôm chặt. Giá thử Istar đã khấn nài Bouchotte, đã rủ cô ta vào một cái ôm riết nhanh chóng, nhưng của cả hai người cùng nhau, thì trong tình trạng rối loạn và kích thích của cô ta lúc đó, có lẽ cô đã không từ chối. Nhưng Bouchotte có lòng tự kiêu; sự kiêu hãnh hung dữ của cô bùng dậy trước mỗi đe dọa đầu tiên của một sự lảng nhục. Cô muốn tự hiến, chứ không muốn để người ta chiếm đoạt. Cô dễ dàng thoái nhượng trước tình yêu, sự tò mò, sự thương hại và kém hơn thế nữa, nhưng cô thà chết chứ không chịu thoái nhượng trước võ lực. Sự kinh ngạc của cô biến ngay tức khắc thành sự cuồng nộ. Toàn thân cô cứng lại chống sự hung bạo. Cô dùng mười đầu móng tay được mài sắc vì điên cuồng, cào rách hai má, đôi mí mắt của chàng Chérubin và, bị kẹt dưới cái núi thịt kia, cô giương mạnh vành cung của đôi cật, làm bật rất mạnh lò xo của đôi khuỷu tay và hai đầu gối, đến nỗi hất tung con bò mộng đầu người, bị mù mắt vì máu chảy và vì đau đớn, ngã sập vào cây đàn piano. Nó rên lên một tiếng dài, trong khi những tạc đạn, từ các túi chứa đựng tung tóe ra, lăn long lóc trên sàn nhà với một tiếng âm âm như sấm. Và Bouchotte, tóc

rã rượi, một bên vú lộ trần, đẹp và khủng khiếp, giờ cái que cời lửa vào anh chàng to lớn bị hạ, kêu lên:

- Khôn hồn thì bước mau! Kéo tao chọc thủng mắt bây giờ.

Hoàng thân Istar đi vào trong bếp rửa ráy và nhúng cái mặt máu me vào một cái lon đất đương ngâm những hạt đậu Soissons\*, rồi rút lui không giận dữ và không hận thù, vì anh có tâm hồn cao thượng.

Soissons: tên một quận lỵ trong tỉnh Aisne, có toà giám mục, có sản phẩm ngũ cốc và đậu hạt nổi tiếng.

Anh vừa ra khỏi thì thấy chuông ngoài gọi cửa. Bouchotte hoài công gọi chị ở gái nay đã đi vắng, khoác một chiếc áo dài buông ngủ và tự mình ra mở lấy. Một chàng thanh niên rất nghiêm chỉnh và khá xinh trai, chào lễ phép, xin lỗi vì bắt buộc phải tự giới thiệu lấy và xưng tên. Đó là Maurice d'Esparvieu.

Maurice vẫn luôn luôn đi tìm thiên thần hộ mệnh của anh. Được nâng đỡ bởi một niềm hy vọng vô vọng, anh đi tìm những nơi hết sức kỳ dị. Anh đi hỏi những ông thầy pháp thuật, những ông thuật sĩ, những tay quý thuật, họ, ở trong những nhà ổ chuột hôi hám, khám phá tương lai không có lời nào nói ra được, và họ, tuy làm chủ tất cả các kho tàng báu vật của trái đất, nhưng mặc những quần chèn không đáy và chỉ ăn pho mát lợn thối. Sau khi đã đi tìm hôm đó trong một ngõ hẻm ở Montmartre, một phương sĩ ma quái, vẫn thực hành ma thuật và làm phép yểm bùa, Maurice sau đó đi đến nhà Bouchotte, do bà de la Verdelières phái đi, bà ta vì sắp phải tổ chức một cuộc vui để giúp công cuộc bảo quản những nhà thờ thôn quê, muốn cho nghe Bouchotte hát, cô này, không biết vì sao, bỗng nhiên trở thành một nữ nghệ sĩ được ưa chuộng. Bouchotte mời khách ngồi vào cái ghế trường kỷ nhỏ có

hoa, theo yêu cầu của Maurice, cô đến ngồi bên cạnh anh, và anh chàng con nhà gia thế trình bày với cô đào hát mong ước của bá tước phu nhân de la Verdelières; vị phu nhân này ước ao rằng Bouchotte sẽ hát ưu tiên một trong những bài hát còn đồ vô lại mà các người thượng lưu lịch sự vẫn thú vị, khốn nỗi, bà de la Verdelières chỉ có thể trả một số tiền thù lao rất hạn chế và không xứng tí nào với tài năng của nghệ sĩ; nhưng đây là một công cuộc từ thiện.

Bouchotte đồng ý giúp và chấp nhận món thù lao hạn chế với sự hào phóng thường thấy của những kẻ nghèo đối với người giàu và của những nghệ sĩ đối với những khách thượng lưu lịch sự; Bouchotte có tính không vụ lợi; công cuộc giúp bảo quản các nhà thờ thôn quê làm cô quan tâm thiết tha. Cô nhớ lại, với những nước nở và nước mắt, cuộc chịu lễ lần đầu của cô, và bây giờ nữa, cô vẫn giữ được lòng tin. Khi cô đi qua trước một nhà thờ, cô có ý muốn vào, nhất là buổi chiều tối. Vì thế cô không thích chính thể cộng hòa, nó cố gắng phá hủy nhà thờ và quân đội. Lòng cô vui mừng thấy nảy nở lại tinh thần dân tộc. Nước Pháp lại phục hưng và, cái mà người ta hoan nghênh hơn cả trong các rạp ca vũ nhạc, đó là những bài hát về các chú bộ đội của chúng ta và các bà phước từ thiện. Trong khi đó, Maurice hít thở cái mùi của bộ tóc màu dã thú kia, hương thơm hắc và tinh tế của cái thân thể kia, tất cả vị mặn mòi của tấm da thịt kia, và thấy thèm thường. Anh cảm thấy cô ta rất dịu dàng và rất nóng ấm bên cạnh anh, trên chiếc ghế trường kỷ. Anh ca ngợi cô nghệ sĩ về tài năng tốt đẹp của cô. Cô hỏi anh ta ưa nhất cái gì trong tất cả tiết mục của cô. Anh chả biết tí gì về tiết mục của cô; tuy vậy, anh cũng trả lời cô những câu làm cô vui lòng; chính cô đã mớm cho anh những câu đó mà không biết. Cô bé hiếu danh nói về tài năng của mình, về những thành

công của mình như cô muốn người ta nói. Cô nói thao thao bất tuyệt về những đặc thẳng rực rỡ của cô; vả lại, cô chính là sự ngây thơ hiện thân. Maurice đưa ra những lời khen ngợi thành thực về sắc đẹp của Bouchotte, về vẻ tươi tắn của nét mặt, về dáng thanh lịch của thân hình cô. Cô quy cái ưu điểm đó cho lý do cô không bao giờ trát phấn cả. Còn về hình thể, cô công nhận là cái gì cũng vừa đủ và không cái gì quá và để minh họa lời khẳng định đó, cô xoa hai bàn tay lên tất cả các đường viền của thân thể kiều diễm của cô, vừa hơi nhồm lên nhẹ nhàng để xoa theo những bình diện tốt đẹp mà cô vẫn ngồi lên. Maurice rất xúc động.

Trời tối sập xuống; cô ta đề nghị tắt đèn. Anh yêu cầu cô đừng tắt.

Cuộc trò chuyện tiếp tục, trước hết là tươi cười và vui vẻ, rồi thân mật, rất dịu dàng, với đôi phần uể oải. Bouchotte tưởng như quen biết anh Maurice d'Esparvieu đã từ lâu, và coi anh ta là một con người lịch sự, cô tỉ tê tâm sự với anh. Cô bảo anh rằng cô bầm sinh làm một người đàn bà tử tế, nhưng cô có một bà mẹ ham hố và chẳng e dè cái gì. Maurice kéo cô trở về chuyện xét cái sắc đẹp của cô và tán dương, bằng những nựng nọt khôn khéo, lòng tự yêu thích mãnh liệt của bản thân cô. Kiên nhẫn và tính toán, mặc dầu sự nóng bỏng nó lớn lên trong anh làm nảy nở và tăng trưởng thêm muốn trong con người anh. Ý muốn được người thán phục hơn nữa, chiếc áo dài buông ngủi mở ra và tự tuột xuống, chất xa tanh sống động của đôi vai lấp lánh trong ánh sáng huyền bí của chiều hôm. Anh, thì rất cẩn trọng, rất khéo léo, rất xảo quyệt, đến nỗi làm cho cô chìm đắm vào trong vòng cánh tay của anh, nồng nàn và ngây ngất, trước khi nhận thấy là đã cho anh cái gì chủ yếu. Và chiếc ghế trường kỷ nhỏ xíu đi cùng với họ.

Khi những cảm nghĩ của họ trở lại thành có thể biểu lộ bằng lời nói được, thì cô gái nỉ non vào cổ anh rằng da của anh mịn màng hơn da của cô.

Anh nói với cô, vẫn ôm cô trong tay:

- Được ôm chặt em như thế này, thật là thú vị. Tưởng chừng em không có xương.

Cô trả lời anh, vừa nhắm mắt lại:

- Là vì em đã yêu anh. Tình yêu làm cho xương em chảy ra, nó làm em mềm nhũn và nhừ tan như món chân giò hầm\* ở Sainte-Menehould.

Chân giò hầm (pied à la mode): à la mode là một từ ngữ của nghề nấu ăn, ta thường gọi là nấu kiểu, nghĩa là nấu một lối riêng, như chân giò hầm, lòng bò hầm nhừ (tripes à la mode), thịt bò nấu kiểu, tiêm mỡ, quay chảo rồi om như ra-gu, không hầm.

Nói đến đây thì Théophile bước vào, và Bouchotte bảo anh cảm ơn ông Maurice d'Esparvieu đã có nhã ý đem lại món tiền thù lao hậu hĩ của bá tước phu nhân de la Verdelières gửi đưa.

Nhà nhạc sĩ sung sướng được cảm thấy sự êm ái và yên tĩnh của cửa nhà, sau một ngày toàn những chạy chọt phí công, những bài dạy học vô vị, những cay đắng và nhục nhằn. Người ta buộc anh phải nhận ba người cộng tác mới, họ sẽ ký tên cùng với anh vào vở kịch ca nhạc của anh và sẽ lĩnh phần của họ về tiền bản quyền tác giả; và người ta đòi hỏi anh phải đưa điệu nhạc tặng gô vào triều đình Golconde. Anh ta bắt tay chàng thanh niên d'Esparvieu, và ngồi phịch rất mệt mỏi xuống chiếc trường kỷ nhỏ có hoa, nó, lần này, kiệt sức rồi, hút cả bốn chân và đổ sập. Và chàng thiên thần, bị xô xuống đất, lăn lóc kinh hoàng trên chiếc đồng hồ bỏ túi, chiếc bật lửa, cái bót thuốc lá rơi ở túi Maurice ra và những tạc đạn do hoàng thân Istar đem đến.

## CHƯƠNG THỨ HAI MƯƠI BỐN

*Bao quát những thăng trầm mà quyển Lucrèce của tu viện trưởng de Vendôme đã trải qua.*

Léger-Massieu, kế nghiệp của Léger anh cả, làm nghề đóng sách, phố Tu viện, đối diện với dinh thự cũ của các tu viện trưởng của Saint-Germain-des-Prés\*, ở đó lúc nhúc những trường mẫu giáo và hội bác học, ông ta dùng những người thợ tuyệt giỏi, nhưng không nhiều và phục vụ chậm chạp một số khách hàng cũ đã quen tính kiên nhẫn. Sáu tuần lễ sau khi nhận được mở sách của ông Sariette gửi đóng, Léger-Massieu vẫn chưa bắt tay vào. Mãi đến năm mươi ba ngày tròn, sau khi đã kiểm tra lại những sách đó theo bản kê khai của ông Sariette, ông chủ hiệu đóng sách mới giao cho thợ của ông. Quyển Lucrèce nhỏ xinh có mang huy hiệu của Tu viện trưởng de Vendôme, vì không có ghi trong bản kê khai, nên bị giả thiết là của một khách hàng nào khác. Và, vì nó không được ghi ở một bản danh sách gửi đóng nào khác, nên nó bị cất vào trong một cái tủ, mà một hôm cậu con của Léger-Massieu, là cậu Ernest, rút trộm ra và đút nhẹ vào túi. Ernest yêu một cô thợ giặt ở hàng xóm, tên là Rose. Rose yêu thích thôn quê và thích nghe chim hót trong rừng cây. Và để có tiền dẫn cô đi ăn bữa tối một ngày chủ nhật ở Chatou\*, Ernest nhường quyển Lucrèce lấy số tiền mười franc cho ông già Moranger, buôn đồ cũ ở phố Saint-X; ông ta không tò mò muốn biết nguồn gốc những đồ vật mà ông ta mua vào. Ngay hôm đó, ông già Moranger nhường lại quyển sách đó lấy sáu chục franc, cho ông Poussard, bán sách tại gia trong ngoại ô Saint-Germain. Ông này tẩy xóa ở nhan đề cái dấu đóng nó tiết lộ gốc gác của cuốn



sách vô song đó, và bán nó lấy năm trăm franc cho ông Joseph Meyer, người chơi sách có tiếng, ông này lại nhường lại ngay tức khắc lấy ba nghìn franc cho ông Ardon, chủ hiệu sách, ông này lại bán ngay cho nhà chơi sách quý có tiếng ở Paris, ông R..., ông này trả cho ông kia sáu nghìn, và mười lăm ngày sau bán lại với một số lãi phải chăng cho bà bá tước de Gorce. Bà phu nhân này, rất có tiếng tăm trong xã hội thượng lưu, ham thích tranh, sách và đồ sứ, bà bảo quản trong dinh thự của bà ở đại lộ d'Iéna những bộ sưu tập đồ mỹ nghệ nó chứng tỏ kiến thức đa dạng và khiếu thẩm mỹ ưu tú của bà. Tháng bảy, bà bá tước de Gorce, đang ở lâu đài Sarville của bà, ở Normandy, thì dinh thự ở đại lộ d'Iéna, khi đó không có người ở, được tiếp cuộc thăm đêm của một tên ăn trộm mà người ta nhận ra là ở trong đoàn lũ gọi là Những kẻ sưu tập, chuyên ăn trộm những đồ mỹ nghệ.

Saint-Germain-des-Prés: tên tu viện cũ nổi tiếng và nhà thờ, một trong những nhà thờ cổ nhất ở Paris (hiện nay chỉ còn nhà thờ vẫn đứng vững), được sáng lập do Childeberg I từ năm 558. Nhà thờ được coi là di tích quý báu của nền kiến trúc thế kỷ XI.

Chatou: Chatou là một xã trong vùng đô thị Paris, thuộc tỉnh Yvelines, vùng hành chính Île-de-France của nước Pháp.

Theo các chứng nhận của nhà đương cục, thì tên gian phi đã lợi dụng ống máng để leo lên gác một, rồi bước qua ban công và dùng một chiếc xà beng nẩy bật cánh cửa sổ ra, đập vỡ một ô kính cửa sổ, vặn quả đấm then dọc và đi vào phòng bảo tàng lớn. Ở đó, sau khi đã bẻ khóa nhiều tủ đứng, nó lấy các đồ vật mà nó vừa ý, phần nhiều là cỡ nhỏ và quý giá, những cái hộp bằng vàng, vài đồ ngà của thế kỷ XIV, hai bản thảo viết tay của thế kỷ XV và một cuốn sách mà viên thư ký của bà bá tước gọi vắn tắt là “một cuốn da dê thuộc, có huy hiệu”, và đó chính là quyển Lucrece của thư viện d'Esparvieu.

Tên tội phạm, mà người ta ngờ là một anh nấu bếp người Anh, không bị tóm. Vậy mà ước chừng hai tháng sau vụ trộm, có một người đàn ông trẻ tuổi, lịch sự, mày râu nhẵn nhụi, đi qua phố Courcelles vào lúc nhá nhem, đến bán cho ông già Guinardon quyển Lucrece của Tu viện trưởng de Vendôme. Ông già buôn đồ cổ trả anh ta một trăm xu, xem xét quyển sách, nhận thấy lý thú và đẹp, và cất nó vào tủ ngăn buồng gỗ tử đàn, trong đó ông ta cất giữ những vật quý giá.

Đó là những bước thăng trầm, trong một mùa, của cái đồ vật đáng yêu đó.

## CHƯƠNG THỨ HAI MƯƠI NHẢM

*Trong đó, Maurice gặp lại được thiên thần của anh.*

Sau cuộc biểu diễn, Bouchotte lau chùi phấn son trong biệt phòng của cô. Ông già bảo trợ\* của cô, ông Sandraque, bước vào nhẹ nhàng, và, sau lưng ông ta, là một lũ đông những người hâm mộ. Không ngoảnh đầu lại, cô hỏi họ đến làm gì đó, tại sao họ cứ nhìn cô như một lũ ngố, và hay là họ tưởng đang ở chợ phiên Neuilly, trong cái lều xem quái vật.

Bảo trợ (protecteur): *protecteur* có thể có hai nghĩa, một là bảo trợ, giúp đỡ bằng tiền nong, che chở bằng thế lực, hai là bỏ tiền ra bao gái. Đây, không có dấu hiệu gì để hiểu theo nghĩa thứ hai, nên cứ dịch theo nghĩa thứ nhất.

“Thưa các bà và các ông, hãy bỏ mười centime vào ống tiền để làm hồi môn cho cô thiếu nữ, và các ông bà sẽ được sờ nắn hai cái bắp chân của cô: rắn như cẩm thạch!”\*

Tác giả không nói rõ là ai trong câu này, nhưng đặt trong hai ngoặc kép, thì ta có thể hiểu là câu nói của Bouchotte, nhưng không phải là nói thẳng thắn ý nghĩ của mình, mà là nói kháy, nhại một lối nói khá ố của kẻ khác, trong hoàn cảnh tương tự.

Và, ngoảnh lại nhìn đám người con con đó, với một vẻ cău:

- Thôi! Đi! Bước cả đi!

Cô xua đuổi tất cả mọi người, và cả đến người tình yêu dấu của cô, là Théophile đương đứng đó, mặt xanh xao, tóc bù xù, dịu hiến, buồn bã, cận thị, lơ đãng. Nhưng khi nhận thấy anh chàng Maurice yêu mến, cô mỉm cười. Anh lại gần cô, cúi xuống vai cái ghế tựa cô đương ngồi, khen ngợi cô về nghệ thuật biểu diễn và về giọng hát, với một tiếng động và một cử chỉ của

hôn hít sau mỗi lời khen. Cô không để cho anh ta như thế là xong với cô, và bằng những câu hỏi nhắc đi nhắc lại, bằng những khẩn khoản thôi thúc, bằng vẻ giả vờ không tin, cô bắt anh phải nhắc lại hai, ba và bốn lần những câu sáo tán tụng của anh và, khi anh dừng lại, cô có vẻ thất vọng, đến nỗi anh bắt buộc phải nối tiếp ngay tức khắc. Anh cố gắng vất vả, vì không phải tay sành sỏi; nhưng anh được cái thú trông thấy đôi vai tròn trĩnh và đầy đặn, được ánh sáng đèn làm nổi ánh vàng và cái thú được nhìn xem khuôn mặt xinh đẹp kia trong tấm gương của bàn hoá trang.

- Cô thật tuyệt diệu.

- Thật ư?... Anh nghĩ thế ư?

- Tuyệt vời, tuyệt...

Bỗng nhiên, anh kêu thét lên một tiếng. Mắt anh đã trông thấy trong gương một cái mặt người hiện lên ở cuối biệt phòng. Anh quay phắt ngay lại, và giang hai tay vồ lấy Arcade, kéo anh ta ra hành lang.

- Cung cách gì mà lạ thế! - Bouchotte kêu lên, tức thở.

Nhưng, xuyên qua một đám những chú chó làm xiếc và một gia đình bọn leo dây múa rối người Mỹ, chàng d'Esparvieu trẻ tuổi lôi kéo thiên thần của chàng về phía cửa ra.

Trong bóng tối và không khí mát mẻ của đại lộ có cây cối, say sưa vì vui mừng, và hãy còn ngờ vực vì hạnh phúc của mình:

- Anh đây rồi! - Chàng ta nói, anh đây rồi! Tôi đã tìm anh bao lâu, Arcade, Mirar, tùy anh, thế là tôi lại gặp anh. Arcade, anh đã lấy mất thiên thần hộ mệnh của tôi, anh hãy trả lại cho tôi đi. Arcade, anh có còn yêu tôi

không?

Arcade trả lời rằng, để làm tròn nhiệm vụ siêu thiên thần mà anh đã tự đề ra cho mình, anh đã phải chà đạp lên tình bạn hữu, tình thương xót, tình yêu và tất cả mọi tình cảm nó làm nhu nhuyễn tâm hồn. Nhưng, một mặt khác, thân phận mới của anh, vì bắt anh phải chịu đựng những đau khổ và thiếu thốn, nên làm cho anh sẵn sàng có tình âu yếm của loài người và anh cảm thấy đối với Maurice thân mến của anh một tình bạn hữu tự nhiên.

- Thế thì, - Maurice kêu lên, nếu anh có yêu tôi chút ít, thì anh hãy trở lại với tôi, hãy ở lại với tôi. Tôi không thể nào không có anh được. Trước kia, có anh bên cạnh thì tôi không nhận thấy sự hiện diện của anh. Nhưng, anh vừa đi khỏi, là tôi cảm thấy trong tôi một sự trống rỗng ghê gớm. Không có anh, tôi như một cái xác không hồn. Tôi có cần phải nói không nhỉ, trong căn hộ tầng dưới nhà, ở phố La Mã, bên cạnh Gilberte, tôi cảm thấy cô đơn, tôi nhớ tiếc anh và tôi ao ước được trông thấy anh và nghe thấy tiếng anh nói như cái ngày mà anh đã làm cho tôi phải hết sức giận dữ... Anh phải công nhận rằng khi đó tôi có lý và anh đã xử sự hôm đó không ra người lịch sự. Anh, dòng dõi cao thượng như thế, tinh thần cao quý như thế, mà đã phạm một điều bất nhã như thế, thật là lạ lùng. Khi nghĩ đến, bà des Aubels vẫn chưa tha thứ cho anh đâu. Bà ấy trách anh đã làm cho bà ấy sợ, khi anh xuất hiện một cách không đúng lúc như vậy, và đã bắt nhã một cách láo xược khi cài khuy áo cho bà và buộc dây giày cho bà. Tôi, thì tôi đã quên hết. Tôi chỉ còn nhớ rằng anh là anh em thiên giới của tôi, là bầu bạn thần thánh của thời thơ ấu của tôi. Không, Arcade, anh không được, anh không thể chia lìa với tôi được. Anh là thiên thần của tôi, anh là của cải của tôi.

Arcade trình bày cho chàng d'Esparvieu biết anh không thể làm thiên thần hộ mệnh cho chàng được nữa, vì anh đã tự lao mình xuống vực thẳm. Và anh tự miêu tả ra kẻ khủng khiếp, sặc mùi căm thù và cuồng nộ, nghĩa là một tinh thần địa ngục.

- Chuyện nhảm nhí, - Maurice nói vừa mỉm cười, nước mắt lưng tròng.

- Than ôi, các ý nghĩ của chúng ta, các số kiếp của chúng ta, tất cả đều chia lìa chúng ta, chàng Maurice ạ. Nhưng tôi vẫn không bóp nghẹt được mỗi tình âu yếm mà tôi cảm thấy đối với anh, và sự chân thật của anh bắt buộc tôi phải yêu anh.

- Không! - Maurice thở dài, anh không yêu tôi. Anh chưa bao giờ yêu tôi cả. Ở một người anh em hay chị em ruột, thì sự lãnh đạm đó có lẽ là tự nhiên, ở một người bạn, nó sẽ là bình thường; ở một thiên thần hộ mệnh, nó là quái gở. Arcade, anh là một kẻ khá ố. Tôi ghét anh.

- Tôi yêu anh một cách quý báu, Maurice ạ, và tôi vẫn còn yêu anh. Anh làm rối loạn trái tim tôi mà tôi cứ tưởng đã khóa kín trong ba lần vỏ đồng; anh phát hiện cho tôi nỗi mềm yếu của tôi. Khi anh còn là một đứa trẻ ngây thơ, tôi đã yêu anh một cách thăm thiết, bằng và trong trẻo hơn Miss Kate, cô giáo người Anh của anh, cô ấy ôm hôn anh với một ý dâm dật kinh khủng. Ở thôn quê, trong cái mùa mà vỏ cây phong tự tước ra thành những mảnh dài và để lộ ra cái thân cây màu xanh lục dịu dàng, sau những trận mưa nó làm cho cát mịn chảy ròn ròn trên những lòng đường dốc, tôi đã dạy anh lấy cái cát đó, những mảnh vỏ cây đó, vài bông hoa đồng nội và vài cọng dương xỉ, làm thành những cây cầu mộc mạc, những cái lều man rợ, những nền cao và những khu vườn của Adonis\*, chỉ bền được một tiếng đồng hồ. Tháng năm, ở

Paris, chúng ta dựng được một bàn thờ Đức Bà Đồng Trinh và đốt trên đó một thứ hương mà mùi thơm tỏa khắp nhà, làm cho Marcelline, chị nấu bếp, nhớ đến làng quê và sự trinh bạch đã mất, khóc giàn giụa, và làm cho mẹ anh nhức đầu. Bà vốn là người sống giữa cảnh giàu sang, mà bị khốn khổ vì nỗi buồn chán chung cho tất cả những người sung sướng trên trái đất. Khi anh đi đến trường học, tôi lưu tâm đến những tiến bộ của anh; tôi chia sẻ các công việc và các trò chơi của anh. Tôi nghiên ngẫm cùng với anh những bài toán đồ gay go của số học, tôi cùng tìm với anh ý nghĩ khó khăn nan giải của một câu văn của Jules César\*. Biết bao cuộc đuổi bắt nhau hoặc đá bóng chúng ta đã cùng chơi với nhau! Đã nhiều phen, chúng ta được biết cái say sưa của chiến thắng và những vòng nguyệt quế trẻ trung của chúng ta không bị đầm máu và nước mắt. Maurice, tôi đã làm hết sức của tôi để bảo hộ sự ngây thơ trong trắng của anh, nhưng tôi đã không thể nào ngăn cản anh đánh mất nó, hồi mười bốn tuổi, trong vòng tay của chị hầu phòng của mẹ anh. Sau đó tôi lại lấy làm tiếc mà trông thấy anh đi yêu những người đàn bà thuộc mọi hạng người, mọi lứa tuổi và không phải đều là đẹp cả, ít ra cũng là theo con mắt của một thiên thần. Buồn bã vì quang cảnh đó, tôi lao vào học hỏi; một thư viện phong phú cung cấp cho tôi những nguồn học thức hiếm thấy. Tôi nghiên cứu sâu lịch sử các tôn giáo; còn những gì nữa thì anh biết rồi.

*Khu vườn của Adonis:* Adonis, vị thần của xứ Phénicie, trong thần thoại Hy Lạp, vốn là một chàng trai có sắc đẹp tuyệt trần, bị một con lợn lòi cắn tử thương được Venus hóa phép biến thành cây bạch đầu ông (anemone, cũng gọi là thu mẫu đơn). Điển hình của sắc đẹp con trai ủy mị. Đây chỉ dịch đúng nguyên văn.

Jules César: danh tướng La Mã, một trong ba vị (triumvirat) thống trị La Mã. Đây là nói đến một câu nói nào đó, được trích dẫn trong cuốn sách nổi tiếng La tinh *De viris illustribus urbis Romae*, là cuốn gọi tắt là *De viris* (Nói về những danh nhân của thành La Mã) sách thành tập đọc cho học sinh nhỏ bắt đầu học vỡ lòng tiếng La tinh.

- Nhưng bây giờ, anh Arcade thân mến, - chàng trẻ d'Esparvieu kết luận, anh không có địa vị gì, không có chức nghiệp gì, không có một thứ nguồn thu nhập nào. Anh là một kẻ lạc ngũ, một anh ngoại ngạch. Anh là một kẻ lưu manh, một anh khố rách.

Thiên thần đối đáp có đôi phần chua chát rằng dù sao anh ta hiện nay cũng còn ăn mặc hơi khá hơn cái lúc anh mang một bộ đồ di vật của một thằng tự tử chết.

Maurice, để miễn lỗi, viện lẽ rằng, khi anh đem bộ đồ di vật của một thằng chết tự tử để khoác cho thiên thần trần trụi của anh, là lúc đó anh đang tức giận vị thiên thần bất trung đó. Nhưng không nên trở lại chuyện đã qua và không nên trách móc gì nữa; chỉ nên xét xem phải quyết định thế nào.

- Arcade, anh định làm gì?

- Tôi đã chẳng bảo anh rồi ư, Maurice? Đánh kẻ đang ngự trị ở thiên đình, lật đổ hắn và đặt Satan thay thế vào.

- Anh sẽ không làm cái đó. Trước hết, bây giờ không phải lúc. Dư luận không có chiều hướng đó. Các anh sẽ lạc điệu, như ba tôi vẫn nói. Bây giờ người ta bảo thủ, và thích uy quyền. Người ta muốn được cai trị và ông tổng thống Cộng hòa sắp thương thảo với Giáo Hoàng. Đừng nên gàn bướng, Arcade. Anh không phải là ác bụng như anh nói đâu. Trong thâm tâm anh cũng như mọi người thôi: anh kính thờ Đức Chúa lòng lành.

- Hình như tôi đã dạy bảo anh rồi, anh Maurice thân mến, rằng kẻ mà anh coi là Đức Chúa, thực ra chỉ là một thần sáng tạo. Y tuyệt đối không biết gì đến cái thế giới thần thánh cao hơn y, và y tự cho mình, một cách chân thực,



là Chúa Trời duy nhất và thực sự. Anh sẽ thấy, trong bộ sách Lịch sử nhà thờ, do Đức cha Duchesne\* viết, quyển I, trang 162, rằng vị thần sáng tạo kiêu ngạo và thiên cận đó tên gọi là Ialdabaoth. Và có lẽ anh tin tưởng ở nhà sử học của giáo hội đó hơn là chính thiên thần của anh. Tôi phải từ biệt anh đây, chào anh.

Đức cha Duchesne: học giả Pháp (1843-1922), tác giả những tìm tòi hay về *Nguồn gốc tôn giáo Cơ đốc* (Origines du culte chrétien), nhan đề hơi khác lời dẫn của A. France, nhưng nội dung chắc là đúng như A. France viện dẫn, vì là người sống đồng thời.

- Hãy ở lại.

- Không thể được.

- Tôi sẽ không để cho anh đi như thế. Anh đã làm tôi mất thiên thần hộ mệnh của tôi rồi. Anh có bốn phạm phải đền bồi sự thiệt hại mà anh đã gây ra cho tôi. Hãy cho tôi một thiên thần hộ mệnh khác!

Arcade phản biện rằng anh không thể nào thoả mãn được một yêu sách như vậy. Rằng, đã bất hoà với vị thần tối cao phân phối các linh thần thủ hộ, anh sẽ không có thể yêu cầu được cái gì ở phía đó.

- Không, Maurice thân mến ơi, - anh nói thêm và mỉm cười, anh hãy tự mình hỏi xin Ialdabaoth một linh thần hộ mệnh đi.

- Không! Không! Không! Không có Ialdabaoth nào hết! - Maurice kêu lên. Anh đã lấy mất thiên thần hộ mệnh của tôi, anh hãy trả tôi đi.

- Tôi không thể làm được, than ôi!

- Anh không thể làm được, Arcade, vì anh là một kẻ phản loạn à?

- Phải.

- Một kẻ thù của Chúa trời?

- Phải.

- Một linh thần ác quỷ?

- Phải.

- Vậy thì! - Chàng trẻ Maurice kêu lên. Chính tôi sẽ là thần hộ mệnh của anh. Tôi không rời anh.

Và Maurice d'Esparvieu dẫn Arcade đi ăn sò ở hàng P.

## CHƯƠNG THỨ HAI MƯƠI SÁU

### *Cuộc thảo luận.*

Ngày hôm đó, được Arcade và Zita triệu tập, các thiên thần phản loạn hội họp trên bờ sông Seine, ở khu Jonchère\*, trong một rạp hát bỏ không và tàn tạ, mà hoàng thân Istar đã thuê của một anh chủ quán tên là Barattan. Ba trăm thiên thần chen chúc nhau trên các tầng bậc và trong các biệt phòng. Một cái bàn, một chiếc ghế bành và những ghế tựa được đặt trên sân khấu ở đó còn lủng lẳng những mảnh rách mướp của một cảnh trí thôn dã. Các bức tường vách, vẽ bằng nước hồ những hoa và trái cây, ẩm mốc và rạn nứt, lở xuống từng mảng. Sự dung tục khốn khổ của nơi họp càng làm rõ rệt sự lớn lao của những dự vọng ham say xáo động trong đó. Khi hoàng thân Istar yêu cầu hội nghị thành lập ban chủ tọa và trước hết đề cử một chủ tịch danh dự, thì cái tên cả thế giới đều biết, được cử tọa đều nghĩ đến: nhưng một niềm tôn kính thiêng liêng làm cho ai cũng ngậm miệng, và sau một lát im lặng, Nectaire vắng mặt được bầu chọn bằng cách hoan hô. Được mời ngồi vào chiếc ghế bành giữa Zita và một thiên thần Nhật Bản, Arcade lên tiếng ngay:

Jonchère nghĩa đen là bãi cỏ, ruộng cỏ. Nay là đường Jonchère, bên bờ sông Seine, gần nhà thờ Đức Bà.

- Các con trời! Các bạn đồng chí! Các bạn đã tự giải thoát khỏi vòng nô lệ thiên đình; các bạn đã giũ bỏ cái ách quàng cổ của kẻ mà người ta gọi tên là Jéhovah. Nhưng ở đây, chúng ta phải trả cho hắn cái tên thật của hắn, là Ialdabaoth, vì hắn không phải là kẻ sáng tạo ra các thế giới, mà chỉ là một thần sáng tạo dốt nát và man rợ, sau khi đã chiếm lĩnh được một mẫu rất nhỏ

bé của vũ trụ, đã gieo rắc ở đó sự đau đớn và sự chết chóc. Hỡi các con trời, tôi xin các bạn hãy nói các bạn có quyết chí đả phá và tiêu diệt Ialdabaoth hay không?

Một tiếng nói duy nhất, do tất cả mọi tiếng nói hợp thành, trả lời:

- Chúng tôi quyết chí.

Và nhiều người, cùng nói một lúc, thề sẽ leo lên núi của Ialdabaoth, lật đổ các bức tường thành bằng vân thạch và ảo vân thạch\* và đìm tên bạo chúa ở thiên đình vào cõi tối tăm muôn đời\*.

*Vân thạch* (jaspe), *vân ban thạch* (porphyre): tên những thứ đá hoa khác nhau. Jaspe là một thứ đá hoa thuộc loại đá *mã não* (agate), có những vết hoặc những vết màu sắc; Porphyre, là một thứ cẩm thạch rất rắn, đỏ hoặc xanh lục, có vân hoặc lõm đốm màu sắc khác nhau.

*Cõi tối tăm muôn đời* (ténèbres éternelles): tức là địa ngục.

Nhưng một giọng lạnh lạnh cất lên xuyên qua đám làn xào âm thầm:

- Bọn vô đạo, phạm thánh, điên cuồng, hãy run lên! Chúa đã giơ lên đầu chúng bay cánh tay đáng sợ của Người rồi đấy!

Đó là một gã thiên thần trung thành, trong một cơn hăm hở của lòng tin và lòng yêu, thềm muốn vinh quang của những vị nghe tội và những bậc tuần giáo, thiết tha, cũng như chính Chúa của hắn, muốn bằng Người\* trong cái đẹp của hy sinh, đã lao vào giữa đám những kẻ báng bổ để đối đầu với họ, nói cho mất mặt họ và ngã gục dưới những đòn của họ.

*Người*: đây có lẽ là chỉ Jesus Christ.

Cử tọa chĩa vào gã cơn cuồng nộ nhất trí. Những người đứng gần nhất đánh gã.

Gã nói với một giọng mạnh mẽ trong trẻo:

- Sáng danh Đức Chúa Trời! Sáng danh Đức Chúa Trời! Sáng danh Đức Chúa Trời!

Một thiên thần phản loạn bóp cổ gã và đập tan trong họng gã những lời ca tụng Chúa. Gã bị vật ngã xuống, bị chà đạp dưới chân.

Hoàng thân Istar nhắc gã lên, dùng hai ngón tay kẹp lấy đôi cánh của gã, rồi đứng lên như một cột khói, mở một cái cửa sổ trên mái nhà, mà không một ai khác có thể với tới được, và ném gã thiên thần trung thành qua lỗ cửa. Trật tự lại tái lập ngay.

- Hỡi các bạn đồng chí, - Arcade lại nói tiếp, bây giờ chúng ta đã khẳng định quyết tâm của chúng ta rồi, thì chúng ta phải tìm các phương tiện hành động và chọn những phương tiện tốt nhất. Vậy các bạn phải xét xem chúng ta nên tấn công địch thủ bằng cường lực, hay tốt hơn, bằng một cuộc tuyên truyền lâu dài và chuyên cần, tranh thủ các chúng dân trên thiên đình theo về chính nghĩa của chúng ta.

- Chiến tranh! Chiến tranh! - Cử tọa kêu lên.

Và tưởng chừng như nghe thấy tiếng kèn và tiếng trống rền vang.

Théophile, mà hoàng thân Istar đã kéo bằng được đến cuộc họp, đứng dậy, mặt mày nhợt nhạt và xanh xao, và nói nốt bằng một giọng xúc động:

- Các anh em, đừng phật ý điều tôi sắp nói đây, chính là tình bạn thân thiết của tôi đối với các anh, soi lòng cho tôi đấy. Tôi chỉ là một anh nhạc sĩ quèn. Nhưng xin nói thực tình: các mưu đồ của các bạn sẽ lại một lần nữa bị đập tan khi đụng phải sự khôn ngoan thần thánh, nó đã tiên liệu tất cả.

Théophile bị la ó, ngồi xuống. Và Arcade tiếp lời:

- Ialdabaoth tiên liệu tất cả: tôi không cãi lại điều đó. Hẳn tiên liệu tất cả; nhưng vì để chúng ta có tự do ý chí, hẳn xử sự với chúng ta hoàn toàn như chẳng tiên liệu gì hết. Lúc nào hẳn cũng bị bất ngờ chừng hững; những biến cố có thể phỏng đoán nhất cũng làm cho hẳn bị bất ngờ. Sự bắt buộc mà hẳn đã tự đặt mình vào, phải dung hoà sự tiên đoán của hẳn với sự tự do của loài người và của các thiên thần, luôn luôn ném hẳn vào những nỗi khó khăn không biết đặng nào mà gỡ và những nỗi lúng túng kinh khủng. Không bao giờ hẳn trông thấy xa hơn cái mũi của hẳn. Hẳn trước kia đã không ngờ đến sự không tuân lời của Adam và rất ít tiên đoán sự độc ác của loài người, đến nỗi phải hối hận đã tạo ra loài người, và chìm chết họ trong nạn hồng thủy cùng với tất cả mọi giống động vật mà hẳn chẳng có gì chê trách cả. Về sự mù quáng, thì hẳn chỉ có thể so được với Charles X\*, ông vua mà hẳn ưa nhất. Nếu chúng ta giữ cho được đôi chút cẩn mật, thì chúng ta sẽ dễ dàng khiến hẳn bất ngờ. Tôi tin rằng những lời suy luận đó, cũng đủ để làm yên lòng người anh em của tôi.

Charles X (1757-1836): ông vua tồi tệ, hèn đớn nhất của nước Pháp trong thời Trung Hưng, vốn là bá tước d'Artois, em ruột của Louis XVI và Louis XVIII, lên ngôi năm 1824, kế ngôi Louis XVIII. Là một người phóng phiếm, hào hoa, phong nhã, nhưng trị dân rất tồi, phản cách mạng, và đẩy đến cuộc cách mạng 1830, bị truất ngôi và bỏ chạy sang Anh, để Louis Philippe lên ngôi thay thế - gọi là *ông vua mà hẳn ưa nhất*, có lẽ là vì một thời, nhân một cái tang riêng, ông ta trở thành sùng tín bông bột: dân chúng Paris ngạc nhiên thấy ông vua đi bộ theo những đám rước của nhà thờ, và nghe đồn ông ta đã chịu phép phong làm giáo sĩ.

Théophile không trả lời. Anh ta yêu Chúa, nhưng anh ta sợ cái số phận của gã thiên thần trung thành nọ.

Một trong những thiên thần có học thức nhất trong hội nghị là Mammon,

không được hoàn toàn yên tâm với những suy luận của người anh em Arcade.

- Hãy nghĩ cho kỹ, - thiên thần đó nói, Ialdabaoth không có nhiều văn hoá phổ thông, nhưng y là quân nhân từ trong xương tuỷ. Tổ chức của Thiên đàng là một tổ chức hoàn toàn quân sự, căn cứ vào đẳng cấp và kỷ luật. Sự tuân lệnh thụ động được áp đặt ở đó như một pháp luật tuyệt đối. Các thiên thần hợp thành một đạo quân. Hãy so sánh cái thiên đàng ấy với Cực lạc quốc mà Virgile cho chúng ta. Trong Cực lạc quốc, tất cả đều là tự do, lý trí, hiền minh; các vong hồn hạnh phúc trò chuyện với nhau trong những cánh rừng sim. Trong thiên đình của Ialdabaoth, không có thường dân, tất cả mọi người đều bị nhập ngũ, đăng bạ, đánh số. Đó là một doanh trại và một thao trường. Hãy nghĩ cho kỹ!

Arcade đối đáp rằng phải hình dung đối thủ dưới cái dáng vẻ thực của nó, và cái tổ chức quân sự của thiên đàng giống những xóm làng của vua Gléglé\* nhiều hơn là giống nước Phổ của Frédéric đại đế\*.

Vua Gléglé: Hay còn gọi là Badohou (chết năm 1889) là vua thứ mười của vương quốc Dahomey. Dahomey là vương quốc tại Châu Phi trước đây, nằm ở Bénin ngày nay. Vương quốc này được thành lập vào thế kỷ 17 và tồn tại đến cuối thế kỷ 19, khi nó bị quân đội Pháp từ Sénégal chiếm và sát nhập vào Tây Phi thuộc Pháp.

*Frédéric đại đế* (1712-1786): tức là vua Frédéric II, *le grand* của nước Phổ, lên ngôi năm 1740. Là một ông vua tài giỏi, một chiến tướng hiền danh, một nhà cai trị khôn khéo, xây dựng nên sự hùng vĩ của nước Phổ. Bạn của văn học, nhà văn tốt và sinh triết học. Ông thu hút đến nước Phổ chung quanh cung điện của ông là nhà văn hào Pháp Voltaire và nhiều nhà bác học, nhà triết học nước Pháp.

- Ngay từ cuộc dấy loạn đầu tiên, - anh nói, trước hồi khai thủy các thời đại, chiến trận diễn ra trong hai ngày và ngai vàng của Ialdabaoth đã lung lay rồi. Tuy vậy, gã thần sáng tạo đã thắng. Nhưng chiến thắng của y đã nhờ vào cái gì? Nhờ sự may rủi của một cơn giông tố nổ ra trong lúc chiến đấu. Sấm

sét rơi xuống đầu Lucifer và các thiên sứ của Người, đã quật đổ họ xuống, đen thui và tan tành. Ialdabaoth nhờ vào sấm sét mà đã chiến thắng. Sấm sét là vũ khí duy nhất của y. Y lạm dụng nó. Chính là giữa những sấm chớp mà y đã ban bố luật pháp của y. “Lửa tiến quân làm tiền đạo cho y”, nhà tiên tri đã nói. Nhưng, Seneca nhà triết học nói rằng sấm sét, khi rơi xuống, đem lại sự nguy vong cho một số rất ít người, và sự sợ hãi cho tất cả mọi người. Lời nhận xét đó đúng đối với loài người ở thế kỷ thứ nhất của kỷ nguyên Cơ đốc; đối với các thiên sứ của thế kỷ XX thì không đúng nữa. Điều đó chứng tỏ rằng, mặc dầu có sấm sét, y không phải là mạnh mẽ, chính là một cái tháp xây bằng gạch sống và nhựa đường đã làm cho y bị một nỗi sợ kinh khủng. Khi nào hằng hà sa số những thiên thần, được trang bị những vũ khí mà khoa học hiện đại đặt vào quyền sử dụng của họ, tấn công lên trời, thì các bạn có nghĩ, các bạn đồng chí ơi, rằng vị chúa tể già của thái dương hệ, chung quanh có các thiên thần xúm xít, vũ trang như ở thời Abraham, sẽ có thể chống cự lại được không? Các chiến sĩ của vị thần sáng tạo, giờ này đây, còn đội những cái mũ bằng vàng và mang những cái khiên bằng kim cương. Michel, tướng lĩnh giỏi nhất của y, không biết chiến thuật nào khác chiến thuật của những cuộc độc chiếm. Ông ta vẫn chỉ biết có những chiến xa của các Pharaon và chưa bao giờ nghe thấy nói đến chấp kích đội của quân Macédonie\*.

Chấp kích đội của quân Macédonie: Macédonie là một miền của châu Âu xưa, ở phía Bắc nước Hy Lạp (ngày nay là tên một miền có ranh giới khác xưa, và thuộc vào lãnh thổ Hy Lạp). Dưới thời vua Philippe và Alexandre Đại đế, vương quốc Macédonie thống trị Hy Lạp. Quân đội của vương quốc được tổ chức thành đội hình chiến đấu chặt chẽ của những binh lính cầm kích gọi là chấp kích đội (Phalange), rất hùng dũng làm thành công cụ cho những cuộc chiến thắng lớn của Philippe và Alexandre.



Và chàng Arcade trẻ tuổi kéo dài liên miên sự so sánh giữa đàn gia súc vũ trang của Ialdabaoth với những đoàn cơ binh có ý thức của cách mạng. Sau đó, hội nghị luận bàn sôi nổi đến vấn đề những nguồn tài chính.

Zita khẳng định rằng anh em có đủ tiền để khởi đầu chiến tranh, rằng những bàn trử điện đã được đặt mua, rằng một cuộc chiến thắng đầu tiên sẽ cho anh em có tín dụng.

Cuộc bàn cãi tiếp tục, kịch liệt và hỗn độn. Trong cuộc hội nghị thiên thần này, cũng như các hội nghị của loài người, những lời nói hảo huyền tuôn ra rất nhiều. Càng gần đến lúc biểu quyết, những trò huyền ảo trở nên càng mãnh liệt và càng dồn dập. Có điều không ai kháng nghị được, là quyền chỉ huy tối cao sẽ trao cho người đã giơ cao đầu tiên ngọn cờ của phiến loạn. Nhưng vì mọi người đều ước ao được làm trợ tá cho Lucifer, nên mỗi người, khi mô tả người chiến sĩ phải được ưu tiên, thì mô tả đúng chân dung của chính mình. Như vậy, Alcor, trẻ nhất trong các thiên thần phiến loạn, phát biểu những lời nhanh chóng như sau:

- Cũng may mà trong quân đội của Ialdabaoth, quyền chỉ huy dành cho thâm niên. Như vậy, ít có khả năng những chiến tướng tài giỏi nắm được nó. Không phải là do đã trường kỳ tuân lệnh mà người ta học tập được cách chỉ huy, cũng không phải là do chuyên chú vào những chi tiết vụn vặt mà người ta tự luyện để bao quát được những đại thể rộng lớn. Xem các lịch sử cổ kim, chúng ta thấy rằng những tướng lĩnh tài giỏi nhất đều là những bậc đế vương như Alexandre và Frédéric\*, những nhà quý tộc như César và Turenne\*, hoặc tay quân sự tồi như Bonaparte. Một người nhà nghề bao giờ cũng sẽ kém cỏi hoặc tầm thường. Các đồng chí, chúng ta hãy tự chọn những thủ lĩnh thông

minh, đương tuổi hoa niên. Một ông già có thể đã giữ được thói quen thắng trận, nhưng cần phải trẻ tuổi để tập nhiễm được thói quen đó.

Alexandre, Frédéric: tức là Alexandre Đại đế nước Macédonie và Frédéric Đại đế nước Phổ.

Turenne (1611-1675): tên đầy đủ là Henri de la Tour d'Auvergne tử tước de Turenne, thống chế nước Pháp, sinh ở Sedan. Là một tướng lĩnh đại danh, chiến thắng lấy lòng nhiều trận lớn, mở rộng và củng cố lãnh thổ nước Pháp. Rất giản dị, rất khiêm tốn, có tài quân sự phần lớn do tính toán và suy nghĩ.

Một vị Séraphin hiền triết thay Alcor trên diễn đàn:

- Chiến tranh, anh nói, chưa bao giờ là một khoa học chắc chắn, hoặc một nghệ thuật xác định. Tuy nhiên, thiên tư của một dòng giống, hoặc tư duy của một con người, được cảm thấy trong đó. Nhưng làm sao xác định được những đức tính cần thiết cho một tướng tổng tư lệnh trong chiến tranh tương lai, trong đó sẽ cần phải xem xét nhiều tập đoàn và nhiều vận động hơn là trí thông minh của một con người có thể quan niệm được? Số lượng ngày càng tăng của những phương tiện kỹ thuật, khi bội tăng vô cùng tận những nguyên nhân sai lầm, làm tê liệt thiên tư của các tướng lĩnh. Đến một trình độ nào đó của sự bành trướng quân sự, mà người Âu châu, là gương mẫu của chúng ta, hiện đã gần đạt tới, thì ông tướng lĩnh thông minh nhất và ông tướng lĩnh dốt nát nhất trở thành bằng nhau về sự bất cập của họ. Một hiệu quả khác nữa của những quân bị lớn hiện đại, là cái quy luật về số đông có khuynh hướng chiếm uy thế ở đó với một sự tất yếu không thể nào lay chuyển được. Quả vậy, mười thiên thần dấy loạn mạnh hơn mười thiên sứ của Ialdabaoth, cái đó là chắc chắn, nhưng không chắc chắn tí nào một triệu thiên thần dấy loạn mạnh hơn một triệu thiên sứ của Ialdabaoth. Những số đông lớn trong chiến tranh cũng như trong địa hạt khác, thủ tiêu trí thông minh và những ưu việt cá nhân, làm lợi cho một thứ linh hồn tập thể rất sơ sài.

Tiếng chuyện trò ồn ào át mất tiếng nói của thiên thần hiền triết, anh ta kết thúc diễn từ giữa sự thờ ơ của toàn thể.

Sau đó, diễn đàn lại vang lên những lời kêu gọi đầu quân và những lời hứa hẹn chiến thắng. Anh em biểu dương trên đó thanh kiếm bảo vệ các chính nghĩa. Cuộc khai hoàn của các thiên thần khởi nghĩa được biểu dương trước hai chục lần, được đám đông cuồng si vỗ tay hoan hô. Những tiếng hò la: “Chiến tranh muôn năm” bốc lên tận trời xanh im lìm.

Giữa những cuồng nhiệt tràn trề đó, hoàng thân Istar leo lên bục, và sàn gỗ rên rĩ dưới sức nặng của anh.

- Các bạn đồng chí, - anh nói, các bạn muốn chiến thắng và đó là một ao ước rất đương nhiên. Nhưng các bạn phải là chìm đắm mê muội vì văn thơ mới đi đòi hỏi chiến thắng ở chiến tranh. Cái ý nghĩ làm chiến tranh, bây giờ chỉ có thể thâm nhập vào đầu óc những anh trưởng giả mù mẫm hoặc những anh lãng mạn lạc hậu. Chiến tranh là cái gì? Một trò đeo mặt nạ khôi hài, trước mặt nó là mối tình nồng nhiệt của những anh gầy đàn yêu nước được phấn khích một cách ngu ngốc. Ví thử Napoléon trước đây đã có một trí thông minh thực tiễn, thì ông ta đã không làm chiến tranh: nhưng ông ta là một anh mơ màng, say sưa Ossian\*. Các bạn kêu: “Chiến tranh muôn năm!” Các bạn là những anh mơ tưởng hão. Bao giờ thì các bạn sẽ trở thành những người trí thức? Những người trí thức không đi đòi hỏi sức mạnh và quyền uy ở tác cả các mơ mộng nó cấu thành nghệ thuật quân sự: chiến thuật, chiến lược, công sự, pháo binh và những trò nhảm nhí khác. Họ không tin ở chiến tranh, nó là một trò phù phiếm; họ tin ở hoá học, nó là một khoa học. Họ biết nghệ thuật giấu kín chiến thắng trong một công thức đại số học.

Ossian: nhà thơ truyền thuyết của xứ Scotland thế kỷ thứ III, chuyên ca tụng các vị anh hùng dân tộc và các thần thánh, trong những nghi lễ và khánh tiết tôn giáo. Những nhà thơ loại đó của các dân tộc dòng giống Celtic (celtique) như dân Gaulois, Ireland, Scotland, tiếng Celtic gọi là *bardes*, vừa đệm đàn thiên cầm theo để kích thích các chiến sĩ xông trận, bài ca chiến tranh, gọi là *bardit*. Ossian là một trong ba nhà thơ bardes nổi tiếng nhất. Tập thơ của ông được in năm 1760 là một bản ngụy tác. Bản chính được ấn hành năm 1807.

Và, rút trong túi ra một cái chai nhỏ mà anh giơ lên cho cử tọa xem, hoàng thân Istar reo lên với một nụ cười đắc thắng:

- Chiến thắng, là đây!

## CHƯƠNG THỨ HAI MƯƠI BẢY

*Trong đó người ta thấy phát lộ một nguyên nhân bí mật và sâu xa nó thường hay xô đẩy các đế quốc nọ chống các đế quốc kia và gây ra sự suy vong của kẻ chiến thắng lẫn kẻ chiến bại, và trong đó người đọc sách hiền minh (nếu có, tôi nghi ngờ điều đó) sẽ nghiền ngẫm câu nói mãnh liệt này:*

*“Chiến tranh là một vụ kinh doanh”.*

Các thiên thần đã giải tán. Dưới chân những quả đồi ở Meudon\*, ngồi trên cỏ, Arcade và Zita nhìn dòng sông Seine chảy giữa những cây liễu.

Meudon: tên một xã trong vùng đô thị Paris, thuộc tỉnh Hauts-de-Seine.

- Trong cái thế giới này, - Arcade nói, trong cái thế giới mà người ta gọi là thế giới, mặc dầu trong đó có ít những cái tinh khiết\* hơn những cái ô uế nhơ nhớp, không có một kẻ biết tư duy nào lại tưởng tượng rằng mình có thể tiêu trừ được dù chỉ một nguyên tử. Bất quá chúng ta chỉ được phép tin rằng chúng ta sẽ có thể đạt tới mức sửa đổi, đây đó, cái tiết điệu của vài nhóm nguyên tử và sự sắp xếp của vài tế bào. Nghĩ cho kỹ, thì đó là ranh giới của cuộc mưu đồ lớn của chúng ta. Và khi nào chúng ta đã đặt được người đối kháng vào chỗ của Ialdabaoth, thì có lẽ chúng ta cũng không làm được gì hơn. Zita, cái dở là ở trong bản chất của sự vật, hay ở trong sự sắp xếp của sự vật. Đó là điều đáng lẽ cần phải biết, Zita, tôi vô cùng hoang mang...

*Tinh khiết* (mondes): trong pháp giới của Do Thái giáo, có phân biệt những con vật *tinh khiết* (animaux mondes) có thể để người ăn hoặc làm lễ cúng Đức Chúa Trời, và những con vật *ô uế* (animaux immondes) không được ăn hoặc đem làm lễ cúng. Ở đây, giữa tiếng *monde* (danh từ, nghĩa là thế giới)

ở trên với tiếng *mondes* (tính từ, nghĩa là tinh khiết), có một lộng ngữ không thể chuyển sang tiếng Việt được.

- Anh bạn ơi, - Zita đáp, nếu muốn hành động, mà lại phải biết bí mật của thiên nhiên, thì người ta sẽ chẳng bao giờ hành động được cả. Và người ta sẽ không sống, vì sống là hành động, Arcade, anh đã thiếu quyết tâm rồi ư?

Arcade đoán quyết với thượng đẳng nữ thiên thần xinh đẹp rằng anh quyết tâm chìm tên thần sáng tạo vào cõi tăm tối muôn đời.

Một chiếc ô tô đi qua trên đường cái, sau lưng là một đám bụi mù kéo dài. Nó dừng lại trước mặt hai vị thiên thần, và cái mũi khoằm của Nam tước Everdingen hiện ra ở cửa xe.

- Chào các bạn thiên giới, xin chào, - nhà tư bản, con của trời, nói. Tôi lấy làm sung sướng được gặp các bạn. Tôi có một điều quan trọng phải khuyến cáo các bạn, đừng có ở lì bất động, đừng ngủ đi mất: hãy vũ trang vào, vũ trang vào! Các bạn rất có thể bị Ialdabaoth đánh bất ngờ. Các bạn có một kho tàng chiến cụ: hãy sử dụng không cần đếm. Tôi vừa được tin rằng thượng đẳng thiên sứ Michel đã đặt làm ở thiên đình một số lượng lớn tên đạn và sấm sét. Nói thực tình, các bạn có thể kiếm được năm chục nghìn bàn trả điện nữa. Tôi nhận đơn đặt hàng. Xin chào, các thiên thần! Tổ quốc thiên giới muôn năm!

Và Nam tước Everdingen bay vù tới những bờ sông hoa nở ở Louveciennes\*, có một nữ diễn viên xinh đẹp làm bạn.

Louveciennes: tên xã trong vùng hành chính Île-de-France, tỉnh Yvelines trong quận Saint-Germain-en-Laye, tổng Le Chesnay, có lâu đài xây cho bà du Barry.

- Có thực là họ đương vũ trang, ở phía thần sáng tạo không? - Arcade hỏi.

- Có thể rằng, - Zita đáp, trên đó cũng có một Nam tước Everdingen khác thúc đẩy những cuộc tăng quân bị.

Thiên thần hộ mệnh của chàng trẻ Maurice trầm ngâm chốc lát, rồi anh nói lầm bầm:

- Hay là chúng ta bị bọn tài phiệt lung lạc chẳng?

- Ở kìa! - Thượng đẳng nữ thiên thần xinh đẹp nói, chiến tranh là một vụ kinh doanh. Từ xưa nó bao giờ cũng vẫn là một vụ kinh doanh.

Sau đó, hai người xem xét rất lâu các phương tiện thi hành mưu đồ mênh mông của họ. Sau khi đã gạt bỏ một cách khinh bỉ các phương thức hỗn loạn của hoàng thân Istar, họ trù định một cuộc xâm lược kinh khủng và đột ngột vào vương quốc thiên đình do các cơ binh hưng phấn và thực luyện của họ.

Thì ra, Barattan, tên chủ quán ở Jonchère, đã cho các thiên thần nổi loạn thuê rạp hát, là một tên chỉ điểm của công an. Trong các báo cáo gửi lên sở công an, hẳn tổ giác các thành viên của cuộc họp tư đó như là đang chuẩn bị một cuộc mưu hại một nhân vật mà họ mô tả là ngu đần và độc ác và họ gọi tên là Alaballotte. Tên thám tử nghĩ rằng đó là một bí danh ám chỉ hoặc Tổng thống nước Cộng hoà, hoặc là chính bản thân nền Cộng hoà. Những kẻ âm mưu đã đồng thanh nhất trí phát biểu ra những lời đe dọa chống Alaballotte, và một người trong bọn họ, một tên rất nguy hiểm, rất nhẫn mặt trong những giới vô chính phủ chủ nghĩa và đã bị nhiều lần kết án về những bài viết hoặc diễn từ vô chính phủ, tự xưng là hoàng thân Istar hoặc vị Quérroube, đã giơ lên một trái tạc đạn cỡ rất nhỏ và có vẻ là một vũ khí đáng sợ. Các tên âm mưu khác thì Barattan không quen mặt, tuy hẳn vẫn lui tới những giới cách

mạng. Nhiều đứa trong bọn họ còn rất trẻ, chưa có râu. Hẳn đã theo dõi hai đứa đã ăn nói những lời đặc biệt hung hăng, một đứa tên là Arcade, cư ngụ ở phố St. Jacques, và một đứa đàn bà, có hạnh kiểm đặc biệt, tên là Zita, cư ngụ ở Montmartre, cả hai đều có cách sinh sống người ta chưa hề biết.

Ông giám đốc công an thấy sự việc có vẻ khá quan trọng nên xét là cần phải thương thảo, trước hết, với ông thủ tướng.

Hồi đó, đương ở vào một trong những thời kỳ tai ách của nền Đệ tam cộng hoà, trong những thời kỳ đó nhân dân Pháp, say mê uy quyền, yêu quý sức mạnh, tự cho là nguy khốn vì không được chính quyền cai trị đủ nghiêm ngặt, và lớn tiếng kêu gọi một cứu tinh. Ông thủ tướng kiêm bộ trưởng tư pháp, không đòi gì hơn là được làm vị cứu tinh mong mỏi. Nhưng, muốn trở thành cứu tinh, lại cần phải có một sự nguy nan cần phải trừ khử. Vì thế, cái tin tức có một cuộc mưu loạn, ông lấy làm thú vị. Ông hỏi ông giám đốc công an về những địa tình và sự quan trọng của sự việc. Ông giám đốc công an trình bày rằng những kẻ kia có vẻ có tiền, có trí thông minh, có nghị lực nhưng họ nói nhiều quá, và đông người quá, nên không thể hành động bí mật và hiệp đồng với nhau được. Ông bộ trưởng, ngả người trong ghế bành, suy nghĩ. Cái bàn giấy ông đương ngồi trước mặt theo kiểu thời Đế chế, những thảm dệt cổ kính phủ các tường vách, chiếc đồng hồ quả lắc và những chùm đèn kiểu thời Trung hưng, tất cả mọi thứ, trong cái phòng giấy cổ truyền này, đều gọi cho ông những nguyên tắc trị dân lớn, vẫn bất di bất dịch trong quá trình kế tiếp nhau giữa các chế độ: mưu trí và táo bạo. Sau một giây lát trầm ngâm, ông kết luận rằng phải để cho cuộc âm mưu tăng trưởng lên và thành hình, rằng thậm chí có lẽ còn nên nuôi dưỡng nó, trang điểm cho nó, tô vẽ



màu sắc cho nó và cuối cùng chỉ bóp chết nó sau khi đã lợi dụng nó hết sức có thể.

Ông căn dặn ông giám đốc công an phải giám sát vụ này cho chặt chẽ, báo cáo với ông hàng ngày về những sự cố và chỉ được tự hạn chế trong vai trò thông tin thôi.

- Tôi trông cậy vào sự cẩn trọng ai cũng biết tiếng của ông: hãy quan sát và chớ can thiệp.

Ông bộ trưởng châm một điếu thuốc lá. Ông rất trông mong nhờ vụ âm mưu này, để trấn áp phe đối lập, tăng cường thế lực của mình, làm giảm giá các đồng liêu, làm bẽ mặt ông Tổng thống Cộng hoà và trở thành vị cứu tinh mong chờ.

Ông giám đốc công an cam kết theo các huấn thị của bộ, tự hứa hẹn sẽ chỉ hành động theo ý riêng của mình. Ông ta cho giám sát những tên đã được Barattan báo cho biết, và căn dặn các nhân viên của ông không được can thiệp bất cứ vì lý do gì. Thấy mình bị theo dõi, hoàng thân Istar, vẫn kết hợp sự cẩn trọng với sức mạnh, rút ở trên máng nước xuống những trái tạc đạn mà anh đã giấu trên đó, và từ ô tô buýt sang xe điện ngầm, từ xe điện ngầm sang ô tô buýt, bằng những lối rẽ quanh co khôn khéo, đi gửi giấu những vũ khí của anh ở nhà thiên thần nhạc sĩ.

Arcade, mỗi lần ra khỏi khách sạn của anh ở phố St. Jacques, lại trông thấy ở cửa nhà anh một người đàn ông lịch sự một cách quá đáng, đeo găng tay màu vàng và đeo ở ca vát một hạt kim cương to hơn hạt nhiếp chính\*. Còn bỡ ngỡ với những sự vật ở trái đất, thiên thần phản loạn không để ý tí

nào đến sự gặp gỡ đó. Nhưng chàng trẻ Maurice d'Esparvieu nhận nhiệm vụ bảo vệ cho thiên thần hộ mệnh của anh, nhìn một cách lo ngại con người lịch sự kia, cũng chuyên cần bằng và còn chăm chú hơn cái ông Mignon trước đây, đã đưa đi đưa lại con mắt dò xét của y trong phố Garancière, từ những cái đầu cừ đực của dinh thự la Sordière đến tận mé hậu cung của nhà thờ St. Sulpice. Maurice, hai ba lần mỗi ngày, đến thăm Arcade ở trong căn phòng thuê có đồ đạc sẵn của anh ta, báo cho anh ta biết nỗi nguy nan của anh ta và thúc giục anh ta đổi chỗ ở.

*Hạt Nhiếp chính (le Régent):* Philippe d'Orleans, nhiếp chính vương xưa có đeo một hạt kim cương rất to, nên đời sau gọi một hạt kim cương to là hạt Nhiếp chính.

Chiều tối nào, anh cũng dặt thiên thần của anh vào những tiệm rượu đêm, ở đó hai người ăn đêm với những cô gái. Ở đó, chàng trẻ d'Esparvieu đưa ra những dự đoán của chàng ta về cuộc đấu quyền anh sắp tới, rồi chàng cố gắng chứng minh cho Arcade sự hiện hữu của Chúa, sự cần thiết phải có một tôn giáo và những cái đẹp của Cơ đốc giáo, và chàng khẩn nài anh từ bỏ mưu đồ bất kính và đầy tội ác mà kết quả theo anh chỉ là cay đắng và thất vọng.

- Vì, - cuối cùng chàng biện giải trẻ tuổi nói, nếu đạo Cơ đốc là dối trá, thì người ta khắc biết chứ.

Các cô gái tán thành Maurice về những tình cảm trọng đạo của chàng, và khi anh Arcade xinh trai thốt ra một lời báng bổ nào trong một ngôn từ mà các cô hiểu được, thì các cô bịt cả hai tai và bảo anh ta im đi, sợ bị sét đánh chung với anh. Vì các cô tưởng tượng rằng Đức Chúa Trời, toàn năng và lòng lành chúa tể, đột nhiên báo thù những lời lăng mạ của anh, rất có thể trừng trị, không có ác ý gì, kẻ vô tội cũng như kẻ có tội.

Đôi khi thiên thần và anh chàng nhạc sĩ đi ăn bữa đêm ở nhà thiên thần nhạc sĩ, Maurice thỉnh thoảng vẫn nhớ rằng đã là người tình của Bouchotte, thấy Arcade quá suồng sã là lời với cô đào hát thì lấy làm khó chịu. Cô cho phép anh ta suồng sã như vậy từ cái hôm mà sau khi thiên thần nhạc sĩ đã cho sửa chữa lại cái ghế trường kỷ có hoa, Arcade và Bouchotte đã làm tình với nhau ở đó luôn. Maurice vẫn yêu bà des Aubels rất nhiều, nhưng cũng yêu Bouchotte đôi chút, và có ghen với Arcade đôi chút, vì lòng ghen, nó là tình cảm tự nhiên của giống người và giống vật, và dù nhẹ, cũng gây cho chàng một nỗi đau đớn chua xót. Vì thế cho nên, ngờ biết sự thực, mà khí chất của Bouchotte và tính khí của thiên thần cũng phát lộ cho anh thấy khá rõ, anh nhieć mốć và chửi mắng Arcade thậm tệ, chê trách anh ta là vô đạo đức. Arcade trả lời bình thản rằng khó lòng mà ép được những sôi động sinh lý vào những quy tắc hoàn toàn xác định, và các nhà đạo đức học cũng gặp những khó khăn lớn về một số vấn đề bài tiết.

- Với lại, - Arcade nói, tôi sẵn sàng thừa nhận rằng hầu như không thể nào thiết lập một cách cố chấp một nền đạo lý thiên nhiên. Thiên nhiên vốn không có nguyên tắc. Nó không cung cấp cho chúng ta một lý do nào để tin rằng cuộc sống của con người là đáng tôn kính. Thiên nhiên, vốn dửng dưng, không phân biệt tí nào cái thiện với cái ác.

- Vậy anh thấy rõ, - Maurice đáp, tôn giáo là cần thiết.

- Cái đạo lý mạo xưng là được thiên khải, - thiên thần nói tiếp, thực ra là phỏng theo chủ nghĩa kinh nghiệm thô lậu nhất. Chỉ duy có tập quán làm nên quy tắc cho phong tục. Những cái mà trời quy định, chỉ là sự thừa nhận những tập tục cũ. Luật pháp của trời, ban bố trong trận hoả công\*, trên ngọn

núi Sinai gì đó, chẳng qua chỉ là sự diễn chế các thành kiến của con người. Và do sự thực là phong tục có thay đổi, các tôn giáo sống lâu đời, như Do Thái, Cơ đốc giáo, cũng thay đổi về đạo lý.

Trận hỏa công (pyrotechnie): ám chỉ chuyện Jéhovah sau khi đã biểu hiện cho Moïse trên núi Horeb bằng một bụi cây rực lửa, (Kinh thánh, Xuất Ediptô ký, III, 1-4) đã làm phép màu cho Moïse dẫn dắt được dân tộc Israel ra khỏi Ai Cập, đi đến sa mạc Sinai, cắm trại đối diện với núi Sinai (mà trong nhiều văn bản, cho là đồng nghĩa với Horeb thì Jéhovah lại hiển linh cho dân tộc Israel như sau: “Ngày thứ ba, buổi sáng, trời nổi sấm chớp, có một đám mây dày đặc trên núi và một tiếng kèn rất to; tất cả dân chúng trong trại đều run rẩy. Moïse cho dân chúng ra khỏi trại và đi đến gặp Đức Chúa Trời, và cho họ đứng dưới chân núi. Quả núi Sinai mù mịt những khói, vì Jéhovah đã giáng hạ xuống đó giữa đám lửa, và khói bốc lên như khói của một lò lửa và cả quả núi run rẩy. Tiếng kèn mỗi lúc một vang dậy to hơn...”.) Jéhovah bảo Moïse đừng cho dân chúng lại gần, và Jéhovah trong khói lửa, ban bố cho dân Israel luật pháp mười điều răn. “Nghe thấy sấm sét, trông thấy chớp lóe, nghe thấy tiếng kèn, trông thấy quả núi ngùn ngụt khói, dân chúng run rẩy và đứng xa... trong khi Moïse lại gần đám mây có Chúa ở trong” (Kinh thánh, Xuất Ediptô ký, XIX, 1-6, 16-25; XX, 1-18, 21).

- Thôi thì, - Maurice mà trí thông minh lớn lên trông thấy, nói, anh sẽ công nhận với tôi rằng tôn giáo ngăn ngừa được rất nhiều trò hỗn loạn, và rất nhiều tội ác chứ?

- Trừ phi nó lại khuyến khích những cái đó, như chuyện giết Iphigénie.

- Arcade, - Maurice kêu lên, khi tôi nghe thấy anh lý luận, là tôi lại lấy làm vui vì không phải là một anh trí thức.

Trong khi đó, Théophile, cúi xuống mặt bàn, mặt bị che phủ bởi tấm màn vàng hoe lứt thướt của tóc anh, hai bàn tay cảm hứng từ trên cao hạ xuống những phím đàn, đánh đàn và hát toàn bộ nhạc phổ của vở Aline, nữ hoàng xứ Golconde.

Hoàng thân Istar đến dự những cuộc họp mặt thân mật đó, các túi đầy

những tạc đạn và những chai rượu sâm panh, cả hai thứ đều nhờ sự hào phóng của bá tước Everdingen mà có. Bouchotte lấy làm vui thích được tiếp đón chàng Chérubin, từ khi cô trông thấy ở chàng ta bằng chứng và chiến tích của cuộc thắng trận của cô trên chiếc ghế trường kỷ nhỏ có hoa. Chàng ta ở trước mặt cô như thể cái đầu lâu của Goliath trong tay của chàng trẻ David\*. Và cô thán phục hoàng thân về tài khéo đẽm đàn, về khí lực cường tráng của chàng đã bị cô khắc phục, và về tửu lượng tuyệt trần của chàng.

Goliath, David: Goliath, khổng lồ, chiến tướng của quân Philistins, vũ trang từ đầu đến chân, thách thức chiến quân Israel, tất cả Israel đều run sợ. David còn trẻ tuổi, nhưng đã được Jéhovah làm phép xức dầu bí mật, đòi ra đối địch với Goliath, mặc dầu mọi lời can ngăn. Sau cùng, được ra trận, không thêm vũ trang gì cả, không gươm, không giáo, không giáp trụ, nhưng được Jéhovah hỗ trợ, nên đã giết chết Goliath bằng một hòn đá lấy ở túi ra, bắn bằng một cái trành, trúng vào trán Goliath, làm tên này ngã sấp mặt xuống đất, rồi chạy lại rút kiếm của hắn ra, chém đứt đầu hắn (Kinh thánh, I Samuel, XVII).

Một đêm, chàng trẻ d'Esparvieu đưa thiên thần của anh bằng ô tô từ nhà Bouchotte đến buồng trọ ở phố St. Jacques, thì trời tối đen. Trước cửa, hạt kim cương của tên do thám sáng chói như một cái đèn pha; ba kẻ đi xe đạp, tụ hội dưới những tia sáng của nó, khi ô tô lại gần, bèn lảng đi, mỗi đứa một ngã khác nhau. Thiên thần không để ý, nhưng Maurice thấy thế kết luận rằng các cử động của Arcade làm những người có thể lực trong nước quan tâm. Anh xét thấy sự nguy nan khẩn cấp, anh bèn quyết định ngay kế sách.

Sáng hôm sau, anh đến tìm anh chàng bị tình nghi để lôi anh ta đến phố La Mã. Thiên thần còn đương nằm ở giường, Maurice thúc giục anh ta mặc quần áo vào và đi theo anh.

- Đi với tôi, - anh bảo anh ta. Cái nhà này không an toàn cho anh nữa rồi. Anh bị họ giám sát. Một ngày nào đó, anh sẽ bị bắt. Anh có muốn ngủ ở nhà

giam không? Không. Vậy thì đi theo tôi. Tôi đưa anh đến nơi an toàn đây.

Thiên thần mỉm cười với đôi chút thương hại anh bạn cứu vớt ngây thơ.

- Anh há không biết, - chàng ta nói, rằng một thiên thần đã phá vỡ cửa nhà lao mà Pierre bị giam, và giải thoát cho vị sứ đồ? Hay anh tưởng tôi, anh Maurice trẻ tuổi ơi, quyền lực còn kém người anh em thiên giới đó, và ngỡ rằng tôi không thể làm cho bản thân cái việc mà anh thiên thần đó đã làm cho anh chàng đánh cá ở bờ hồ Tibériade?

- Đừng hòng, Arcade ạ. Anh ta đã làm bằng một phép màu.

- Hay “nhờ phép màu” như một sử gia của nhà thờ đã nói. Nhưng cần gì. Tôi đi theo anh. Chỉ xin anh để cho tôi đốt vài bức thư và gói ghém những sách cần dùng làm một gói.

Anh ném những giấy tờ vào lò sưởi, đút nhiều cuốn sách vào cái túi và theo anh chàng hướng dẫn đến tận ô tô, đang đợi cách đây không xa, trước mặt Pháp quốc học viện\*. Maurice cầm lái. Bắt chước sự cẩn trọng của chàng Chérubin, anh đi bao nhiêu đường vòng vèo và lượn vòng nhanh đến nỗi ví thử cứ bao nhiêu thẳng đi xe đạp, nhiều và nhanh, đuổi theo anh, thì anh cũng làm cho chúng lạc hướng hết. Cuối cùng, sau khi đã đi ngang dọc ngược xuôi đủ chiều trong thành phố, anh dừng lại ở phố La Mã, trước căn hộ tầng dưới nhà, nơi mà thiên thần đã hiện hình.

*Pháp quốc học viện* (Collège de France): thường cũng dịch là Pháp quốc cao đẳng học viện, học đường được sáng lập ở Paris vào khoảng 1530, bởi vua François I, ngoài trường đại học, theo ý kiến của Guillaume Budé (1467-1540) nhà bác học về tiếng Hy Lạp, rất có uy tín bên cạnh François I.

Khi đi vào trong căn nhà mà anh đã ra khỏi mười tám tháng trước đây để làm tròn sứ mệnh, Arcade nhớ lại cái dĩ vãng không sao vẫn hồi được nữa, và

thở hít cái mùi của Gilberte, hai lỗ mũi anh phập phồng. Anh hỏi thăm bà des Aubels có mạnh khoẻ không.

- Tốt lắm, - Maurice đáp, hơi đẩy ra và đệp ra rất nhiều. Bà ấy vẫn còn oán anh về sự khiếm nhã của anh. Tôi mong rằng một ngày kia bà ấy sẽ tha thứ cho anh như tôi đã tha thứ, và bà ấy sẽ quên cách xử sự xúc phạm của anh. Nhưng hiện nay bà ấy vẫn còn tức giận anh.

Chàng trẻ d'Esparvieu đưa thiên thần đi xem toàn thể căn hộ với những phong cách của một con người dòng dõi và những chăm sóc ân cần của một người bạn. Chàng cho anh xem chiếc giường xếp, mà mỗi chiều tối người ta sẽ mở ra ở căn buồng vào nhà và sáng đến người ta sẽ đẩy vào một buồng xếp đen tối; chàng chỉ cho anh cái bàn rửa mặt và các đồ phụ tùng, cái chậu tắm lớn, cái tủ áo lót, cái tủ ngăn, dặn dò anh những điều cần thiết cho việc dùng lò sưởi và thắp đèn, báo trước cho anh rằng những bữa ăn sẽ có người đem đến và công việc dọn dẹp nhà cửa sẽ do người gác cổng làm, và chỉ cho anh cái nút bấm phải ấn vào để gọi người phục vụ đó; cuối cùng chàng bảo anh rằng anh phải tự coi như ở nhà mình và muốn tiếp ai tùy ý.

## CHƯƠNG THỨ HAI MƯƠI TÁM

### *Dành cho một cảnh gia đình xô xát nặng nề.*

Trước kia, chừng nào Maurice chỉ có những nhân tình là phụ nữ tử tế, thì hạnh kiểm của anh chẳng bị chê trách điều gì. Từ khi anh đi lại với Bouchotte thì tính tình lại khác hẳn. Bà mẹ của anh, trước vẫn nhắm mắt làm ngơ trước những chuyện luyến ái đành rằng có tội đấy, nhưng lịch sự và kín đáo, bây giờ lấy làm phần nộ khi nghe thấy con bà cặp kè lộ liễu với một ả con hát. Berthe, em gái của Maurice, đã được biết ở lớp học kinh bốn kiên tín, những chuyện trăng hoa của anh cô, và kể lại không chút công phần những chuyện đó cho các cô bạn trẻ. Thằng bé Léon, vừa mới tròn bảy tuổi, một hôm tuyên bố với mẹ, trước mặt nhiều bà sang trọng, rằng khi nào lớn, nó sẽ ăn chơi, như Maurice. Trái tim người mẹ của bà René d'Esparvieu lấy làm đau xót.

Đồng thời lại có một chuyện nghiêm trọng xảy đến trong gia đình làm cho ông René d'Esparvieu phát hoảng. Có những hồi phiếu được trao gửi cho ông, do con trai của ông ký bằng tên ông; nét chữ viết không bị giả mạo, nhưng ý định rõ rệt là làm cho người ta tưởng lầm chữ ký của con là của bố, đủ là một sự man trá về tinh thần\*. Và do sự việc đó, thấy rõ ràng là Maurice đương sống phóng đãng, mắc công nợ, gần đến lúc sẽ phạm những điều khiếm nhã. Ông bố của gia đình hỏi ý kiến vợ về chuyện đó. Hai bên ước định với nhau rằng ông sẽ nghiêm nghị quở mắng con trai ông, sẽ nói đến những trừng phạt nghiêm ngặt, và sau đó vài giây lát bà mẹ sẽ xuất hiện đau khổ và dịu dàng, để làm cho một người bố đương tức giận đúng lý phải xiêu lòng khoan thứ. Công việc được sắp xếp như thế rồi, ông René d'Esparvieu



sáng hôm sau cho gọi con trai ông lên văn phòng của ông. Để cho được trình trọng hơn, ông đã mặc áo redingote. Thấy dấu hiệu đó, Maurice thấy rằng cuộc chuyện trò sẽ nghiêm trọng đây. Ông chủ gia đình, sắc mặt hơi tái, giọng nói thiếu quả quyết (ông vốn tính nhu nhược) tuyên bố rằng ông không thể dung thứ lâu hơn nữa sự bừa bãi trong cuộc sống của con và đòi hỏi một sự cải cách tức thì và tuyệt đối. Không được phóng dăng nữa, không nợ nần nữa, không bạn bè xấu nữa, mà phải làm việc, phải sống vào khuôn khổ, phải giao du với những bạn tốt.

*Man trá về tinh thần* (un faux moral): chứ không phải về tư pháp, vì không có giả mạo chữ viết và chữ ký, chỉ có chuyện cố tình mập mờ cho người ta lầm tưởng là chữ ký của ông bố, tuy anh ta ký tên của anh ta, không có giả mạo.

Đáng lẽ Maurice đã sẵn lòng trả lời ông bố một cách kính cẩn, dẫu sao ông ấy cũng đã trách mắng anh đúng lẽ. Khốn nỗi, Maurice cũng nhu nhược, vì chiếc áo redingote mà ông d'Esparvieu đã đóng bộ vào để thi hành, cho long trọng một vụ xử án gia đình, có vẻ ngăn cấm mọi sự thân mật. Maurice lúc đó im lặng một cách vụng về và có vẻ láo xược. Sự im lặng đó bắt buộc ông d'Esparvieu phải nhắc lại những lời quở mắng và nhắc lại dưới một dáng vẻ nghiêm khắc hơn. Ông mở một ngăn kéo của chiếc bàn giấy lịch sử của ông (đó là chiếc bàn giấy trên đó Alexandre d'Esparvieu đã viết bộ sách Khảo luận về những thiết chế dân sự và tôn giáo của các dân tộc) và rút ra những hồi phiếu mà Maurice đã ký nhận.

- Con ơi, - ông nói, con có biết rằng con đã phạm ở đó một tội man trá thực sự không? Để chuộc lại một lỗi lầm nghiêm trọng đến thế...

Vừa lúc đó, như đã ước định, bà René d'Esparvieu xuất hiện, mặc áo dài đi phố. Bà phải đóng vai thiên thần tha thứ. Nhưng bà chẳng có bộ mặt, cũng

chẳng có tính cách của thiên thần đó. Nét mặt bà lầm lẫm và khắc nghiệt. Maurice vốn có trong mình mầm mống của tất cả mọi đức hạnh phổ thông và cần thiết. Anh vẫn yêu và kính trọng mẹ. Anh yêu bà vì bốn phận còn nhiều hơn là vì xu hướng, và sự kính trọng của anh là do tục lệ nhiều hơn là do tình cảm. Bà René d'Esparvieu có bệnh mãn đở ở mắt, và vì bà đã đánh phẩn để tỏ vẻ mỹ mạo hơn trong phiên toà gia đình, nên bà phơi bày ra ở đó một nước da giống những trái phúc bồn tử dầm đường. Maurice, vốn có khiếu thẩm mỹ, không thể nào tránh khỏi thấy bà xấu quá, và xấu một cách hơi kinh tởm. Anh đã mất cảm tình với bà, và khi bà đã nhắc lại, vừa làm cho nghiêm trọng hơn, những lời chê trách mà ông chồng của bà đã chất nặng lên đầu cậu con trai, thì đưa con hoang toàng ngoảnh mặt đi để khỏi cho bà thấy một bộ mặt cáu kỉnh.

Bà nói tiếp:

- Cô de Saint-Fain của mà đã gặp mà ngoài phố với những bạn bè xấu đến nỗi cô phải cảm ơn mà đã không chào cô.

Nghe thấy những lời đó, Maurice bùng nổ lên:

- Cô de Saint-Fain của con! Mời cô cứ việc công phẩn! Tất cả thiên hạ đều biết cô đã đốt cháy chổi\* đến tận cán rồi, và bây giờ mụ già đạo đức giả ấy lại muốn...

*Đốt cháy chổi* (rôtir son balai): thành ngữ, có nghĩa bóng là chơi bời phóng dăng.

Anh dừng lại, mắt anh đã gặp nét mặt của ông bố, nó biểu lộ nhiều nỗi buồn hơn là phẩn nộ. Maurice tự trách mình những lời nói vừa rồi, như một tội ác, và không hiểu vì thế nào mà anh đã buột miệng ra được. Anh sắp oà

lên khóc, quỳ xuống, van xin tha thứ, thì bà mẹ của anh, ngược mắt lên trần nhà, thở dài:

- Tôi đã có tội tình gì với Chúa để đến nỗi đã đẻ ra một thằng con tội lỗi thế này!

Bị lời nói đó như có bàn tay xoay ngược anh lại, lời nói mà anh xét là giả tạo và lối bịch, Maurice từ một niềm hối hận cay đắng bỗng chuyển sang sự kiêu hãnh thú vị của tội ác. Anh lao một cách điên cuồng vào sự láo xược và phản loạn, và phán ra một hơi những lời mà một người mẹ đáng lẽ không bao giờ nên nghe thấy:

- Mẹ ơi, nếu mẹ muốn để con nói ra, thì đáng lẽ cấm con đi lại với một nữ nghệ sĩ ca nhạc đầy tài năng và tính tình không vụ lợi, thì mẹ nên ngăn cấm chị lớn của con, là bà de Margy không được tối nào cũng trưng mặt ra ở chốn xã giao và ở rạp hát với một thằng đáng khinh bỉ và ghê tởm, mà ai cũng biết là nhân tình của chị ấy. Đáng lẽ mẹ cũng phải giám sát con em Jeanne của con, nó tự viết cho nó những bức thư tục tĩu, bằng cách giả mạo nét chữ cho khác đi, làm ra bộ phát hiện thấy trong quyển sách kinh của nó, và đưa cho mẹ với một vẻ ngây thơ giả vờ để làm cho mẹ hoảng hồn và rối loạn. Có lẽ cũng không có hại gì nếu mẹ ngăn cấm thằng em Léon của con, không cho nó, mới bảy tuổi đầu, đã giở trò cực kì hung bạo cưỡng bức cô Caporal; và có lẽ mẹ có thể bảo với chị hầu phòng của mẹ...

- Đi ra, ông ơi, tôi đuổi ông ra khỏi cái nhà này, - ông René d'Esparvieu hét lên, ông ta, giận đến xanh xám, trở ra phía cửa bằng một ngón tay run rẩy.

## CHƯƠNG THỨ HAI MƯƠI CHÍN

*Trong đó người ta thấy thiên thần khi đã trở thành người, thì cũng xử sự như một con người, nghĩa là thèm muốn vợ người khác và phản bội bạn mình. Chương này sẽ cho thấy cách xử sự chững chạc của chàng trai d'Esparvieu.*

Thiên thần ở nơi ở mới, lấy làm thích. Anh làm việc buổi sáng, buổi chiều đi ra phố, bắt chấp bọn mật thám và trở về đi nằm. Cũng như trước, Maurice vẫn tiếp bà des Aubels mỗi tuần lễ hai hoặc ba lần trong căn buồng hiện hình.

Mọi việc trôi chảy rất tốt như vậy cho đến một buổi sáng kia, Gilberte, chiều tối hôm trước, đã để quên cái xác nhỏ bằng nhung đen trên bàn của căn buồng màu xanh, đến tìm thì thấy Arcade, mặc pyjama nằm dài trên ghế trường kỷ, đang hút thuốc lá, vừa nghĩ đến cuộc chinh phục thiên đình. Bà kêu lên một tiếng to:

- Ông, thưa ông... nếu tôi biết là gặp ông ở đây thì ông nên tin rằng... Tôi đến tìm cái xác nhỏ của tôi ở phòng bên kia... Xin phép ông...

Và bà đi ngay qua trước mặt thiên thần một cách có ý tứ giữ gìn và rất nhanh, như qua trước một lò lửa.

Sáng hôm đó, bà des Aubels mặc một bộ áo chên và váy cùng thứ hàng màu lục xám, có những vẻ kiêu diễm vô song. Chiếc váy chặt làm nổi rõ các cử động của bà, và mỗi bước đi của bà là một phép màu tự nhiên nó gieo sự kinh ngạc vào trái tim của những người đàn ông.

Bà trở ra, tay cầm cái xắc:

- Một lần nữa, tôi xin lỗi ông. Tôi không hề biết trước rằng...

Arcade mời bà ngồi xuống và nán lại một lát.

- Tôi vẫn không ngờ, thưa ông, - bà ta nói, rằng ông lại hạ cố đến thăm căn hộ này. Tôi vẫn biết là ông d'Esparvieu yêu ông rất nhiều; tuy vậy tôi vẫn không ngờ...

Trời đột nhiên tối sầm. Một bóng tối hung hung đỏ tràn ngập căn phòng. Bà des Aubels bảo rằng bà đi bộ đến, vì sức khỏe, nhưng có cơn giông sắp đến. Và bà hỏi xem có thể gọi được cho bà một chiếc ô tô không.

Arcade quỳ xuống chân Gilberte, hai cánh tay ôm lấy nàng như một cái bình quý báu, mà nói với nàng những lời tự nó chẳng có ý nghĩa gì, nhưng biểu lộ sự thèm muốn. Nàng đặt hai bàn tay lên mắt, lên mồm anh, kêu lên:

- Tôi ghét ông!

Và, bị những nước nở lay động, nàng hỏi xin một cốc nước. Nàng ngạt thở. Thiên thần giúp nàng mở khuy áo. Trong cơn nguy ngập tột cùng đó, nàng chống cự một cách can đảm. Nàng nói:

- Không, không! Tôi không muốn yêu ông vì tôi sẽ yêu ông quá.

Tuy vậy, bà chịu thua.

Trong sự thân mật êm ái đi tiếp theo sự cùng nhau ngạc nhiên, nàng bảo anh:

- Tôi vẫn thường hỏi tin tức của ông. Tôi biết rằng ông hay lui tới những chỗ ăn chơi của Montmartre, rằng người ta thường trông thấy ông cặp kè với

cô Bouchotte, kể ra cũng chẳng đẹp gì, và ông đã trở thành rất lịch sự, và ông kiếm được nhiều tiền lắm. Tôi không lấy làm ngạc nhiên. Ông vốn sinh ra để thành công mà... Cái hôm ông... - Nàng trở cái góc giữa cửa sổ và tủ gương - hiện hình, tôi đã oán Maurice đã cho ông bộ áo quần di vật của một kẻ tự tử chết. Khi đó tôi thích ông... Ồ! không phải vì sắc đẹp của ông. Ông đừng tưởng rằng đàn bà dễ cảm, đến độ người ta vẫn nói vì những ưu điểm bề ngoài. Trong tình yêu, chúng tôi xét cái gì khác kia. Có một cái, tôi chả biết là cái gì... Nghĩa là, tôi đã yêu ông ngay tức khắc.

Bóng tối càng trở nên dày đặc.

Nàng hỏi:

- Có phải rằng ông không phải là một thiên thần không? Maurice tin ông là thiên thần, nhưng anh ấy tin một vạn thứ, cái anh Maurice ấy...

Nàng đưa mắt dò hỏi Arcade và đôi mắt của nàng tươi cười hóm hỉnh:

- Hãy thú thật là ông đã lừa anh ấy và ông không phải là một thiên thần!

Arcade đáp:

- Tôi chỉ cầu mong được vui lòng bà; bao giờ tôi cũng sẽ là cái gì theo ý bà muốn.

Gilberte bèn quyết định rằng anh không phải là một thiên thần, trước hết vì ai lại là một thiên thần bao giờ, sau nữa vì những lý do đặc biệt hơn lôi kéo nàng trở về xét những trò của tình yêu. Anh không nói trái ý nàng, và, một lần nữa, lời nói không đủ để biểu lộ những tình cảm của họ.

Bên ngoài, mưa mau và nặng hạt, các cửa sổ rùng rùng nước chảy, ánh

chớp chiếu sáng những tấm màn mousseline, sấm sét làm rung chuyển các kính cửa. Gilberte làm dấu thánh giá và nép vào lòng người yêu.

Nàng bảo anh:

- Nước da của ông trắng hơn của tôi.

Vừa đúng là bà des Aubels thốt ra những lời đó, thì Maurice bước vào. Anh đi đến, ướt đẫm, tươi cười, tin cậy, bình tĩnh, sung sướng, để báo cho Arcade biết rằng chung lưng một nửa trong cuộc chơi tối hôm qua, ở Longchamp\*, thiên thần đã được gấp mười hai lần tiền đặt.

Longchamp: vốn là một tu viện ở gần trong rừng Boulogne, năm 1790 bị hủy bỏ. Cánh đồng cỏ Longchamp bây giờ dùng làm trường đua ngựa, chung quanh có những quán rượu, sòng đánh bạc, v.v... ở đây, có thể là được bạc hoặc được cá ngựa.

Khi bất chợt, người đàn bà và thiên thần trong một trạng thái lộn xộn khoái lạc, anh nổi cơn cuồng nộ; sự tức giận làm cho các bắp thịt ở cổ anh căng ra, máu dâng lên mặt đỏ dừ và các tĩnh mạch ở trán phồng lên. Hai bàn tay nắm chặt anh nhảy chồm tới Gilberte và bỗng dừng lại.

Cử động bị ngắt quãng đó biến thành sức nóng. Maurice bốc khói. Sự điên cuồng của anh không vũ trang cho anh, như Archiloque\*. Lặng một nhiệt hứng báo thù. Anh chỉ tặng cho kẻ phụ tình cái tên của con bò cái tơ thụ thai\*.

Archiloque: nhà thơ Hy Lạp, sáng chế ra thể thơ trường đoản cú (lambes), dùng làm vũ khí châm biếm ghê gớm trong thơ châm biếm.

Bò cái tơ thụ thai (génisse fécondée): nói loanh quanh để chỉ con bò cái, tiếng Pháp vache, có nghĩa bóng, trong lời sỉ vả, có nghĩa là đều giả.

Trong khi đó bà ta đã chinh đốn y phục, và hồi phục được vẻ trang trọng

của thái độ. Bà ta đứng dậy đầy e thẹn và duyên dáng, và chìa vào kẻ tố cáo bà ta một khoé mắt nhìn nó biểu lộ đồng thời sự đức hạnh bị xúc phạm và tình yêu tha thứ.

Nhưng vì chàng trai d'Esparvieu không ngừng trút xuống đầu bà những lời sỉ vả và đơn điệu, nên đến lượt bà nổi giận:

- Anh vẫn còn là một kẻ kỳ cục, anh ấy. Cái ông Arcade nhà anh, có phải tôi đi tìm ông ấy không? Chính anh đã dắt ông ấy đến đây, mà trong tình trạng như thế nào nữa chứ!... Anh chỉ có một ý nghĩ: trao tôi cho ông bạn của anh. Vậy thì! Thưa ông, ông đành lòng vậy, tôi sẽ làm cho ông được sự vui lòng đó.

Maurice d'Esparvieu chỉ trả lời vắn vẹn:

- Cút đi, đồ giáo quyết!

Và anh làm ra bộ đá hất bà ra ngoài. Arcade, trông thấy người yêu bị đối xử tồi tệ như thế, lấy làm đau lòng, nhưng anh tự thấy không có uy tín cần thiết để quở trách Maurice. Bà des Aubels đã giữ được tất cả vẻ trang nghiêm, nhìn vào chàng trẻ d'Esparvieu một cách oai vệ và bảo chàng ta:

- Đi kiếm cho tôi một cái xe.

Quyền lực của phụ nữ đối với một tâm hồn dòng dõi trong một dân tộc lịch sự, lớn đến nỗi anh chàng trẻ tuổi người Pháp kia đã đi ngay ra bảo người gác cổng gọi một cái xe taxi. Bà des Aubels cáo biệt, vừa nhìn Maurice bằng con mắt khinh bỉ, mà một người đàn bà phải có đối với kẻ mình đã lừa dối, và vừa lưu tâm làm cho tất cả các cử động của mình có một vẻ yêu kiều thú vị. Maurice nhìn bà ta ra đi với cái vẻ biểu lộ một sự lãnh đạm thờ ơ mà anh ta



thực không cảm thấy. Rồi anh quay lại phía thiên thần mặc bộ áo pyjama có hoa mà chính Maurice mặc hôm hiện hình, và cái trường hợp đó, tự nó cũng nhỏ nhặt thôi, làm tăng lên sự hờn giận của người chủ nhà bị phản bội một cách tồi tệ đến thế.

- Hay đó! - Anh nói, anh có thể tự hào là một con người đáng khinh bỉ. Anh đã cư xử một cách xấu xa, và rất vô ích. Nếu anh thích người đàn bà ấy, thì anh chỉ việc bảo tôi. Tôi đã chán ả rồi. Tôi không thích nữa. Đáng lẽ tôi đã sẵn lòng nhường cho anh.

Anh nói như vậy để che giấu nỗi đau đớn, vì anh yêu Gilberte hơn bao giờ hết, và sự phản bội của con người ấy làm anh đau khổ rất nhiều. Anh nói tiếp:

- Tôi đương định yêu cầu anh giữ hộ tôi cái nợ đó đi, nhưng anh đã theo cái thiên tính bản thú của anh; anh đã xử sự như một con lợn\*.

*Con lợn (cochon):* Tiếng Pháp, cochon dùng để sỉ vả ai, có nghĩa bóng là đồ dâm dật như nhóp.

Cái giây phút long trọng đó, ví thử Arcade thốt lên một lời từ trái tim ra, thì chàng trai Maurice, bật lên khóc có lẽ đã tha thứ cho anh bạn và cho cô nhân tình, và cả ba đã trở lại thành hài lòng, sung sướng. Nhưng Arcade vốn không được nuôi bằng sữa của tình âu yếm của loài người. Anh chưa hề đau khổ và không biết thương xót những đau khổ của người khác. Anh trả lời với một triết lý lạnh lùng:

- Anh Maurice thân mến, sự tất yếu, nó dẫn dắt và liên kết các hành động của các sinh vật, sản sinh ra những hiệu quả thường bất ngờ, đôi khi vô lý. Chính như thế mà tôi đã không bị đưa đến chỗ làm mất lòng anh. Anh sẽ

không trách móc gì tôi, nếu anh có một triết lý tốt về thiên nhiên; khi đó anh sẽ hiểu rằng ý chí chỉ là một ảo tưởng và các sự tương ứng đương cần về sinh lý được quyết định cũng chính xác như các tổ hợp hoá học và có thể nhập vào công thức y như vậy. Tôi nghĩ rằng người ta cũng có thể truyền thụ cho anh những chân lý đó; nhưng sẽ lâu và khó khăn, và có lẽ nó cũng chẳng mang lại cho anh sự thanh thản nó là bỏ anh. Vậy tôi nên rời khỏi chỗ này và...

- Hãy ở lại. - Maurice nói.

Maurice có một ý thức rất rành mạch về những bốn phận xã hội khi nào nghĩ kỹ, anh cũng đặt danh dự lên trên hết mà trong lúc này, anh tự hình dung với một sức mạnh cực độ rằng sự xúc phạm anh đã phải chịu chỉ có thể rửa bằng máu. Cái quan niệm truyền thống đó đem lại ngay cho thái độ của anh và ngôn ngữ của anh một vẻ cao thượng không ngờ:

- Chính tôi, thưa ông, sẽ rời bỏ căn hộ này để không bao giờ trở lại nữa. Còn ông, ông hãy ở lại đây, ông đương bị truy nã. Ông sẽ tiếp nhận ở đây những người làm chứng của tôi.

Thiên thần mỉm cười:

- Tôi sẽ tiếp nhận họ để làm vui lòng anh; nhưng anh hãy nghĩ, Maurice ạ, rằng tôi không thể nào bị thương được. Các thiên thần, ngay cả khi đã hiện hình, cũng không thể nào bị trúng thương vì mũi gươm hay súng đạn. Anh hãy thể lượng, Maurice ạ, cho cái tình trạng tôi bị đặt vào do sự bất bình đẳng tai hại đó, và hãy nghĩ cái nỗi, để từ khước việc lập người làm chứng, tôi không thể viện lý bằng tính chất thiên giới của tôi, sẽ là chuyện chưa bao giờ thấy.

- Thưa ông, - người thừa kế của dòng họ Bussart d'Esparvieu đối đáp, đáng lẽ phải nghĩ đến điều đó trước khi xúc phạm tôi.

Và anh đã đi ra một cách hãnh diện. Nhưng vừa ra đến ngoài, anh đã loạng choạng như một người say. Mưa vẫn rơi. Anh bước đi không trông thấy gì, không nghe thấy gì, bập bủ bước đi, kéo lê chân trong những rãnh nước, trong những vũng nước, trong những đống bùn. Anh đi men theo rất lâu những đại lộ ngoại vi, và, cuối cùng, mệt mỏi, anh ngã vật xuống bên rìa một khoảng đất trống. Anh lấm láp đến tận mang tai; bùn hòa nhão vào nước mắt, làm cho mặt anh lem luốc; cái vành mũ của anh rỏ nước. Một khách qua đường tưởng anh là một kẻ nghèo khổ, và ném cho anh hai xu. Anh nhặt đồng tiền, cất kỹ càng vào trong túi quần đằng sau, và đi tìm người làm chứng.

## CHƯƠNG THỨ BA MƯỜI

*Kể lại một vụ chuyện danh dự, và ở đó ta sẽ xét xem có đúng như Arcade chủ trương, là kinh nghiệm những lỗi lầm của chúng ta làm cho chúng ta trở nên tốt hơn không.*

Đấu trường là khu vườn của đại tá Manchon, ở đại lộ Hoàng hậu, ở Versailles. Các ông de la Verdelière và le Truc de Ruffec, cả hai đều có một thực tiễn thường xuyên về chuyện danh dự và biết rành mạch các quy tắc, trợ tá cho Maurice d'Esparvieu. Không có một cuộc quyết đấu nào, trong giới xã giao Thiên chúa giáo, mà không có ông de la Verdelière, và khi yêu cầu đến tay kiếm sĩ đó, Maurice đã làm đúng theo tục lệ, không phải là không có đôi chút ngại ngùng, vì anh đã là nhân tình ai cũng biết của bà de la Verdelière; song ông de la Verdelière không thể coi là một người chồng được; đó là một thiết chế. Còn ông le Truc de Ruffec, thì chuyện danh dự nghề nghiệp duy nhất của ông mà người ta được biết và nguồn thu nhập duy nhất được thú nhận của ông; và, khi có những kẻ ác ý nhận xét điều đó ở chốn xã giao, thì người ta hỏi họ xem ông le Truc de Ruffec còn có theo đuổi cái nghề nghiệp nào tốt đẹp hơn là nghề nghiệp danh dự. Các người làm chứng của Arcade là hoàng thân Istar và Théophile. Không phải là sẵn lòng và hoàn toàn tự nguyện mà thiên thần nhạc sĩ đã đến tham dự vào việc này. Anh vốn ghét mọi sự hung bạo và phản đối các cuộc độc chiến. Tiếng nổ của súng lục, tiếng loảng xoảng của những thanh kiếm, anh không chịu nổi, và trông thấy máu chảy là anh ngất đi. Anh chàng con trời hiền lành đó đã khăng khăng từ chối làm trợ tá cho người anh em Arcade và, để làm cho anh ta quyết tâm, chàng

Chérubin đã phải doạ đập một chai axit vào đầu anh ta. Ngoài những đấu thủ, những người làm chứng và những thầy thuốc, thì trong khu vườn chỉ có vài sĩ quan của đội quân đồn thú ở Versailles và nhiều nhà báo. Tuy rằng chàng trai d'Esparvieu chỉ được mọi người biết là một con nhà tử tế và Arcade thì cả trần gian không ai biết đến, nhưng cuộc quyết đấu cũng đã thu hút khá đông người hiếu kỳ, và các cửa sổ những nhà lân cận đầy ứ những nhà nhiếp ảnh, những phóng viên và những người trong xã hội thượng lưu. Cái điều đã kích thích rất nhiều đầu óc hiếu kỳ, đó là người ta biết rằng một người đàn bà là nguyên nhân của chuyện xô xát. Nhiều người nói đến tên Bouchotte, số đông hơn lại chỉ bà des Aubels. Ngoài ra, người ta đã để ý nhận thấy rằng những cuộc quyết đấu mà có ông de la Verdelière làm người làm chứng vẫn thu hút tất cả Paris.

Trời hôm đó xanh dịu, khu vườn đầy hoa hồng đang nở, một con sáo hót trên một cành cây. Ông de la Verdelière, tay cầm can, điều khiển cuộc đấu, đặt hai mũi kiếm đối diện với nhau và nói:

- Nào, mời các ngài!

Maurice d'Esparvieu tấn công bằng những mũi double\* và những cái đập má lưỡi kiếm vào nhau. Arcade trở về thế thủ, cầm kiếm giữ thế. Hiệp đấu không có kết quả. Các người làm chứng đều có ấn tượng là anh d'Esparvieu đương ở trong một trạng thái cú kính bực dọc đáng ngại, và địch thủ của anh thì có lẽ không biết mệt là gì. Sang hiệp thứ hai, Maurice tấn công tới tấp, dang hai tay và để hở ngực. Anh vừa bước đi vừa tấn công, đâm một nhát thẳng, mũi kiếm của anh trúng Arcade vào vai. Ai cũng tưởng là anh này bị thương. Và các người làm chứng ngạc nhiên nhận thấy rằng chính là Maurice

bị một vết xây xước ở cổ tay. Maurice khẳng định rằng anh không cảm thấy gì hết và bác sĩ Quille tuyên bố, sau khi xét nghiệm, rằng khách hàng của ông có thể tiếp tục cuộc đấu.

Double: luật ngữ trong kiếm thuật, chỉ một kiểu đánh riêng.

Sau một khắc đồng hồ tuân theo quy tắc, cuộc đấu tiếp tục. Maurice tấn công hung dữ. Đối thủ của anh rõ ràng là gượng nhẹ anh, và, điều này làm cho ông de la Verdelière băn khoăn, anh ta có vẻ không chú ý gì mấy đến sự chống đỡ. Vào đầu hiệp thứ năm, một con chó xù đen vào vườn không biết bằng cách nào, từ một khóm hồng xổ ra, chạy vào khu vực dành cho các đấu thủ và mặc dầu bị gậy đánh và tiếng kêu hô đuổi, nó chui xuyên qua hai cẳng chân của Maurice. Hình như anh này bị cánh tay cứng đờ, chỉ còn dùng vai để đẩy lưỡi kiếm vào đối thủ không thể bị thương của anh. Anh đâm một nhát thẳng, tự mình lao vào mũi kiếm của đối thủ và bị một vết thương sâu ở chỗ gập khuỷu tay.

Ông de la Verdelière dừng cuộc đấu, nó đã diễn ra được một tiếng rưỡi đồng hồ. Maurice có cảm giác bị một cơn choáng đau đớn. Người ta đặt anh ngồi trên một cái ghế dài sơn xanh dựa vào một bức tường có cây hoàng đậu leo. Trong khi các phẫu thuật viên băng bó vết thương, anh gọi Arcade và chìa cho anh ta cánh tay bị thương của mình. Và khi người thắng trận, buồn bã về cuộc chiến thắng của mình, đi lại gần, Maurice ôm hôn anh ta một cách âu yếm và bảo rằng:

- Hãy có lượng khoan dung, Arcade ạ, *hãy tha thứ cho tôi cái tội phản bội của anh\**. Bây giờ chúng ta đã đánh nhau xong rồi, tôi có thể yêu cầu anh dàn hoà với tôi.

Ở đây có sửa chữa bản dịch. Nguyên văn là: *pardonne-moi ta trahison*. Bản dịch là: *anh hãy tha thứ cho cái tội phản bội của tôi*, mâu thuẫn với nội dung bên trên vì Arcade mới là người phản bội Maurice (Caruri).

Anh vừa ôm hôn bạn vừa khóc, và nói thầm với anh ta:

- Lại thăm tôi và đưa cả Gilberte lại.

Maurice, đã bất hoà với bố mẹ, bảo đưa anh đến căn hộ bé nhỏ tầng dưới ở phố La Mã.

Vừa mới ngả lưng trên giường, ở trong cùng gian buồng có những màn che buồng rủ như ở cái giây phút hiện hình, anh đã trông thấy Arcade và Gilberte lại gần. Anh bắt đầu đau dữ dội vì vết thương; nhiệt độ của anh tăng, nhưng anh bình thản, hài lòng, sung sướng. Thiên thần và chị đàn bà, nước mắt chứa chan quỳ xuống chân giường. Anh chập đôi bàn tay của họ vào lòng bàn tay trái của anh, mỉm cười với họ, hôn mỗi người một cái hôn âu yếm:

- Bây giờ tôi chắc chắn sẽ không giận nhau với hai người nữa; hai người sẽ không lừa dối tôi nữa, vì tôi biết rõ hai người cái gì cũng dám làm.

Gilberte khóc lóc thề với Maurice rằng anh đã bị lừa vì những vẻ bề ngoài hư ảo, rằng bà ta không hề lừa dối anh với Arcade, rằng chưa bao giờ bà ta lừa dối anh. Và trong một cơn sôi nổi chân tình, bà ta cũng tự thuyết phục mình như thế.

- Em tự làm hại mình đấy, Gilberte, - anh chàng bị thương trả lời. Chuyện đã có thật, và cần thiết phải như thế. Và như thế là tốt, Gilberte, em đã làm đúng lẽ khi lừa dối anh một cách xấu xa, với người bạn tốt nhất của anh, trong gian phòng này. Ví thử em đã không làm như thế, thì chúng ta đã không

được đoàn tụ cả ba ở đây và anh đã không được hưởng cái vui sướng lớn nhất đời anh. Ô! Gilberte, em đã sai lầm mà chối những cái đã chu toàn và hoàn hảo.

- Nếu anh muốn, anh bạn ạ, - Gilberte đối đáp, hơi có vẻ chua chát, thì em sẽ không chối nữa. Nhưng chỉ là để vui lòng anh.

Maurice kéo nàng ngồi lên giường và mời Arcade ngồi vào chiếc ghế bành.

- Anh bạn ơi, - Arcade nói, tôi vốn ngây thơ vô tội. Tôi đã hoá thân làm người. Ngay tức khắc, tôi đã làm điều tội lỗi. Chính như vậy mà tôi đã trở thành tốt hơn.

- Ta chả nên nói ngoa ngoắt cái gì, - Maurice nói, và ta hãy đánh một ván bài bridge\*.

Bài bridge: một trò đánh bài lá 52 quân, rất thịnh hành trong giới thượng lưu.

Nhưng anh chàng bệnh nhân, vừa thoáng trông thấy bài của mình có ba con át và báo không bài chủ, thì mắt anh ta đã mờ đi; những cây bài tuột khỏi tay, đầu nặng trĩu rơi vật xuống gối và anh ta kêu la nhức đầu dữ dội. Hầu như ngay tức khắc, bà des Aubels ra đi làm những cuộc thăm viếng; bà nhất định ra mặt trong giới xã giao để cải chính bằng tư thế vững vàng và bình thản những lời đồn đại về bà. Arcade đưa tiễn bà ra đến tận cửa và bằng một cái hôn, thở hít vào những hương thơm mà anh đem trở vào gian phòng Maurice đang thiu thiu ngủ.

- Tôi rất hài lòng, - anh chàng này nói thì thầm, rằng mọi chuyện đã xảy ra như thế.



- Cái đã có, là đúng lẽ phải có, - thiên thần trả lời. Tất cả các thiên thần phản loạn như tôi, thì lâm thời cũng xử sự như tôi với Gilberte. “Các đàn bà, - vị Sứ đồ\* đã nói, phải đeo mạng che khi cầu nguyện, vì những thiên thần”. Và vị Sứ đồ nói như vậy bởi vì ông ấy biết rằng các thiên thần rối loạn khi trông thấy những người phụ nữ đẹp. Họ vừa đung chân đến trái đất là họ thèm muốn và thực hiện ngay cái trò ôm ấp hôn hít của người trần. Sự ôm siết của họ thật ghê gớm, và thú vị; họ có bí quyết những vuốt ve mơn trớn không lời nào tả xiết, nó dìm các con gái của loài người vào những vực thẳm của khoái lạc. Đổ vào môi của những nạn nhân sung sướng của họ một thứ mật ong nóng bỏng, làm chảy lâu dài trong tĩnh mạch của những nạn nhân đó những dòng thác lửa mát rượi, họ làm những nạn nhân đó mệt nhừ và sướng khoái.

Vị sứ đồ (l'apôtre): đây là sứ đồ thánh Paul, trong bức thư thứ nhất gửi cho người Corinto (XI, 5-6, 10).

- Cút đi, đồ nhơ nhớp! - Anh chàng bị thương quát lên.

- Một lời nữa thôi! - Thiên thần nói, chỉ một lời thôi, anh Maurice thân mến ạ, để thanh minh cho tôi, rồi tôi sẽ để anh yên nghỉ lặng lẽ. Chẳng gì bằng những tham chiếu tốt. Để cho anh tin chắc là tôi không lừa dối anh, Maurice ạ, anh hãy tham khảo về chuyện ôm ấp hôn hít của các thiên thần với đàn bà: Justin\*, Những biện giải I và II; Flavius Josephus, những cổ tích Do Thái, quyển I, chương III; Athénagore, Nói về sự phục sinh; Lactance\*, quyển II, chương XV; Tertullien\*, Nói về tấm mạng che của những gái Đồng trinh; Marc d'Éphèse trong Psellus; Eusèbe\*, Chuẩn bị tin lành quyển V, chương IV; thánh Ambroise, trong quyển Noé và Tàu hồng thủy, chương V; thánh Augustine, Đô thành của Đức Chúa Trời, quyển XV, chương XXIII;

cha Meldonat, tu sĩ dòng tên, khảo luận về ma quỷ trang 218; Pierre Lebyer cổ vấn của nhà vua...

Justin: thánh Justin, tác giả bộ sách *Biện giải Cơ đốc giáo (Apologie de la religion chrétienne)*, tử vì đạo năm 165.

Lactance: nhà biện giải Cơ đốc giáo, sinh năm 250 ở châu Phi, tác giả sách *Nói về công cuộc của Đức Chúa Trời (De l'œuvre de Dieu)* và *Những thiết chế thần thánh (Les institutions divines)*.

Tertullien: giáo sư của giáo hội, sinh ở Carthage.

Eusèbe (265-340): Giám mục địa phận Césarée (thành phố xưa ở Palestine, nay đã điêu tàn), tác giả bộ sách nổi tiếng *Lịch sử truyền giáo (Histoire ecclésiastique)*.

- Arcade, im đi, hãy thương tôi! Im đi! Và đuổi con chó kia đi, - Maurice kêu lên, mặt đỏ như, mắt lồi ra khỏi đầu, và trong cơn mê sảng, anh tưởng trông thấy trên giường anh một con chó xù đen.

Bà de la Verdelière, vốn có kinh nghiệm thực tiễn về tất cả mọi phong cách ưu nhã của giới xã giao và của dân tộc, được kể vào hàng những nữ khán hộ duyên dáng nhất của xã hội thượng lưu Pháp. Bà thân hành đến hỏi thăm tin tức của Maurice và tự nguyện chăm sóc bệnh nhân. Nhưng dưới sự khuyến dụ cực lực của bà des Aubels, Maurice đóng cửa không tiếp bà kia. Những biểu lộ đồng cảm đổ xô đến nhà Maurice. Chồng chất trên một cái khay, những danh thiệp trình bày cho anh vô vàn những góc gấp\* xinh xinh. Ông le Truc de Ruffec, là một trong những người đầu tiên đem đến cho căn hộ tầng dưới nhà ở phố La Mã sự biểu lộ của mối đồng cảm cứng cỏi của ông ta, và chìa bàn tay trung thực, hỏi xin chàng trẻ d'Esparvieu, như một con người danh dự hỏi xin một con người danh dự, hai mươi năm louis để trả một món nợ danh dự.

Góc gấp (cornes): theo tục lệ ở Pháp, khi thân hành đến thăm viếng ai, mà chủ nhà đi vắng hoặc mắc

bạn, ốm đau, không được gặp, thì để lại tấm danh thiếp có gập góc nhỏ, để phân biệt với những tấm danh thiếp gửi bưu điện hoặc sai người nhà đưa đến.

- Úi chà, anh Maurice thân mến ời, đó là những việc nhờ cậy mà người ta không phải bất cứ ai cũng hỏi đâu.

Cùng ngày hôm đó, ông Gaétan đến bắt tay anh cháu, anh này giới thiệu với ông chàng Arcade.

- Đây là thiên thần hộ mệnh của cháu, mà bác đã thấy có một cái bàn chân rất đẹp, khi trông thấy vết in những bước của nó trên lớp bụi phấn phát hiện, bác ạ. Anh ấy đã hiện hình cho cháu, năm ngoái, cũng trong gian buồng này... Bác không tin à?... Vậy mà đúng sự thật đấy!

Và ngoảnh lại phía thiên thần.

- Anh nghĩ sao, Arcade? Linh mục Patouille là một nhà thần học danh tiếng và một giáo sĩ tốt, không tin rằng anh là một thiên thần; và ông bác Gaétan của tôi đây, không thuộc kinh bốn và không có tín ngưỡng, cũng không tin gì hơn. Cả hai vị đều phủ nhận anh. Một vị vì có tín tâm, vị kia vì không có tín tâm. Theo chuyện đó, thì người ta có thể chắc chắn rằng tiểu truyện của anh, nếu có bao giờ anh kể lại, sẽ không có vẻ gì là giống chuyện thực. Và chẳng, ví thử có kẻ nào tính chuyện kể lại truyện đó, thì kẻ đó không phải là một người thức giả và sẽ không tiếp thụ được nhiều lời tán thành lắm. Vì nó chẳng đẹp gì, cái tiểu truyện của anh! Tôi yêu anh, nhưng tôi xét đoán anh. Từ khi anh rơi vào chủ nghĩa vô thần, anh đã trở thành một kẻ vô đạo khả ố. Thiên thần xấu, bạn xấu, phản bội, sát nhân. Vì tôi nghĩ rằng chính là để hạ sát tôi mà trên đấu trường, anh đã xua một con chó xù đen cho nó chui vào giữa hai cẳng chân của tôi.

Thiên thần nhún vai và nói với Gaétan:

- Than ôi, thưa ngài, - anh nói, tôi không lấy làm ngạc nhiên thấy được ít tín nhiệm của ngài: tôi có nghe nói rằng ngài đã bất hòa với bầu trời Do Thái Cơ đốc giáo, nó là quê hương của tôi.

- Thưa ông, - Gaétan trả lời, tôi không tin gì lắm ở Jéhovah nên chẳng tin được ở những thiên thần của ông ta.

- Thưa ngài, kẻ mà ngài gọi tên là Jéhovah, thật ra là một thần sáng tạo dốt nát và thô thiển, tên là Ialdabaoth.

- Thế thì, thưa ông, tôi hoàn toàn sẵn sàng tin ở y. Y dốt nát, thiển cận: sự hiện hữu của y chẳng làm khó khăn gì cho tôi nữa. Hiện trạng của y ra sao?

- Xấu! Chúng tôi sắp lật đổ y tháng sau.

- Đừng nên tự phụ, ông ơi. Ông làm cho tôi nghĩ đến ông anh rể của tôi, là ông Cuissart, từ ba chục năm nay, mỗi buổi sáng lại chờ đợi được nghe tin nền Cộng hòa sụp đổ.

- Anh xem đấy, Arcade, - Maurice kêu lên, ông bác Gaétan của tôi cũng đồng ý kiến với tôi. Ông biết rằng anh sẽ không thành công.

- Thế vì lẽ gì, xin ngài cho biết, thưa ngài Gaétan, ngài lại cho rằng tôi sẽ không thành công?

- Ông Ialdabaoth của anh hãy còn mạnh lắm ở thế giới này, nếu không ở thế giới bên kia. Ngày xưa ông ta được ủng hộ bởi các thầy tế lễ của ông ta, bởi những kẻ tin ở ông ta. Ngày nay ông ta lại có chỗ tựa, là những người không tin ở ông ta, những nhà triết học. Mới đây, có một anh đồ gàn muốn

đưa khoa học vào chỗ phá sản, để cải thiện công việc của Nhà thờ. Và người ta đã sáng chế ra, những ngày gần đây, chủ nghĩa thực dụng cố ý để làm cho tôn giáo được tín nhiệm trong những đầu óc hay lý luận.

- Ngài đã nghiên cứu chủ nghĩa thực dụng?

- Đâu có! Tôi xưa kia phù phiếm và chuyên tâm về siêu hình học. Tôi học Hegel và Kant\*. Có tuổi rồi, tôi trở thành nghiêm túc và chỉ bận tâm về những hình thể cảm thấy được, những cái mà mắt hoặc tai có thể lĩnh hội được. Nghệ thuật là tất cả con người. Ngoài ra chỉ toàn là mơ mộng.

Hegel, Kant: Hegel (1770-1831), nhà triết học Đức, chủ trương biện chứng phép duy tâm. Kant (1724-1804), nhà triết học Đức, chủ trương rằng những sự vật ta được biết chỉ là hiện tượng (phénomènes), còn những sự vật tự thân gọi là bản thể (noumènes) thì ta không thể nào biết được.

Cuộc đàm thoại tiếp tục đến tận chiều tối, và trong đó nghe thấy có những chuyện tục tĩu đến làm đỏ mặt không những một anh giáp kị binh, nói như thế chưa có nghĩa gì lắm, vì các giáp kị binh thường trinh khiết, mà cả một phụ nữ Paris nữa.

Ông Sariette đến thăm học trò cũ. Khi ông bước vào gian phòng, cái tượng bán thân của Alexandre d'Esparvieu hiện lên bên trên cái đầu hói của nhà bảo quản thư viện. Ông ta lại gần giường. Các tấm màn gió màu xanh, tủ gương, lò sưởi, bị thay thế ngay tức khắc bởi những tủ đứng đầy sách của căn phòng các hình cầu và các tượng bán thân, và không khí bị ngạt ngay tức khắc bởi những cặp các tông, những hồ sơ và những tấm thẻ. Ông Sariette không được phân biệt với thư viện của ông lắm, nên người ta không thể tưởng tượng được ông và trông thấy ông mà không có nó. Chính bản thân ông cũng xanh xao hơn, mờ nhạt hơn, mơ hồ hơn, huyền tượng hơn cả những

hình tượng mà ông gợi nên.

Maurice trở thành rất hiền hậu, lấy làm cảm động vì sự biểu lộ tình thân ái đó.

- Mời ông ngồi xuống, ông Sariette, ông đã biết bà des Aubels rồi. Tôi xin giới thiệu với ông, anh Arcade, thiên thần hộ mệnh của tôi. Chính anh ấy, trong khi còn vô hình, đã tàn phá trong hai mươi năm trời cái thư viện của ông, đã làm ông mất uống mất ăn và đưa ông đến chỗ suýt nữa phát điên. Chính anh ấy đã vận chuyển từ căn phòng những Hình cầu sang biệt thất của tôi hàng đống những thứ sách cũ. Một hôm, anh ấy đã cướp đi, ngay trước mũi ông, cả biết cuốn sách quý báu nào đó và đã là nguyên nhân để ông ngã trong cầu thang. Một hôm khác, anh đã lấy của ông một cuốn sách khâu chỉ của ông Salomon Reinach và bắt buộc phải đi theo tôi (vì, từ hồi đó tôi được biết, không bao giờ anh ấy rời tôi), anh đánh rơi cuốn sách xuống rãnh nước ở phố Bà Chúa. Ông hãy lượng thứ cho anh ấy, ông Sariette ạ, anh ấy không có tội. Anh ấy thích vô hình. Tôi tiếc cay tiếc đắng, ông Sariette ạ, rằng tất cả các cuốn sách của ông không bị hủy diệt bởi một trận hỏa hoạn hoặc bị đắm chìm trong một trận lụt. Chúng nó đã làm cho thiên thần của tôi mất trí, anh ta hóa thành người và chẳng còn tín ngưỡng và đạo lý gì nữa. Chính tôi, bây giờ, là thần hộ mệnh cho anh ấy. Có trời biết tất cả những chuyện này rồi sẽ ra sao!

Khi nghe bài diễn từ đó, nét mặt ông Sariette biểu lộ một nỗi buồn vô hạn, không thể nào nguôi được, vĩnh viễn muôn đời, một nỗi buồn của xác ướp. Đã đứng dậy để cáo lui, ông quản thư viện nói thầm với Arcade:

- Anh chàng tội nghiệp mệt nặng lắm; nói mê nói sáng.

Maurice gọi ông già lại:

- Hãy ở lại đã nào, ông Sariette. Ông đánh một ván bài bridge với chúng tôi. Ông Sariette ạ, ông hãy nghe lời khuyên của tôi. Đừng làm như tôi, đừng giao du với những bạn bè xấu. Vì ông sẽ bị nguy hại. Ông Sariette, đừng đi vội, tôi còn có cái này rất quan trọng phải yêu cầu ông: khi nào ông trở lại thăm tôi, xin ông đem đến cho tôi một quyển sách về chân lý của tôn giáo để tôi nghiên cứu. Tôi cần phải trả lại cho thiên thần hộ mệnh của tôi lòng tin mà anh ấy đã mất.

## CHƯƠNG THỨ BA MƯƠI MỐT

*Trong đó người ta lấy làm kì diệu cái chuyện một người lương thiện, nhút nhát và hiền lành, có thể phạm một tội ác kinh khủng một cách dễ dàng biết bao.*

Bị những lời lẽ tối mỗ của chàng trẻ Maurice làm cho vô cùng buồn bã, ông Sariette lên xe ô tô buýt và đi đến nhà ông già Guinardon, bạn của ông, bạn duy nhất của ông, con người duy nhất ở đời này mà ông lấy làm vui thích được trông thấy và được nghe chuyện. Khi ông Sariette bước vào cửa hàng ở phố de Courcelles, thì Guinardon đang có một mình và ngủ thiu thiu, lọt thỏm trong chiếc ghế bành cổ kính rộng và sâu. Tóc xoắn vòng và râu tươi tốt, mặt ông ta đỏ gay; những đường dây màu tím chẳng chịt trên hai cánh mũi của ông ta, đỏ như vì rượu vang Bourgogne. Vì từ nay không thể nào giấu giếm được điều đó, là ông già Guinardon uống rượu. Cách ông ta hai bước, trên cái bàn nữ công của cô nàng trẻ tuổi Octavie, một bông hồng đang khô héo nốt trong một cái cốc cạn nước, và trong một cái làn, một tấm thêu dở dang nằm lì. Cô Octavie rời cửa hàng mỗi ngày một thường xuyên hơn và ông Blancmesnil không bao giờ đến đó nếu cô ta không có ở đó. Nguyên nhân là vì họ gặp gỡ nhau mỗi tuần lễ ba lần vào năm giờ chiều, trong một cái nhà hò hẹn, gần Champs-Élysées. Ông già Guinardon không hay biết gì cả. Ông ta không biết rõ tất cả đầu đuôi nỗi bất hạnh của mình nhưng ông ta đau khổ vì nó.

Ông Sariette bắt tay ông bạn già, ông không hỏi ông ta về tin tức của cô nàng Octavie trẻ tuổi kia, vì ông không thừa nhận mối tư tình nó kết hợp hai



người với nhau. Ông sẽ sẵn lòng hơn để nói chuyện về Zéphyrine, bị ruồng bỏ một cách cay độc và ông ước mong cho ông già lấy bà ta làm vợ chính thức. Nhưng ông Sariette cẩn trọng, ông chỉ hỏi Guinardon sức khỏe ra sao.

- Khỏe lắm, - Guinardon khẳng định như vậy, tuy đang cảm thấy đau yếu, và làm ra bộ cường tráng và khang kiện từ khi cả hai thứ đó rời bỏ ông ta. Cảm tạ ơn Chúa! Tôi vẫn giữ được sức khỏe của cơ thể và của tinh thần. Tôi trinh khiết. Nên trinh khiết, Sariette ạ; những người trinh khiết đều khỏe mạnh.

Chiều hôm đó, ông già Guinardon đã rút ở trong tủ ngăn bằng gỗ tử đàn của ông ta vài quyển sách quý để đưa cho một nhà yêu sách quý trọng, là ông Victor Meyer, xem; và sau khi ông khách hàng đó đi khỏi, ông ta đã thiu thiu ngủ đi, không để sách lại chỗ cũ. Ông Sariette, vẫn bị các sách hấp dẫn, trông thấy những cuốn sách kia trên mặt đá hoa của cái tủ ngăn, bèn xem xét chúng rất kỹ. Cuốn đầu tiên mà ông giở qua loa các trang là tác phẩm La Pucelle đóng bìa bằng da dê thuộc, với văn bản bằng tiếng Anh. Cố nhiên, trái tim người Pháp và tín đồ Cơ đốc của ông cũng lấy làm đau xót mà chiêm ngưỡng văn bản kia và những hình ảnh kia, nhưng một bản in đẹp, bao giờ ông cũng thấy là có đức hạnh và tinh khiết. Vừa nói chuyện rất âu yếm với Guinardon, ông vừa lần lượt cầm lên tay những cuốn sách mà ông già bán đồ cổ yêu thích vì bìa đóng, vì những tranh in, vì xuất xứ, hoặc vì hiếm, rồi bỗng ông cất lên một tiếng kêu trác tuyệt vui sướng và yêu thương. Ông vừa mới thấy lại cuốn Lucrece của Tu viện trưởng de Vendôme, cuốn Lucrece yêu quý của ông, ông ấp chặt vào trái tim.

- Thế là tôi lại trông thấy nó, - ông thở dài, và đưa nó lên môi.

Lúc đầu, ông già Guinardon không hiểu rõ lắm ông bạn già của mình muốn nói gì; nhưng sau khi ông này đã tuyên bố rằng cuốn sách đó là thuộc về thư viện d'Esparvieu, rằng cuốn sách đó là của ông, Sariette, và ông đem nó đi chẳng lời thối gì cả thì ông già bán đồ cổ hoàn toàn tỉnh ngủ, đứng phắt dậy và tuyên bố rành mạch rằng cuốn sách đó là của ông ta, Guinardon, rằng ông ta đã mua nó hăn hoi tử tế và ông ta chỉ chịu nhượng lại nó với giá năm nghìn franc đếm đủ số.

- Ông không hiểu điều tôi nói với ông, - Sariette đối đáp: cuốn sách này thuộc về thư viện d'Esparvieu; tôi phải đem trả nó về chỗ cũ ở đó.

- Không được đâu, ông em ơi...

- Quyển sách này là của tôi.

- Ông điên rồi, ông Sariette hiền hậu ơi.

Quan sát thấy rằng quả là ông quản thư có vẻ ngơ ngác, ông ta bèn rút cuốn sách khỏi hai tay ông kia và cố xoay câu chuyện trò sang hướng khác.

- Ông đã trông thấy chưa, Sariette, những quân chó lợn kia sắp phanh phui cung điện Mazarin, và phủ những công trình mỹ thuật gì chả biết lên cao điểm của Đô thành, nơi trang nghiêm nhất và đẹp nhất của Paris? Chúng nó còn tệ hại hơn những quân Vandales\*, vì những quân Vandales phá hoại các công trình kiến trúc của thời cổ, nhưng không đem thay thế bằng những tòa nhà xây nhơ nhớp và những cái cầu kiểu thức đê tiện, như cầu Alexandre. Và cái phố Garancière tội nghiệp của ông, Sariette ơi, là cái mồ của những quân man rợ. Chúng nó đã đem cái mặt người xinh đẹp bằng đồng đen ở vòi nước của cung điện làm những gì rồi?

Vandales: một dân tộc xưa, dòng giống Germanie pha một phần Slave, ở khoảng giữa sông Vislut và Oder, xâm chiếm nước Goul, Tây Ban Nha, rồi Châu Phi (thế kỷ V và VI), đi đến đâu tàn phá đến đấy, cả những đền đài, công trình mỹ thuật và khoa học. Sau thành danh từ chung, chỉ những quân tàn ác, phá hủy các công trình mỹ thuật, khoa học, v.v...

Nhưng Sariette chẳng nghe thấy gì cả.

- Guinardon, ông chưa hiểu. Hãy nghe tôi đây này. Cuốn sách này là của thư viện d'Esparvieu. Nó đã bị lấy trộm đi. Như thế nào? Ai lấy trộm? Tôi không biết. Có những chuyện kinh khủng và bí mật đã xảy ra trong cái thư viện ấy. Nói vắn tắt, cuốn sách đó đã bị đánh cắp. Tôi không cần phải kêu gọi đến những tình cảm lương thiện cao cả của ông, ông bạn tốt ạ. Ông không muốn mang tiếng là một kẻ oa tàng. Hãy đưa cuốn sách đó cho tôi. Tôi sẽ hoàn nó lại cho ông d'Esparvieu, ông ta sẽ bồi thường cho ông, ông không thể ngờ điều đó được. Ông hãy tin cậy ở sự hào phóng của ông ấy và như vậy là ông xử sự đúng với con người lịch sự của ông.

Ông già bán đồ cổ mỉm cười chua chát:

- Bảo tôi tin cậy ở sự hào phóng của cái tên d'Esparvieu keo bẩn đó, nó sẵn lòng tróc da một con rệp để lấy bộ da. Ông hãy nhìn tôi, ông Sariette hiền hậu của tôi ơi, xem tôi có cái đầu của một thằng Jocrisse\* không. Ông biết rõ rằng cái thằng d'Esparvieu đó đã từ chối không trả năm chục franc cho một anh buôn đồ cũ để mua bức chân dung Alexandre d'Esparvieu, ông tổ vĩ đại, do họa sĩ Hersent vẽ, và ông tổ vĩ đại vẫn còn ở trên đại lộ Montparnasse, đối diện với nghĩa trang, ở quầy hàng của một tên Do Thái, để tất cả chó của khu phố đến đái lên... Bảo tôi tin cậy ở sự hào phóng của ngài d'Esparvieu!... Ông buồn cười thật!

Jocrisse: tên một nhân vật kịch hài hước xưa của Pháp, một anh khờ khạo, cả tin và ngây ngô đến cực

điểm chuyên bị lừa dối. Sau thành danh từ chung nghĩa là chú khờ.

- Thế thì! Guinardon ạ, tôi xin cam đoan tự tôi trả ông số tiền bồi thường mà những người trung gian sẽ ấn định. Ông nghe thấy không?

- Thôi đừng làm mặt hào hoa với những kẻ vô ơn, ông Sariette hiền hậu của tôi ơi. Cái tên d'Esparvieu ấy đã lấy kiến thức của ông, hoạt động tích cực của ông, cả cuộc đời của ông, đổi lấy một đồng lương mà một kẻ hầu cận nó cũng chẳng thèm. Thôi hãy dẹp chuyện đó lại. Với lại, cũng chậm quá mất rồi. Cuốn sách đã bán cho người ta rồi...

- Bán?... cho ai? - Sariette hỏi, có vẻ lo lắng.

- Can gì đến ông? Ông sẽ không thấy lại nó nữa; sẽ không thấy nói đến nó nữa; nó đi sang Mỹ.

- Sang Mỹ, quyển Lucrèce có huy hiệu của Philippe de Vendôme, với những ghi chú thủ bút của Voltaire! Lucrèce của tôi! Sang Mỹ!

Ông già Guinardon bật cười.

- Ông Sariette hiền hậu của tôi ơi, ông làm tôi nhớ lại chàng hiệp sĩ trẻ Grioux, khi nghe thấy tin người tình nhân yêu quý của chàng sẽ bị đưa đi Mississippi. “Tình nhân yêu quý của tôi đi Mississippi!...”

- Không, Sariette đối đáp, mặt tái mét, không, cuốn sách đó sẽ không đi sang Mỹ. Nó sẽ trở về, theo đúng lý trong thư viện d'Esparvieu. Đưa nó cho tôi, Guinardon.

Ông già bán đồ cố cố gắng một lần nữa để cắt đứt một cuộc trò chuyện nó có vẻ có chiều hướng xấu.

- Ông Sariette hiền hậu ơi, ông không nói gì với tôi về bức tranh Gréco của tôi. Ông cũng không thèm nhìn nữa. Vậy mà nó tuyệt vời đấy.

Và Guinardon, đặt bức họa dưới một ánh sáng thuận lợi:

- Ông hãy xem ông thánh François này, người nghèo khổ của Chúa, người anh em của Jésus: cái thân hình ám khói của ông bốc lên trời như đám khói của một lễ hy sinh dễ chịu, như sự hy sinh của Abel.

- Cuốn sách! Guinardon, - Sariette nói không ngoảnh đầu lại; đưa tôi quyển sách đây.

Máu đột nhiên bốc lên đầu ông già Guinardon; mặt đỏ gay và các tĩnh mạch trên trán phồng lên:

- Thôi xin đủ đi, ông ta nói.

Và ông ta đút cuốn Lucrece vào túi áo veston.

Ông già Sariette đâm bổ ngay vào ông già đồ cổ, tấn công ông ta với một sự cuồng nộ đột ngột, và mặc dầu yếu ớt, ông xô ông già tráng kiện ngã vào chiếc ghế bành sâu rộng của cô nàng Octavie.

Guinardon choáng váng và điên cuồng, phun những lời chửi rủa kinh khủng vào mặt lão già gàn dở và giáng cho lão một quả dấm bắn lão ngã, cách đó bốn bước, vào bức họa Lễ đăng quang của Đức Bà Đồng Trinh, tác phẩm của Fra Angelico, bức họa đổ sập xuống gãy răng rắc. Sariette trở lại tấn công và toan giật cuốn sách giấu trong túi áo. Ông già Guinardon đáng lẽ lần này đã đập chết lão, nếu không vì bị máu bốc lên đầu làm hoa cả mắt, ông ta không đánh hụt sang bên cạnh vào chiếc bàn nữ công của cô nàng vắng mặt. Sariette bám chặt lấy đối thủ bị kinh ngạc, đè ông ta ngả người trong

chiếc ghế bành và lấy hai bàn tay xương xẩu của lão, bóp cổ ông ta, cái cổ, vốn đã đỏ gay, trở thành đỏ bầm. Guinardon cố gắng để thoát ra, nhưng những ngón tay nhỏ bé, cảm thấy thịt nóng và mềm, lại càng ấn sâu một cách khoái trá, một sức mạnh không ngờ buộc chặt những ngón tay đó vào cái mồi của chúng. Guinardon rên lên, nước dãi từ một bên mép chảy ra ròn ròn. Dưới sức bóp nghẹt, thân thể to lớn của ông ta thỉnh thoảng lại gãy giữa, nhưng, những cơn giật mỗi lúc một đứt đoạn và thưa thớt hơn. Rồi thôi hẳn. Hai bàn tay sát nhân vẫn không rời ra. Sarrasine phải cố gắng rất mãnh liệt mới gỡ được nó ra. Hai bên thái dương của lão ù ù. Tuy vậy, lão nghe thấy tiếng mưa rơi, tiếng những bước chân êm êm đi trên vỉa hè, đằng xa tiếng những anh quác mồm rao bán báo. Lão trông thấy những cái ô đi qua trong bóng tối. Lão rút cuốn sách ở túi người chết ra và bỏ chạy.

Chiều tối hôm đó, cô nàng Octavie không trở về cửa hàng. Cô đã đi ngủ trong một gian gác lửng ở phía trên cái cửa hàng đồ cổ mà ông Blancmesnil mới mua cho ở cũng trong cái phố de Courcelles đó. Anh lao công có nhiệm vụ đóng cửa hàng, thấy thi hài của ông già đồ cổ hãy còn nóng. Anh gọi mục gác cổng, là mục Lenain, mục đặt Guinardon nằm trên một tấm trường kỷ, thả hai cây nến, đặt một mẫu cành hoàng dương vào trong một cái đĩa giâm đầy nước thánh và khép mắt cho người chết. Ông thầy thuốc được ủy nhiệm xác nhận cái chết, quy cho nguyên nhân là một cơn xung huyết.

Được bà Lenain báo tin, Zéphyrine chạy đến và thức trông người chết. Ông ta có vẻ như ngủ. Dưới ánh sáng le lói chập chờn của những ngọn nến, ông Thánh của Gréco bốc lên như một làn khói; những vàng thép của những bức họa tiền Phục hưng lấp lánh trong bóng tối. Gần bên linh sàng, trông thấy

rõ ràng một người đàn bà bé nhỏ của Baudouin đang uống thuốc. Suốt đêm, ở ngoài phố, cách xa năm chục bước vẫn nghe thấy Zéphyrine rên rỉ. Mẹ nói:

- Anh ấy chết rồi, anh ấy chết rồi, anh bạn của tôi, ông trời của tôi, ông tất cả của tôi, người thương yêu của tôi... Không! Anh ấy chưa chết, anh ấy còn động đậy. Em đây, Michel, em đây, Zéphyrine của anh đây mà; hãy thức dậy, hãy nghe em nói. Hãy trả lời em: anh yêu em, nếu anh đã làm cho em đau lòng, thì hãy tha thứ cho anh... Chết! Chết! Ôi! Lạy Chúa, hãy nhìn xem: anh ấy đẹp quá! Anh ấy vốn hiền hậu biết bao, thông minh biết bao, đáng yêu biết bao! Trời ơi! Trời ơi! Trời ơi! Giá tôi có ở đây anh ấy đã không chết. Michel! Michel!

Đến sáng, mẹ im lặng. Người ta tưởng mẹ thiu thiu ngủ, mẹ đã chết rồi.

## CHƯƠNG THỨ BA MƯƠI HAI

*Trong đó người ta được nghe trong tiệc rượu của Clodomir  
tiếng sáo của Nectaire.*

Bà de la Verdelière đã không xông được vào với tư cách là nữ khán hộ, mấy hôm sau lại trở lại, lúc vắng mặt bà des Aubels, hỏi xin Maurice d'Esparvieu bỏ tiền quyên giúp cho các nhà thờ ở nước Pháp. Arcade dẫn bà vào đến đầu giường của bệnh nhân an dưỡng.

Maurice nói thầm với thiên thần:

- Đồ hiểm độc, hãy giải thoát cho tao ngay lập tức khỏi cái con yêu tinh này đi, nếu không, mày sẽ chịu trách nhiệm về những tai họa chả mấy chốc sẽ xảy ra ở đây.

- Cứ yên tâm, - Arcade nói có vẻ chắc dạ.

Sau những lời chúc tụng thường lệ, bà de la Verdelière ra hiệu cho Maurice đuổi thiên thần đi chỗ khác. Maurice giả vờ không nghe thấy. Và bà de la Verdelière trình bày mục đích công nhiên của cuộc viếng thăm của bà.

- Các nhà thờ của chúng ta, các nhà thờ thôn quê yêu quý của chúng ta, sẽ trở nên thế nào?

Arcade nhìn bà ta với một vẻ hồn nhiên của thiên thần, vừa thờ ngẩn thờ dài:

- Nó sẽ đổ sụp, thưa bà; nó sẽ điêu tàn. Và thật là đáng tiếc! Tôi sẽ không bao giờ nguôi lòng được. Nhà thờ trong đám các nhà của xóm làng, khác nào



con gà mái ở giữa đàn gà con.

- Đúng như thế, - bà de la Verdelière nói, với một nụ cười mừng rỡ, hoàn toàn đúng như thế!

- Thế còn các gác chuông, thưa bà?

- Ô! Thưa ông, các tháp chuông!

- Các tháp chuông, thưa bà, chọc thẳng lên trời như những ống tiêm khổng lồ chĩa vào những cái dít trơ trụi của những tiểu thiên sứ.

Ngay lập tức, bà de la Verdelière rút lui.

Cũng ngày hôm đó, ông linh mục Patouille đem đến cho anh chàng bị thương những lời khuyên nhủ và úy lạo. Ông khuyên anh nên đoạn tuyệt với những bạn bè xấu và dàn hòa với gia đình. Ông mô tả cho anh một bà mẹ rưng rưng nước mắt, sẵn sàng dang hai tay đón tiếp đứa con tìm thấy lại. Từ bỏ, bằng một cố gắng cứng cỏi, một cuộc sống phóng đảng và vui thú hão huyền, Maurice sẽ hồi phục được sự bình an của trái tim và sức mạnh của tinh thần, anh sẽ tự giải thoát được khỏi ảo tưởng tàn phá tâm hồn, sẽ tự giải phóng khỏi ác quỷ.

Chàng trẻ d'Esparvieu cảm ơn ông linh mục Patouille về tấm lòng tốt đến thế và đoạn quyết những tình cảm tín ngưỡng của mình.

- Chưa bao giờ, - anh nói, con có lòng tín mộ như bây giờ. Và chưa bao giờ con cần phải tín mộ như bây giờ. Ông hãy tưởng tượng, thưa ông linh mục, con cần phải dạy lại kinh bốn cho thiên thần hộ mệnh của con, anh ấy đã quên hết.

Ông linh mục Patouille thở dài một cái thật sâu, và khuyên đứa con yêu quý của ông nên cầu nguyện, vì cầu nguyện là cách cứu trợ duy nhất chống với các nguy hiểm của một tâm hồn bị ma quỷ ám ảnh.

- Thưa ông linh mục, - Maurice hỏi, ông có đồng ý để con giới thiệu với ông thiên thần hộ mệnh của con không? Xin hãy chờ một lát, anh ấy đi mua thuốc lá cho con.

- Tội nghiệp cho con!

Và đôi má tròn phình phính của linh mục Patouille trở xuống ra vẻ đau lòng, và hầu như ngay tức khắc nó lại phình lên thành biểu tượng sự hoan hỉ, vì trái tim ông có những duyên cớ để được vui thích.

Tinh thần công chúng đang cải thiện. Bọn Jacobins, bọn tam điểm, bọn liên đoàn chính trị ở đâu cũng bị bêu rếu, phần tử ưu tú của xã hội được nêu gương tốt. Hàn lâm viện nước Pháp tư tưởng hợp chiều, các nhà trường Cơ đốc giáo nhiều lên gấp bội. Thanh niên ở khu phố La tinh\* phục tòng Nhà thờ, và trường Sư phạm\* tỏa ra những hương thơm của chủng viện. Cây thánh giá đặc thẳng. Nhưng cần phải có tiền, phải có tiền nữa và luôn luôn phải có tiền.

Khu phố La tinh (Quartier latin): khu phố ở Paris, thuộc về quận V (điện Panthéon) và quận VI (điện Luxembourg) và từ thế kỷ XII trở thành trung tâm của ngành giáo dục. Hầu hết các trường học, cao đẳng và các Trường Đại học lớn, các cơ quan văn hóa lớn của Paris đều nằm trong khu phố đó. Thường gọi tắt là Quartier.

Trường sư phạm: tức là Trường Cao đẳng Sư phạm (École Normale Supérieure) một trong mấy trường lớn của nước Pháp, đào tạo những giáo sư thạc sĩ có uy tín cho nền trung học.

Sau sáu tuần lễ nghỉ ngơi, Maurice d'Esparvieu được thầy thuốc cho phép đi dạo chơi bằng xe. Cánh tay anh phải đeo băng chéo. Cô tình nhân và

anh bạn đi cùng. Họ đi đến Rừng\* và được hưởng một niềm vui sướng được trông thấy cỏ và cây cối. Họ tươi cười với mọi thứ và mọi thứ tươi cười với họ. Như Arcade đã nói, những lỗi lầm của họ đã làm cho họ trở nên tốt hơn. Do những đường lối quanh co của lòng ghen tuông và lòng tức giận, Maurice đã đạt tới bình tĩnh và nhân từ. Anh vẫn còn yêu Gilberte và anh yêu nàng bằng một mối tình yêu khoan dung. Thiên thần vẫn thềm muốn người đàn bà đó mạnh mẽ như bao giờ, nhưng sự thềm muốn của anh đã mất, do sự chiếm hữu, cái nọc kích thích của sự hiếu kì. Gilberte nghĩ làm duyên dáng lấy lòng, thì lại được lòng yêu thích nhiều hơn. Họ uống sữa ở Cascade\* thấy ngọt ngào thú vị. Cả ba người đều hồn nhiên. Arcade quên cả những bất công của tên bạo chúa già của thế giới. Chẳng mấy chốc, rồi những bất công đó sẽ nhắc nhở cho anh.

Rừng: gọi tắt rừng Boulogne.

Cascade: nghĩa đen là thác nước, đây là tên một quán giải khát. Thường ở nơi nghỉ mát hoặc dạo chơi ở miền có rừng có núi, quán giải khát hay lấy tên là Cascade.

Khi trở về nhà bạn, anh thấy Zita đang chờ đợi anh, trông giống như một pho tượng bằng ngà và vàng.

- Tôi thương hại cho anh, - chị nói. Cái ngày, từ hồi khai thủy các thời đại đến nay chưa bao giờ đến, có lẽ nó sẽ không trở lại trước khi vầng thái dương cùng với đoàn tùy tùng đi vào tinh tòn Hercule\*, cái ngày đó đã đến: chúng ta đương sắp sửa đột kích Ialdabaoth trong cung điện bằng porphyre của y, thế mà anh, vẫn nóng lòng giải phóng thiên đình, vẫn lăm le mau chóng chiến thắng trở về tổ quốc thiên giới đã được giải phóng, anh bỗng nhiên quên phứt những mưu toan khảng khái của anh và ngủ quên đi trong cánh tay của con gái loài người. Anh có thể hưởng được vui thú gì trong sự giao tiếp với

những con động vật hèn mọn bẩn thỉu kia, nó được cấu thành bằng những nguyên tố không ổn định đến nỗi có thể nói rằng chúng luôn luôn chảy trôi đi? Chà! Arcade! Tôi đã rất có lý mà nghi ngờ anh. Anh chỉ là một anh trí thức; anh chỉ có những hiểu kì. Anh không có khả năng hành động.

Tinh tủa Hercule: mặt trời đi vào đỉnh tủa Hercule, là giữa mùa thu (vào khoảng từ 24 tháng 10 đến 23 tháng 11).

- Chị xét đoán tôi sai, Zita ạ, - thiên thần trả lời. Yêu những con gái của loài người, là trong bản chất của các con trai của trời. Mặc dầu tính chất dễ bị hủy hoại, nhục thể của đàn bà và của trăm hoa vẫn cứ làm cho các giác quan bị mê ly. Nhưng không có một con nào trong số những con động vật bé mọn đó, có thể làm tôi quên được lòng căm thù và lòng yêu thương của tôi và tôi sẵn sàng đứng lên chống với Ialdabaoth.

Trông thấy anh trong mối quyết tâm đó, Zita tỏ vẻ hài lòng. Chị thúc giục anh tiếp tục không mềm yếu để hoàn thành mưu đồ rộng lớn kia. Không nên hấp tấp việc gì và cũng không nên trì hoãn việc gì.

- Một thành phố rộng lớn, Arcade ạ, được làm thành bởi vô số những hành động nhỏ; cái đại cục uy nghi nhất được cấu thành bằng một nghìn chi tiết nhỏ nhất. Ta chớ bỏ qua bất cứ cái gì.

Chị đến tìm anh để dẫn anh đến một cuộc họp trong đó sự có mặt của anh là cần thiết. Người ta sẽ điếm lại lực lượng của quân khởi nghĩa.

Chị chỉ nói thêm một câu:

- Nectaire sẽ có mặt ở đó.

Khi Maurice trông thấy Zita, anh thấy chị không có duyên hấp dẫn, anh

không thích chị vì chị đẹp một cách hoàn hảo và cái đẹp chân chính bao giờ cũng gây cho anh một nỗi ngạc nhiên nặng nề. Anh lại thấy có ác cảm với Zita khi được biết rằng chị là một thiên thần phản loạn và chị đến tìm Arcade để dẫn anh ta đến với bọn đồng mưu. Anh chàng tội nghiệp cố gắng để giữ anh bạn lại bằng tất cả mọi phương tiện mà trí óc của anh và các trường hợp khách quan cung cấp cho anh. Nếu thiên thần hộ mệnh của anh ở lại với anh, anh sẽ đưa anh ta đi xem một trận đấu quyền anh phi thường, một cuộc duyệt binh ở đó sẽ thấy ánh vinh quang của Poincaré\*, vào trong một nhà ở đó sẽ thấy những đàn bà dị thường bởi sắc đẹp, tài hoa, tật hư hoặc dị dạng. Nhưng thiên thần không để cho bị cám dỗ, và nói rằng anh ta đi với Zita.

Poincaré: tức là Raymond Poincaré (1860-1934), trạng sư và chính trị gia ở nước Pháp, làm tổng thống nước Cộng hòa Pháp từ 1913-1920; thủ tướng năm 1913, 1922-1924, và 1926-1929. Em của Henri Poincaré (1854-1912) nhà toán học Pháp nổi tiếng bậc nhất đương thời.

- Để làm gì?

- Để đồng mưu chinh phục cõi trời.

- Lại vẫn cái trò điên rồ ấy! Chinh phục cõi... thì tôi đã chứng minh cho anh rằng không thể được và cũng không nên cầu ước mà.

- Chào Maurice...

- Anh đi à?... Thế thì, tôi cùng đi với anh.

Và Maurice, cánh tay đeo băng chéo đi theo Arcade và Zita đến tận Montmartre, vào trong tửu quán của Clodomir, ở đó bữa ăn đã được sắp đặt bày bàn ngoài vườn, dưới một giàn cây lá uốn thành vòm.

Hoàng thân Istar và Théophile đã ở đấy rồi, cùng với một bộ mặt bé nhỏ,

da vàng giống như một em nhỏ và đó là một thiên thần Nhật Bản.

- Chỉ còn đợi có Nectaire thôi, - Zita nói.

Và vừa lúc đó, ông già làm vườn hiện ra không tiếng động. Ông ngồi xuống và con chó của ông nằm xuống dưới chân ông. Nghệ thuật nấu ăn của người Pháp là nhất thế giới. Cái vinh quang đó sẽ rực rỡ bên trên tất cả các vinh quang khác, khi nào nhân loại khôn ngoan hơn, đặt cái xiên quay cao hơn lưỡi kiếm. Clodomir phục vụ cho các thiên thần và cho anh chàng trần tục cùng đi với họ, một món xúp nấu với cải bắp, thịt ngỗng muối, giảm bông và thịt dọi, một món thịt thăn lợn và món bồ dục nấu vang, những món ăn đó chứng tỏ rằng cái anh nấu bếp ở Montmartre này chưa bị làm hư hỏng bởi những người Mỹ họ làm bại hoại những đầu bếp ưu việt nhất của Đô thành lữ điếm\*.

Đô thành lữ điếm (Ville auberge): tức là Paris.

Clodomir mở một thứ rượu vang đỏ Bordeaux\*, nó dù không được ghi trong những loại rượu hàng đầu sản xuất ở Médoc\*, nhưng cũng phát hiện, bằng mùi thơm và hương ngát, nguồn gốc cao quý của nó. Cần phải nói rằng sau thứ rượu vang đó và nhiều thứ khác nữa, bác quản kho rượu trịnh trọng mang đến một chai romanée\* mạnh và êm, đậm giọng và tế nhị, giàu chất bù béo chân chính của xứ Bourgogne\* nồng nàn, khá bốc, làm khoái lạc tinh thần và giác quan.

Bordeaux: tỉnh lỵ tỉnh Gironde trên sông Garonne, miền tây nước Pháp; nổi tiếng thế giới về rượu vang trắng và đỏ.

Médoc: vùng trồng nho ở Pháp, trên tả ngạn sông Gironde, gần Bordeaux, sản xuất rượu vang đỏ thượng hảo hạng, đứng đầu các loại rượu vang đỏ gọi là rượu Bordeaux. Rượu Bordeaux trắng thì đứng đầu là rượu Sauternes.

Romanée: danh từ riêng trở thành danh từ chung, chỉ một loại rượu vang đỏ ngon nhất tỉnh Côte d'Azur ở xứ Bourgogne, sản xuất trong xã Vosne-Romanée; có hai thứ, một là Romanée-Conti, hai là Romanée-Saint-Vivant.

Bourgogne: tên xứ cũ ở miền Đông nước Pháp, xưa kia là một vương quốc, sau là công quốc, được hợp nhất với Vương quyền nước Pháp, dưới triều vua Louis XI (1477). Là một miền sản xuất rượu vang đỏ và trắng ngon có tiếng vào bậc nhất của nước Pháp, như Chambertin, Romanée-Conti, Saint-Georges, Pommard, Beaujolais, v.v...

Ông già Nectaire nâng cốc và nói:

- Xin chúc ngài, hỡi Dionysus, vĩ đại nhất trong chư thần, ngài sẽ phục hồi thời đại hoàng kim và sẽ đến trả lại cho các con người trần tục đã anh hùng hóa chùm nho mà Lesbos\* đã ngắt lên ngay từ những gốc nho của xứ Méthymne, những giống nho của Thasos\* và những trái nho trắng của hồ Maréotis\* và những hầm rượu của Falerne\* và những giống nho của Tmolus\* và bậc chúa các rượu vang, rượu Phanée. Và nước ép của những nho đó sẽ tuyệt trần, và cũng như ở thời của ông già Silène, các người trần tục sẽ say vì trí tuệ và tình yêu.

Lesbos: tên cũ của đảo Mytilène, thuộc Hy Lạp; hải cảng buôn bán rượu vang, hoa quả, dầu.

Thasos: tên hòn đảo ở biển Égée, phía bắc, thuộc Hy Lạp.

Maréotis: đầm nước mặn ở Ai Cập, cách với biển bằng một doi đất trên đó được dựng lên hải cảng Alexandrie.

Falerne: tên cánh đồng nho ở Campanie (miền Nam nước Ý), nổi tiếng ở La Mã xưa.

Tmolus hoặc Tmolos: tên núi và thành phố của xứ Lydie xưa ở Tiểu Á.

Khi cà phê đã được phục vụ, Zita, hoàng thân Istar, Arcade và thiên thần Nhật Bản lần lượt trình bày tình trạng các lực lượng được tập hợp chống lại với Ialdabaoth. Các thiên thần, khi rời bỏ nền phúc lạc vĩnh hằng để chuốc những đau khổ của đời sống trần gian, lớn lên về trí thông minh và tiếp thụ

được những cách thức để sai lầm và năng khiếu phản bác lẫn nhau. Cho nên những cuộc hội họp của họ, cũng như của người trần, đều ồn ào và lộn xộn. Một trong những bạn đồng mưu có đưa ra một con số chẳng, thì những bạn khác phủ nhận ngay tức khắc. Họ không thể cộng hai số lượng mà không tranh cãi nhau và cả đến khoa số học, trở thành có tính say mê, cũng mất tính xác thực. Chàng Chérubin, đã lôi kéo bằng được anh chàng Théophile thành kính đến, lấy làm bất bình khi nghe thấy chàng nhạc sĩ ca tụng đức Chúa và giáng vào đầu hắn những quả dấm có thể giết chết một con bò. Nhưng cái đầu của một nhạc sĩ rắn hơn một cái đầu bò trang trí đền thờ. Và những quả dấm mà Théophile nhận được, không làm thay đổi quan niệm của thiên thần đó về tính hiền minh tối cao của Chúa Trời. Sau khi Arcade đã đối lập dài dòng chủ nghĩa lý tưởng khoa học của anh với chủ nghĩa thực dụng của Zita, thì thượng đẳng nữ thiên thần xinh đẹp bảo anh rằng anh đã lý luận sai.

- Và chị lấy thế làm ngạc nhiên! - Thiên thần hộ mệnh của chàng trai trẻ Maurice kêu lên. Tôi lý luận cũng như chị trong ngôn ngữ của loài người. Và ngôn ngữ loài người là cái gì, nếu không là tiếng kêu của thú vật rừng núi, bị phức tạp hóa và bại hoại bởi những con vật kiêu ngạo thuộc loài linh trưởng? Vậy hãy đem cái mớ ô hợp những thanh âm cẩu kinh hay rền rĩ đó, mà làm thành một lý luận tốt đi, hỡi Zita! Các thiên thần không lý luận; cao hơn các thiên thần, những người trần tục lý luận sai. Ấy là tôi không nói đến những ông giáo sư tưởng là xác định được cái tuyệt đối bằng những tiếng kêu mà các ông đã thừa hưởng của loài nửa người nửa khỉ, của loài hươu, loài thú có túi và loài bò sát, tổ tiên của các ông. Thật là một trò hài hước lớn! Gã thần sáng sẽ lấy làm vui thích biết bao nếu gã thông minh!



Trời đêm đầy sao sáng. Ông lão làm vườn vẫn im lặng.

- Nectaire, - thượng đẳng nữ thiên thần xinh đẹp nói - hãy thôi sáo đi, nếu ông không sợ rằng trái đất và bầu trời bị xúc động.

Nectaire cầm lấy ống sáo. Chàng trẻ Maurice châm một điếu thuốc lá. Ngọn lửa sáng lóe lên một lát, đẩy lùi bầu trời và các tinh tú vào trong bóng tối, rồi tắt. Và Nectaire ca vịnh ngọn lửa đó trên ống sáo hứng khởi của ông. Tiếng lanh lảnh cất lên và nói:

- Ngọn lửa này là một vũ trụ đã hoàn thành số kiếp trong không đầy một phút. Trong đó đã hình thành những mặt trời và những hành tinh. Venus Uranie đã đo lường các quỹ đạo của những trái cầu lang thang trong những khoảng không vô tận. Theo hơi thở của Éros, đứa con đầu lòng của chư thần, đã sinh ra những cây cỏ, những động vật, những tư tưởng. Trong hai mươi giây đồng hồ trôi qua giữa cuộc sống và cái chết của những vũ trụ đó, có những nền văn minh đã biến diễn, những đế quốc đã kéo dài sự suy đồi của chúng. Những bà mẹ đã khóc và những khúc hát yêu đương, những tiếng kêu căm thù và những tiếng thở dài của những nạn nhân đã bốc lên nhằm phía bầu trời câm lặng. Theo tỉ lệ của kích thước bé nhỏ của nó, cái vũ trụ đó đã tồn tại cũng ngang với sự tồn tại quá khứ và trong tương lai của cái vũ trụ mà chúng ta đang trông thấy vài nguyên tử đang ngời sáng trên đầu chúng ta. Hai vũ trụ đó, như nhau, đều là một ánh sáng le lói trong cõi vô cùng.

Và dần dần theo nhịp những thanh âm trong sáng và trong trẻo phát ra không trung mê ly, trái đất biến thành một đám mây mềm nhuyễn, các tinh tú vạch nên những đường cầu nhanh chóng. Tòa đại hùng tinh tan rã và những thành phần của nó bay tán mạn. Vòng đai kiếm của chòm sao cày gãy đôi.

Ngôi Bắc đẩu rời bỏ trục từ trường. Sao Sirius trước kia lóe ra ở chân trời ngọn lửa sáng trắng của nó, bây giờ xanh lè, đỏ bẻm, hắt hiu và tắt ngấm trong chốc lát. Các chòm sao dao động hợp thành những cung Hoàng đạo mới, đến lượt nó cũng biến đi. Bằng những thanh âm thần chú của nó, ống sáo thần diệu đã xiết chặt lại trong một giây lát ngăn ngại sự sống và các chuyển động của cái vũ trụ này, nó có vẻ bất di bất dịch, vĩnh cửu đối với loài người và những thiên thần. Ống sáo đã im tiếng, trời lại phục hồi diện mạo xưa cũ. Nectaire đã biến mất. Clodomir hỏi các khách ăn có được hài lòng về món xúp bắp cải, đã phải đặt trên lửa hai mươi bốn tiếng đồng hồ, cho cạn bớt nước, và ca tụng với khách thứ rượu vang Beaujolais\* mà các vị đã uống.

Beaujolais: đã chú thích, một loại rượu vang ngon của Bourgogne, nhưng uống tại chỗ thì ngon hơn vì nó không chịu được sự vận chuyển đi xa. Vùng thành phố Lyon ở ngã ba sông Rhône và sông Saône nổi tiếng về thứ rượu đó đến nỗi có câu nói Lyon được tưới bởi ba con sông: sông Rhône, sông Saône và sông Beaujolais.

Đêm êm dịu. Arcade, có thiên thần hộ mệnh đi kèm Théophile, hoàng thân Istar và thiên thần Nhật Bản tiễn đưa Zita về tận nơi ở.

## CHƯƠNG THỨ BA MƯƠI BA

*Một vụ mưu hại ghê gớm reo rắc sự khủng bố trong thành phố Paris như thế nào.*

Trong thành phố tất cả đều ngủ yên. Những tiếng chân đi gõ vang trên đường vắng vẻ. Đi đến giữa chừng đường dốc lên Gò, ở góc phố Feutrier, trước cửa nhà thượng đẳng nữ thiên thần xinh đẹp, nhóm người dừng lại. Arcade đương nói chuyện những Ngai thần và những Quán thần với Zita, chị này, ngón tay đặt lên nút chuông, chưa quyết định bấm gọi. Hoàng thân Istar, lấy đầu gậy vạch trên vỉa hè những kiểu thiết bị của những vũ khí mới và rống lên những tiếng vang vang làm thức giấc những lương dân đang thiu thiu ngủ và làm quẩn quại những Pasiphaé\* của hàng xóm. Théophile thì gân cổ mà gào điệu hát chèo đò điếm xuyết cho hồi thứ hai của vở kịch Aline, nữ hoàng xứ Golconde. Maurice, tay vẫn đeo băng chéo, tập bắn súng tay trái với thiên thần Nhật Bản, làm nảy tia lửa trên đường lát đá và kêu “trúng rồi” bằng một giọng the thé.

Pasiphaé: Vợ của Minos (trong thần thoại Hy Lạp là con của Jupiter, phán quan dưới âm ti), mẹ của Phèdre và của con quái Minotaure nửa người nửa bò mộng, có tiếng là dâm dật.

Trong khi đó, viên đội trưởng cảnh sát Grolle, ở góc phố bên, đang mơ màng. Ông ta có vóc dáng của một quân sĩ La Mã và mang tất cả các đặc trưng của cái chủng loại nô lệ kiêu hãnh đó, từ khi loài người xây đắp những đô thành nó bảo toàn những đế quốc và hộ trì các triều đại. Viên đội trưởng cảnh sát Grolle đầy sức mạnh nhưng rất mệt mỏi. Ông ta suy nhược vì một nghề nghiệp gian khổ và chế độ ăn uống đạm bạc; là người của nghĩa vụ,

nhưng là người, ông không thể cưỡng lại những bùa chú những duyên dáng mê hoặc và những trò quyến rũ của những cô gái lãng lơ, mà ông ta gặp hàng đàn lũ, trong bóng tối, suốt dọc những đại lộ vắng vẻ, chung quanh những bãi đất hoang, ông ta yêu họ. Ông ta yêu họ trong tư thế quân nhân, đứng nghiêm vác súng, và ông ta cảm thấy một nỗi mệt nhọc phải can đảm khắc phục. Chưa đi tới nửa quãng đường đời, ông đã ao ước được nghỉ ngơi êm đềm và được làm những công việc đồng áng êm ả. Ở góc phố Muller, cái đêm êm dịu đó, ông ta đang mơ màng; ông ta mơ màng đến ngôi nhà chôn rau cắt rốn, đến cánh rừng ô liu nhỏ, đến khu vườn của ông cha, đến bà mẹ già còng lưng bởi công việc làm ăn nặng nhọc lâu dài, và ông ta sẽ không được gặp lại nữa. Bị tiếng ồn ào đêm hôm kéo ra khỏi giấc mơ màng, viên đội trưởng cảnh sát Grolle tiến đến tận ngã tư chỗ các đường phố Muller và Feutrier đổ vào, và quan sát không chút thiện cảm cái đoàn lũ nghịch ngợm kia, trong đó bản năng xã hội của ông ta ngờ có những kẻ thù của trật tự. Ông kiên nhẫn và quả quyết. Sau một hồi lâu im lặng, trong một sự bình tĩnh đáng sợ:

- Giải tán đi! - Ông ta nói.

Nhưng Maurice và thiên thần Nhật Bản vẫn tập bắn và không nghe thấy gì, chàng nhạc sĩ thì chỉ lắng nghe những giai điệu của chính mình, hoàng thân Istar thì mãi mê với những công thức thuốc nổ, Zita thì cùng với Arcade xem xét cuộc mưu đồ lớn nhất đã được quan niệm từ khi thái dương hệ thoát thai khỏi đám tinh vân nguyên thủy, và tất cả bọn họ đều đứng đờ đẫn với mọi sự vật chung quanh.

- Tôi bảo các người giải tán đi. - Viên đội trưởng Grolle nhắc lại.

Lần này thì các thiên thần nghe thấy mệnh lệnh long trọng đó, nhưng

hoặc vì thờ ơ, hoặc vì coi thường, họ không tuân lệnh và tiếp tục hò la, hát hống và chuyện trò.

- Vậy là, các người muốn bị tóm cổ đây. - Viên đội trưởng cảnh sát Grolle tru lên và đập bàn tay to lớn của y lên vai hoàng thân Istar.

Chàng Chérubin phẫn nộ vì sự đùng chạm như bắn đó, bèn đấm một quả đấm dữ dội, bắn tung viên đội trưởng cảnh sát xuống rãnh nước. Nhưng viên cảnh binh Fesandet đã chạy lại hỗ trợ cho thượng cấp của anh, và cả hai người nhảy xổ vào hoàng thân, và đánh chàng ta với một sự cuồng nộ máy móc và đáng lẽ, mặc dầu sức khỏe và sức nặng của chàng ta, đã lôi chàng đầy máu me lên đồn cảnh sát, nếu thiên thần Nhật Bản không đánh chúng ngã gục hết tên nọ đến tên kia, chẳng mất công sức gì, và làm cho chúng quẫn quại và kêu rống trong vũng bùn, ngay trước khi Maurice, Arcade và Zita kịp can thiệp. Còn về phần thiên thần nhạc sĩ, thì đứng xa xa, run rẩy, chàng ta cầu khẩn trời.

Ngay lúc đó, hai gã thợ bạn làm bánh mì, đương nhào bột trong một cái hầm nhà gần đó, nghe thấy tiếng ồn ào chạy đến, mặc váy trắng, cởi trần. Do một cảm tính bản năng về nghĩa hợp quân xã hội, họ về phe với những viên cảnh sát bị đánh ngã gục. Théophile, trông thấy họ, cảm thấy một sự khiếp sợ đúng lý và bỏ chạy, họ đuổi bắt được chàng ta và sắp đưa nộp cho cảnh sát thì Arcade và Zita giằng được chàng ra khỏi tay họ. Cuộc chiến đấu tiếp tục, không cân sức và khủng khiếp, giữa hai vị thiên thần và hai gã thợ bánh mì. Giống như một lực sĩ của Lysippe\*, về sức khỏe và về vẻ đẹp, Arcade vung cánh tay bóp nghẹt thở đối thủ to béo của anh. Vị thượng đẳng nữ thiên thần dùng dao găm đâm gã thợ bánh mì đã tấn công chị. Trên ngực lông lá của y,

một dòng máu đen chảy ra, và cả hai gã thợ bánh mì bạn của pháp luật nằm bẹp dí trên đường lát đá.

Lysippe: nhà tạc tượng Hy Lạp (thế kỷ III trước CN).

Viên cảnh binh Fesandet nằm bất tỉnh nhân sự, mặt úp xuống rãnh nước. Nhưng viên đội trưởng Grolle, đã đứng dậy được, rúc một tiếng còi phải được đồn cảnh sát gần đó nghe thấy, và xông vào chàng trẻ Maurice. Chàng ta, chỉ có một cánh tay để tự vệ, bèn dùng tay trái nổ súng lục vào viên đội cảnh sát, y đưa bàn tay lên ngực, lao đảo và đổ sụp. Y thở ra một tiếng thật dài và bóng tối muôn đời che phủ đôi mắt y.

Trong khi đó, các cửa sổ mở ra từng cái một và những đầu người cúi xuống đường phố. Một tiếng rầm rầm những bước chân nặng nề\* lại gần. Hai cảnh binh đi xe đạp đổ vào phố Feutrier. Bấy giờ, hoàng thân Istar bèn ném một trái tạc đạn làm rung chuyển mặt đất, làm tắt đèn hơi, làm đổ nhà đổ cửa và bao phủ một đám khói dày đặc lên cuộc chạy trốn của các thiên thần và chàng trẻ Maurice.

Bước chân nặng nề: đây là mấy viên cảnh binh đi xe đạp tới. Sao lại có “bước chân nặng nề”, thật là một sơ ý của tác giả.

Arcade và Maurice đã xét rằng chắc chắn nhất vẫn là trở về, sau chuyện biến cố đó, trong căn hộ bé nhỏ ở phố La Mã. Chắc chắn là họ sẽ không bị truy tìm, vì trái tạc đạn của chàng Chérubin đã may mắn thủ tiêu tất cả những chứng nhân của vụ này. Tang tảng sáng, họ chớp được mắt, và đến mười giờ sáng, họ vẫn còn chưa tỉnh giấc, khi người giữ cổng đem nước trà đến. Vừa ăn miếng bánh mì rán với bơ và giấm bông chàng trai vừa nói với thiên thần của chàng:

- Tôi vẫn tưởng rằng một tội ác là một cái gì lạ thường. Ấy đó! Tôi đã lầm. Đó là hành động đơn giản nhất, tự nhiên nhất trần đời.

- Và truyền thống nhất, - thiên thần đối đáp. Suốt trong bao nhiêu thế kỉ dài dằng dặc, con người giết và bóc lột những con người, đã là chuyện quen thuộc và cần thiết. Hiện nay vẫn còn là chuyện đáng khuyên trong chiến tranh. Mưu hại đời sống của con người trong một số những trường hợp nhất định, vẫn còn là vẻ vang, và thiên hạ đã tán thành anh khi anh định sát hại tôi, Maurice ạ, vì lẽ anh thấy hình như tôi đã có những cử chỉ suồng sã với nhân tình của anh. Nhưng giết một viên đội trưởng cảnh sát, thật là không xứng đáng với một con người thượng lưu.

- Im đi, - Maurice kêu, im đi, đồ gian hiểm! Tao đã giết tên đội trưởng cảnh sát tội nghiệp đó, một cách bản năng, chẳng biết là mình làm cái gì. Tao cực kì đau khổ về việc đó, nhưng không phải tao, chính mày là kẻ phạm tội, chính mày là kẻ sát nhân. Mày đã lôi kéo tao vào con đường phản loạn và hung bạo nó đưa người ta xuống vực thẳm. Mày đã làm hại tao, mày đã hy sinh sự yên bình của tao, hạnh phúc của tao, cho sự kiêu ngạo của mày và cho sự độc ác của mày. Và rất vô ích. Vì, tao bảo trước cho mày biết, Arcade ạ, mày sẽ không thành công trong việc mưu đồ của mày.

Người gác cổng đem báo chí vào. Trông thấy những báo chí đó, Maurice tái mặt đi. Báo chí đăng tin, hãn chữ lớn, vụ mưu hại ở phố Feutrier. Một viên đội trưởng cảnh sát bị giết chết, hai tên cảnh binh đi xe đạp\* và hai gã thợ bán làm bánh mì bị trọng thương, ba tòa nhà bị đổ sụp, rất nhiều nạn nhân.

Tác giả sơ ý quên băng viên cảnh binh Fesandet bị đánh ngã úp mặt xuống rãnh nước, còn sống hay đã

chết, trong báo cáo tất phải nói chứ!

Maurice buông rơi tờ báo xuống và nói bằng một giọng yếu ớt và rên rì:

- Arcade, sao mà đã không giết chết tao đi, ở trong khu vườn nhỏ ở Versailles, giữa đám hoa hồng khi chim sáo đang hót.

Trong khi đó sự khủng bố bao trùm thành phố Paris. Trên những quảng trường công cộng và trong các phố đông đúc, các bà nội trợ, túi lưới xách tay lảng nghe, mặt xanh xám, kể chuyện tội ác và cầu mong các tội phạm bị những khổ hình ác liệt nhất. Các ông chủ cửa hàng cửa hiệu đứng trên ngưỡng cửa, trút cái tội đại ác đó lên đầu bọn vô chính phủ, bọn nghiệp đoàn chủ nghĩa, bọn xã hội chủ nghĩa, bọn cấp tiến, và đòi hỏi luật pháp. Những ý nghĩ sâu sắc hơn thì nhận ra bàn tay của người Do Thái và người Đức và đòi hỏi trục xuất các ngoại kiều. Nhiều người ca tụng phong tục Mỹ và khuyên nên dùng phép lynchage\*. Bên cạnh những tin tức được in, lại thêm những chuyện xì xào thăm đăm. Người ta đã nghe thấy những tiếng nổ ở những điểm linh tinh; ở đâu cũng phát hiện thấy bom đạn. Khắp nơi đều có những kẻ, người ta coi là những quân bất lương, bị cánh tay dân chúng đánh cho nhừ tử và trao cho công lý, da thịt tả tơi. Ở quảng trường cộng hòa, đám đông đánh tan xương nát thịt một gã say rượu đang kêu: “Đả đảo bọn chó săn!”\*.

Lynchage (tiếng Anh là Lynching): tục lệ phân biệt chủng tộc dã man xuất phát từ nước Mỹ, khi người da màu nào bị tình nghi là có tội, sẽ bị đám đông xét xử và hành quyết (thường là treo cổ hoặc bị đánh cho đến chết) mà không cần thông qua tòa án xét xử, nạn nhân nhiều khi lại là người vô tội.

Chó săn (flies): tiếng lóng của bọn tội phạm gọi cảnh sát, mật thám là flie có thể dịch thành tiếng lóng Việt Nam “cớm” nhưng không thông dụng bằng flie cho nên dịch là chó săn, thông dụng hơn.

Ông thủ tướng, kiêm bộ trưởng tư pháp, thương nghị hồi lâu với ông



Giám đốc công an và hai người đồng ý phải tiến hành ngay tức khắc việc bắt giam năm sáu tên côn đồ vô lại, trên số ba chục nghìn tên chứa chấp ở kinh thành, để làm nguôi bớt sự sôi sục của dân Paris. Ông tổng trưởng công an Nga, nghĩ rằng tìm thấy, trong vụ mưu hại này, cung cách của bọn hư vô chủ nghĩa, bèn yêu cầu trao nộp cho chính phủ của ông ta một tá những kẻ tị nạn, và lời yêu cầu đó được đáp ứng ngay tức khắc. Người ta cũng tiến hành vài vụ dẫn độ, vì sự an ninh của vua Tây Ban Nha.

Nghe thấy tin những biện pháp cương quyết đó, Paris thở ra nhẹ nhõm, và các báo chí buổi chiều ca ngợi chính phủ. Tin tức những người bị thương thì tốt lắm. Họ đã khỏi nguy, và tất cả những tên được đưa đến cho họ trông, họ đều nhận diện là kẻ tấn công họ.

Viên đội trưởng cảnh sát Grolle thì đành rằng đã chết rồi, nhưng có hai bà phước tức trực bên thi hài, và ông Thủ tướng đến đặt danh dự bội tinh trên ngực của con người nạn nhân của nghĩa vụ.

Ban đêm, có xảy ra những chuyện khủng bố đột nhiên ở thông cáo Nổi loạn\*, những cảnh binh trông thấy, trong một khoảng đất trống, một chiếc xe của bọn làm trò leo cây múa rối, họ thấy có vẻ là một sào huyệt của bọn giặc cướp. Họ gọi cứu trợ, và khi đã khá đông, họ bao vây chiếc xe. Có những công dân tốt chập thêm vào với họ; mười lăm nghìn phát súng lục được bắn ra; họ dùng mìn làm nổ tung chiếc xe lên và thấy, trong đống vụn nát, cái xác của một con khỉ cái.

Nổi loạn (Révolte): tên phổ, dịch nghĩa chứ không dịch âm.

## CHƯƠNG THỨ BA MƯƠI TƯ

*Kể chuyện Bouchotte và Maurice bị bắt giam, thư viện  
Esparvieu bị tai họa và các thiên thần ra đi.*

Maurice d'Esparvieu trải qua một đêm khủng khiếp. Hơi nghe thấy một tiếng động nhỏ nào là anh vớ ngay lấy khẩu súng lục để khỏi bị bàn tay của công lý bắt sống. Đến sáng, anh giăng những báo chí ở tay mũ giữ cống, đọc lướt qua một cách hăm hở và kêu lên một tiếng hoan hỉ: anh vừa đọc thấy rằng sau khi viên đội trưởng cảnh sát Grolle đã được đưa xuống nhà xác, để mổ tử thi, thì các thầy thuốc pháp y đã kiểm nghiệm chỉ thấy trên thân thể những vết bầm máu và những vết thương rất nông, và cái chết của ông ta là do một cái bấu máu đông, trong đại động mạch, bị vỡ.

- Mà xem, Arcade, - anh nói với một vẻ đắc thắng, mà xem: tao không phải là một kẻ sát nhân. Tao vô tội. Chưa bao giờ tao có thể tưởng tượng được là kẻ vô tội thì thú vị đến chừng nào.

Rồi anh ta nghĩ ngợi, và do một hiện tượng bình thường, sự suy nghĩ làm tan biến niềm hoan hỉ của anh.

- Tao vô tội. Nhưng chả nên tự giấu mình, anh vừa nói vừa lắc đầu, tao vào bè với một lũ bất lương; tao sống với những quân giặc cướp. Mà ở đó là đúng chỗ, Arcade ạ, mà, là một kẻ bất minh, độc ác và bất chính. Còn tao, là con nhà tử tế và đã được tiếp thu một nền giáo dục ưu việt, tao lấy làm xấu hổ vì chuyện đó.

- Tao cũng vậy, - Arcade nói, tao cũng đã được tiếp thu một nền giáo dục

ưu việt.

- Ở đâu vậy?

- Ở thiên đình.

- Không, Arcade ơi, không; mày chưa được giáo dục. Nơi người ta đã truyền thụ cho mày những tôn chỉ đạo lý, thì bây giờ mày vẫn còn giữ được. Những tôn chỉ không bao giờ mất. Tao đã được học tập trong thời thơ ấu sự tôn kính gia đình, tổ quốc và tôn giáo. Tao vẫn chưa quên, và sẽ không bao giờ quên. Mày có biết có cái gì ở mày mà tao lấy làm chướng nhất không? Không phải là sự bất chính của mày, sự độc ác của mày, sự bất nhân bất nghĩa đen tối của mày, không phải cái chủ nghĩa bất khả tri của mày, kể ra cũng còn có thể chấp nhận được, không phải cái chủ nghĩa hoài nghi của mày, tuy rằng đã rất lỗi thời (vì từ ngày quốc gia thức tỉnh, ở nước Pháp người ta không còn hoài nghi nữa), không, cái gì ở mày làm tao ghê tởm, chính là sự thiếu ưu nhã của mày, sự kịch cỡm của những ý nghĩ của mày, sự bất thanh lịch của những chủ nghĩa của mày; mày tư duy như một kẻ trí thức, mày tư duy như một kẻ tự do tư tưởng, mày có những lý thuyết sặc mùi bọn cấp tiến hạ lưu, sặc mùi chủ nghĩa combisme\*, những chủ nghĩa nhơ nhớp. Mày đi đi! Tao ghê tởm mày lắm... Arcade, bạn duy nhất của tao, Arcade, thiên thần hộ mệnh cố cựu của tao, Arcade, bé em yêu quý của tao, hãy lắng nghe thiên thần hộ mệnh của mày: hãy xuôi theo những lời khẩn cầu của tao, hãy từ bỏ những ý nghĩ điên cuồng của mày, hãy trở lại nhân hậu, hồn nhiên, ngây thơ, sung sướng. Hãy đội mũ vào; đi với tao đến nhà thờ Đức Bà, chúng ta sẽ làm một lễ cầu nguyện và sẽ thả một cây nến.

Chủ nghĩa Combisme: chủ nghĩa của Émile Combes (1835-1921), thủ tướng Pháp 1902-1905.

Trong khi đó, dư luận công chúng vẫn còn xúc động; báo chí lớn, cơ quan của sự thức tỉnh của quốc gia trong những bài chân chính cao thượng và thực sự sâu sắc, rút ra cái triết lý của vụ mưu hại tàn khốc, nó làm cho mọi lương tâm phải phẫn nộ. Người ta phát hiện ra cái nguồn gốc chân chính của nó, những nguyên nhân gián tiếp, nhưng có tác dụng của nó trong các học thuyết cách mạng, được truyền bá vô tội vạ, trong sự lỏng lẻo của mỗi quan hệ xã hội, trong sự lung lay của kỷ luật đạo lý, trong những lời kêu gọi liên tiếp hướng tới mọi sự thèm khát, mọi sự ham muốn. Để cắt bỏ điều ác tận gốc rễ, cần phải trừ khử hết sức nhanh chóng các ảo tưởng và các không tưởng, như chủ nghĩa nghiệp đoàn, thuế lợi tức, v.v... v.v... Nhiều tờ báo, và không phải là những tờ bé mọn nhất, vạch ra, trong sự gia tăng những tội ác, những kết quả đương nhiên của sự bất kính và kết luận rằng sự cứu rỗi của xã hội là ở trong một sự nhất trí và chân thành trở về với tôn giáo.

Ngày chủ nhật tiếp theo tội ác, người ta nhận thấy một sự đông đảo lạ thường trong các nhà thờ.

Ông thẩm phán Salneuve, phụ trách dự thẩm, trước hết tra hỏi những kẻ bị công an bắt giam, và đi lạc lõng theo những đường đời hấp dẫn nhưng sai lầm; bản báo cáo của chỉ điểm viên Montremain, được truyền đạt cho ông, làm cho ông lưu ý vào một định hướng đúng và cho ông mau chóng nhận ra, trong những tác giả của tội ác ở phố Feutrier, bọn kẻ cướp ở Jonchère. Ông cho truy nã Arcade và Zita và phát ra một trát bắt giữ hoàng thân Istar; hai cảnh binh tóm được hoàng thân, khi chàng ở nhà Bouchotte ra, sau khi đã cất giấu ở đó những tạc đạn kiểu mới. Chàng Chérubin khi được biết chủ ý của hai viên cảnh binh, mỉm cười nhếch miệng và hỏi họ xem họ có một xe ô tô

vững chắc không. Được họ trả lời rằng họ có một chiếc ở ngoài cửa, chàng khẳng định với họ rằng chàng chỉ muốn có thể. Và ngay tức khắc, chàng đánh gục hai tên đó trong cầu thang, lại gần chiếc xe đương đợi chàng, ném tên lái xe dưới một chiếc ô tô buýt đương đi qua vừa đúng lúc, và nắm lấy tay lái, trước mắt một đám đông khiếp sợ.

Ngay chiều hôm đó, ông Jeancourt, quan tư pháp cảnh sát, vào căn hộ của Théophile vừa lúc Bouchotte đang nuốt một quả trứng sống cho trong giọng, vì cô sẽ phải hát tối hôm đó ở rạp Eldorado quốc gia\*, bài hát mới của cô: Bên Đức họ không có cái đó. Chàng nhạc sĩ đi vắng. Bouchotte tiếp quan tư pháp với một vẻ cao ngạo, nó bù lại sự đơn giản của y phục, Bouchotte đương mặc sơ mi trần.

Eldorado quốc gia (Eldorado national): Eldorado là tên gọi một xứ tưởng tượng, có rất nhiều vàng (tiếng Tây Ban Nha nghĩa là xứ vàng). Đây là tên một rạp ca vũ nhạc.

Quan tư pháp tôn kính tịch thu nhạc phổ của vợ Aline, nữ hoàng xứ Golconde và các thư tình mà cô ca sĩ giữ gìn cẩn thận trong ngăn kéo ban đêm, vì cô là người ngăn nắp. Ông ta sắp ra về thì trông thấy một cái tủ ngầm, bèn mở ra một cách hững hờ và thấy trong đó những chiến cụ có thể làm nổ tung nửa thành phố Paris, và một đôi cánh trắng to lớn, mà ông chẳng hiểu có tính chất và công dụng gì. Bouchotte được mời ăn mặc cho hoàn chỉnh vào, và mặc dầu kêu gào, được dẫn về nhà giam.

Ông Salneuve không biết mọt mòi là gì. Sau khi thăm sát những giấy tờ tịch thu được ở nhà của Bouchotte và căn cứ vào những chỉ điểm của Montremain, ông ra một cái trát bắt chàng trai trẻ d'Esparvieu, được thi hành ngày thứ tư 27 tháng năm, lúc bảy giờ sáng, một cách rất kín đáo. Đã ba ngày

rồi, Maurice không ngủ được nữa, không ăn, không yêu, không sống nữa rồi. Anh không có một giây phút nào nghi ngờ gì về tính chất cuộc thăm viếng buổi sáng sớm mà anh được tiếp. Trông thấy quan cảnh sát tư pháp, tất cả các giác quan của anh cảm thấy một sự bình tĩnh bất ngờ. Hôm đó, Arcade không đến ngủ ở căn hộ của anh. Maurice yêu cầu quan cảnh sát đợi anh, và ăn mặc chỉnh tề, rồi đi theo quan tư pháp vào trong chiếc xe taxi đỗ ngay trước cửa. Anh được hưởng một sự thanh thản hầu như không giảm sút tí nào khi cánh cửa xép của Đền lao\* khép lại sau lưng anh. Ở một mình trong phòng giam, anh trèo lên bàn để nhìn ra ngoài. Anh thoáng thấy một góc trời xanh và mỉm cười. Sự bình tĩnh của anh là do tâm trí mệt mỏi, giác quan tê bại và do anh không còn lo sợ bị bắt nữa. Những tai họa của anh truyền cho anh một sự hiền minh ưu việt. Anh cảm thấy bản thân được cảm thụ thiên ân. Anh không tự đánh giá cao cũng không tự khinh miệt quá và trao quyền xét xử mình vào bàn tay của Chúa. Không muốn che đậy những sai trái của mình, mà chính anh cũng không tự giấu mình, anh tâm niệm khẩn cầu thượng đế để xin người xét cho rằng nếu anh đã sa vào sự phóng đảng và sự phản loạn, thì chính là để lôi kéo trở về chính đạo thiên thần lạc lõng của anh. Anh ngả lưng trên ghế nằm và ngủ bình yên.

Cửa xép của Đền lao (le guichet de la Conciergerie): trong những tòa nhà của tòa án Paris có xây ẩn bên trong một nhà giam nổi tiếng gọi là Conciergerie, vốn xưa kia là nhà của người gác cổng (concierge), dịch là Đền lao để phân biệt với nhà tù xây riêng biệt. Cửa xép là một cửa nhỏ, mở vào cửa lớn.

Nghe tin bắt bố một nữ ca sĩ và một người con nhà tử tế, Paris và các tỉnh\* cảm thấy một sự ngạc nhiên nặng nề. Bị xúc động bởi những cảnh tượng bi thảm mà báo chí lớn trình bày cho họ, dư luận đòi hỏi pháp luật lôi ra pháp đình những tên vô chính phủ hung dữ, nghi ngút và rùng rùng những

tội giết người và đốt phá, và không hiểu vì sao người ta lại tấn công vào giới nghệ thuật và thanh lịch. Nghe thấy tin đó, mà ông là một trong những người cuối cùng được biết, ông thủ tướng, kiêm chương ấn, nhảy bắn người trên ghế ngồi có trang trí những hình tượng quái vật Sphinx\* không dữ dội bằng ông. Và, trong những cơn rùng mình của sự trầm ngâm cuồng nộ của ông, lấy dao nhíp vạch nát, theo gương Napoléon, mặt gỗ đào hoa tâm của án thư đế vương của ông. Và khi ông thăm phán Salneuve, được ông cho triệu, xuất hiện trước mắt ông, ông Thủ tướng bèn ném con dao nhíp của ông vào lò sưởi, như Louis XIV xưa kia đã ném gậy chống của người qua cửa sổ trước mặt Lauzun\*, và cũng nhờ một sức cố gắng tốt độ, ông nén đi được và nói bằng một giọng lợt lạt:

Paris và các tỉnh: tức là cả nước Pháp.

Quái vật Sphinx: con quái Sphinx mình sư tử đầu người. Ở Ai Cập biểu tượng cho mặt trời.

Lauzun: Công tước de Lauzun (1632-1723), nhân vật đóng vai trò phiêu lưu kiếm chác trong triều đình của Louis XIV, và sau được coi là điển hình của triều thần mách lới.

- Anh có điên hay không?... Tôi đã bảo khá kĩ rằng tôi muốn vụ âm mưu này là do bọn vô chính phủ, phản xã hội, căn bản phản xã hội và phản chính quyền, với một sắc độ nghiệp đoàn chủ nghĩa; tôi đã biểu lộ khá rõ ràng ý chí duy trì vụ này trong những ranh giới đó, và anh đã biến nó thành cái gì? Sự trả thù của bọn vô chính phủ và bọn tự do chủ nghĩa. Anh đã bắt giam cho tôi những ai? Một nữ ca sĩ được công chúng quốc gia chủ nghĩa yêu quý và một cậu con của một người được trọng vọng lớn trong phe Thiên Chúa giáo, vẫn tiếp các vị Giám mục của chúng ta và vẫn vào điện Vatican, một người có thể ngày một ngày hai được phái đi sứ bên Đức Giáo Hoàng. Do chuyện này, anh làm tôi mất một trăm sáu mươi hạ nghị sĩ và bốn mươi thượng nghị sĩ cánh

hữu, vừa lúc sắp có một cuộc chất vấn\* về việc bình định tôn giáo, anh làm tôi bất hòa với các bạn hôm nay của tôi, với các bạn hữu ngày mai của tôi. Có phải là để biết anh có bị mọc sừng như cái thằng des Aubels ngu ngốc kia không, mà anh đã tịch thu những thư tình của chàng trai d'Esparvieu\*? Về chuyện đó, tôi có thể cho anh một điều tin chắc: anh mọc sừng rồi, và tất cả Paris đều biết. Nhưng không phải là để trả thù những chuyện bị xúc phạm của anh mà anh được ngồi ở sở Biện lý của Pháp đình.

Chất vấn (interpellation): nghị viện chất vấn chính phủ về chính sách trên những vấn đề quan trọng, sau khi chính phủ đã trả lời, nghị viện bỏ phiếu tín nhiệm hay không, nếu bị đa số không tín nhiệm thì chính phủ phải từ chức để bầu nội các mới.

Thư tình của d'Esparvieu: ở trên chỉ thấy nói về việc tịch thu những lá thư tình của Bouchotte để trong ngăn kéo bàn, không hề thấy nói đến thư tình của chàng trai trẻ d'Esparvieu. Không biết là tác giả sơ ý hay những lá thư tình của Bouchotte nói trên là của Maurice viết cho cô ta? Dù sao cũng là điểm tối nghĩa.

- Thưa ngài chưởng ấn, - viên dự thẩm nói thì thầm bằng một giọng nghệt thờ, trong một cơn bị ứ huyết trên đầu, tôi là một người chính trực.

- Anh là một thằng ngu ngốc... và một thằng nhà quê\*. Hãy nghe đây: nếu Maurice d'Esparvieu và cô Bouchotte không được thả ngay trong nửa tiếng đồng hồ, thì tôi đập anh tan xác. Thôi, đi!

Nhà quê (provincial): theo nghĩa chặt chẽ thì provincial nghĩa là tỉnh lẻ nhưng dịch là nhà quê cho đúng ngữ khí tương đương trong tiếng Việt.

Ông René d'Esparvieu thân hành đi đón con ở Đê lao và đưa anh trở về ngôi nhà cổ kính ở phố Garancière. Cuộc trở về đó thật là một cuộc khai hoàn: người ta đã gieo rắc tin đồn rằng chàng trai trẻ Maurice với một sự bất cần hào phóng, đã ra sức hoạt động cho một mưu đồ phục hưng chế độ quân chủ, và ông dự thẩm Salneuve, một hội viên tam điểm như nhớp, chân tay của



bọn Combes và André\*, đã cố sức đổ tội cho chàng trai can đảm liên lụy với bọn giặc cướp. Ông linh mục Patouille hình như cũng tin như vậy, ông ấy vốn bảo đảm về Maurice như về chính mình. Ngoài ra, người ta còn biết rằng, đoạn tuyệt với ông bố quy thuận nền Cộng hòa, chàng trai d'Esparvieu lần bước tới chủ nghĩa bảo hoàng hoàn toàn. Những người thông thạo tin tức lại trông thấy trong sự bắt giam anh, sự báo thù của bọn Do Thái, Maurice há chẳng có tiếng là bài Sémites đó ư? Đám thanh niên Thiên Chúa giáo đến lảng nhục ông dự thăm Salneuve dưới cửa sổ căn nhà ông, ở phố Guénégaud, đối diện Sở đúc tiền.

Combes và André: Émile Combes (1835-1921), thủ tướng Pháp 1902-1905 - Louis André (1838-1913), bộ trưởng chiến tranh của chính phủ Combes.

Trên Đại lộ Cung điện\*, một nhóm sinh viên trao tặng Maurice một huy chương chiến thắng.

Đại lộ Cung điện: Boulevard du Palais.

Maurice được thấy lại tòa dinh thự cổ kính của thời thơ ấu, mũi lòng và vừa khóc vừa ngả vào lòng mẹ. Thật là một ngày tốt đẹp, chẳng may bị một sự cố não lòng quấy rối. Ông Sariette, đã mất trí sau tẩm thảm kịch ở phố de Courcelles, trở thành đột nhiên rồ dại. Sau khi đã tự giam mình trong thư viện, ông ta ở lì đó đã được hai mươi bốn tiếng đồng hồ, kêu lên những tiếng kinh khủng, và mặc dầu những dọa nạt và khẩn cầu, nhất định không ra. Ông ta đã qua đêm trong một trạng thái xáo động cực độ, vì người ta thấy ngọn đèn chạy đi chạy lại không ngớt đằng sau những tấm màn gió. Sáng ngày, nghe thấy tiếng Hippolyte gọi ông ta ở ngoài sân, ông ta mở một cửa sổ của gian phòng những Hình cầu và những Triết gia và ném vài ba quyển sách khá nặng vào đầu bác hầu cận già. Tất cả gia nhân, đàn ông, đàn bà, và trai trẻ,

chạy đến, và ông già quần thư ném từng ôm sách lên những người đó. Trong trường hợp như vậy, ông René d'Esparvieu đành phải can thiệp. Ông xuất hiện, với mũ chỏm đội đêm và cái áo dài buông ngủ, và cố làm cho lão già điên rồ khốn khổ nghe ra lẽ phải. Lão này chỉ đáp lại bằng cách phun ra những lời chửi bới trút như thác đổ lên con người mà từ trước đến đó lão vẫn kính trọng như ân nhân của lão, và cố sức đè bẹp ông dưới những Kinh thánh, những Pháp điển Do Thái, tất cả những sách thánh của Ấn Độ và Ba Tư, tất cả các Cha Hy Lạp và cả Cha La tinh, thánh Jean Chrysostome, thánh Grégoire de Nazianze, thánh Augustin, thánh Jérôme, tất cả các nhà biện giải, và dưới bộ Lịch sử những biến đổi\* do chính Bossuet chú thích. Những sách in-octavo, in-quarto, in-folio trút sập xuống đá lát nền sân chẳng ra thể thống gì nữa. Những thư tín của Gassendi, của Cha Mersenne, của Pascal bay tan tác trước gió. Chì hầu phòng, vừa cúi để nhặt những tờ rơi ở trong rãnh nước, bị ngay vào đầu một tập địa đồ to tướng của Hà Lan. Bà René d'Esparvieu, bị tiếng ồn ào ầm ầm ghê gớm đó làm cho phát khiếp, xuất hiện, mới đánh phẫn qua loa. Trông thấy bà ta, lão già Sariette càng hung tợn hơn. Bị quăng liên tiếp hết sức mạnh, những tượng bán thân các thi sĩ, các triết gia, các sử gia của cổ đại, Homère, Eschyle, Sophocle, Euripide, Hérodote, Thucydide, Socrate, Platon, Aristote, Démosthènes, Cicéron, Virgile, Horace, Sénèque, Épictète rơi vỡ tan tành trên nền đá lát, quả địa cầu và hình cầu thiên giới bị đập nát với một tiếng đổ vỡ kinh khủng. Tiếp theo là một sự im lặng ghê sợ, chỉ có tiếng cười lạnh lạnh của cậu bé Léon xuyên qua, cậu bé đứng ở một cửa sổ ngắm xem cái trò lạ. Sau khi một thợ chữa khóa đã mở được cửa thư viện, tất cả bọn gia nhân đều kéo vào và người ta trông thấy ông già Sariette nấp đằng sau những đống sách chồng chất, đương rạch nát cuốn Lucrece của

Tu viện trường de Vendôme, có chú thích thủ bút của Voltaire. Phải mở một đường đi xuyên qua cái đồng chướng ngại vật đó. Nhưng lão già điên, thấy chỗ ẩn náu của lão bị đột phá, bèn trốn thoát qua tầng gác dưới mái nhà và trèo lên mái nhà. Suốt hai tiếng đồng hồ, lão ở trên đó cất lên những tiếng rú vang đi tận xa. Trong phố Garancière, một đám đông mỗi lúc một tăng chen chúc nhau nhìn xem lão già khốn khổ và hét lên những tiếng kinh hãi khi lão vấp chân vào những mảnh đá đen lợp mái, nó vỡ tan dưới chân lão. Đứng lẫn vào đám đông, linh mục Patouille, dự phòng trông thấy lão bất chợt lúc nào sẽ bị lao xuống khoảng không, bèn đọc vì lão những lời cầu nguyện cho những người hấp hối, và chuẩn bị làm phép xá tội in extremis\* cho lão. Những lính tuần cảnh giám sát tòa nhà và tổ chức một đội trật tự. Người ta gọi lính cứu hỏa, chả mấy chốc tiếng kèn của họ đã vang lên. Họ dựng một cái thang dựa vào tường tòa dinh thự và, sau một cuộc vật lộn kinh khủng, tóm được lão điên khùng, lão ta trong khi chống cự tuyệt vọng, bị bong một cơ thịt cánh tay. Lão được dẫn ngay tức khắc vào một an dưỡng đường.

Lịch sử những biến đổi (Histoire des Variations): nhan đề bộ sách của Jacques-Bénigne Bossuet viết.

In extremis: tiếng La tinh, nghĩa là lúc tội cùng, đó là tên gọi phép xá tội lúc lâm chung.

Maurice ăn bữa tối với gia đình, và mọi người mỉm cười cảm động khi Victor, bác đầu bếp già, dọn lên món thịt bê quay. Ông linh mục Patouille, ngồi bên phải bà mẹ Cơ đốc giáo, ngắm nhìn với vẻ cảm động thấm thía cái gia đình được Trời ban phước. Trong khi đó bà d'Esparvieu có vẻ lo âu. Hàng ngày, bà vẫn nhận được những bức thư nặc danh rất hỗn láo và rất thô bỉ đến nỗi đầu tiên bà nghi là của một tên hầu cận bị đuổi, nhưng bây giờ bà biết là của đứa con gái nhỏ nhất của bà, con Berthe, một đứa con nít! Thằng bé Léon cũng cho bà những duyên cớ lo lắng và buồn bã. Nó không học hành

gì và có những thói quen xấu. Nó tỏ ra độc ác. Nó đã vặt lông sống những con chim bạch yến của chị nó; nó cắm đinh ghim tua tủa ở chiếc ghế tựa của cô Caporal thường ngồi và đã lấy cặp mười bốn franc của cô gái tội nghiệp đó, cô ta chỉ biết khóc sục sịt từ sáng đến chiều.

Vừa ăn xong bữa tối, Maurice nóng ruột muốn tìm lại thiên thần của anh, chạy ngay đến căn hộ tầng dưới nhà ở phố La Mã, anh nghe thấy, qua khung cửa ầm ĩ những tiếng người và trông thấy tụ tập, trong gian buồng hiện hình, Arcade, Zita, thiên thần nhạc sĩ và chàng Chérubin, chàng ta đang nằm dài trên giường, đang hút một tẩu thuốc lá to tướng, đốt cháy một cách cầu thả nào gối, nào ga giường, nào chăn. Họ ôm hôn Maurice và báo tin cho anh biết họ sắp ra đi. Nét mặt họ sáng ngời niềm vui sướng và lòng quả cảm. Duy chỉ có tác giả hứng khởi của vở Aline, nữ hoàng xứ Golconde, là khóc lóc và ngược nhìn lên trời với vẻ kinh hoàng. Chàng Chérubin đã kéo tai anh vào phe phiến loạn, và vạch cho anh thấy hai con đường: hoặc tự để người ta lôi vào các nhà tù của trần gian, hoặc mang sắt và lửa vào cung điện của Ialdabaoth.

Maurice đau lòng trông thấy họ chả còn thiết tha gì mấy với cõi trần. Họ ra đi, đầy một hy vọng mênh mông và được phép có. Cố nhiên, họ có ít chiến sĩ để đối đầu với những binh lính vô vàn của bạo chúa thiên cung, nhưng họ tính đền bù sự thiếu số của họ bằng khí thế bất khả kháng cự của một cuộc tấn công đột ngột. Họ cũng không lạ gì rằng Ialdabaoth, vẫn tự phụ là cái gì cũng biết, đôi khi cũng bị bất ngờ. Và hình như, quả vậy, cuộc dấy loạn thứ nhất đáng lẽ đã khiến y bất ngờ nếu không có những lời khuyến cáo của thượng đẳng thiên sứ Michel. Đạo quân thiên đình cũng chưa tiến bộ được gì

từ cuộc chiến thắng quân phiến loạn trước thời khai thủy của các thời đại. Về binh khí và các chiến cụ, nó vẫn còn lạc hậu, như quân đội Maroc. Các tướng lĩnh thì vẫn ngủ yên trong sự dật lạc và dốt nát. Được thừa mứa danh vọng và của cải, họ thích cái vui của hội hè hơn những mệt nhọc của chiến tranh. Michel, đại tướng tổng tư lệnh, bao giờ cũng trung thành và dũng cảm, với các thế kỉ trôi qua, đã mất đi tính hăng hái và quả cảm. Những thiên thần đồng mưu năm 1914, trái lại, biết rõ các áp dụng mới mẻ nhất và tinh vi nhất của khoa học vào nghệ thuật phá hoại. Nghĩa là, tất cả các nơi hoang vắng của Trái đất: thảo nguyên hoang dã, sa mạc, đồi băng, bãi tuyết, đã sẵn sàng để bay vút lên trời.

Các thiên thần, bằng cách đổi thay tiết điệu của các nguyên tử cấu thành của họ, có thể xuyên qua các môi trường hết sức linh tinh. Những thiên thần đã giáng trần, từ khi hiện hình trần tục, được cấu thành bằng một chất liệu dày đặc quá không thể tự mình bay lên được nữa; muốn bay bổng lên những miền đầy khí éther và dần dần biến thành khinh khí vi diệu ở trên đó, họ cần đến sự cứu trợ của các anh em của họ, cũng phản loạn như họ, nhưng vẫn còn ở lại Thiên cung và vẫn còn, không phải là phi vật chất (vì trong vũ trụ hết thảy đều là vật chất), nhưng tinh tế và trong suốt trong ánh hào quang. Cõi nhiên, không phải là không có một nỗi lo âu đau đớn mà Arcade, Istar và Zita sẵn sàng để chuyển dịch từ khí quyển dày đặc của trái đất sang những vực thăm trong veo của thiên giới. Để lao mình vào khí éther, họ cần phải phát huy một năng lượng lớn đến nỗi những kẻ táo bạo nhất cũng ngập ngừng không dám cất cánh. Chất liệu của họ, khi thâm nhập vào môi trường vi diệu đó, phải chuyển từ vi diệu hóa bản thân, tự biến thành hơi và chuyển từ những kích thước con người sang dung lượng của những đám mây rộng lớn

nhất đã có bao giờ bao phủ địa cầu của chúng ta. Chẳng mấy chốc, họ sẽ to lớn vượt các hành tinh viễn vọng, mà họ, vô hình, bất khả trắc lượng, sẽ xuyên qua quỹ đạo mà không nhiễu loạn. Trong công trình đó, công trình lớn nhất mà các thiên thần có thể cung ứng được, chất liệu của họ sẽ lần lượt nóng rực hơn lửa và lạnh hơn băng, và họ sẽ cảm thấy một sự đau đớn tột hại hơn cái chết.

Maurice đọc thấy sự quả cảm và ưu tư của một mưu đồ như vậy trong đôi mắt Arcade.

- Mà đi đây à? - Anh vừa nói với y, vừa khóc.

- Chúng tao đi cùng với Nectaire tìm gặp, để dẫn dắt chúng tao đến chiến thắng, vị thượng đẳng thiên thần.

- Mà mệnh danh ai như vậy?

- Các giáo sĩ của thần sáng tạo đã cho mà biết rồi, khi họ vu cáo Người.

- Khốn khổ! - Maurice thở dài.

Và hai tay bưng đầu, anh khóc sụt sùi.

## CHƯƠNG THỨ BA MƯƠI NHẢM

*Và cuối cùng, trong đó biến diễn giấc mơ trác tuyệt của Satan.*

Sau khi đã lên hết bảy bậc bình địa cao nó đi từ bãi sông Hằng Hà\* lên đến tận những đền đài bị vùi trong đám dây leo, năm vị thiên thần, bằng những đường mòn đã mờ, đi tới khu vườn hoang dại đầy những chùm nho quả thơm tho và những con khỉ hay cười, trong tận khu vườn đó họ đã gặp được kẻ mà họ đi tìm. Vị thượng đẳng thiên thần đương tựa khuỷu tay trên những gối nệm màu đen có thêu hình những ngọn lửa bằng vàng. Dưới chân người, những sư tử và linh dương nằm nghỉ ngơi. Cuộn mình vào những thân cây, những con rắn đã thuần hóa ngoảnh về phía người những con mắt bạn hữu. Trông thấy những khách thăm thiên thần, nét mặt của người bỗng đượm vẻ u sầu. Từ khi, vàng trán đeo vành nho quả và tay cầm vương trượng trang sức những cành nho, người dạy dỗ và an ủi loài người, trái tim người đã nhiều phen đầy ắp nỗi buồn; nhưng chưa bao giờ, từ ngày thất trận về vang, nét mặt đẹp đẽ của người đã biểu lộ ngàn ấy đau đớn và ưu tư.

Hằng Hà (Gange): sông Hằng ở Ấn Độ.

Zita báo để người biết các quân kì đen đã tụ tập đông đảo trong tất cả các nơi hoang vắng của Trái đất này, cuộc giải phóng đã được trù tính và chuẩn bị trong các xứ ở thiên đình, nơi mà cuộc dấy loạn thứ nhất đã được kích động. Và nàng nói thêm:

- Bẩm chúa công, quân đội của người đang chờ đợi. Người hãy đến dẫn dắt họ đến chiến thắng.

- Các bạn ơi, - vị thượng đẳng thiên thần vĩ đại đáp, ta đã biết trước mục đích của cuộc đến thăm của các bạn. Những giỏ đầy hoa quả và những tầng mật ong đang chờ đợi các bạn dưới bóng cây lớn kia. Mặt trời sắp sa xuống lòng nước màu hồng của dòng sông thiêng liêng. Khi nào các bạn ăn xong, các bạn sẽ ngủ một giấc khoan khoái trong khu vườn này, ở đó trí thông minh và niềm khoái lạc được thịnh hành từ khi ta đã khu trục khỏi đó tinh thần của gã Thần sáng tạo già nua. Ngày mai ta sẽ trả lời các bạn.

Đêm tối chằng trên khu vườn những tấm màn xanh lam. Satan thiu thiu ngủ và có một giấc mơ, trong giấc mơ đó, bay lượn lơ bên trên trái đất, người ta trông thấy nó đầy những thiên thần dấy loạn, đẹp như những vị thần và mắt ngời ánh chớp. Vì từ Nam cực đến Bắc cực, một tiếng kêu duy nhất, hợp thành bởi vô vàn tiếng kêu, bốc lên tới người, mang nặng hy vọng và tình yêu. Và Satan nói:

- Nào! Ta hãy đến tìm địch thủ ngàn xưa của chúng ta trong cung điện cao siêu của y.

Và người dẫn dắt qua những khoáng dã thiên giới đội quân thiên thần vô số. Và Satan được thông báo tất cả những gì xảy ra trong thành trì thiên đình. Khi tin tức của cuộc phiến loạn thứ hai này đến tai, Chúa cha bảo Chúa con:

- Kẻ thù không thể nào hóa giải được, lại nổi dậy. Ta hãy nghĩ đến chuyện đó và trong nguy cơ này, ta hãy chuẩn bị phòng thủ, kéo lại mất nhà cao cửa rộng của chúng ta.

Và Chúa con, đồng chất với Chúa cha, đáp:

- Chúng ta sẽ chiến thắng dưới dấu hiệu đã đem lại thắng trận cho



## Constantin\*.

Constantin: đây là chỉ Constantin đệ nhất, tức là Constantin Đại Đế, hoàng đế La Mã (từ 306 đến 337). Cuộc thắng trận của ông trước tướng thành La Mã chống Maxence (hoàng đế La Mã từ 306 đến 312) quyết định thừa nhận đạo Cơ đốc làm tôn giáo chính thức của đế quốc. Năm 323, ông cũng theo đạo Cơ đốc. Các sử gia kể lại rằng khi ông đem quân đi đánh Maxence, có một cây thánh giá hiện trên trời cho quân đội ông trông thấy, trên đó có những chữ In hoc signo vinces (nghĩa là Người sẽ thắng bởi dấu này, tức dấu thánh giá). Ông bèn cho vẽ dấu đó lên hiệu kỳ của ông.

Sự công phần bù đắp nỗi trên núi của chúa tể. Các Séraphin trung thành trước hết cầu mong cho những quân phiến loạn bị những khổ hình ghê gớm; sau đó, họ nghĩ đến chuyện chiến đấu với chúng. Sự phẫn nộ nhóm lên trong mọi trái tim làm cho mọi nét mặt bừng bừng. Người ta không ngờ vực sự chiến thắng; nhưng người ta e ngại sự phản bội và người ta vội đòi hỏi cho những kẻ do thám và những kẻ phao đồn tin xao xuyên, bóng tối tăm vĩnh viễn. Người ta hò, người ta hát những bài tụng ca, người ta hoan hô vị Chúa tể. Người ta uống những rượu vang huyền bí. Các dũng khí căng phòng quá sắp sửa vỡ tung, và một nỗi lo ngại âm thầm len vào đáy sâu tối tăm của các tâm hồn. Thượng đẳng thiên thần Michel cầm quyền chỉ huy tối cao. Ông làm yên tâm mọi người bởi thái độ bình tĩnh của ông. Nét mặt ông, trên đó lộ rõ tâm hồn ông, biểu hiện sự coi thường cơn nguy cấp. Theo mệnh lệnh của ông, các thủ lĩnh sấm sét, các Chérubin, bị một thời thanh bình dài lâu làm cho trì trệ, đi ngược xuôi bằng bước chân nặng nề, những thành lũy của Núi thiêng liêng, và đưa những đôi mắt bò của họ nhìn lơ đãng lên những đám mây sáng ngời ánh chớp của Chúa tể, họ cố gắng đặt những pháo đội thần thánh vào vị trí. Sau khi đã kiểm tra các tuyến phòng ngự, họ thề với Thượng đế rằng tất cả đã sẵn sàng. Người ta thảo luận về cách xử sự. Michel chủ trương khởi thế công. “Đó là, - ông nói, ra nhà quân sư lão luyện, quy tắc tối cao. Tấn công

hay bị tấn công. Không có trung gian.”

“Và chẳng, - ông nói thêm, cái thái độ khởi thế công đó phù hợp đặc biệt với sự nồng nhiệt của các Ngai thần và Quán thần.” Còn về mọi chuyện khác, người ta không sao làm cho vị Thủ lĩnh kiên nghị hé ra một lời nào, và sự im lặng đó có vẻ là dấu hiệu của một thiên tài tự tin ở mình.

Nghe báo tin có quân địch, Michel phái ngay đi nghênh chiến ba đạo quân do các thượng đẳng thiên thần Uriel, Raphaël và Gabriel chỉ huy. Các quân kỳ mang các màu sắc của phương đông phát phối trong các khoáng đã đầy khí éther, và các sấm sét âm ì trên nền lát toàn bằng những ngôi sao. Ba ngày ba đêm, trên Núi chúa tể không ai biết số phận của những đạo quân đáng yêu quý và ghê gớm đó. Tảng sáng ngày thứ tư, tin tức đưa về mơ hồ và lộn xộn. Người ta được biết tin những trận đánh chưa xác định, những khái hoàn mâu thuẫn. Những chiến công vẻ vang chồng chất lên nhau và đổ sụp trong vài tiếng đồng hồ. Những sấm sét của Raphaël, bắn vào quân phiến loạn, người ta đoán quyết rằng đã tiêu hủy hoàn toàn hàng trung đội. Các toán quân do Zita ô trọc chỉ huy bị chôn vùi, những kẻ thông thạo khẳng định như vậy, dưới những cơn lốc của một trận bão lửa. Nghe nói tên Istar hung dữ bị xô xuống vực và đảo ngược đầu đít một cách đột ngột đến nỗi những lời phạm thánh mồm y phun ra đã tạt cùng bằng một cái rắm cuồng nộ. Người ta thích tin rằng Satan, đeo nặng những xiềng xích bằng kim cương, đã lại một lần nữa bị chìm sâu trong vực thẳm. Nhưng các thủ lĩnh của cả ba đạo quân đều chưa có thông điệp gửi về. Hòa lẫn vào những thông tin lào xào về chiến thắng vẻ vang, lại có những tin đồn rì rầm nó làm cho người ta e ngại một cuộc chiến đấu dằng dặc, một cuộc rút lui vội vã, có những tiếng nói

láo xược dám chắc rằng một thiên thần hạng bét, một thiên thần hộ mệnh, tên Arcade vô danh tiểu tốt, đã quấy đảo và làm rối loạn quân đội rục rờ của ba vị thượng đẳng thiên thần.

Người ta cũng nói đến những chuyện đào ngũ cả đồng trong bầu trời phương Bắc, nơi đã nổ ra cuộc chiến đầy loạn trước hồi khai thủy các thời đại, và thậm chí có những kẻ đã trông thấy những đám mây đen toàn những thiên thần bất kính chạy sang hàng ngũ những đạo quân phiến loạn được tổ chức trên trái đất. Nhưng các công dân tốt không thèm để tai đến những tiếng đồn khả ố đó và thiết tha với những tin báo tiếp truyền miệng và mỗi lúc một rõ rệt và xác định thêm. Trên các thượng cấp, vang lên những tán ca hoan hỉ, các Séraphin cử nhạc thụ cầm và huyền cầm để xưng tụng Sabaoth, vị thần sấm. Những tiếng hát của những thánh nhân\* kết hợp với tiếng hát của các thiên thần để biểu dương đấng vô hình. Nghĩ đến cuộc tàn sát do các vị thừa hành thánh nộ, những tiếng thở dài hân hoan bốc lên từ đền Jérusalem thiên giới lên tới thượng đế. Những sự hoan hỉ của những thánh nhân hồng phúc\*, đã được đưa trước lên tới mức tối cao không thể tăng thêm được nữa, và sự quá độ của phúc lạc làm cho họ hoàn toàn mất cảm giác.

Thánh nhân (élus): những người được ý chỉ của Chúa cho được hưởng phúc lạc vĩnh hằng.

Thánh nhân hồng phúc (Bienheureux): ý cũng gần như trên, chỉ những người được nhà thờ gia phúc, được hưởng phúc lạc vĩnh hằng.

Những tiếng hát chưa dứt, thì các quân túc vệ tuần phòng trên các thành lũy báo tin những kẻ đào tẩu đầu tiên của quân đội của Chúa trời, những Séraphin tả tơi bay hỗn độn, những Chérubin biến hình biến dạng đi bằng ba chân. Bằng con mắt nhìn thần nhiên, bậc chiến sĩ cự phách, Michel, ước lượng tầm rộng lớn của sự thất trận và trí thông minh sáng láng của ông thầm

hiểu những nguyên nhân của nó. Các đạo quân của Chúa trời hằng sống đã khởi thế công; nhưng, do một số mệnh trớ trêu nó làm trật, trong chiến tranh, các kế hoạch của những tướng lĩnh danh tiếng nhất, quân địch cũng khởi thế công, và hiệu quả là như thế đó. Các cổng thành vừa hé mở để đón tiếp những tàn quân vẻ vang và biến dạng của ba đạo quân, thì một trận mưa lửa trút xuống trên ngọn Núi chúa tể. Quân đội của Satan chưa rõ mặt và các tường thành bằng hoàng ngọc, các mái tròn bằng bích ngọc, các mái nhà bằng kim cương vỡ tan rầm rầm khùng khiếp dưới những luồng điện phóng ra của các bản chứa điện. Các đám mây già nua cố sức đối đáp, nhưng chúng nổ sấm ngấn quá và những sét của chúng mất hút trong các hoang dã của thiên đình.

Bị một địch thủ vô hình công đả, các thiên thần trung thành rời bỏ thành lũy. Michel đi báo tin cho Chúa của ông rằng ngọn Núi thiêng liêng, trong hai mươi bốn tiếng đồng hồ, sẽ sa vào quyền lực của ma quỷ. Và đòi hỏi vị chúa tể thế giới, chỉ có chạy đi mới thoát nạn được. Các Séraphin bỏ vào các hòm xiềng các báu vật của vòng thiên miện. Michel đưa cánh tay để vịn cho Hoàng hậu của Thiên đình và họ hàng Đức Chúa trốn khỏi cung điện bằng một đường hầm xây bằng porphyre. Một bể lửa trút xuống thành trì. Sau khi đã trở về vị trí chiến đấu, vị thượng đẳng thiên thần vinh quang tuyên bố rằng sẽ không bao giờ đầu hàng và ngay tức khắc ông cho hạ những quân kỳ của Đức Chúa Trời hằng sống. Ngay chiều hôm đó, quân đội dấy loạn tiến vào đô thành ba lần thiêng liêng. Trên lưng một con ngựa bằng lửa, Satan dẫn dắt các quỷ thần của người. Sau chân người, Arcade và Zita bước theo. Cũng giống như trong các giáo đoàn thờ thần Dionysus, ông già Nectaire cưỡi lừa tiến lên. Rồi xa xa đằng sau họ, những cờ đen phấp phới. Quân đồn trú hạ khí

giới trước mặt Satan. Michel đặt dưới chân vị thượng đẳng thiên thần chiến thắng thanh đoản kiếm rực lửa của ông.

- Ông hãy cầm thanh kiếm của ông lên, Michel. - Satan nói, Lucifer trả lại ông đấy, hãy đeo nó để bảo vệ hòa bình và luật pháp.

Rồi, ngoảnh nhìn các thủ lĩnh của những chấp kích đội của thiên đình, người kêu to bằng một giọng âm vang.

- Thượng đẳng thiên thần Michel, và các người, các Quyền thần, các Ngai thần và Quản thần, tất cả hãy cùng thề trung thành với Chúa của các người.

- Chúng tôi xin thề. - Họ trả lời thành một tiếng chung.

Và Satan nói:

- Hỡi các Quyền thần, Ngai thần và Quản thần, của tất cả các cuộc chiến tranh đã qua, ta chỉ muốn nhớ lại sự can đảm không gì khuất phục nổi mà các người đã phát huy và lòng trung thành mà các người đã giữ được đối với quyền lực, và nó bảo đảm cho ta sự trung thành mà các người vừa thề với ta.

Sáng hôm sau, trong khoáng dã éther, Satan cho phân phát cho quân đội những lá cờ đen, mà các binh sĩ có cánh hôn chi chít và rỏ nước mắt ướt sũng.

Satan chịu lễ đăng quang lên ngôi Chúa trời. Chen chúc nhau trên những bức tường chói lọi của đền Jérusalem thiên đình, các vị sứ đồ, giáo trưởng, đồng trinh, tuấn giáo, thày nghe tội, tất cả đoàn lũ những Thánh nhân, trong cuộc chiến đấu dữ dội, đã được hưởng một sự yên ổn thú vị nay được thưởng thức một niềm vui mừng vô tận khi xem quang cảnh lễ đăng quang. Các

Thánh nhân lấy làm vui thích trông thấy Thượng đế bị xô xuống địa ngục và Satan ngồi trên ngôi vàng của Chúa tể. Tuân theo ý chỉ của Chúa trời đã cấm họ không được đau đớn, họ hát theo lối cổ xưa những lời ca tụng Chúa tể mới.

Và Satan, dõng sào vào không gian con mắt sắc sảo, ngắm nhìn trái cầu nhỏ bé đầy những đất và nước kia ở đó xưa kia người đã trông thấy cây nho và đào tạo nên những đội đồng ca bi kịch đầu tiên. Và người chăm chú nhìn xuống thành La Mã kia, nơi mà vị thần bị truất đã xây dựng nên quyền lực của y, bằng gian lận và dối trá. Trong khi đó, Satan trông thấy ông ta cầu nguyện và khóc lóc. Và người nói với ông ta:

- Ta giao phó cho người người vợ của ta đó. Hãy giữ gìn cho trung thành. Ta xác nhận cho người cái quyền và quyền lực được quyết định giáo lý, được quy định tục lệ của những thánh lễ, được làm ra những luật pháp để duy trì sự trong sáng của phong tục. Và bất cứ tín đồ nào cũng phải tuân theo. Hội thánh của ta là vĩnh cửu và các cửa của địa ngục sẽ không ưu thắng với nó được. Người không khi nào lầm lỗi\*. Chẳng có gì là thay đổi cả.

Không khi nào lầm lỗi (infaillible): ám chỉ Giáo Hoàng nghị hội 1870 ở Vatican tuyên bố là “Giáo Hoàng không bao giờ lầm lỗi về chuyện tín ngưỡng.”

Và người kế nghiệp cho các sứ đồ cảm thấy tràn trề lạc thú. Ông ta quỳ phủ phục xuống, và trán cúi sát đất, đáp rằng:

- Lạy Chúa tôi, tôi nhận được tiếng của người. Hơi thở của người tỏa khắp trong trái tim tôi như một hương thơm ấm dịu. Cầu cho tên người được ban phước, cầu cho ý chí người được thực hiện trên trái đất cũng như trên

thiên đình. Xin chớ đưa chúng tôi vào đường cám dỗ, mà xin hãy giải thoát cho chúng tôi khỏi điều dữ.

Và Satan vui thích những lời ca tụng và những lễ tạ ơn; người thích nghe ca ngợi trí tuệ của người và quyền uy của người. Người vui mừng nghe những nhã ca của các tiểu thiên sứ xưng tụng những ân huệ của người, và không thú nghe tiếng sáo của Nectaire vì nó xưng tụng thiên nhiên, ban cho giống côn trùng và ngọn cỏ cái phần quyền uy và tình yêu của mình, và khuyến khích niềm vui sướng và sự tự do. Satan, trước kia rùng mình trong da thịt khi nghĩ rằng sự đau đớn tràn đầy trên thế giới, bây giờ lại tự cảm thấy trơ trơ với lòng thương xót. Người nhìn sự đau khổ và sự chết như những hiệu năng tốt đẹp của sự toàn năng của mình và lòng tốt chúa tể của mình. Và máu những con vật hy sinh bốc khói lên phía người như một hương trầm thú vị. Người kết tội trí thông minh và căm thù tính hiếu kỳ. Bản thân người cũng từ chối không học gì nữa, sợ rằng khi tiếp thu được một tri thức mới, người lại để lộ ra là người đã không có tất thảy mọi tri thức ngay cùng một lúc. Một thuyết thần học dày đặc làm cho trí não người ám khói. Có một hôm, người nghĩ ra chuyện tự tuyên bố, theo gương kẻ đi trước, là vị thần duy nhất chia thành ba ngôi. Lúc tuyên bố điều đó, trông thấy Arcade mỉm cười, người bèn đuổi anh ta ra khỏi trước mặt người. Từ lâu, Istar và Zita đã quay trở về trái đất. Như vậy, các thế kỉ trôi qua như những giây phút. Nhưng rồi, một hôm, từ ngai vàng ngất ngưỡng, người dõi nhìn xuống tận chốn sâu nhất của vực thẳm và trông thấy Ialdabaoth trong địa ngục, nơi mà người đã xô y xuống sau khi chính bản thân người đã bị xiềng xích lâu đời ở đó. Ialdabaoth, trong bóng tối tăm vĩnh cửu, vẫn giữ được dũng khí. Bị đen thui, tan nát, dữ dội, trang nghiêm, y ngược nhìn lên cung điện của vị vua thiên cung với một vẻ

khinh khinh, rồi quay đầu đi. Và vị thần mới, quan sát đối thủ, thấy trên nét mặt đau đớn kia thoáng qua trí thông minh và lòng tốt. Bây giờ, Ialdabaoth ngăm nhìn trái đất, và, thấy nó chìm đắm trong điều ác và sự đau khổ, y nuôi dưỡng trong trái tim một tư tưởng nhân từ. Bỗng nhiên, y đứng lên và đập khí éther bằng hai cánh tay mênh mông như một đôi mái chèo, y bay vút lên để dạy dỗ và an ủi loài người. Cái bóng mênh mông của y đã đem lại cho hành tinh khốn khổ một bóng tối êm dịu như một đêm yêu thương.

Và Satan tỉnh dậy, ướt đầm mồ hôi lạnh giá.

Nectaire, Istar, Arcade, và Zita đương ngồi bên cạnh người, lũ chim bengali đương hát.

- Các bạn ạ, - thượng đẳng thiên thần nói, không; chúng ta đừng chinh phục cõi trời. Có khả năng làm được, là đủ rồi. Chiến tranh để ra chiến tranh và cả chiến thắng để ra chiến bại.

“Chúa Trời chiến bại sẽ trở thành Chúa Quỷ; Chúa Quỷ chiến thắng sẽ trở thành Chúa Trời. Mong rằng số kiếp tránh cho ta cái số phận đáng sợ đó! Ta yêu địa ngục, nó đã đào luyện nên thiên tài của ta, ta yêu trái đất ở đó ta đã làm được vài điều thiện, nếu có thể làm được điều thiện trong cái thế giới khủng khiếp này, ở đó mọi sinh vật chỉ tồn tại được bằng giết chóc. Bây giờ, nhờ chúng ta, gã Chúa Trời già nua đã bị tước hết đế quyền trần gian của y và tất cả những gì có tư duy trên quả cầu này đều khinh thường y hoặc không biết đến y. Nhưng loài người không phải thần phục Ialdabaoth nữa, thì có quan trọng gì, nếu tinh thần Ialdabaoth còn ở trong họ, nếu họ giống hệt y, ghen ghét, hung bạo, gây gỗ, ham hố, thù nghịch với các nghệ thuật và cái đẹp, họ đã gạt bỏ gã Thần sáng tạo hung dữ, thì có quan trọng gì, nếu họ



không lắng nghe những quý thần bạn hữu dạy bảo mọi chân lý, Dionysus, Apollon và các Nữ thần Văn nghệ. Còn về phần chúng ta, những tinh thần thiên giới, những quý thần cao siêu, chúng ta đã diệt được Ialdabaoth tên bạo chúa của chúng ta, nếu chúng ta đã diệt được trong chúng ta sự dốt nát và lòng sợ hãi.”

Và Satan ngoảnh lại phía ông lão làm vườn:

- Nectaire, người đã chiến đấu cùng với ta, trước thời khai thiên lập địa. Chúng ta đã chiến bại, bởi vì chúng ta không hiểu rằng chiến thắng là tinh thần, và chính ở trong chúng ta và chỉ ở trong chúng ta thôi, cần phải tấn công và tiêu diệt Ialdabaoth.

**HẾT**

## Lời giới thiệu



Anatole France là một trong những nhà văn lớn nhất của nước Pháp thời cận đại, ông sinh ở Paris ngày 16 tháng 4 năm 1844, mất ngày 13 tháng 10 năm 1924 ở Tours, Indre-et-Loire, Pháp.

Anatole France tên thật là François-Anatole Thibault. Cha ông sở hữu một hiệu sách với rất nhiều đầu sách, nhờ thế từ bé Anatole France đã yêu thích sách vở ham mê văn học nghệ thuật. Trong những năm đầu sự nghiệp, France tiếp xúc với nhóm Parnasse (Thi sơn) và xuất bản tập thơ đầu tiên *Les Poèmes dorés* (Những câu thơ vàng, 1873). Sau đó ông chuyển sang viết văn xuôi và thật sự có tiếng tăm khi cuốn tiểu thuyết *Le crime de Sylvestre*

Bonnard (Tội ác của Sylvestre Bonnard, 1881) ra đời và được nhận giải thưởng Viện Hàn lâm Pháp. Trong thập niên 1890, ông viết nhiều bài phê bình văn học cho Le Temps (Thời báo) và in thành 4 tập sách với tên La vie littéraire (Đời sống văn học).

Những năm cuối thế kỉ 19 và đầu thế kỉ 20, tư tưởng và sáng tác của Anatole France đã có những thay đổi lớn. Ông từ bỏ lập trường người quan sát để trở thành chiến sĩ đấu tranh cho nền dân chủ. Cụ thể là trước kia ông thường miêu tả cuộc sống và con người thời kỳ Trung cổ hoặc thời kỳ suy vong của chế độ phong kiến, thì nay ông viết về các sự kiện lịch sử và xã hội đương đại, đồng thời tiếp tục truyền thống nhân văn chủ nghĩa của Rabelais và Voltaire, phê phán nền cộng hòa thứ ba của Pháp, ông theo đuổi cuộc đấu tranh ý thức hệ chống lại sự băng hoại xã hội, chống lại chủ nghĩa vật chất và quyền lực của đồng tiền.

Năm 1921 ông được trao giải Nobel Văn học vì “những tác phẩm xuất sắc mang phong cách tinh tế, chủ nghĩa nhân văn sâu sắc và khí chất Gô-loa đích thực”... Đến năm 1922, sách của ông đã nằm trong danh sách cấm của Giáo Hội Công giáo La Mã, bởi trước tác của ông chống lại sự mê hoặc tôn giáo, giáo điều chủ nghĩa; dưới ngòi bút châm biếm đả kích, trào lộng, A. France mỉa mai những luận điệu thần thánh, những thiết chế Nhà nước, những thói nát của nhà thờ cùng với sự đốn hèn của loài người.

“Thiên thần nổi loạn” là một trong những tác phẩm xuất sắc nhất của A. France thời kỳ sau này. Arcade, một thiên thần hộ mệnh giáng phàm, trên con đường tìm kiếm tri thức khoa học và chân lý đã đảo tung một trong những thư viện tư lớn nhất Châu Âu. Anh cùng các đồng bạn thiên thần xây dựng

một đạo quân “ô hợp bát nháo” cùng hướng đến một mục tiêu chống lại thiên giới và hệ thống tín điều Kitô thủ cựu; chống lại sự giam hãm, áp đặt tư tưởng của Thiên Chúa; phá vỡ xiềng xích niềm tin để nhận thức được thăng hoa.

Xuyên suốt câu chuyện là một chuỗi quá trình “thiết lập - phủ định” mà Arcade thực hiện hoặc mong muốn. Với những người trần tục thì thiết lập - phủ định nhằm vào niềm tin. Với xã hội - tôn giáo, thiết lập - phủ định lại nhằm vào hệ tư tưởng. Với thiên giới là nhằm vào trật tự của hai mặt đối nghịch, giữa sáng và tối, giữa thiện và ác, giữa Jéhovah và Lucifer, giữa những thiên thần cam phận và những thiên thần nổi loạn.

Bên cạnh những cực đoan khá rõ rệt trong cả tư tưởng và hành động của Arcade, chúng ta cũng có thể nhận thấy sự không hoàn hảo của những “thiên thần gãy cánh” - họ cũng rất người, cũng có những đam mê - ham muốn nhục dục, cũng có những tham lam, ích kỷ, hung bạo. Cũng yêu cũng ghét, cũng oán hờn giận dữ, cũng gian dâm dối trá đời thường. Cũng thèm muốn vợ người khác và sẵn sàng phản bội bạn mình.

Nhưng với bản chất thiên thần, họ luôn hướng về loài người, cùng con người đấu tranh chống lại quỷ dữ - một thứ quỷ dữ luôn ngự trị trong nội tâm mỗi người. Quỷ dữ được sinh ra bởi sự thiếu hiểu biết, được nuôi dưỡng bởi sự sợ hãi, được khuyến khích bởi sự vâng mệnh mù quáng và cũng là một phần trong âm mưu nô dịch loài người của Chúa trời với sự giúp đỡ đặc lực của hệ thống tín điều Kitô. Đồng hành với nhân loại trong hành trình gian khổ đọa đày mà cũng tự nguyện, họ giúp loài người tìm kiếm chân lý đằng sau hiện tượng, tìm kiếm sự thật đằng sau sự việc, giúp loài người tìm hiểu,

học hỏi và khát khao tri thức, dùng khoa học đối chọi lại với Tôn giáo.

“Thiên thần nổi loạn” như muốn đưa một thông điệp với loài người: đức tin là cần thiết, nhưng đây phải là một đức tin được thanh lọc bằng những hoài nghi khoa học, bằng tinh thần thánh thiện, bằng chủ nghĩa nhân văn, bằng một thời đại với sự cải cách phục hưng mới.

Với kiến thức uyên bác về lịch sử Pháp, lịch sử tôn giáo, đặc biệt am hiểu về văn chương, hội họa xuyên suốt từ cổ đại, trung cổ, phục hưng tới cận đại, với văn phong trác tuyệt, A. France đã khéo léo lồng ghép cái triết lý hoài nghi của mình vào tiểu thuyết, đưa học thức uyên bác kết hợp với nghệ thuật đã kích châm biếm đưa trí tưởng tượng kết hợp với hiện thực xã hội, đưa biên niên sử tôn giáo kết hợp với phóng tác văn chương, đưa Dionysus gặp gỡ các thánh Tông Đồ, đưa những linh vật giao du cùng ngoại đạo, tất cả những điều ấy đã đưa ông thành một nghệ sĩ bậc thầy về kể chuyện, đưa đến cho người đọc những áng văn tuyệt vời, làm người đọc đắm say.

## Đôi lời về dịch giả

Đoàn Phú Tứ (1910-1989) là một nhà soạn kịch, nhà thơ, dịch giả Việt Nam nổi danh từ thời tiền chiến. Khi viết, ông ký tên thật hoặc các bút danh: Ngô Không, Tam Tinh, Tuấn Đô...

Đoàn Phú Tứ vốn người Kinh Bắc, sinh ra tại Hà Nội, ông bắt đầu “viết văn từ năm 1925, lúc còn học lớp nhất. Những bài văn đầu tiên là những Từ khúc đăng báo Đông Pháp. Sau này thỉnh thoảng viết giúp Phong hóa, Ngày nay. Năm 1937, chủ trương tờ Tinh hoa. Chuyên viết kịch. Làm thơ rất ít.”

Tên tuổi Đoàn Phú Tứ trong thời văn học mới trước hết “kết nối” với Màu thời gian, bài thơ vinh dự được tác giả của Thi nhân Việt Nam xếp hạng một cách trang trọng: “Trong thơ ta có lẽ không có bài nào khác tinh tế và kín đáo như thế!”

Sau Cách mạng tháng Tám (1945), ông hoạt động văn nghệ ở Thanh Hóa rồi Việt Bắc. Ông có chân trong tòa soạn tạp chí Văn nghệ, trong Ban chấp hành Đoàn Sân khấu Việt Nam và Hội Văn hóa Việt Nam. Năm 1946, ông được bầu vào Quốc hội Việt Nam khóa I.

Tháng 7 năm 1951, Đoàn Phú Tứ trở về Hà Nội làm nghề dạy học.

Đây là giai đoạn thứ hai trong sự nghiệp của Đoàn Phú Tứ. Ông xuất hiện lại trên văn đàn dưới bút danh là Tuấn Đô - người dịch tập Kịch Ion Luca Caragiale do NXB Văn học xuất bản vào cuối năm 1964, cho đến lần xuất hiện cuối cùng với đầy đủ tên họ Đoàn Phú Tứ, cũng với tư cách người dịch tiểu thuyết “Thiên thần nổi loạn” - Anatole France. Chưa kịp in bản dịch vở

kịch “Sáu nhân vật đi tìm tác giả” của nhà văn - nhà soạn kịch Italia Luigi Pirandello, thì hạ tuần tháng 9 năm 1989, ông ra đi mãi mãi.

Ở giai đoạn này, Đoàn Phú Tứ thể hiện tài hoa chủ yếu trong lãnh vực dịch thuật. Đánh giá về chất lượng các bản dịch thuật của Đoàn Phú Tứ, Nhà văn Như Phong, thời kỳ làm giám đốc NXB Văn học, đã viết: “Trong những nhà văn chuyên về dịch thuật này có anh Tuấn Đô là một nhà văn cũ, bây giờ vì lẽ này lẽ khác, không sáng tác nữa chuyên hẳn về dịch văn học thế giới. Trong những điều kiện sinh sống eo hẹp, túng thiếu, anh đã làm việc rất khỏe, trong mười mấy năm trời đã dịch được năm vở kịch của Henrik Ibsen, mấy vở kịch của Molière, của Alfred de Musset, một bộ tiểu thuyết của Stendhal và đặc biệt nhất là những tác phẩm chủ yếu của François Rabelais, một nhà văn lớn ở thế kỷ 16 của nước Pháp, viết bằng một thứ văn Pháp cổ, rất khó dịch. Anh dịch rất chính xác lại có nghệ thuật, vì bản thân anh trước khi chuyên về dịch đã là một nhà văn sáng tác. Anh lại uyên bác, có một kho hiểu biết sâu rộng về ngôn ngữ, văn hóa, lịch sử, phong tục của nhiều nước châu Âu, nhất là về nước Pháp, nên chú thích, tiểu dẫn, trong các bản dịch của anh rất bổ ích, hấp dẫn.”

Các tác phẩm Đoàn Phú Tứ dịch đều là những kiệt tác của các tác giả thế giới nổi tiếng từ xưa đến nay. Các tác phẩm này đều mang những nội dung tư tưởng nhân văn cao cả, đều thuộc loại mẫu mực về văn phong. Phần lớn số này lại là các tác phẩm kịch, mà chủ yếu lại là hí kịch và hài kịch, hợp với bút pháp của chính nhà viết kịch Đoàn Phú Tứ đã từng nổi tiếng trước đây. Có những tác phẩm nguyên bản thuộc loại cổ văn, chữ nghĩa không phải ai biết tiếng Pháp cũng có thể hiểu được, như Pantagruel và Gargantua của François

Rabelais hay Thiên thần nổi loạn của A. France, đến nay ở Việt Nam có lẽ chỉ có Đoàn Phú Tứ mới dịch nổi cho thanh thoát với những chú giải rất nghiêm túc, sâu xa.

Trong lần xuất bản quyển Thiên thần nổi loạn này, với sự giúp đỡ nhiệt tình của gia đình dịch giả Đoàn Phú Tứ, Tao Đàn Book có may mắn được tiếp cận với bản sửa tay bản dịch Thiên thần nổi loạn của Đoàn Phú Tứ, chúng tôi in theo bản sửa chữa lần cuối của dịch giả.



## Mục lục

CHƯƠNG THỨ NHẤT  
CHƯƠNG THỨ HAI  
CHƯƠNG THỨ BA  
CHƯƠNG THỨ TƯ  
CHƯƠNG THỨ NĂM  
CHƯƠNG THỨ SÁU  
CHƯƠNG THỨ BẢY  
CHƯƠNG THỨ TÁM  
CHƯƠNG THỨ CHÍN  
CHƯƠNG THỨ MƯỜI  
CHƯƠNG THỨ MƯỜI MỘT  
CHƯƠNG THỨ MƯỜI HAI  
CHƯƠNG THỨ MƯỜI BA  
CHƯƠNG THỨ MƯỜI BỐN  
CHƯƠNG THỨ MƯỜI LĂM  
CHƯƠNG THỨ MƯỜI SÁU  
CHƯƠNG THỨ MƯỜI BẢY  
CHƯƠNG THỨ MƯỜI TÁM  
CHƯƠNG THỨ MƯỜI CHÍN  
CHƯƠNG THỨ HAI MƯỜI  
CHƯƠNG THỨ HAI MƯỜI MỐT  
CHƯƠNG THỨ HAI MƯỜI HAI  
CHƯƠNG THỨ HAI MƯỜI BA  
CHƯƠNG THỨ HAI MƯỜI BỐN

CHƯƠNG THỨ HAI MƯƠI NHĂM  
CHƯƠNG THỨ HAI MƯƠI SÁU  
CHƯƠNG THỨ HAI MƯƠI BẢY  
CHƯƠNG THỨ HAI MƯƠI TÁM  
CHƯƠNG THỨ HAI MƯƠI CHÍN  
CHƯƠNG THỨ BA MƯƠI  
CHƯƠNG THỨ BA MƯƠI MỐT  
CHƯƠNG THỨ BA MƯƠI HAI  
CHƯƠNG THỨ BA MƯƠI BA  
CHƯƠNG THỨ BA MƯƠI TƯ  
CHƯƠNG THỨ BA MƯƠI NHĂM  
Lời giới thiệu  
Đôi lời về dịch giả



Thiên thần nổi loạn **Giá: 98.000đ**

ISBN 9786045335826



9 786045 335826